



# Cao Đài Giáo Lý

**NGUỒN CỘI LÀ ĐẬU**  
CÔNG TRÌNH LUYỆN KỸ

**SỐNG ĐẠO**  
ĐỨC KHỔNG TỬ VỚI  
PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

**KỶ NIỆM 80 NĂM**  
**NGÀY ĐỨC THƯỢNG**  
**TRUNG NHỰT QUY THIÊN**

**127**

**MỪNG LỄ KỶ NIỆM**  
**KHAI MINH ĐẠI ĐẠO 2014**

THI TIÊN LÝ BẠCH

**TÌM HỌC MỘT SỐ**

**THUẬT NGỮ VỀ CÔNG PHU**

VĂN HÓA CAO ĐÀI

KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY

VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC





# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 127

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Nội San Cao Đài Giáo Lý là một trong những chủ lực phổ thông giáo lý sau này... Bước hướng tới tương lai của Nội San là phải có chủ đạo về mặt tư tưởng Giáo Lý Đại Đạo [để] đạt đến tầm vóc thế giới. Có như vậy chư đệ muội mới làm tròn trách nhiệm.

**QUẢNG ĐỨC CHƠN TIÊN**



# Nội san Cao Đài Giáo Lý số 127

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO  
171B CỐNG QUỲNH, PHƯỜNG NGUYỄN CỬ TRINH, Q1, TP.HCM.

## mục lục

<b>QUAN ĐIỂM: NGUỒN CỘI LÀ ĐÂU?</b>	4
■ <i>Ban biên tập.</i>	
<b>TÌM HIỂU VỀ ĐỨC MẸ TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI</b>	6
■ <i>Hồng Phúc.</i>	
<b>SỐNG ĐẠO</b>	18
■ <i>Lê Chí Thật</i>	
<b>CÔNG TRÌNH LUYỆN KỶ</b>	22
■ <i>Xuân Mai.</i>	
<b>THUỐC TIÊN</b>	29
■ <i>Diệu Nguyên.</i>	
<b>THÔNG CÔNG (TIẾP THEO CĐGL 126)</b>	38
■ <i>Đạt Tường.</i>	
<b>CHÍN CHỮ CỤ LAO</b>	44
■ <i>Kim Trinh.</i>	
<b>TÌM HỌC MỘT SỐ THUẬT NGỮ VỀ CÔNG PHU</b>	48
■ <i>Giáo Sĩ Huệ Ý.</i>	
<b>VĂN HÓA CAO ĐÀI KẾ THỪA VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC DÂN TỘC</b>	53
■ <i>Diệu Nguyên.</i>	
<b>TU ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI</b>	59
■ <i>Lê Chí Thật.</i>	
<b>ĐỨC KHỔNG TỬ VỚI PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC</b>	63
■ <i>Xuân Mai.</i>	
<b>KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG THƯỢNG TRUNG NHỰT QUY THIÊN (1934-2014)</b>	69
■ <i>Đạt Tường.</i>	
<b>TỪ MÁT THẦN HORUS ĐẾN CÁC BIỂU TƯỢNG THIÊN NHÂN</b>	74
■ <i>Thiện Chí.</i>	
<b>TRANG TĐGS: TINH THẦN KỶ LUẬT, ÓC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG CHÂM LÃNH ĐẠO</b>	79
■ <i>Cao Bạch Liên.</i>	
<b>HỌC TẬP QUỀ THIÊN PHONG CẤU HAY NHỮNG SUY NGHĨ VỀ QUỀ THIÊN PHONG CẤU QUA HÀO TỬ VÀ TIỂU TƯỢNG TRUYỆN</b>	81
■ <i>Thanh Long.</i>	
<b>THI TIÊN LÝ BẠCH</b>	87
■ <i>Tử La Lan.</i>	

TRÊN VẠN NỎ ĐƯỜNG THIÊN: BẤT NHỊ PHÁP MÔN	93
■ <i>Bửu Long.</i>	
THEO BƯỚC CHÂN CHA TÔI	99
■ <i>Lê Minh Nguyệt.</i>	
VIẾT NGẮN 8	102
■ <i>Tử La Lan.</i>	
TRANG THƠ:	
<b>KHAI MINH ĐẠI ĐẠO</b>	105
■ <i>Lê Minh Nguyệt.</i>	
<b>KIỆP NGƯỜI</b>	106
■ <i>Lê Minh Nguyệt.</i>	
LÀM THẾ NÀO ĐỂ ĐƯỢC TRƯỜNG SINH BẤT TỬ	107
■ <i>Thiện Chí sưu tầm.</i>	
“TÂM VÔ SỞ SANH...”	108
■ <i>Thiện Lý.</i>	
MỘT THỜI CÔNG PHU	110
■ <i>Công Huy.</i>	
CON NGƯỜI CHỈ VĨ ĐẠI KHI CẦU NGUYỆN	112
■ <i>Ban biên tập sưu tầm.</i>	
ĐỌC BÁO: HIỆN TƯỢNG BÍ ẨN TRONG LỊCH SỬ CHƯA GIẢI THÍCH	114
■ <i>V.T. sưu tầm.</i>	
HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH HÒA BÌNH KHAI MẠC TẠI NAM HÀN	118
■ <i>Bửu Long sưu tầm.</i>	
GEN CÓ PHẢI LÀ YẾU TỐ KHIẾN CHO CON NGƯỜI PHẠM TỘI?	121
■ <i>Nguyễn Thị Bích Phượng.</i>	
BÁI TIỀN ĐẠO HUYNH ĐẠT TRUYỀN VỀ PHỤC LỆNH THẦY	124
■ <i>Trần Bửu Long.</i>	
ĐỂ GIÓ CUỐN ĐI	128
■ <i>Trúc Thảo.</i>	
LƯỢM LẶT:	
<b>CHÚ RỪA BIỂN ĐƯỢC PHÓNG SINH,     16 NĂM SAU CỨU MẠNG TRẢ ƠN!</b>	130
■ <i>Phong Hiếu sưu tầm.</i>	
<b>CHỜ VỘI XÉT ĐOÁN</b>	131
■ <i>Phong Hiếu sưu tầm.</i>	
<b>BẠN HAY THÙ</b>	132
■ <i>Diệu Thuận sưu tầm.</i>	
TRANG KIẾN THỨC: TẨY ĐỘC CHO CƠ THỂ BẰNG THỰC PHẨM	134
■ <i>Thu Lan sưu tầm.</i>	
TRANG Y HỌC: TÌM HIỂU BỆNH EBOLA (EBOLA VIRUS DISEASE)	135
■ <i>Ban biên tập giới thiệu.</i>	
TRANG GIA CHÁNH: BÁNH ĐÚC	138
■ <i>Bạch Tuyết.</i>	
TRANG TRUYỆN TRANH: CẦU GIẢO & DIỆT NGÃ	139
■ <i>Cọ Trắng</i>	
THEO DÒNG ĐẠO SỰ	140
■ <i>Thanh Hiền.</i>	



# NGUỒN CỘI LÀ ĐÂU?

*Hỡi tàn linh ơi, hỡi tàn linh!  
Có nhớ quê xưa chốn Ngọc đình  
Quay gót mau về nơi cứu vại  
Thời đừng dan díu kiếp phù sinh.\**

---

\* Đúc Diêu Trì Kim Mẫu, Trúc Lâm  
Thiền Điện, 06-01 Ất Tỵ (07-02-1965).

**N**gười đời thường nói “Cây có cội, nước có nguồn”, đối với con người, là lời nhắc nhở công đức sinh thành của tổ tiên. Đối với một dân tộc, nguồn cội là tâm thức "tổ quốc" lập thành bởi các bậc dựng nước, giữ nước.

Con người sống giữa xã hội, không chỉ loay hoay với nhu cầu vật chất bên ngoài mà trong tâm hồn vẫn luôn khắc khoải về quá khứ và tương lai của bản thân: Từ đâu đến và đi về đâu? Phải chăng sự tồn tại đúng nghĩa của đời sống chỉ đơn thuần một kiếp làm người? Nếu thế, thiên nhiên, vũ trụ cũng chỉ hiện hữu nhất thời, rồi sẽ tắt lịm sau khoảng thời gian hữu hạn!?

May mắn thay, thực tế chứng minh vũ trụ hiện hữu<sup>1</sup> vô tận. Vì thiên nhiên luôn biến đổi nhưng không ngừng sinh hóa. Vậy phải có một nguyên nhân bất diệt duy trì sự hiện hữu của toàn vũ trụ, và hiện hữu bao hàm sinh hóa tức sự hiện hữu không đứng dừng và luôn lặp lại. Do đó vũ trụ tồn tại nhờ những chu kỳ miên tục. Có điều những chu kỳ ấy không phải như chu kỳ cố định của chiếc kim đồng hồ. Mỗi chu kỳ của vũ trụ là một cuộc đổi mới.

---

1. Hiện hữu: existence:

i. The fact or state of existing; being.

ii. The fact or state of continued being; life: our brief existence on Earth.

The American Heritage® Dictionary of the English Language, Fourth Edition copyright ©2000 by Houghton Mifflin Company. Updated in 2009. Published by Houghton Mifflin Company. All rights reserved.

Lại hỏi nguyên nhân nào làm cho các chu kỳ đổi mới không ngừng? – Đó phải là nguyên nhân tuyệt đối hoàn thiện, toàn năng, tự nó và chỉ có nó là nguyên nhân sinh hóa, đồng thời là cứu cánh siêu việt của muôn loài. Muôn loài đổi mới cho đến khi nào đạt đến cứu cánh đó bằng vô vàn chu trình nối tiếp, không ngừng thăng hoa. Nói theo triết học, nguyên nhân cũng là đích điểm, tự nó là Chân–Thiện–Mỹ, là mục tiêu tiến hóa của vũ trụ.

Vậy vũ trụ hiện hữu do hai nguyên lý SINH HÓA và TIẾN HÓA. Mỗi vật đang hiện diện trước mắt chúng ta vẫn đang chịu tác động của hai nguyên lý ấy từng giây, từng phút. Đó là lẽ sống đích thực, cho dù vật ấy không còn hiện diện, nó vẫn là một chủ thể tồn tại sống động. Cái “nguồn cội” phát động sinh hóa và tiến hóa – bất biến, hằng hữu – là cái thực tại tuyệt đối bao hàm toàn vũ trụ, từ đó vạn vật “ra đi” và “trở về” không hề làm tăng hay giảm. Tất cả, tất cả động tĩnh sinh diệt đều nằm trong bản thể. Các triết gia gọi nó là Thực tại bất diệt, Phật gọi là Chân như, Cao Đài gọi là Đại linh quang.<sup>2</sup>

Phật là một chúng sanh đã tiến hóa hoàn toàn, đồng hóa với Bản thể Chân như, Bản thể ấy còn được gọi là Như Lai Tạng, nên Phật cũng tự xưng là Như Lai. Cơ Đốc giáo nói: Đức Ki-Tô hiệp một với Đức Chúa Cha là cách nói dụ ngôn chỉ Jesus (Christ) là con người đã tiến hóa trở về “nguồn cội”, từ đó Teilhard de Chardin nêu lên giáo thuyết Alpha (Con người) hiệp nhất với Omega (Đức Chúa Trời).<sup>3</sup>

Cao Đài gọi chúng sanh là Tiểu linh quang, ám chỉ chúng sanh có nguồn cội là Đại linh quang, từ đó phóng phát ra, qua những chu kỳ tiến hóa sẽ trở về hiệp một với Đại linh quang. Đối chiếu giáo lý các tôn giáo, vượt khỏi giới

hạn từ ngữ, danh xưng, thì cái nguồn cội của con người, của cả vũ trụ chính là cái Bản thể tuyệt đối nói trên.

Trong kiếp sống trần gian, con cháu mang dòng máu ông cha, từ thế hệ này sang thế hệ khác nên trong tiềm thức vẫn giữ được tình cảm thiêng liêng nhớ về nguồn cội, biểu lộ lòng biết ơn bằng cách thờ cúng hay kỷ niệm ngày sinh, ngày mất của người xưa...

Trở lại niềm băn khoăn, khắc khoải của con người về nguồn cội của mình, hẳn nhiên tâm tư ấy phát sinh nơi nhân tính bẩm thụ từ Bản thể trong ý nghĩa Nguồn cội tâm linh vĩnh cửu. Do đó, nhân tính hay nhân bản cũng chính là Thượng đế tính. Thánh giáo Cao Đài có câu: “*Trở về nguồn cội tổ tông; Ấy là cái Đạo ở trong mỗi trò*” (Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo).

Giữa đời người ngắn ngủi lại chịu thiên ma bách chiết, nhưng khi Thiên tính tiềm ẩn thúc đẩy, con người tỉnh thức nhận ra thân phận của mình không chỉ là vô thường vô nghĩa, mà vốn có bản vị cao quý từ vô thủy nên vừa tự an ủi, vừa tự hào, tha thiết hướng về “cố hương”.

Bốn câu Thánh thi Cao Đài dưới đây đủ tóm lược sự hiện hữu của “Nguồn cội” của vũ trụ vạn vật, của con người và mối tương quan mật thiết đồng bản thể giữa người và vũ trụ:

*Cõi hậu thiên<sup>4</sup>, thân sanh vào đó,  
Điểm tiên thiên<sup>5</sup> sẵn có nơi thân,  
Là mầm sống, là nguyên thần,  
Là Trời, là Đạo, là Nhân của người.<sup>6</sup>*

Vậy, nguồn cội hậu thiên của con người là tổ phụ, nguồn cội tiên thiên là Trời, là Đạo. Chúng sanh nhờ thọ bẩm mầm sống từ nguồn cội tiên thiên mà tự hữu nguyên thần là động năng tiến hóa cho đến khi hoàn thiện.■

2. Đại Thừa Chơn Giáo, Trước Tiết Tàng Thơ, Bài “Nhân vật tấn hóa”.

3. Furthermore, by placing the creation of a “point Alpha” of time, man has, he said, joining God in an “Omega point” perfect spirituality. (Teilhard de Chardin, [http://fr.wikipedia.org/wiki/Pierre Teilhard de Chardin](http://fr.wikipedia.org/wiki/Pierre_Teilhard_de_Chardin))

4. Cõi hậu thiên: cõi trần gian đối với địa cầu này; cõi hữu hình của vạn vật trong vũ trụ nói chung.

5. Điểm tiên thiên: tiểu linh quang, linh hồn hay chơn thần. Tiên thiên = thuộc về bản thể trước khi vạn vật được sinh ra.

6. Đức Điều Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13-8 Kỷ Mùi (03-10-1979).

# TÌM HIỂU VỀ ĐỨC MẸ trong tôn giáo Cao Đài

■ HỒNG PHÚC

**Đ**ức Mẹ” trong tôn giáo Cao Đài là hình ảnh gắn liền trong tâm thức trì niệm của người tín hữu Cao Đài với danh hiệu “Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu” bằng một sự thành tín tuyệt đối kể từ khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Đức Thượng Đế khai mở qua huyền cơ diệu bút, đem đến cho loài người cơ hội sinh tồn trong cơ sàng sây của thời mạt pháp, kết thúc một chu kỳ tiến hóa của vũ trụ.

Gần 90 năm qua, mùa Trung Thu đến với người tín đồ Cao Đài không chỉ có ý nghĩa của một nét truyền thống văn hóa dân tộc có tự ngàn xưa mà đặc biệt còn là niềm hân hoan ngưỡng vọng với tấm lòng thiết tha hướng về Mẹ Linh hồn vạn hữu dưới danh xưng Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu trong niềm tin tuyệt đối đón nhận được dòng ân điển thiêng liêng qua lễ Hội Yến Bàn Đào cho tâm linh thêm sáng suốt, nghị lực thêm mạnh mẽ để vững tay chèo lái đưa con thuyền giác ngộ lướt khỏi muôn vạn trùng ba giữa hồi giông bão để đến được bến bờ giải thoát.

Ngày xưa tương truyền Hội Yến Bàn Đào 3000 năm mới mở một lần nơi Thiên cung để đón mừng các vị Tiên mới trở về từ chốn trần gian. Đến Tam Kỳ Phổ Độ, Hội Yến Bàn Đào đã được Đức Từ Tôn Kim Mẫu mang đến cõi tạm ban cho con người giữa mùa thâm liêm như một hình thức dụng sự để cầu lý, đánh thức con người rời khỏi giấc mộng trần ai, tinh tu tìm đường đạo đức để giải thoát khỏi chốn luân hồi nghiệp quả, mà con người đã phải đắm chìm từ vô lượng kiếp.

*Trải mấy mươi thu dụng lý huyền,  
Đạo mẫu rộng mở cõi Nam Thiên;*

*Phá mê khi trẻ đang mơ mộng,  
Đánh thức người đời lúc đảo điên.  
Vượng khí thái hòa yên sóng gió,  
Ban tình Vô Cực đoạn trần duyên;  
Thu Đông rồi cũng sang Xuân Hạ,  
Thoát kiếp phàm phu lại cảnh Tiên.<sup>1</sup>*

## I. NGUỒN GỐC TÔN XƯNG DANH HIỆU ĐỨC MẸ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Ngược giòng lịch sử, vào năm Ất Sửu 1925, thời gian chư vị Tiên Khai Đại Đạo mới bắt đầu được hồng ân tiếp xúc với Đức Thượng Đế dưới danh xưng là Đấng AAA, ngày mùng 08-8 năm Ất Sửu (24-9-1925), Đức AAA giáng cơ dạy ba vị Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang và Phạm Công Tắc chuẩn bị thiết một lễ chay để cầu thỉnh Đức Cửu Thiên Nương Nương và Cửu vị Tiên Nương giáng trần.

Nghe lệnh dạy, ba vị rất đổi vui mừng nhưng cũng hết sức lo lắng vì sắp được tiếp rước các Đấng Thiêng Liêng mà từ trước đối với con người cú ngỡ là những nhân vật huyền thoại. Quý Ngài không biết phải dùng lễ phẩm như thế nào cho đúng lễ, nên đêm hôm sau, mùng 9 tháng 8, ba vị cầu cô Đoàn Ngọc Quế, là chơn linh đã giáng điển xuống họa cùng ba vị trước đó, để hỏi cách thức.

Đàn hôm ấy, cô Đoàn Ngọc Quế nhập cơ cho biết cô chính là Thất Nương, một trong Cửu vị Tiên Nương theo hộ giá Đức Diêu Trì Kim Mẫu (hay Đức Phật Mẫu), và Ngài dạy các vị đầy đủ nghi thức tiếp lễ Đức Mẹ vào đêm Trung Thu với lời dặn dò quý vị phải trai

1. Thánh thất Bình Hòa, Rằm tháng 8 Đinh Mùi (18-9-1967).

giới ba ngày trước khi hầu lễ và phải dùng Đại Ngọc Cơ để cầu thay cho cách xây bàn trước đó. Ngoài ra, Ngài còn cho biết thêm Bát Nương chính là Hồn Liên Bạch, một chơn linh mà quý vị đã được tiếp xúc xướng họa thi thơ trước đó.

Đúng đêm Rằm tháng 8 Trung Thu Ất Sửu, lễ Hội Yến với chư Thiên lần thứ nhất được thiết lập tại tư gia Ngài Cao Quỳnh Cư, số 134 đường Bourdais (nay là Calmette), được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc kể lại trong bài thuyết đạo tại Tòa Thánh ngày Rằm tháng 8 năm Kỷ Sửu 1949 như sau: “Ngày Rằm, lập bàn hương án, chưng những hoa thơm, xông trầm trọn ngày (nhà không tiếp khách nào hết).

*Sắp tiệc ấy do tay bà Chánh Phối Sư Hương Hiếu vâng mạng linh tạo thành một tiệc. Trên bàn thờ Phật Mẫu. Ở dưới đặt một chiếc bàn lớn, sắp chín cái ghế như có người ngồi vậy. Chén, đĩa, muống, đĩa, bất kỳ cái gì cũng giống như đãi người hữu hình vậy.”*

Giờ Tý đêm 14 rạng Rằm tháng 8 Ất Sửu, Đức Phật Mẫu và chín vị Tiên Nương lâm đàn cùng với các Đấng khác như: Liên Huê Tiên, Diệu Đạo Thiên Tôn, Phổ Hiền Bồ Tát...

Kể từ đó, hàng năm vào ngày Rằm tháng Tám Trung Thu, người tín đồ đạo Cao Đài tổ chức trọng thể Lễ Triều Thiên Vô Cực cũng được gọi là Lễ Hội Yến Bàn Đào với những nghi thức noi theo cách thức buổi lễ đầu tiên ấy nhưng có bổ sung một số chi tiết cho thêm trang trọng.

Và cũng kể từ đó, Thánh ngôn, Thánh giáo Cao Đài đã xuất hiện lời dạy qua huyền cơ diệu bút của một Đấng Thiêng Liêng cao quý có danh xưng là “*Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu*” hay một cách đơn sơ giản dị là “*Mẹ Linh hồn*”, mà người Cao Đài tôn xưng là “*Đức Mẹ*”. Thánh ngôn, Thánh giáo dạy đạo của Đức Mẹ là những lời dịu dàng hàm chứa tình thương bao la triu mến của một người mẹ hiền dạy dỗ đàn con còn ấu thơ khờ dại, đồng thời cũng thể hiện một tâm sự đau buồn

thiết tha của một người mẹ rút ruột cách xa những đứa con yêu thương, luôn mong ngóng với nỗi trần trở khôn nguôi lo lắng cho đàn con lạc bước quên đường trở lại mái nhà xưa, cứ mãi đắm chìm trong nghiệp quả luân hồi không lối thoát.

Vì vậy, với người tín đồ Cao Đài trong niềm tin trọn vẹn rằng Đức Mẹ hay Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu là Đấng quyền năng của vũ trụ nhưng cũng là nguồn che chở thiêng liêng, là nơi trú ẩn của niềm hy vọng cứu rỗi cho những mảnh đời khổ đau bất hạnh nơi chốn trần gian, bởi vì tin tưởng lời Mẹ dạy: “*Ở đâu có ấu nhi đau khổ là có Mẹ, ở đâu có liễu bỏ bất hạnh là có Mẹ.*” Vì Mẹ không nắm quyền trừng phạt mà nắm phần cứu rỗi và bảo tồn:

*“Mẹ không nắm quyền sanh phạt các con. Ngược lại, Mẹ nắm phần cứu rỗi. Cho nên, thương là Mẹ, yêu là Mẹ, tha thứ, sinh dưỡng, bảo tồn, tất cả đều là Mẹ. Các con có nghĩ đến lòng Từ Mẫu chăng?”*<sup>2</sup>

Tuy nhiên, với người đời nói chung, với các tôn giáo khác nói riêng, “Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu” vẫn còn là một ẩn số. Rất nhiều thắc mắc đã được nêu lên về “Đức Mẹ” trong tôn giáo Cao Đài.

## II. ĐỨC MẸ LÀ AI?

### 1. QUA TRUYỀN THUYẾT TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN:

Các nhà nghiên cứu Văn hóa Việt Nam lại cho rằng: “Đức Mẹ” của đạo Cao Đài là một sự nối dài nâng cao giọng “tín ngưỡng thờ Mẫu” trong truyền thống Văn Hóa Việt Nam bắt nguồn từ nền văn hóa trọng nông của người Việt với sự tôn thờ các nữ thần.

Theo truyền thuyết trong dân gian, Đức Phật Mẫu đã hoá thân xuống thế gian trong nhiều kiếp:

– Một kiếp vào đời Hiên Viên Hoàng Đế, phò độ người Trung Hoa.

2. Thánh thất Bình Hòa, Rằm tháng 8 Đinh Mùi (18–9–1967).

– Giáng hạ ban cho vua Hán Võ Đế (nước Trung Hoa) quả Đào Tiên và độ vua tu hành theo lời cầu xin của vua và ngài Đông Phương Sóc...

– Đức Mẹ DEVI KALI, nữ thần đen trong Ấn Giáo, Người biểu hiện tính hiện thực của nguyên lý nữ, người mẹ của Thần Thánh và sức sống; đồng thời là nữ thần của sự chết và hủy diệt. Ấn Độ giáo mang hai hình thức rõ rệt: một của các học giả hướng tới độc thần trong học thuyết về Brahman, cái vĩnh hằng bất biến; một là của tôn giáo dân gian. Những vị Thần lớn chủ yếu: Brahma là vị Thần Sáng Tạo, Vishnu là vị Thần Bảo Tồn và Shiva là vị Thần Hủy Diệt. Đó là ba ngôi lúc khởi thủy, người ta cũng thấy có Mẹ, dưới những tên gọi khác nhau.

– Đức Mẹ Isis, nữ thần thân thuộc nhất trong các điện thờ ở Ai Cập. Truyền thuyết về Bà lan khắp Ai Cập, nơi có rất nhiều đền thờ Bà, nổi tiếng nhất là đền Philae. Là Nữ Thần Mặt Trăng, tượng trưng tình mẹ, người bảo trợ tuổi thơ, Bà có một quyền năng vô hạn lấy được từ vị Thần Tối Cao. Trở thành Nữ Thần vạn năng, Bà được người Hy Lạp đồng hóa với Déméter, Vị Nữ Thần Vĩ Đại của Hy Lạp. Bà được người La Mã nồng nhiệt thờ cúng trong khắp đế quốc La Mã. Như vậy Nữ Thần Isis là Mẹ của toàn bộ thiên nhiên, được sùng bái khắp nơi. Những huyền bí về Nữ Thần Isis, những nghi lễ dành cho những người thờ cúng Mẹ Thần Thánh đã đóng một vai trò lớn trong sự phát triển tôn giáo của thế giới La Mã.

## 2. THEO MỘT SỐ TÔN GIÁO:

• Người Ki-Tô hữu hỏi: “Đức Mẹ” của Cao Đài có phải là Đức Mẹ Maria của Thiên Chúa giáo hay không?

• Với Phật giáo, có phải cho rằng Đức Mẹ là Phật Địa Mẫu, là Phật Mẫu Chuẩn Đề, tức là hóa thân của Đức Quan Âm Bồ Tát. Trong kinh sách Phật giáo, đôi khi thấy có quyển Địa Mẫu Chân kinh hay Địa Mẫu kinh, nhưng không có trong danh mục Đại Tạng Kinh, nội dung cũng không đề cập đến giáo lý Phật, do

đó nhiều nhà sư cho rằng kinh này không phải của Phật giáo.

Kinh Địa Mẫu có tên gọi đầy đủ là Vô Thượng Hư Không Địa Mẫu Huyền Hóa Dưỡng Sinh Bảo Mạng Chân Kinh, có nội dung ca ngợi Mẹ Đất, kêu gọi người đời phải kính trọng Địa Mẫu vì Địa Mẫu sanh thành muôn vật. Địa Mẫu rất được sùng bái tại Trung Hoa. Tại Hồn Độn Cổ Phụng Cung (miếu thờ Địa Mẫu ở trấn Ngọc Lý, huyện Hoa Liên, Đài Loan) thậm chí còn coi Địa Mẫu tương ứng với Thượng Đế sáng tạo trong thần thoại phương Tây, và xem những danh hiệu Hồng Mông Lão Tổ, Hồn Độn Lão Tổ, Vô Cực Chí Tôn, Vô Cực Lão Mẫu đều là những biệt danh của Địa Mẫu Nương Nương.

Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia, Địa Mẫu chân kinh hay Địa Mẫu kinh là một bài kinh do cơ bút mà có, nội dung chủ yếu khuyên nhủ chúng sanh sớm lo tu nhân tích đức, làm tròn bổn phận con người để hầu mong được cứu rỗi. Lời kinh như lời người mẹ hiền thống thiết khuyên nhủ đứa con thơ dại sớm thức tỉnh để quay về. Nguồn gốc của sách này có lẽ xuất phát từ Tiên Đạo và được viết ra qua các buổi hầu bút và chịu ảnh hưởng bởi lưỡng cực Âm Dương của Đạo giáo.

Theo bản gốc tiếng Hoa thì Địa Mẫu chân kinh do Phật Địa Mẫu ngự chim loan hiện xuống tận miếu Bà giáng cơ bút truyền ra kinh vào ngày 09-01-1829 tại tỉnh Thiểm Tây, phủ Hán Trung, thành Cổ Huyện. Miếu Địa Mẫu, dưới triều vua Quang Tự nhà Thanh, vào năm thứ 9. Phật Địa Mẫu ngự trên cõi thượng tầng tối cao ban quyền Chân Kinh khuyên răn đời, dưỡng dục đời và bảo toàn tính mạng cho tất cả người đời. Một vài bản tiếng Việt của Địa Mẫu kinh được in trong thời gian gần đây có Tịnh tam nghiệp chân ngôn và tâm kinh bát nhã, chú vãng sanh v.v. Còn trong bản gốc tiếng Hán chỉ là bài trường thi thể song thất:

*Bàn Cổ sơ phân tự đường tôn*

*Âm Dương nhị khí phối thành hôn*



*Vạn vật bốn phong điều hòa võ  
Khai đường tiên niệm Địa Mẫu kinh  
Thượng phụng cao chơn thân hoan hỉ  
Hạ bảo vạn dân vĩnh khương sinh.*

Sắc tứ của vua Bàn Cổ phong tặng cho Phật Địa – Mẫu như sau:

*Địa Mẫu hóa sanh phổ thiên tức tịnh* (Chính Phật Địa Mẫu hóa sanh ra khắp cả Trời đều đủ, chẳng sót vật nào).

*Hà hải tịnh mặc, sơn nhạc thôn vân* (Nào là sông trong, biển lặng, núi non mây ấp tươi nhuận).

*Vạn linh chấn phò, triệu tập quần chơn* (Muôn loài sản sanh phổ thịnh, Ngài quy tụ đem về tất cả Thần Tiên).

*Thiên vô tạp khí, Địa vô yêu trần* (Thuở ấy trên Trời chẳng có uế nhơ xung đột, còn dưới đất thì chẳng có loài người mà lòng dạ yêu tinh).

*Minh huệ đồng thanh, Đại Đạo huyền huyền* (Ngày đêm sáng suốt tỏ tường, Đại Đạo hoằng khai khắp trong nhơn loại).

*Hư không Địa Mẫu, vô lượng Từ Tôn* (Phật Địa Mẫu tuy có như không, mà lòng nhơn đức vô cùng vô tận).

• Phái Đạo giáo Thần Tiên tôn xưng Đức Mẹ là Vô Cực Hoàng Mẫu Đại Thiên Tôn. Theo kinh Hoàng Thiên Địa Mẫu Chơn Kinh, Đức Thượng Đế phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Dương Quang và Âm Quang. Đức Thượng Đế mới phân tách ra Pháp, tức là định luật chi phối Càn Khôn. Đấng chủ quản Khí Âm Quang, chủ quản Pháp được gọi là Đức Phật Mẫu.

Vậy:

– Đức Chí Tôn ngôi Phật, nắm cả huyền vi bí mật tạo đốn, chủ chơn linh

– Đức Phật Mẫu ngôi Pháp, Mẹ sanh vạn vật, chủ chơn thần.

– Càn khôn vạn vật ngôi Tăng, cầm quyền giáo hóa vạn loại. Người nắm ngôi Tăng là vị Phật cầm quyền quản trị Càn khôn thế giới. Phật và Pháp không thay đổi nhưng chủ ngôi Tăng thay đổi tùy theo từng thời kỳ phổ độ, như

Đức Phật Nhiên Đăng, Đức Phật Thích Ca, và trong thời kỳ này là Đức Phật Di Lặc...

Đức Phật Mẫu ngự tại Cung Diêu Trì, ở tầng trời Tạo Hoá Thiên, là tầng trời thứ chín trong chín tầng Trời (Cửu Trùng Thiên).

### **3. MỘT SỐ LÝ GIẢI CỦA NGƯỜI**

#### **ĐẠO CAO ĐÀI VỀ ĐỨC MẸ**

+ “Đức Mẹ” là chủ Âm Quang.

+ Đức Chí Tôn phân Thái Cực ra Lưỡng Nghi: Dương Quang và Âm Quang. Đức Chí Tôn chủ quản Khí Dương Quang, còn Khí Âm Quang chưa có ai chủ quản, vì Càn khôn Vũ trụ lúc bấy giờ chỉ có một mình Đức Chí Tôn mà thôi. Đức Chí Tôn mới hóa thân ra Đức Phật Mẫu để chủ quản Khí Âm Quang. Do đó, nguồn gốc của Đức Phật Mẫu là một hóa thân đầu tiên của Đức Chí Tôn để làm chủ Khí Âm Quang, cầm phân nửa quyền lực của Đức Chí Tôn và luôn luôn tùng theo mạng lệnh của Đức Chí Tôn. (Khi Đức Chí Tôn tạo dựng ra Càn khôn Vũ trụ tới đâu thì Đức Chí Tôn tiếp tục hóa thân ra các Đấng khác để chủ quản tới đó).

Vũ trụ tới đây đã có 2 khối chất khí vĩ đại là Dương Quang và Âm Quang, và có 2 Đấng đầu tiên cầm quyền Càn khôn Vũ trụ là Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu.

Sau đó, Đức Phật Mẫu vâng lệnh Đức Chí Tôn, thân lần sanh quang của ngôi Thái Cực, rồi đem Âm Quang phối hợp với Dương Quang để tạo hóa ra các tầng Trời, các quả Tinh cầu và các Địa cầu, tạo thành Càn khôn Vũ trụ. Tiếp theo, Đức Phật Mẫu tạo hóa ra Vạn linh nơi cõi Thiêng liêng vô hình. (Vạn linh gồm đủ Bát hồn: Kim thạch hồn, Thảo mộc hồn, Thú cầm hồn, Nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn). Rồi Đức Phật Mẫu lại cho Vạn linh đầu kiếp xuống các Địa cầu tạo thành vạn vật, tức là chúng sanh. (Chúng sanh gồm: Kim thạch, Thảo mộc, Thú cầm, Nhơn loại).

Quyền lực của Đức Phật Mẫu rất to lớn, “Phật

Mẫu là chủ Âm quang, Chí Tôn là chủ Dương quang, Âm Dương tương hiệp, Đạo Cao Đài nương theo năng lực của hai khối Âm Dương đó mà phát triển.”

Như thế, quyền lực của Đức Phật Mẫu đồng đẳng với Đức Chí Tôn. Đó là quan điểm mới mẽ của nền tôn giáo. Còn theo Kinh Phật Mẫu là Mẹ sanh của toàn cả nhơn loại, chưởng quản Cung Tạo Hoá, Ngài sanh ra con, rồi Ngài dẫn dắt về cõi thiêng liêng hằng sống. Trên cõi hư linh, Phật Mẫu là Đức Mẹ tinh thần của cả Thần Thánh Tiên Phật.

+ Đức Mẹ là Đức Cửu Thiên Huyền Nữ.

Dựa vào bài Thánh giáo của Đức Phật Mẫu ban cho trong buổi Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung lần đầu tiên tổ chức tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư vào Trung Thu năm Ất Sửu (1925), bài thi của Đức Phật Mẫu khoán thủ bốn chữ: Cửu Thiên Huyền Nữ, chép ra như sau:

CỬU kiếp Hiên Viên thọ sắc Thiên,  
THIÊN Thiên Cửu Phẩm đắc cao huyền.  
HUYỀN hư tác thể Thần Tiên Nữ,  
NỮ hảo thiện căn đoạt cửu Thiên.

TẠM DỊCH:

- Đức Phật Mẫu thọ sắc linh của Đức Chí Tôn giáng trần kiếp thứ 9 vào thời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu,
- Nơi cõi Trời, chín phẩm Thần Tiên đều cao siêu và huyền diệu.
- Đức Phật Mẫu huyền diệu nơi cõi Hư Vô tạo ra các cõi trần và các Đấng Thần Tiên Nữ phái,
- Người phụ nữ nào có lòng tốt và có căn lành thì đoạt đẳng phẩm vị trong 9 tầng Trời.

Đức Phật Mẫu chính là Đức Cửu Thiên Huyền Nữ (người phụ nữ huyền diệu nơi tầng Trời thứ 9) hay Cửu Thiên Nương Nương (Đấng Thiên Hậu ở tầng Trời thứ 9), tương truyền nhơn loại được biết từ thời thượng cổ, đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Tàu. Ngài thường ứng hiện giúp vua Huỳnh Đế và những người hiền tài trong nước, như giúp Hoàng Hậu Nguyên Phi chế ra nghề nuôi tằm lấy tơ dệt lụa, giúp ông Dung Thành chế ra máy Cai Thiên để xem

Thiên tượng, giúp ông Thương Hiệt chế ra chữ viết tượng hình để thay cho việc thắt nút ghi nhớ các sự việc. Ngoài ra Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ truyền khoa Lục Nhâm Độn Giáp, và phép bói 64 quẻ Dịch mà đoán kiết hung.

### 3. ĐỨC MẸ CÓ NHIỀU DANH XUNG KHÁC NHAU:

+ Dựa theo Di Lạc Chơn Kinh, các vị Phật: Quảng Sanh Phật, Dưỡng Dục Phật, Chưởng Hậu Phật, Thủ Luân Phật, cùng với Cửu vị Nữ Phật, và hàng hà sa số chư Phật khác từng lĩnh Đức Phật Mẫu có tôn xưng là Kim Bàn Phật Mẫu năng tạo, năng hoá Vạn linh, và thường đi đến các cõi trần để dưỡng dục chúng sanh tu hành trở về ngôi vị Phật. Nhưng Đức Mẹ cũng có nhiều danh hiệu khác tùy theo tín ngưỡng tôn giáo, dân tộc và địa phương đã được con người thờ cúng tin tưởng:

- Phật Mẫu, vì là Mẹ thiêng liêng của toàn cả vạn linh và chúng sanh
- Diêu Trì Kim Mẫu, vì Đức Phật Mẫu ngự tại Diêu Trì Cung
- Kim Bàn Phật Mẫu, vì Đức Phật Mẫu chưởng quản Kim Bàn nơi Diêu Trì Cung
- Cửu Thiên Huyền Nữ, vì Đức Phật Mẫu rất huyền diệu, ngự tại tầng trời Tạo Hoá Thiên là tầng thứ 9 trong Cửu Trùng Thiên.
  - Đại Từ Mẫu, Địa Mẫu, Thiên Hậu,
  - Mẹ Sanh, Vô Sanh Lão Mẫu...
  - Tây Vương Mẫu theo thần thoại Trung Hoa, Thiên Mẫu, Cửu Trùng Thánh Mẫu hay Mẹ Sanh.

+ Đức Mẹ là Ngôi Âm: Ngoài ra, một số lý giải căn cứ vào kinh sách xưa cho rằng đạo Cao Đài tôn thờ Đức Phật Mẫu là tôn thờ NGÔI ÂM tức Ngôi thứ Nhì, còn NGÔI DƯƠNG là Đức Thượng Đế, tức Ngôi thứ Nhất. Đây là một triết lý tuy không phải mới mẻ nhưng từ trước đến giờ, người ta thường chỉ biết thờ ngôi Dương. Trong tôn giáo Cao Đài, sự thờ phượng và tôn kính đối với ngôi Mẹ được nâng cao. Đối với họ, mọi biểu hiện của sức mạnh thần thánh bắt nguồn từ chính MẸ tối cao. Ngài là biểu tượng cao cả, vừa là Phật chưởng quản cung Tạo Hóa,

vừa là Mẹ hiền bảo trợ con cái và độ dẫn chúng sinh từ lúc hoài thai cho đến khi mất.

Tóm lại, dưới nhãn quang và sự hiểu biết của người đời và của một số tôn giáo, kể cả tín đồ Cao Đài, Đấng Thiêng Liêng có danh xưng “Đức Mẹ” có những tôn xưng khác nhau, nhưng tựu trung cũng đều nhìn nhận một điểm chung nhất. Đó là Đấng quyền năng, sanh hóa và dưỡng nuôi vạn hữu. Trong Tam Kỳ Phổ Độ, danh hiệu của Đức Mẹ đầy đủ là “*Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu*”. Trong các danh hiệu, hai từ Vô Cực, chỉ thấy xuất hiện ở đạo Lão (Đạo giáo Thần Tiên).

Thật ra, sự hiện diện của “Đức Mẹ” trong tâm tưởng của con người dù dưới danh xưng nào cũng là điều đáng quý, miễn là từ đức tin đó, con người biết sửa đổi, hoàn thiện bản thân, theo đường đạo lý. Tuy nhiên, trong vị thế là môn đồ của Đức Chí Tôn, người tín đồ Cao Đài phải hiểu rõ lý Đạo để trả lời với nhân sanh một cách khoa học khi được yêu cầu giải thích Đức Mẹ là ai? Tại sao có tôn xưng “*Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu*”? Để chứng minh rằng tôn giáo Cao Đài, tuy sinh sau đẻ muộn, nhưng có một nền giáo lý vượt lên trên hoạt động tôn giáo thông thường nghiêng về tín ngưỡng, sùng tín, đơn thuần tìm kiếm một chỗ dựa tâm linh. Mà đó chính thị là một nền giáo lý đưa tôn giáo lên tầm vóc Đại Đạo, tỏ rõ là một thực thể Đạo cứu thế trong Kỳ Ba mạt pháp; trong đó, những người tín đồ là những ngọn đuốc soi đường nhân thế, được song hành cùng Trời giác mê khải ngộ chúng sanh cứu an nhân loại, chứ không phải chỉ có một đức tin khi luận bàn đạo lý như những người mù tả voi.

### III. Ý NGHĨA DANH HIỆU “DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC TỪ TÔN”

• Chữ DIÊU hay DAO nghĩa là NGỌC DIÊU, một thứ đá quý.

• TRÌ là ao. DIÊU TRÌ là ao đựng ngọc báu, là tên một cung điện.

• KIM là kim loại quý, vàng. Theo phương vị Lạc Thơ, Bát Quái Hậu Thiên. Kim ở ngôi Đoài, thuộc về hướng Tây. Theo Ngài Minh Thiện,

Minh Lý Thánh Hội, Diêu Trì còn có nghĩa là một cảnh trí, một cung điện, ở trên một chót núi Himalaya, làm ranh giới giữa nước Ấn Độ và nước Trung Hoa, gọi tên núi là Côn Lôn. Ai có coi truyện thần tiên thì biết đó là chỗ Ngọc Đế ngự và nhiều vị Đại Tiên tu luyện.

• Chữ MẪU là mẹ, là chủ tể, thuộc về hữu hình. Như cuốn Đạo Đức kinh nói: “*Hữu danh, vạn vật chi mẫu*” nghĩa là chùng Đạo có hình, có tên, là mẹ sanh muôn vật. Người ta thường hiểu chữ “mẫu” theo nghĩa thông thường, là người đàn bà sanh con, nên gọi Đức Diêu Trì Kim Mẫu là Bà Tây Vương Mẫu. Theo sách vở của người Trung Hoa, Ngài là một vị Thần Tiên từ đời xưa, xa xăm, cũng là một vị ban thuốc trường sanh. Ngài trở thành một vị chủ tể vườn đào.

• DIÊU TRÌ KIM MẪU là Đức Tây Vương Mẫu ở cung Diêu Trì. Theo cuốn Thần Tiên Đại Quan có ghi: “*Xưa kia Đạo khí động kết làm một cái thể trong sạch vô vi, trước khi hóa sanh muôn vật chia làm hai khí:*

– Một là Đông hoa chí chơn, hóa ra Mộc Công hay Đông Vương Công chủ về dương hòa.

– Hai là khí Tây hoa chí diệu, hóa ra Kim Mẫu hay Tây Vương Mẫu, cực âm nguơn vị (nguơn vị: ngôi đầu).”

Đông Vương Công và Tây Vương Mẫu làm chủ và hiệp hai khí này lại để nuôi nấng trời đất, un đúc muôn loài. Đông Vương Công có phải là Hồng Quân Lão Tổ chăng? Vì Hồng Quân cũng có nghĩa là Tạo Hóa.

Tại sao gọi Đức Diêu Trì Kim Mẫu là Vô Cực Từ Tôn? Ngài Minh Thiện giải thích: Vô Cực nằm trong Tam Cực, là ba ngôi cao cả: Vô Cực, Thái Cực, Hoàng Cực.

1) Vô Cực: Vô Cực nghĩa là cực vô, trong đó cực kỳ trống không, chẳng có gì khác lạ hơn nó nữa, gây ra các sự trở ngại cho Nó, nên gọi là Khí hỗn nhiên. Tuy vậy mà Nó đủ các đức tính tiềm tàng, còn kín đáo, ẩn núp, cũng như con gà còn trong trứng gà, chưa có lộ hình dạng mà ta có thể thấy được. Cũng như trong một hạt giống

lúa, tuy ta chưa thấy cây lúa, mà trong đó có đủ sinh lực để sanh ra sau này cây lúa vậy. Đạo Đức Kinh gọi cái đó là: “Đạo tự hư vô sanh nhứt khí”, nghĩa là từ trong Đạo hư vô mà sanh ra Nhứt khí. Nhứt khí có ba phương diện hay là Ba ngôi, mà ngôi Thứ nhứt gọi là Vô Cực.

2) Thái Cực: Thái Cực nghĩa là cực thái hay là cực đại. Từ trong Vô Cực là ngôi thứ nhứt lại có một điểm khí dương phát sanh. Hễ khí động phát sanh tức là khí dương, thì phần tĩnh còn lại là khí âm. Cho nên Kinh Dịch nói: “Thái Cực sanh lưỡng nghi”, nghĩa là Thái Cực sanh ra khí âm và khí dương. Đạo Đức kinh gọi là Một sanh ra hai. Đây là ngôi thứ nhì của Nhứt khí, mà ngôi Thứ nhì gọi là Thái Cực.

3) Hoàng Cực: Hoàng nghĩa là ông vua. Cực là cực cao như nói trên. Cũng gọi là Nhơn cực hay là cái phần tinh thần, phần tâm linh cực cao, chẳng phải ở trong vua chúa mà thôi, như người xưa hiểu, mà ở trong tất cả mỗi con người. Nói theo Nho giáo, thông thường, ta có thể gọi Nó là Lương tâm, là Lương tri, Lương năng, là Tánh lý, là Thiên lương, là Thiên chơn.

Thái Cực (thèse) sanh ra Âm Dương, mới có hai bên tương đối (anti thèse), còn Hoàng Cực, đây có nghĩa là hỗn hiệp Âm Dương (synthèse), mới có xuất ra vạn pháp. Nếu không có Âm Dương tương hiệp, thì làm sao sanh hóa được! Nên Đạo Đức Kinh nói: “Hai sanh ba”, là Âm Dương hiệp sanh ra Hoàng Cực.

Vậy thì Ba ngôi chỉ có Nhứt khí, mà mỗi ngôi đều có một vai tướng riêng biệt, chẳng giống nhau mà luôn luôn bổ túc cho nhau. Tuy phân ba thời kỳ cho dễ hiểu, kỳ thiệt là Ba ngôi cùng đồng thời, phân cao hạ.

Đức Diêu Trì Kim Mẫu có một vai tướng đặc biệt, thuộc về ngôi Vô Cực, nên lấy hiệu là: Vô Cực Từ Tôn. Nghĩa là Ngài đại diện cho ngôi Thứ nhứt là ngôi Vô Cực. Đức ĐIỀU TRÌ KIM MẪU cũng gọi là vô cực THIÊN TÔN. vô cực là cực vô, tột không, chẳng có chi hết. Nhưng trong chỗ không đó, lại có tiềm lực sanh ra Trời, Đất, Người, Vật. Kinh nói: “Tĩnh là Vô cực,

Động là Thái cực”, nghĩa là khi tịnh thì êm đềm chẳng thấy chi, mà động thì hóa sanh muôn loài.”

ĐTCG dạy: “trước khi chưa phân định âm dương... khí hồng môn hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, lạng lẽ vô vi, thanh trước hỗn hiệp kêu là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí.”

– Đức Di Lạc Thiên Tôn dạy rõ hơn: “Khởi thi của vũ trụ là khoảng trống không, mù mù mịt mịt gọi là vắng Vô Cực, khoảng Vô Cực ấy là chất khí đầu tiên gọi là Tiên Thiên Khí vận chuyển qua lại đời đời kiếp kiếp, thế rồi... vô vàn tiên thiên khí lâu ngày, phần tinh lực của nó cô đọng thành Tiên Thiên Điển đầy linh động gọi rằng Thái Cực.

Tiên Thiên Điển này có hai tính chất cơ bản là âm thanh, tức tiếng động và hào quang, tức ánh sáng hay màu sắc. Như vậy, âm thanh và hào quang là hai yếu tố cơ bản của các cảnh giới và vạn pháp sau này trong việc sáng khai vũ trụ.”

Đức Di Lạc còn dạy thêm: “Vô Cực Từ Tôn là danh xưng để nói lên Đấng cao cả nhất, đó là linh lực đầu tiên khi còn là Tiên Thiên Khí. Sau đó, ngôi Thái Cực tạo Lưỡng Nghi: Âm và Dương. Đó là Chơn Âm và Chơn Dương. Sau đó, Lưỡng Nghi phân thành Tứ Tượng: Thái Âm, Thiếu Dương, Thái Dương và Thiếu Âm. Tứ Tượng hóa Ngũ Hành mới sanh sanh hóa hóa ra vạn pháp.

Như vậy các môn đồ từ lâu gọi Đấng Vô Cực là phần Âm theo kinh sách thời cổ, có đúng không? Cười... cười... trong khi thực chất Đấng Vô Cực là Tiên Thiên Khí chưa phân Âm Dương. Khá hiểu, khá tâm, khá đào sâu trí não để tưởng, khá vượt ra ngoài tư tưởng kẻ khác. Như vậy, Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu là danh xưng của một Đấng, nhưng ứng hiện qua hai trạng thể khác nhau:

– Vô Cực Từ Tôn tức là linh lực Tiên Thiên Khí buổi sơ khai.

– Diêu Trì Kim Mẫu là hình ảnh của ngôi Âm ứng hiện phương Tây thuộc Kim.

Các môn đồ khá biết rằng Tiên Thiên Khí khác với Tiên Thiên Điển ở chỗ là Tiên Thiên Khí



với chất khí còn rời rạc, sau đó Tiên Thiên Khí sẽ ngưng tụ, kết hợp lại và rung động không ngừng tạo thành điện lực Tiên Thiên.”

Như vậy, tương tự như phạm trù Thượng Đế vô ngã và Thượng Đế hữu ngã, Vô Cực Từ Tôn là Đức Mẹ vô ngã và Diêu Trì Kim Mẫu là Đức Mẹ hữu ngã. ĐẠO có ba ngôi: VÔ CỰC, THÁI CỰC và HOÀNG CỰC. Đức Mẹ là tiêu biểu cho ngôi Vô Cực.

#### IV. Ý NGHĨA PHẠM TRÙ VÔ CỰC

##### 1. VÔ CỰC LÀ TIÊN THIÊN HƯ VÔ CHI KHÍ:

Vô Cực có trước khi phân chia trời đất, còn trong trạng thái gọi là Khí Hồng Mông: nghĩa là khí còn lộn lạo chưa phân biệt Âm Dương rõ rệt.

Thánh giáo dạy:

“Trước khi chưa định ngôi Thái Cực thì trong khoảng không gian ấy còn đương mịt mịt mờ mờ với Khí Hồng Mông, vì đó là còn trong thời kỳ hỗn nguyên vậy. Không gian ấy tức là Vô Cực.”<sup>3</sup>

Khí Hồng Mông còn gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí, hay gọi tắt là Khí Hư Vô theo như Thánh giáo mô tả: “... khí hồng mông đương hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, lặng lẽ vô vi, thanh trước hỗn hiệp kêu là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí.”<sup>4</sup>

Đức Chí Tôn dạy: “Nếu không có Hư Vô Chi Khí thì không có Thầy”<sup>5</sup> Hay nói khác đi, Thầy chính là Hư Vô Chi Khí, có một danh xưng khác là Đạo, như lời của Đức Thượng Đế: “Thầy là Hư Vô Chi Khí thì Đạo cũng đồng nghĩa đó thôi.”<sup>6</sup>

Như vậy, có thể diễn tả một cách dễ hiểu, Vô Cực là trạng thái nguyên sơ, bất dịch và tiềm ẩn của Đạo được gọi là Tiên Thiên Hư Vô Chi Khí hay gọi tắt là Khí Hư Vô. Đó là cội nguồn của Thiên Địa; tuy Hư Vô, nhưng hàm tàng mọi

đức tính của vạn vật, nên còn được gọi là Chân Không Diệu Hữu. Các đức tính ấy chưa được phân biệt, còn lẫn lộn vào nhau, tạo thành một thể hỗn độn. Vì vậy, giai đoạn Vô Cực là thời kỳ hỗn độn sơ khai gọi là Hỗn nguyên.

Trong Vô Cực có hai yếu tố là Nguyên Lý Thiên Nhiên và Nguyên Khí Tự Nhiên, là Âm Dương Tiên Thiên ở thời kỳ Hỗn Nguyên, vừa bảo tồn bản thể bất dịch, vừa vận chuyển cơ biến dịch. Lý và Khí ấy phối hợp với nhau, tạo nên những vận động tế vi trong Vô Cực, tinh lọc dần dần những tinh ba của Khí Hư Vô để khai sinh Ngôi Thái Cực.

Đức Chí Tôn đã xác nhận trong Đại Thừa Chơn Giáo: “Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong Càn khôn Thế giới thì Khí Hư Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực. Thầy phân Thái Cực ra Lương Nghi, Lương Nghi phân ra Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn khôn Thế giới. Thầy lại phân Tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: Vật chất, Thảo mộc, Côn trùng, Thú cầm, gọi là Chúng sanh.”

Như vậy, Vô Cực là Khí Hư Vô bao gồm cả hai yếu tố Âm Dương nguyên thủy gọi là Nguyên Lý và Nguyên Khí Tự nhiên trong trạng thái vận hành theo một quy luật bất biến từ vô thỉ tới vô chung để hình thành nên ngôi Thái Cực trọn tốt trọn lành khi đạt tới đỉnh điểm chí cực chí trung, nên gọi là ngôi Đại Trung.

##### 2. VÔ CỰC LÀ PHÁP – ĐẠO – THIÊN TÁC, THIÊN ĐIỀU:

Trong ĐHCN, Ôn Trên dạy: “Một vật hỗn nhứt trong “Hư Vô”, đương vươn lên hiện thể. Đó là Thái Cực mà các tôn giáo gọi chung là Trời, hay Thượng Đế, hay Thái Cực là nguồn sống tự do chân thật tồn tại. Tự thể đó nối liền với tự nhiên và đương nhiên, vô và hữu, là ngôi Đại Trung chuyển thân ứng hóa trong mỗi vật, mỗi hình, đâu đâu, ở đâu và lúc nào cũng hiện diện.”

– Một vật Hỗn nhứt (Thái Cực) trong Hư vô (Vô Cực): có nghĩa “Vô Cực sinh Thái Cực” Hư Vô là Đạo, là Vô Cực nhưng “Vô Cực chưa

3. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, 23-9 Bính Tý (1936); Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950), thiên 43 “vũ trụ”, tr.410.

4. Đại Thừa Chơn Giáo, Septembre 1936, 03-8 Bính Tý, I – CƠ NGẪU LUẬN).

5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, 13-6 Bính Dần (Jeudi 22 Juillet 1926); Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1, tr.32.

6. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Ngọc Minh Đài, 29-12 Bính Ngọ.



phải là bản nguyên tự thể của vũ trụ.” ĐTCG mô tả: “Trong khí hư vô ấy lại phát hiện ra một vòng đại quang minh là Thái Cực, đó kêu rằng Vô Cực [một vòng O] sanh Thái Cực (không mà có).”

Như vậy, từ trạng thái Không là Hư Vô sinh ra cái Có là Thái Cực. Cho nên có thể nói Vô Cực cũng là Thái Cực, là Đạo, và Thái Cực mới là bản nguyên tự thể. Vô Cực là một cách gọi khác của Thiên Điều, Thiên Tắc, cũng chính là Pháp, là Thiên, là Đạo; là cái quy luật mà vũ trụ muôn loài phải tùng theo. Thiêng Liêng xác nhận trong ĐHCN:

“Vô Cực, hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên tắc, Thiên Điều; Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo đó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu. Luật ấy rất sinh động, ấn ký vào tâm tư của người, vật, Đất Trời.”<sup>7</sup>

Chính vì vậy, Đức Mẹ dạy: “Hỡi các con! Học đạo, hành đạo, các con hãy ý thức điều này: Mẹ là sự sống và trong sự chết. Ở đâu có sống có chết là có Mẹ. Mẹ không khởi điểm và không tận cùng. Không hẳn ở đâu có Thánh thể của Thầy là phải có cung vàng của Mẹ. Chính Tòa Thánh, vì là tượng trưng biểu thị, nên phải đủ đầy nghi thể đó thôi. Các con đừng tưởng ở đâu đều cũng phải như vậy.

Nơi đâu có Thánh thể của Thầy là đã có Mẹ bao vòng trong và ngoài ngôi Thánh thể ấy, vì Mẹ là Vô Cực Vô Vi. Nên từ đây về sau, các con đừng có ý tạo ngôi Diêu Trì Bửu Điện song hành với ngôi Thánh thể là sai lý Đạo nghe con.”

Theo Khổng giáo, bản thể của Đạo là Thái Cực, nhưng theo Đức Lão Tử, bản thể của Đạo là Vô Cực, Đạo sinh hóa muôn loài, rồi muôn loài cũng trở về với Đạo. Ngài cắt nghĩa Đạo: là mẹ của muôn loài (CH.1-52), có trước Trời Đất (25), là nơi ẩn náu của muôn vật (62), không hình dạng, không âm thanh (14,35), không thể tả được (14,41), vĩnh viễn bất biến

(16,25) đi khắp mọi nơi và không nguy hiểm (25), thật lớn (35), không tên (1,31,37,41), chỉ có thể gọi là Lớn, có nghĩa không có biên giới trong không gian và thời gian (1,25). Đạo không làm gì (37) nhưng không việc gì mà không làm, giúp vạn vật phát triển theo tự nhiên (64), không bỏ vật nào (2), sinh ra chúng nhưng không kể công (2,10,34,51). Nhờ Đạo mà trời trong, đất yên, mọi vật sinh ra và lớn lên. Nếu không có Đạo, mọi vật sẽ kiệt, sẽ tan (39). Đạo là nguồn gốc bên trong, và là cội rễ của trời đất (Huyền tần chi môn, thị vị thiên địa căn). Đạo là con đường mà vạn vật phải theo.

Đức Lão Tử dạy:

“CH.25 Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hễ, liêu hễ, độc lập nhi bất cải. Chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu.

Ngô bất tri kỳ danh; tự chi viết Đạo, cương vi chi danh viết Đại. Đại viết thệ. Thệ viết viễn. Viễn viết phân.

Cố Đạo đại, thiên đại, địa đại, vương diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.”

i. Có một vật hỗn độn mà nên, sinh trước trời đất; yên lặng, trống không; đứng một mình mà chẳng đổi; đi khắp nơi mà không mỏi. Có thể làm mẹ thiên hạ.

ii. Ta không biết tên, đặt tên chữ đó là Đạo. Gượng gọi tên đó là Lớn. Lớn là đi, đi là xa; xa là trở lại.

iii. Cho nên Đạo lớn, Trời lớn, Đất lớn. Người cũng lớn. Trong đời có bốn thứ lớn, mà Người là một. Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời; Trời bắt chước Đạo; Đạo bắt chước tự nhiên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.

– Nhân pháp Địa: người bắt chước Đất. Đất là tượng hình của Khôn. Đại tượng truyện quẻ Khôn: “Địa thể Khôn – Quân tử dĩ hậu đức tải vật.” Đạo Khôn dày như thể trái đất, người quân tử coi theo đó mà lấy đức để chở

7. Đạo Học Chỉ Nam, chương 1, tiết 2, mục 4.

muôn vật. Muốn nên người quân tử, phải học cái đức nhu thuận, trung chính của Khôn đạo, mới đủ sức tài thành phụ tướng, công hóa cùng đất trời. Người học quẻ Khôn, cố gắng lập cái đức dày bền, mà ăn ở cùng mọi người. Không vì thương mà bỗng ảm, không vì ghét mà bỏ bê. Phải giữ dạ vô tư, mà hành thuận theo nhu đạo.

– Địa pháp Thiên: Đất bắt chước Trời. Địa là Khôn, đức nhu thuận theo Trời, sinh ra vạn vật (Chí tai Khôn Nguyên, Vạn vật tứ sinh, nãi thuận thừa Thiên; Kiền: Đại tai Kiền Nguyên, Vạn vật tứ thí, nãi thống Thiên).

– Thiên pháp Đạo: Thiên là Kiền sinh ra từ Đạo là Thái Cực, nên phải noi theo luật của Thái Cực.

– Đạo pháp Tự nhiên: Đạo là Thái Cực là bản nguyên tự thể hình thành từ Vô Cực; Tự nhiên là Vô Cực là Thiên Tắc, Thiên Điều, cho nên Thái Cực vận động Âm Dương, phóng phát vạn hữu phải theo quy luật vận hành của Vô Cực trong suốt tiến trình (Nhất bốn tán vạn thù – Vạn thù quy Nhứt bốn).

Những lời dạy của Đức Lão Tử cách đây mấy ngàn năm, nhưng đã minh họa rõ nét lời Đức Mẹ trong Tam Kỳ Phổ Độ:

*Lòng Từ Mẫu vô cùng vô tận,  
Đức Từ Tôn khó nhận khôn lường,  
Không lãnh vực, không biên cương,  
Bao trùm vũ trụ tình thương vạn loài.*

Lời dạy của Đức Lão Tử cũng đã cho thấy rất rõ ngôi vị của Vô Cực, đối với vũ trụ, vạn vật có tất cả tính chất của người mẹ từ sinh hóa đến dưỡng nuôi, bảo tồn, là năng lực vĩ đại vô biên. Hiểu được điều này, mới có thể hiểu Đạo để định hình được con đường giải thoát khỏi vòng luân hồi sanh tử:

*Con hiểu Đạo là con giải thoát,  
Hiểu Đạo rồi con đoạt thiên nhiên,  
Dầu con sanh cõi hậu thiên,  
Tánh hằng Thượng Đế ban riêng mỗi người.*

*Cơ Tạo Hóa thuận thời sanh hóa,*

*Lý vô vi nghịch giả vô sanh,  
Cũng trong cái Đạo lập thành,  
Pháp luân thường chuyển vận hành càn khôn.*

#### **4. ĐỊNH NGÔI TRỜI ĐẤT:**

Là bản nguyên tự thể, Thái Cực sinh lưỡng Nghi: Âm và Dương. ĐTCG mô tả: Vô Cực đã hình thành Thái Cực và tiến trình hóa sinh vạn vật:

“Rồi vòng hư vô ấy nó lại có một điểm trung tâm ☉ thì Thái Cực là cơ, mà hể cơ là lẽ. Đã lẽ thì làm sao mà hóa sanh để tạo thành càn khôn thế giới, vạn vật muôn loài, côn trùng thảo mộc, thủy tú sơn xuyên, nên cái Lý Đơn Nhứt ấy mới phóng ra một vầng quang minh phân định: Khí khinh thanh thượng phù giả vi thiên, khí trọng trước ngưng giáng giả vi địa. Khí nhẹ nhàng bay bổng lên, làm ngôi Càn ☰ (乾). Càn là thiên tức là Nhứt Dương Chi Khí. Khí nặng nề ngưng giáng xuống làm Khôn ☷ (坤). Khôn là địa, Nhứt Âm Chi Khí. (Kể từ hỗn độn sơ khai, Chí Tôn hạ chỉ trước đài Linh Tiêu, Lưỡng nghi phân khí hư vô).

Cái năng lực mạnh bạo của khí Âm Dương vẫn vẫn quanh lộn, lẫn tròn, đùn đẩy nhau trong khoảng không gian. Khí dương động, âm tịnh. Âm thì đứng một chỗ, còn Dương thì bao quát càn khôn.

Đức Thái Cực mới vận hành khí chơn dương hiệp cùng khí âm (Âm Dương là cơ với ngẫu). Khí âm dương hỗn hiệp nhau, đụng chạm mà hóa hóa sanh sanh là do trong chỗ điều hòa, tương ứng tương cảm, huân chứng đầm ấm mới tạo thành nghìn giống muôn vẻ, thiên hình vạn trạng. Khí âm dương bắt đầu sanh hóa ra muôn loài vạn vật, muôn loài vạn vật cứ hóa sanh mãi mãi, đời nọ sang đời kia không bao giờ ngưng nghỉ. Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quày đầu về một, là vì Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn.

Cơ siêu phàm nhập thánh là Lẽ Tự Nhiên Pháp Nhiệm, nó luống vận hành châu lưu trong

càn khôn thế giới mà dưỡng dục muôn loài, bảo tồn vạn vật.”

Lẽ Tự Nhiên Pháp Nhiệm: chính là một cách gọi Vô Cực, là Thiên Điều, Thiên Tắc, là Pháp, là những quy luật để Âm Dương vũ trụ vận hành, như lời dạy trong ĐHCN “*Vô Cực, hay Thiên, hay Pháp, hay Đạo, là Thiên tắc, Thiên Điều; Nó là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo đó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Càn Khôn vạn hữu. Luật ấy rất sinh động, ẩn kỹ vào tâm tư của người, vật, Đất Trời.*”<sup>8</sup>

“Đó là một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật, nhưng vạn vật cũng phải quay đầu về một, là vì Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn.” Đúc Lão Tử cũng dạy trong ĐĐK nơi CH.42: *Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi báo Dương, xung khí dĩ vi hòa.* (Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Trong vạn vật không có vật nào không công Âm và âm Dương. Ở giữa là nguyên khí dung hòa).

Ồn Trên giải thích trong ĐHCN: *Đó là một gạch sanh hai là Tứ tượng, hai gạch sanh ba là quái (gồm Bát quái); ba sanh vạn vật là Bát Quái biến hóa vô cùng – ĐHCN.*

• Một sanh hai: tức một Dương một Âm, (Một vạch liền hoặc đứt) sinh hai: Tứ tượng Thiếu dương, Thái dương, Thiếu Âm, Thái âm (có hai vạch liền hoặc vạch đứt); hai sinh ba: Bát quái (mỗi quẻ ba vạch).

Nhưng có nhiều tác giả giải thích khác:

• Có người cho rằng: Đạo chính là Nhất, mà Nhất là “chân nguyên, nhất thể”, là “xung hư chi nhất khí” hay nói nôm na rằng: “Đạo là nguyên khí.” Nguyên khí ấy sinh ra Âm Dương (nhất sinh nhị). Âm Dương sinh ra: Hình, khí, chất (nhị sinh tam) Hình khí chất sinh vạn vật.

• Bs. Nguyễn Văn Thọ cũng theo chủ trương này, duy chỉ đổi rằng: Âm Dương sinh ra Thần,

Khí, Chất. Rồi Thần, Khí, Chất giao nhau sẽ sinh ra vạn hữu.

• Chu Hi cho rằng: Đạo là Thái cực, Nhất là Dương, Nhị là Âm. Tam là Âm Dương tác dụng lẫn nhau. Và cho rằng nếu coi Đạo là Nhất, thì làm sao nói được rằng Đạo sinh Nhất.

• Tư Mã Quang cho rằng: Chữ “Đạo sinh Nhất” có thể hiểu được rằng: Đạo từ Vô trở thành Hữu, từ Vô danh trở thành Hữu danh.

Ngôi Thái Cực phóng phát sinh Lưỡng Nghi – Tứ Tượng – Bát Quái tức tạo thành Càn – Khôn thế giới, vũ trụ muôn loài. Vô Cực tức Nguyên Khí Tự Nhiên là nguồn năng lượng trường cửu để tạo nên sự sống, là nguồn chất liệu vô hình, vô chất để xây dựng nên tâm linh và hình thể của vạn vật. [Theo “Phật Mẫu Chơn Kinh” (trong Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo) tức là tạo hóa và nuôi dưỡng vạn vật, là vai trò và chức năng của người mẹ, cho nên cách đây mấy ngàn năm, Đúc Lão Tử cũng đã đặt tên: Không tên là gốc của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật. (*Vô danh thiên địa chi thủy; Hữu danh vạn vật chi mẫu*) CH.I ĐĐK; hoặc: Thiên hạ có khởi điểm. Khởi điểm ấy là mẹ thiên hạ. (*Thượng hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu*) CH.52.

Từ Thái Cực, phóng ra một vầng quang minh phân định: Khí khinh thanh thượng phù giả vi thiên, khí trọng trước ngưng giáng giả vi địa. Khí nhẹ nhàng bay bổng lên, làm ngôi Càn ☰ (乾). Càn là thiên tức là Nhứt Dương Chi Khí. Khí nặng nề ngưng giáng xuống làm Khôn ☷ (坤). Khôn là địa, Nhứt Âm Chi Khí.

Đến đây, đã thấy rõ, “Đức Mẹ” trong tôn giáo Cao Đài không đóng khung trong phần Địa, tượng quẻ Khôn trong Dịch lý, như nhiều người lầm tưởng.

## KẾT LUẬN

Mặc dù người tín đồ Cao Đài có thể không hiểu hết lý Đạo, chỉ bằng niềm tôn kính ngưỡng vọng Đức Mẹ qua sự tưởng tượng về

8. Đạo Học Chí Nam, chương 1, tiết 2, mục 4.

một Đấng Thiêng Liêng với tình thương bao la của một đấng Từ Mẫu, để cầu nguyện, để tin tưởng, để hết dạ tu hành mong đợi ngày được trùng phùng với Mẹ nơi cõi thượng thiên, nhưng thiết tưởng “tìm hiểu về Đức Mẹ” để hiểu thêm được lý Đạo nhiệm mầu, để hành trang tu học có thêm vốn liếng thì cũng không phải là điều vô ích.

Bởi vì việc tu học giáo lý để tâm tính thuần hóa, để trí não được sáng suốt, để vệt bớt sự vô minh tích tụ từ nhiều kiếp, để việc tu hành ngày được tinh tấn thêm là việc làm cần thiết của người môn đồ của Đức Cao Đài. Và việc học như Đức Khổng Tử đã dạy: cách vật, trí tri, học phải học cho tường tận, cho thấu đáo để hiểu cho hết lý Đạo nhiệm mầu, để thấy rằng lời Mẹ dạy:

*Sao con tránh Mẹ đi đường khác?*

*Đến nỗi tang thương chịu nỗi nùng!*<sup>9</sup>

Chính là lời nhắc nhở chúng ta phải trở lại với đạo lý, phải thuận tòng Thiên lý, phải tôn trọng luật Trời để không lầm lỗi tạo nghiệp trên đường ngược dòng tìm về bến giác, để không còn phải chịu cảnh tang thương nỗi nùng bởi sự trả vay của luật Nhân quả. Và để không còn “tránh Mẹ”, để về với Mẹ, không còn con đường nào khác hơn là con đường Trung Nhứt:

*Con hồi đường nào đường nào đạt Đạo cơ*

*Chỉ đường Trung Nhứt phục nguyên sơ;*

*Ngàn xưa Giáo Tổ đều do đó,*

*Chúng quả độ đời tình giặc mơ.*

Cái lý Thái Cực là lý đơn nhứt, cầm quyền sanh hóa thống chương càn khôn.

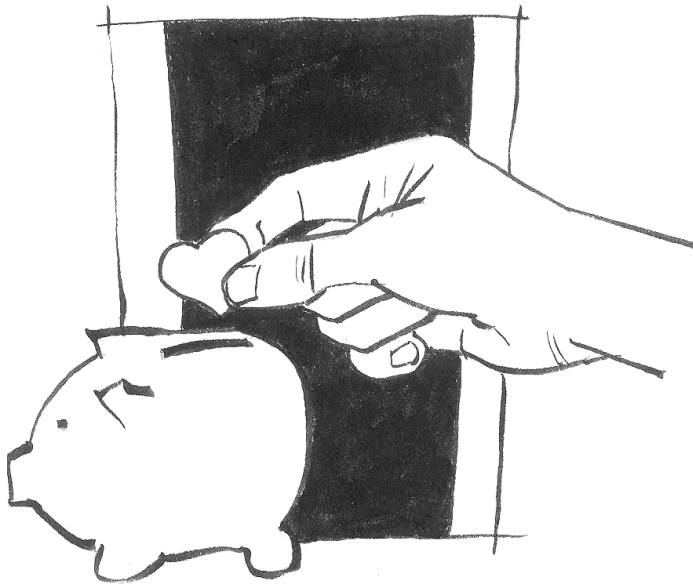
Âm dương là cái pháp nhiệm mầu, sâu kín Thiên cơ. Có câu Nhứt âm nhứt dương chi vị Đạo. Âm dương ấy hiệp nhứt thì phát khởi càn khôn. Khí âm cướp một phần chơn dương của ngôi Kiến, Kiến mới hóa ra Ly (Ly là Thái Dương; mặt nhứt). Khôn đặng chơn dương biến thành Khảm.■

9. Ibid.

Giữa thế cuộc còn nhiều gian khổ,  
Ráng tu hành tự độ độ tha,  
Việc đời, việc đạo, việc nhà,  
Phải cho tương đắc mới là nên công.  
Tu hành để giải xong tiền nghiệp,  
Hầu nhẹ nhàng mà tiếp Thiên ân,  
Thiên ân khi đã gột nhuần,  
Thênh thang thế lộ, Thánh Thần trợ duyên.  
Khi dẫn thân cầm giềng mối Đạo,  
Tức là đang gỡ tháo tiền khiên,  
Tức là tạo Bát Nhã thuyền,  
Rước đưa khách tục vượt miền vô minh.  
Thì trước phải dọn mình chơn chánh,  
Quyết một lòng tâm hạnh nêu gương,  
Ngôn từ hòa ái dễ thương,  
Đại nhân, đại lượng, dẫn đường tha nhân.  
Đạo nên, hư, trách thân, trách kỷ,  
Chớ không nên trách bi, trách tha,  
Vì người ắt phải quên ta,  
Thì muôn đạo sự chi là khó đâu.  
Thảo mộc tốt rầy sâu quy tụ,  
Ruộng lúa lành quấy dụ chim trời,  
Đất lành hoa quả tốt tươi,  
Chùa linh, Đạo sáng, mọi người tin theo.  
Người hướng đạo lái chèo độ chúng,  
Chớ để cho lung củng nội tình,  
Nếu không hòa mục phân minh,  
Đạo đồ sẽ mất đức tin nơi chùa.  
Tài với đức nếu chưa đầy đủ,  
Tâm hạnh lành phong phú cũng hay,  
Gắng công tu học bạn, thầy,  
Tinh thần cầu tiến học hoài sẽ thông.  
Điều đã biết thì lòng nói biết,  
Điều chưa thông chịu thiệt chưa thông,  
Đó là tự biết tự thông,  
Siêng tu siêng học để hồng tiến lên.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 19-02 BÌNH DẪN.





# SỐNG ĐẠO

## ■ LÊ CHÍ THẬT

**S**ống Đạo hiểu một cách khái quát, là sống trong khuôn viên đạo lý, khuôn khổ của pháp luật, sống chân thật, sống có nhân hậu nghĩa tình, có bốn phận, có trách nhiệm, trong tinh thần hòa đồng, cộng tác và phụng sự...

Đức Cao Triều Phát tiên bối dạy:

*“Ai lại không sống, không ăn, không mặc, không ở. Ai lại không có gia đình kế tự. Nhưng sự ăn, mặc, ở và xây dựng gia đình theo nếp sống hiền lương đạo đức thanh cao trong sạch. Lúc bấy giờ người đời là đạo, đời đạo đi đôi, chớ nào ai phân tách hai lối hai phương cách biệt.”<sup>1</sup>*

Như vậy, sống, ăn, mặc, ở, xây dựng gia đình là nhu cầu đương nhiên, là lẽ tự nhiên của nhân sinh tại thế. Những nhu cầu đó được định hướng theo đường lối chân, thiện, mỹ, mục đích đem lại hạnh phúc, bình an cho xã hội nhân loại.

---

1. Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).



Trong giới tu hành có hai thành phần: xuất gia và tại gia hay nói một cách khác là bậc hạ thừa và thượng thừa.

Mỗi người chúng ta khi đã hiện hữu trên quả địa cầu này, mặc nhiên đã mang vào mình một vai trò trong xã hội, lẽ đương nhiên mỗi người mỗi việc, không nhất thiết giống nhau trên hình thức và cương vị.

Việc thành lập gia thất, xây dựng gia đình là để duy trì nòi giống, phát triển sự nghiệp, phát huy đạo nghiệp, hỗ trợ song phương, hai nẻo đạo đời. Nếu không có thế hệ tiếp nối, đội ngũ kế thừa, lấy đâu ra nhân sự để thực hiện những hoài bão của các bậc tiền nhân trên cả hai lĩnh vực tâm linh và nhân sinh. Như lời Hồ Chủ Tịch đã gửi gắm cho thế hệ đi sau: “Các vua Hùng có công dựng nước, Bác cháu ta phải ra sức giữ lấy nước.”

Thực hiện được như thế, giữa đời và đạo không có ranh giới như lời của Đức Cao Triều tiền bối: “Lúc bấy giờ người đời là đạo, đời đạo đi đôi, chớ nào ai phân tách hai lối hai phương cách biệt.”

Đức Đông Phương Chương Quân dạy:

*Đã là người sanh trong cõi thế,*

*Đạo với đời liên hệ một thân,*

*Đạo là thể xác tinh thần,*

*Đời là ngoại vật muôn phần tương quan.<sup>2</sup>*

Đức Thánh Trần Hưng Đạo dạy:

*“Sách sử thường ghi biết bao nhiêu người sống trong nhung lụa ngọc ngà, giàu sang cả thiên hạ, thế mà họ còn vứt đi, tìm chỗ thâm sơn cùng cốc, vui với đạo mẫu. Chúa cũng nói: “Dầu được uy quyền giàu sang cả thế gian, mà đánh mất linh hồn cũng không thềm nhận.” Ôi, linh hồn quý hóa thay! Vì vậy mà nước ta về đời Trần, Lý, các vua chúa đều bỏ ngôi mà theo Đạo, hoặc lấy Đạo mà dạy dân, thì đạo hữu cũng nên bình tâm suy nghĩ, sớm sớm dẹp bớt thế tình, lo đường tu thân học Đạo. Dẹp thế tình, không phải buông trôi phận sự con người, mà phải sống bằng bốn phận làm người trọn đạo, hết lòng thờ cha kính*

*mẹ, làm gương mẫu cho gia đình, thuận vợ thuận chồng, dạy con theo một đạo nghĩa ở đời.”<sup>3</sup>*

Sử Đạo còn lưu lại tấm lòng hiếu thảo của vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài Thượng Đế, đó là Ngài Ngô Văn Chiêu.

*“Thuở Ngài còn nhỏ (6tuổi), cha mẹ Ngài vì công việc làm ăn phải ra tận Hà Nội. Ngài ở lại Mỹ Tho với bà cô.*

*Là một người hiếu nghĩa vẹn tròn, nên khi có lương bổng rồi, Ngài bèn viết thư mời ông thân bà thân từ ngoài Hà Nội về để trọn bề phụng dưỡng.*

*Làm việc ở tòa Tân đǎo, Ngài muốn phở ở hẻm Chaigneau (bây giờ là Tôn Thất Đạm) sau công sở Triều Châu, ở với ông bà thân. Về sau, ông thân Ngài ở riêng; mỗi khi cần dùng tiền bao nhiêu thì Ngài cung phụng đầy đủ và không bao giờ để một lời than vãn. Để tránh sự thiếu hụt trong gia đình, ban đêm, Ngài đi dạy thêm tiếng Pháp cho người Tàu.*

*Đối với mẹ, Ngài là người con chí hiếu. Mỗi ngày đi làm việc về, Ngài không bao giờ quên hỏi thăm mẹ ăn cơm chưa hoặc ăn có ngon miệng không. Những lúc bà cụ đau nhiều thì Ngài đi cầu Tiên xin thuốc và tự lo giặt giũ cho mẹ vì sợ vợ con chảnh mǎng.”<sup>4</sup>*

Đoạn sử liệu vừa đọc, để lại trong lòng người tín hữu Cao Đài một tấm gương hiếu thảo trọn nghì của Người Anh Cả đáng tôn kính. Với địa vị của Ngài, người ăn kẻ ở trong nhà không thiếu, mà chính tự tay Ngài giặt giũ cho mẹ, chăm sóc cha trọn vẹn và chu đáo. Những ai đã lập nguyện hiến dâng, hiến thân phụng sự cho Đạo, cũng phải hết lòng phụng dưỡng cha mẹ, đó là bổn phận vi nhân tại thế, là căn bản đạo đức của người tu thân học đạo.

Đức Thích Ca Thế Tôn thuyết giảng trước chư tăng ni Phật tử: “Ta mà được như ngày hôm nay, toàn là nhờ công đức của cha mẹ Ta.”

Sử sách nước ta có ghi lại sự kiện vua Trần

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-6 Canh Thân (26-7-1980).

3. Bác Nhã Thiên Đường, 14-12 Tân Hợi (29-01-1972).

4. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển I, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 2005, tr. 52-53.

Nhân Tông nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông, và ông đã xuất gia tu theo Phật đạo, lập nên phái thiền Trúc Lâm, trên núi Yên Tử, và được tôn kính là Phật Hoàng Trần Nhân Tông. Mặc dầu xuất gia nhưng không phải phớt lờ hết việc triều chính và gia đình, với cương vị Thái Thượng Hoàng, ông đã trở về triều, chỉnh đốn lại kỷ cương phép nước. Lúc bấy giờ, vua Trần Anh Tông cho lập lưỡng hậu trong triều, luật lệ thời đó trong nước chỉ có một hoàng hậu mà thôi.

Những sự kiện nêu trên đúng như lời gởi gắm của Đức Thánh Trần: *“Đẹp thế tình, không phải buông trôi phận sự con người, mà phải sống bằng bốn phận làm người trọn đạo, hết lòng thờ cha kính mẹ, làm gương mẫu cho gia đình, thuận vợ thuận chồng, dạy con theo một đạo nghĩa ở đời.”* và đạo lý đó trong thánh giáo Cao Đài, đã được Đức Quan Âm Bồ Tát để lời dạy như sau:

*Khi ở chốn gia đàng cư xử,  
Đạo làm cha phụ tử tình thâm,  
Cha không tưu sắc sai lầm,  
Bạc bài đàng điếm là mầm hư thân.  
Đạo làm chồng ân cần ký chú,  
Đạo thi chung phu phụ một đường,  
Tử tôn nhìn thấy noi gương,  
Gương lành là một tình thương lưu truyền.<sup>5</sup>*

Bốn phận làm chồng, làm cha của hàng nam phái, được Đức Quan Âm nhắc nhở như thế. Còn với nữ phái trong vai trò nội tướng tài thành, thiên chức làm vợ, làm mẹ của người phụ nữ, được thể hiện ra sao, vấn đề then chốt này được Đức Bồ Tát để lời khuyên như:

*Phận làm mẹ tu hiền vui vẻ,  
Làm gương cho con trẻ noi theo,  
Đời rằng: bèo lại sanh bèo,  
Ở đâu trở trái dưa leo bao giờ.  
Con còn dại còn khờ trong trắng,  
Tập tánh cho chúng đặng hiền lương,  
Ban cho chúng nó tình thương,  
Chọn người bạn tốt trên đường tiến thân.  
Bà mẹ ấy tinh thần trụ cốt,*

5. Hườn cung đàn, 01-6 Ất Tỵ (29-6-1965).

*Là hiền thê rường cột gia trung,  
Chồng xưa nổi tiếng anh hùng,  
Cũng do hiền phụ đức un tinh thần.<sup>6</sup>*

Qua đó, vai trò của những bậc làm cha mẹ, làm ông bà đối với con cháu có ảnh hưởng rất quan trọng. Với trách nhiệm là chủ của một gia đình, chúng ta phải sống gương mẫu, sống có bốn phận, thực hiện phương châm: “Ông bà gương mẫu con cháu hiếu thảo”. Gia đình là tế bào của xã hội và có liên hệ mật thiết với nhau, tập hợp nhiều hộ gia đình, có giáo dục con em theo nếp sống thuần lương đạo đức, trong sáng lành mạnh, sống vui, sống khỏe, sống có bốn phận, có trách nhiệm... hệ quả tất yếu là gia đình sẽ hạnh phúc và xã hội được bình an trong cảnh thái hòa thịnh trị, lạc nghiệp âu ca, văn minh tiến hóa.

Văn ngôn quẻ Kiền viết: *“Lục hào phát huy, bàng thông tình dã”*. Nghĩa là: Sáu hào phát huy, rộng thông mọi tình, tức là cảm thông được mọi loài hữu tình, làm cho cha mẹ anh em ở chung quanh mình đặng vui lòng.

Có thơ rằng:  
*Dân có đạo, nước có hồn,  
Không hồn không đạo, được tồn tại đâu!<sup>7</sup>*

Tình quân dân như cá với nước, nghĩa đạo đồng như thuyền với bến, nhân sinh và tâm linh không thể tách rời nhau. Muốn tồn tại lâu dài và phát triển bền vững, phương châm duy nhất là liên kết chặt chẽ, phối hợp nhịp nhàng, thuận lợi đôi đàng.

Đạo pháp trường lưu, truyền thống truyền thừa, đời người hữu hạn, những sự nghiệp tốt đẹp, những giá trị đạo đức được gìn giữ và phát huy đúng mức, cần phải có những bàn tay khéo léo, những khối óc tinh vi, vun đắp và cư xử cho hợp lòng người, mới mong đắc thành sở nguyện, như lời giáo hóa của Đức Quan Âm Bồ Tát:

*“Đạo có được trường lưu hoằng pháp là do nhơn tâm đắc Đạo. Nhơn tâm cũng chính là Thiên tâm,*

6. Đức Quan Âm Bồ Tát, Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

7. Đạo Học Chỉ Nam.

*là tâm của vạn vật vũ trụ. Thế nên, người lãnh đạo đặc hơn tâm tức là đặc Đạo vậy.*<sup>8</sup>

Đặc Đạo trong giai đoạn này không phải thành Tiên tác Phật, mà là làm tròn bốn phận người chủ trong gia đình, làm tốt vai trò lãnh đạo trong xã hội, hướng đạo trong tôn giáo. Muốn đặc hơn tâm, cần có sự minh triết, đối nhân xử thế hợp tình hợp lý, làm tròn bốn phận vi nhân, tu hành chơn chánh minh bạch, lấp những hố ngăn chia cách bằng sự sáng suốt, lấy tình thương làm chất liệu xúc tác đối thù thành bạn, làm chủ bản tâm, chiến thắng lấy mình, được ví như những vị anh hùng, những trang hào kiệt, những bậc đại nhân với tấm lòng đại lượng, không hổ danh tít đồ Đại Đạo.

Đức Giáo Tông Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài dạy:

*Hãy sáng suốt để san bằng bao lãnh vực,  
Hãy tu hành tròn thiên chức kẻ vi nhân,  
Với đạo thì cho thật chánh, cho thật chơn,  
Với đời, phải cho nên hơn về mặt đạo.  
Vậy mới gọi bậc anh hùng, nhà lãnh giáo,  
Vậy mới rằng trang hào kiệt, chốn nhà tu,  
Dem tình thương để san lấp những hận thù.*<sup>9</sup>

## TẠM KẾT

Việt Nam là một nước có lịch sử hơn bốn ngàn năm văn hiến, từ các vua Hùng dựng nước, cho đến các triều đại: Đinh, Lê, Lý, Trần... đã để lại những trang sử oai hùng trong lòng người dân Việt.

8. Minh Đức Tu Viện, 13-01 Ất Mão (23-02-1975).

9. Giáo Hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

Chúng ta tồn tại và phát triển, thống nhất đất nước, đem lại độc lập tự do, là nhờ ý chí kiên cường bất khuất, lòng thương yêu đồng bào, đồng loại, bảo vệ cho nhau, sống trong tinh thần đoàn kết, sát cánh bên nhau, bảo tồn và xây dựng thắm đượm tình dân tộc nghĩa đồng bào, đã từng được sanh ra từ một bọc trứng của mẹ Âu Cơ.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với mục đích: “*Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát*”, thực thi cùng một lúc, ổn định nhân sinh, thấp sáng tâm linh. Chuyển tải giáo lý Đại Đạo lồng trong đời sống thường nhật, sống hòa đời hợp đạo, sống có kỹ năng, có tinh thần cộng đồng, đặt tập thể trên cá thể, sống vì mọi người, sống để phụng sự đem lại lợi lạc cho nhân quần xã hội, góp phần khiêm tốn vào công cuộc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, làm cho nước vinh đạo sáng, tốt đạo đẹp đời.

Đức Cao Đài Tiên Ông dạy:

*Đạo đời đi cặp tu chơn.*

*Bên nào cũng gắng chớ sờn chí nhơn.*

*Đời lo vẹn, Đạo ân cần,*

*Trả xong nhơn đạo thì thân cũng thành.*<sup>10</sup>

*Minh Lý Chơn Giải có thơ rằng:*

*Muốn lên cao phải từ chỗ thấp,*

*Trước làm người sau tập làm Tiên.*

*Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:*

*Làm người cho trọn nghĩa tình,*

*Phật Tiên Thần Thánh muốn thành khó chi.*<sup>11</sup> ■

10. Kinh Đại Thừa Chơn Giáo.

11. Hườn cung đàn, 01-6 Ất Tỵ (29-6-1965).





# CÔNG TRÌNH LUYỆN KỶ

■ XUÂN MAI



**Đ**ức Quan Âm Bồ Tát dạy:  
*“Nếu hành đạo mà không tu thân là thiếu căn bản lương thiện. Nếu tu thân mà thiếu hành đạo thì sự tiến hóa bị chậm trễ không biết ngần nào. Tu thân và hành đạo phải gắn liền nhau như gấm thêu hoa. Tu thân và hành đạo cần phải được hỗ tương nhau để tiến hóa.”*<sup>1</sup>

Việc hành đạo là làm Công quả, còn việc tu thân chính là Công trình. Công quả và công trình có luôn gắn kết chặt chẽ với nhau thì mới mang lại kết quả trên đường tiến hóa.

## ĐỊNH NGHĨA CÔNG TRÌNH

Theo lời Đức Bác Nhã Thiên Sư dạy: *“Công trình luyện kỹ” chính là sự tu thân.*

– Công trình: “Luyện” là sự trui rèn; “Kỹ” là

mình, là ta. Là quá trình lâu dài tự trui rèn ý chí phàm tánh; Là sự chịu đựng để vượt qua khó khăn thử thách.

Đức Quan Âm dạy:

*“Công trình đó là đào luyện trui rèn ý chí phàm tánh bản năng sinh tồn.”*

Công trình là việc lập hạnh tu thân. Việc lập hạnh đòi hỏi người tu phải có ý chí mạnh mẽ, hùng dũng mới thắng nổi những sự yếu hèn và ham muốn của thể xác, do lục dục và thất tình xúi giục gây ra.

Do đó, việc lập hạnh tu thân là thể hiện cái Dũng của con người. Cần phải dũng cảm chiến thắng sự đòi hỏi buông lung của thể xác. Không có chiến thắng nào vẻ vang hơn chiến thắng được dục vọng của mình.

- Công quả là thể hiện đức BI,
- Công phu là thể hiện đức TRÍ,

1. Minh Lý Thánh Hội, 01–9 Kỳ Dậu (11–10–1969).

- Công trình là thể hiện đức DŨNG.

Công Phu, Công quả, Công trình, liên hệ mật thiết nhau, giống như Bi, Trí, Dũng, không thể tách rời.

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“(...) Nếu hiểu đạo mà không tu thân, là người trốn trách nhiệm. Cũng như một đứa bé vừa tập nói chuyện, bảo chúng đọc một trang thơ lục bát. Chúng vẫn đọc lưu loát, nhưng không hiểu nghĩa thế nào.*

*Tu thân nơi đây là bước đầu cho sự thanh lọc, dọn mình lập hạnh, khắc kỷ từng đạo. Có tu thân, con người mới mong tránh sự lỗi lầm do những việc thường nhật chung đụng với đời sống chung quanh. Có tu thân, con người mới mong hoàn thiện để trở nên hạt giống tốt cho thế hệ hiện tại, cũng như thế hệ ở tương lai. Khi tu thân được hoàn thiện rồi bước ra đường đời không gây điều tổn đức thất nhân tâm, tổn nhân ích kỷ.”<sup>2</sup>*

Đức Liên Hoa Thánh Mẫu dạy:

*“Về giá trị con người trong hàng tín hữu chức việc hoặc chức sắc, muốn có được phẩm vị cao quý để thể hiện đức độ của người tu, điều cần yếu là phải lập hạnh, vì có hạnh đương nhiên có phẩm, gọi tắt là PHẨM HẠNH.*

*“(...) Bốn tiếng CÔNG ĐỨC PHẨM HẠNH luôn luôn phải được gắn bó nhau để con người tu thân hành đạo có được tác phong đứng đắn, để gây thiện cảm kính nể mến yêu với những người chung quanh mình...”<sup>3</sup>*

Đức Quan Âm cũng đối chiếu Công trình trong Tam Công với Lục Độ Ba La Mật của nhà Phật là: “Trì giới, Nhẫn nại và Tinh tấn.”

## THỰC HIỆN CÔNG TRÌNH

### 1. GIỮ GIỚI GIỚI LUẬT:

Nghiêm trì giới luật để ngăn được lòng dục mới giữ được tánh thanh cao, phẩm hạnh xứng

đáng, vững vàng gương mẫu cho nhơn sanh kính phục.

Đức Thích Ca có hướng dẫn:

*“Vật Hội Thánh (nay) cũng như giáo hội của Thế Tôn khi xưa phải cần nghiêm trì giới luật, vì có thực hành đúng theo giới luật, thì giáo hội hay Hội Thánh mới được vững vàng gương mẫu cho nhơn sanh kính phục.*

*Bởi vậy khi Thế Tôn tịch diệt rồi, có một Tỷ Kheo còn si mê trong vòng thất tình lục dục, nên thốt ra câu này: Thích Ca còn ở đời hay đem giới luật ra mà bó buộc chúng ta, làm cho mất hết quyền tự do của chúng ta. Nói cái này nên làm, cái kia không nên làm, làm cho ta khổ tâm vì giới luật quá. Từ nay trở đi chúng ta sẽ tùy theo ý muốn.*

*Bởi câu ấy thấu đến tai Ca Diếp nên mới triệu tập các đệ tử của ta lại mà kết tập Tạng Kinh và Tạng Luật truyền lại cho đến hôm nay đó. Thì đây cũng là một gương cho Hội Thánh trong Đại Đạo nên nghiêm trì giới luật.*

*Thế Tôn để đôi lời đạo lý giáo hóa khuyến thiện nhơn sanh tinh tấn trên đường tu học.”<sup>4</sup>*

– Đối với đạo Cao Đài, Ngũ giới cấm là sợi dây an toàn của mỗi cá nhân. Tứ đại điều quy là sợi dây an toàn cho tập thể.

– Giới là nền tảng, là đạo lộ đưa đến một ý hướng phát triển tâm thức, nâng cao phẩm chất đạo đức nơi mỗi cá nhân để làm chất liệu bồi dưỡng cho trí tuệ. Vì bản chất của Giới luật là phòng hộ, là bờ đê ngăn cản những dòng nước đục, từ bên ngoài qua các ngõ ngách của thân và ngũ rỗi tràn vào tâm làm cho tâm tư vẩn đục. Song song đó, giới là suối nguồn thanh tịnh, nấc thang đầu tiên để bước đi những bước kế tiếp.

– Kinh Pháp Cú trong Hán tạng:

*Những ai biết giữ cho bản thân thường xuyên được thanh tịnh, biết suốt đời hành trì giới luật, biết sống đời phạm hạnh và làm những việc lành, những người ấy sẽ thành tựu được sự hành trì giới pháp.*

2. Minh Lý Thánh Hội, 01-9 Kỷ Dậu (11-10-1969).

3. Thánh Giáo Sứ Tập 1969, tr. 214.

4. Tiên Thiên Thánh Huấn quyển XI, 1961, tr. 15.



## 2. KIÊN NHẪN, TRÌ THỦ:

– Kiên nhẫn hay nhẫn nại là trạng thái của sự chịu đựng trong những hoàn cảnh khó khăn, có nghĩa là kiên trì đối mặt với sự chậm trễ hoặc hành động khiêu khích mà không biểu hiện giận dữ một cách tiêu cực, đặc biệt là khi đối mặt với sự khó khăn lâu dài; còn là chịu đựng những sự khó chịu cực khổ mà không than vãn. Điều này đòi hỏi phải thể hiện các nhân đức khác, nhất là: tự kiểm chế, nhẫn nhục và đại lượng. Nghĩa là, nhẫn nại không chỉ là một nhân đức nền tảng mà còn là một tổng hợp của các nhân đức khác. Không than phiền đòi hỏi người có một năng lực kiểm chế, ngoài ra còn phải có tính khiêm nhu (nhường nhịn, khiêm tốn, hạ mình).

Cụm từ “kiên nhẫn” bao gồm cả hai đặc tính của hai quẻ Kiên và Khôn. “đức Kiên” tương ứng với cụm từ “tự cường bất túc” của quẻ Kiên – tự lực, mạnh mẽ kiên cường không ngừng nghỉ; còn “đức Nhẫn” tương ứng với tính “nhu thuận” của quẻ Khôn.

*Kiên cường kiện, thanh cao, tôn quý,*

*Khôn rộng dày, giữ vị nhu khiêm,*

*Cường nhu vận hóa im lìm,*

*Tôn thành vạn hữu, trang nghiêm địa cầu.<sup>5</sup>*

Đức Lý Giáo Tông cũng nhắc nhở chúng ta:

*“Muốn đạt được thành quả khả quan trên phương diện tu thân là một vấn đề liên tục trường kỳ đòi hỏi chí kiên nhẫn không ngừng nghỉ. Như có câu: “Quân tử dĩ tự cường bất túc.” Theo hành động của Trời ngày đêm không ngừng nghỉ thì chư hiền đệ muội cũng là con Trời, nếu ngừng nghỉ thì bánh xe tuần hoàn không nhân nhượng.”<sup>6</sup>*

– Đơn cử một thí dụ về công quả từ thiện, Đức Quan Âm hỏi chúng ta có thật tâm bảo vệ và nuôi dưỡng sự hành thiện cho đến nơi đến chốn không:

*“Vẫn biết rằng trong cửa thiện, người người đã góp công góp ý vào việc thiện, nhưng hãy xét lại mình có được trọn vẹn với hai chữ vô tư chưa?”*

*Hay còn hẹp hòi, hay còn chấp nhứt, hay còn vị kỷ, hoặc thiếu tình thương, hoặc làm để được tiếng đời ca tụng rằng mình là bậc hiền nhân quân tử. Xem lại mình có thật tâm bảo vệ và nuôi dưỡng sự hành thiện cho đến nơi đến chốn cùng chăng? (...)*

*Hay chỉ làm với mỗi từ tâm phát hiện nhứt thời, rồi một lúc nào đó vẫn còn đeo đuổi vì thế diện, vì nhân nghĩa, vì tai tiếng, vì cơ sở ràng buộc, tấn thối lưỡng nan, rồi hành sự với miễn cưỡng, được lúc nào hay lúc ấy.*

*Nếu khi gặp một vài thử thách nặng nề, rồi buông xuôi cho đại cuộc dở dang, rồi nêu hai tiếng “tại” và “bị” để biện hộ cho danh dự của mình.”<sup>7</sup>*

Như vậy, người tín hữu tu thân học Đạo, phải học theo Kiển Đạo “tự cường bất túc” và cũng phải bền bỉ thuận tòng Thiên lý học theo Khôn Đạo “Khôn hậu tải vật, đức hiệp vô cương,” mang Đạo vào đời như dòng nước mát chảy khắp mọi nơi thì mới mong góp phần thực hiện sứ mạng Kỳ ba.

## 3. TINH TẤN:

Tinh tấn là nỗ lực, là sự cố gắng, là sự siêng năng như siêng năng làm điều thiện, hành thiện, học hỏi giáo lý, giáo pháp. Học hỏi là một khía cạnh để có sự “tinh tấn.” Mọi việc tu học, làm việc công quả, chúng ta đều phải cố gắng. Nếu Nhẫn nhịn là biết chịu đựng nghịch cảnh, đối diện với những quả báo trong quá khứ thì Tinh tấn là đối diện với tương lai, gieo những nhân tốt cho tương lai.

Những người chưa biết cố gắng là gì sẽ rất dễ dàng chùn bước trước khó khăn hay gục ngã trước hoàn cảnh. Tuổi còn trẻ đã khởi được ý chí, tinh thần luôn cố gắng thì sức mạnh ấy sẽ tồn tại trong suốt cuộc đời. Khi có tuổi, nếu cần phải cố gắng, chúng ta đã có sẵn sức mạnh để vượt lên khó khăn, không bao giờ trở thành người bạc nhược.

5. Minh Lý Chơn Giải, chương 4, tr.85

6. Ngọc Minh Đài, 15–10 Canh Tuất (13–11–1970).

7. Đức Quan Âm Bồ Tát, Hoa Linh Nguyệt Điện, 14–8 Đinh Mùi (17–9–1967).

Dù ta chỉ có tài sơ đúc bạc nhưng có thể đảm đương một quyền pháp to lớn, kết quả được trọn vẹn là nhờ các Đấng Thiêng Liêng gia hộ, nhờ ơn điển Thiêng Liêng, thêm sức cố gắng của chúng ta, mà hạnh tu mỗi ngày trở nên thánh đức.

Một đạo tử được Ôn Trên nhắc nhở phải cố gắng thêm việc học hành giáo lý mặc dầu đã làm công quả khá nhiều.

*Phạm Thị Chua thuở giờ đã có,  
Nhiều quả công giúp đỡ phòng trừ,  
Nhưng con còn thiếu hạnh tu,  
Học hành giáo lý, như mù đi đêm.*<sup>8</sup>

Một số đạo hữu có hoàn cảnh gia đình và sinh kế không thuận tiện cho nên việc học văn hóa nơi trường lớp bị hạn chế, từ đó có tâm lý ngại ngùng, mặc cảm trong việc học hỏi giáo lý.

Cụ thể, Đúc Lê Đại Tiên dạy cho một đạo tử:

*Bùi Thị Tri là đồng nhi cũ,  
Bạn gia đình lam lũ sớm trưa,  
Tuy gìn chay lạt muối dưa,  
Nhưng về đạo lý thì chưa hiểu gì.  
Ráng lo học phú thi Thánh giáo,  
Nghĩa dưỡng nuôi lo báo hiếu ân,  
Bốn thời cúng một dưỡng thân,  
Để nhờ Thượng Đế điển ân hộ trì.*<sup>9</sup>

Việc bắt đầu học Đạo không bao giờ trễ và cũng không khi nào chấm dứt vì “bể học mênh mông.” Càng học thì trí óc được mở mang, thấy những sai lầm hay khuyết điểm để sửa chữa và thấy những điều cần phải bồi bổ thêm.

Bước đầu ta tu học, rèn luyện đức hạnh, nhân từ, quảng đại, bao dung để trở thành Hiền nhân, rồi tu tiến lên thành Thánh nhân mới có thể tham dự cùng trời đất.

Muốn vậy ta phải tu học theo Trời, vui thuận theo ý Trời như Thoán truyện quẻ Lý (Thiên Trạch Lý) “Duyệt nhi ứng hồ Kiển” dạy ta phải tìm ra những định tắc thiên nhiên giúp ta cải thiện tâm thần để trở thành Thần Thánh, vui

theo những định luật Tam Tài để thực hiện định mệnh cao sang của con người là phản bản hườn nguyên, là phối thiên, phối mệnh.

#### 4. THỰC HIỆN TÌNH THƯƠNG:

Đúc Đông Phương dạy:

*Nước sông kia vẫn nhớ về nguồn,  
Tâm đạo con người chẳng dễ buông,  
Cội rễ bao giờ xa vẫn đoái,  
Công trình xây dựng bởi tình thương.*<sup>10</sup>

Thật vậy, Công trình phải luôn được xây dựng bởi tình thương, vì chúng ta hiểu rằng “yêu thương sanh chúng” là điều kiện tiên quyết để trở thành một đứa con yêu quý của Đúc Chí Tôn Thượng Phụ, là hạnh cao quý thể hiện đức bác ái, từ bi.

“(…) nhìn vào bốn phạm một tín đồ của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một đứa con thương yêu quý mến của Thượng Đế Chí Tôn, lại càng phải nghĩ đến lòng nhân ái trước nhứt.

Lòng nhân ái có thể làm một phương linh được chế ngự tất cả những gì muốn bộc phát nơi thân tâm của con người, lòng nhân ái cũng là một bản đồ cho người nhìn theo phương hướng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh. Phải chăng nhân ái tức là thương yêu. Hễ thương yêu thì mọi việc đều khoan dung tha thứ.”<sup>11</sup>

– Có thương yêu thì mới khoan dung tha thứ được:

“(…) Một khi biết cầu khẩn Đấng Chí Tôn tha thứ lỗi lầm của mình, thì mình hãy thể theo lòng từ ái của Ngài để tha thứ anh chị em của mình tại thế gian. Vì thế gian không phải là cõi hoàn toàn thánh thiện nên lắm điều còn ô trược tránh sao không vấp phải lỗi lầm hoặc nhiều hay ít cũng vậy.”<sup>12</sup>

– Tập tha thứ để đạt đến mức: Sự tha thứ, lòng từ bi bác ái không còn giới hạn, nghĩa là vô biên,

8. Đúc Mẹ, Ngọc Minh Đài, 15-4 Đinh Mùi (23-5-1967).

9. Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

10. Trúc Lâm Thiển Điện, 17-7 Tân Hợi (06-9-1971).

11. Đúc Lê Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 09-5 Đinh Mùi (16-6-1967).

12. Đúc Đông Phương Chương Quán.

vô tận. Chỉ có như thế chúng ta mới hưởng trọn vẹn hồng ân của Thầy Mẹ

*“Các con phải tha thứ lỗi lầm cho nhau mới mong trọn vẹn hưởng hồng ân của Mẹ. Các con có khoan dung tha thứ cho nhau mới được hưởng những tha thứ khoan dung của Thượng Đế.”*<sup>13</sup>

– Cách thực hiện tha thứ:

Luôn tự xét lỗi mình trước: là tự vấn lương tâm, tự mình kiểm điểm lỗi lầm.

Đức Mẹ dạy:

*“(...) tự xét lòng mình rồi đoán lòng người, ai ai cũng có lỗi hết. Phải xét lỗi mình để tha thứ lỗi kẻ khác.”*<sup>14</sup>

Tha thứ là kiên nhẫn để chờ đợi người và mình tiến bộ hơn, vững chãi hơn. Tha thứ không chỉ là biểu hiện của tâm kiên nhẫn mà còn là biểu hiện của tâm từ. Chúng ta tha thứ tất cả những lỗi lầm của người khác, dù vô tình hay cố ý, gây đau khổ cho ta. Ta cũng tha thứ tất cả lỗi lầm mà chính ta tự tạo khổ đau cho mình.

Phục thiện: Là có thiện chí nhìn nhận lẽ phải và thực hành lẽ phải. Nếu biết tự xét thì phải biết phục thiện, hai yếu tố đó đi đôi mới được hoàn hảo.

Biết lỗi, nhận lỗi và sửa lỗi, quyết tâm không tái phạm lại lần nữa là những đức tính cần thiết của phép tu thân.

Độc phục: Nói đến Phục không thể không nói đến hào 4 của quẻ Địa Lôi Phục có 4 chữ “Trung hành độc phục,” nghĩa là đi giữa cái ác, một mình mình theo cái thiện. Điều hay là ở chỗ, dũng cảm mỗi một mình quân tử đi giữa đường, xung quanh “quần âm” còn mạnh, thế lực cái tốt còn yếu. Một con phượng ở giữa bầy cú, một hòn ngọc ở giữa chòm đá, đã chắc gì thay đổi được hoàn cảnh, nhưng tự mình luôn tâm tâm niệm niệm cố gắng phục trong chiều kích khéo léo, vận dụng mọi điều kiện, hoàn cảnh.

13. Đức Vô Cực Từ Tôn, Thánh thất Bình Hòa, 15–8 Kỷ Dậu (1969).

14. Thánh thất Tân Định, 14–8 Kỷ Dậu (25–9–1969).

Luôn lấy tình thương của Thượng Đế mà xử sự trong mọi cảnh ngộ: *“Các em hãy lấy tình thương của Thượng Đế mà xử sự trong mọi cảnh ngộ, thì những chướng ngại vật đâu khó khăn cách mấy cũng phải cúi đầu khuất phục cho những đức tánh khiêm tốn đại lượng, khoan dung, từ bi, bác ái.”*<sup>15</sup>

## 5. THỰC HIỆN “HÒA AI”:

Muốn xây dựng cõi thái hòa an lạc nơi thế gian, không có con đường nào khác là phải tạo thế như hòa. Sứ mạng như hòa không dành riêng cho một ai, một tôn giáo hay một quốc gia nào, mà là sứ mạng của toàn nhân loại.

*“Muốn cho dân tộc này hưởng cảnh thái hòa an cư lạc nghiệp, muốn cho mảnh đất này như mảnh đất Thuận Nghiêu, người người an hưởng yên vui, các em phải làm sao tạo được thế như hòa. Phải, chỉ có thế như hòa mới tạo được hoàn cảnh thái hòa, mới xây dựng lại xóm làng nước non dân tộc trong cảnh thái hòa.”*<sup>16</sup>

Đặc biệt là dân tộc Việt Nam, dân tộc được chọn, sứ mạng như hòa là điều tiên quyết:

*“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác. Nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng Trọn Lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ...”*<sup>17</sup>

Đối với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, như hòa là sứ mạng quan trọng nhất:

*“Cơ Quan là một bộ máy, trong đó gồm cả trực*

15. Đức Lý Giáo Tông.

16. Đức Đông Phương Chương Quán, Ngọc Minh Đài, 15–6 Mậu Thân (10–7–1968).

17. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30–10 Mậu Thân (19–12–1968).

xoay, bánh trốn, dây chuyền, các bánh phụ tùng, những con ốc nhỏ và nhiên liệu, huýt liệu... Bộ máy muốn chạy đều hòa, không nứt thiết chỉ nhờ một phụ tùng, mà phải nhờ toàn thể bộ phận liên đới.”<sup>18</sup>

“Mẹ đầu thích ngự chốn chùa không,  
Chẳng có ích chi cho đại đồng,  
Trong lúc sanh linh còn khổ nạn,  
Tình con hòa hiệp cũng chưa xong.(...)”

Các con đừng chấp về hình thức cũng như  
đừng chấp về danh từ. Nếu còn chấp là tự  
ràng buộc lấy con không ngày giải thoát đó  
các con.”<sup>19</sup>

Còn Đức Chí Tôn dạy:  
Hòa là một món báu linh,  
Là chìa khóa mở Ngọc Kinh bước vào.<sup>20</sup>  
Hòa như đức Nguyên  
Đức Mẹ dạy:

“Mùa xuân chỉ cho sự phát sinh sức sống cho  
vạn loài, không giới hạn, không đóng khung vào  
một hoàn cảnh một thời gian nào, vì Đạo theo  
Đức Nguyên là thể hiện được lòng Trời, thương  
yêu dưỡng dục chan hòa mọi kẻ mọi nơi, không  
riêng tư, không cá biệt, làm cho thiên hạ nên, mọi  
người được yên ổn mà không thấy mình là kẻ tạo  
nhân hay ân nhân của ai trong thiên hạ.(...)”

Đạo là như vậy đó con ơi!  
Vui với lòng con với lẽ Trời,  
Từng nhịp hơi đưa từng nhịp sống,  
Dung hòa vũ trụ chẳng riêng nơi.”<sup>21</sup>

Quẻ Thiên Trạch Lý dạy chúng ta phải thực  
hành cho được “Hòa nhi chí,” tức đạt Hòa đến  
cực điểm.

### ĐIỀU KIỆN: MUỐN HÒA PHẢI HY SINH VỊ NGÃ.

Là hy sinh cái “chỉ vì TA,” chỉ muốn lợi cho  
mình, mà không đếm xỉa hay coi nhẹ NGƯỜI

khác. “Vị kỷ” mang nghĩa “vì TA” hơn “vì  
NGƯỜI,” nên cũng mang ý nghĩa phân biệt hơn  
/ kém giữa TA và NGƯỜI. Như vậy, bỏ đi “tâm vị  
kỷ” (hay lòng vị kỷ) cũng là bỏ đi “tâm phân  
biệt TA / NGƯỜI.”

Khi ta rèn luyện để có thể yêu thương tất cả  
mọi người như yêu chính bản thân TA, như yêu  
thương những người thân thuộc của TA, thì đó  
là lòng vị tha (không vị kỷ,) bác ái.

Trong tập thể muốn giữ được hòa khí, các  
Đấng Thiêng Liêng khuyên mỗi người, nhất là  
trang hướng đạo, phải biết hy sinh bản thân  
mình, lấy đạo đức làm chuẩn mực dung hòa  
giữa mọi người, giữa các chi phái, các tôn giáo,  
hòa trong từng sinh hoạt chung (hiệp tâm cùng  
tập thể Đạo khi hội họp, Đạo sự chung; Hòa  
trong đọc kinh, bái lạy, trật tự theo hình thức  
nghỉ lễ...).

Đừng chấp nhứt so đo, riêng rẽ,  
Mà tình thương sút mẻ, chỉ li,  
Quý là liễn lý như y,  
Hữu hình sai biệt, vô vi một màu.<sup>22</sup>

## KẾT QUẢ CỦA CÔNG TRÌNH

### 1. LỢI ÍCH CHO MÌNH VÀ ĐỘ ĐƯỢC NGƯỜI:

#### • Lợi cho mình:

Tu thân trước phải trau dồi đức hạnh vì đức  
hạnh là lớp đầu của Tu sĩ, là kết quả của cấp  
lãnh đạo. Tu thân có lợi cho mình vì công trình  
rèn luyện tác phong đạo hạnh chính là *đệ nhứt  
pháp môn*,<sup>23</sup> vì đó chính là con đường đưa con  
người lên nấc thang tiến hóa.<sup>24</sup>

• Độ được người: vì sẽ gây được thiện cảm  
với người, người sẽ tin và noi theo, như vậy  
công đức phổ độ nhưn sanh mới hành tròn.

Đức Bảo Hòa dạy:

“Có tác phong đạo hạnh thì được kẻ kính người

18. Đức Mẹ, Thiên Lý Đàn, 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965).

19. Đức Mẹ, Thánh thất Tân Định, 24-8 Nhâm Tý (01-10-1972).

20. Đại Thừa Chơn Giáo, bài Hòa Hiệp, đàn 03-8 Bính Tý (1936).

21. Ngọc Minh Đài, 01-01 Tân Hợi (27-01-1971).

22. Minh Lý Chơn Giải, chương 4, tr.85.

23. Đức Bảo Hòa Thánh Nữ, Vĩnh Nguyên Tự, 17-6 Đinh Tỵ (31-7-1977).

24. Đức Vạn Hạnh Thiển sư, Minh Lý Thánh Hội, 05-9 Mậu Thân (26-10-1968).



mến, kẻ yêu người nể, và người ngoài hâm mộ mà noi theo, có lợi cho mình mà độ được người.”<sup>25</sup>

## **2 DUNG HÒA ĐƯỢC VỚI TẤT CẢ MỌI NGƯỜI, GIÚP NHƠN SANH, VŨ TRỤ ĐƯỢC THANH BÌNH, YÊN ỔN:**

Khi tập yêu thương, dần dần tình thương của ta sẽ mở rộng đến muôn người không phân biệt, đó là ta thực hiện được sự dung hòa với mọi người. Khi tâm yêu thương mở rộng đạt đến như tình Tạo hóa, như Thiên Địa chi tâm, đó chính là lúc công đức được gia tăng tột đỉnh, vì thuận ứng tự nhiên thì sẽ giúp cho nhơn sanh an lạc, vũ trụ được thanh bình, yên ổn.

*Noi đạo đức, đường ngay, lẽ chánh,  
Giữ lòng lành, tánh hạnh tu duyên,  
Đường nhiên thuận ứng tự nhiên,  
Nhơn sanh vũ trụ, ổn yên thanh bình.*<sup>26</sup>

Làm công quả với tâm yêu thương như thế sẽ đạt đến công đức vô lượng. Đó chính là làm âm chất, là đức hạnh phát triển đến mức độ cao “Tánh không” – là sự chứng Đạo của hàng Phật Tiên. Đây chính là sự liên quan mật thiết của công trình và công phu.

Đức Bảo Hòa Thánh Nữ dạy:

*“Công phu luyện kỹ thuần thành, không phải là chỉ đá hóa vàng, đời non lấp biển, mà chỉ cần biến mọi tình thức vọng niệm thành chơn thiện mỹ để làm tròn bốn phận một đời người, thì “tánh không” do đó mà phát hiện cho đến ngày nhập thể hư vô. Đó là sự chứng đạo của hàng Phật Tiên.”*<sup>27</sup>

## **3. PHÁT TRIỂN ĐƯỢC TRÍ TUỆ – GIÚP THỰC HIỆN ĐẠO SỰ TỐT ĐẸP:**

Nhờ tu dưỡng đức hạnh, ta sẽ gây được thiện cảm và sự tin yêu của người. Đức có đủ thì nói người mới nghe, mới tin mới phục. Có hạnh, làm việc gì ta cũng cẩn thận. Nhờ kiên trì học

hỏi, trí tuệ phát triển, thêm được cảm ứng với Thần Thánh Tiên Phật, ta có sự sáng suốt để thực hiện đạo sự tốt đẹp. Điều này sẽ càng được nâng lên khi ta có thêm phần trí huệ của công phu. Vì như lời Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân dạy tại Ngọc Minh Đài: *“không tham thiền làm sao mở mang trí hóa để đạt thấu cái lẽ hư vô huyền diệu.”*

## **KẾT LUẬN**

Ỗn Trên dạy:

*Kho Tam bửu mỗi ngày thêm mỗi cạn,  
Đành ô hô tánh mạng tự vô thường,  
Cái đáng thương mà đành bỏ không thương,  
Cái đáng sợ lại vẫn vương không bỏ.*  
Nhưng, muốn hạ thủ trước phải lo “Luyện kỹ”  
Đức Chí Tôn dạy:

*“Sự thương yêu là chìa khoá mở Tam thập lục Thiên, Cực Lạc thế giới và Bạch Ngọc Kinh... Có câu này nữa! “Mọi sự khó khăn Thấy gánh vác, chỉ cậy các con thương yêu gắng công độ rồi.”*<sup>28</sup>

Đức Lý Giáo Tông khuyên không nên chỉ cực đoan lo làm công quả mà lơ là phần công trình và công phu:

*Cực đoan Công quả kiên trì,  
Công trình lỏng lẻo, kiếm thì Công phu.*<sup>29</sup>

Đức Quan Âm dạy:

*Hành đạo mà không tu thân là thiếu căn bản lương thiện vì sự tu thân là chuẩn đích nòng cốt căn bản của người đạo để dọn mình đứng đắn mới độ chúng sanh.*

Chúng ta cương quyết lập công bồi quả, nhưng cũng không quên kiên trì công trình luyện kỹ. Tức là song hành tu thân hành đạo, nhưng phải với tâm thanh tịnh, vô tư, vô vọng, vô cầu. Dẫu khó khăn nhưng với tâm thành tu tiến đó sẽ là tiền đề căn bản cho công phu được thuận lợi, đó là chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh, là yếu tố quyết định ngôi vị thiêng liêng. ■

25. Vĩnh Nguyên Tự, 17-6 Đinh Tỵ (31-7-1977).

26. Minh Lý Chơn Giải, chương 4.

27. Vĩnh Nguyên Tự, 27-9 Nhâm Tuất (12-11-1982).

28. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển 2, đàn ngày 27-10-1927.

29. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 17-02 Mậu Thìn (03-4-1988).



# THUỐC TIÊN

■ DIỆU NGUYÊN



Mỗi con người đến thế gian đều bị ràng buộc trong vòng tứ khổ là sinh, lão, bệnh, tử, trong đó, có thể nói, bệnh là nỗi khổ triền miên của con người từ lúc sinh ra cho đến khi lìa đời.

Do đó, “Trường sinh bất tử” hay “trẻ mãi không già” là chuyện không có thực ở đời, thế nhưng nó vẫn luôn là mối bận tâm xưa nay của các bậc vua chúa hoặc những người giàu sang quyền quý. Con người vẫn mong ước được sống thọ, ít bệnh, lâu già. Vậy, có chăng một thứ thuốc tiên (tiên dược, thần dược) giúp cho con người được thỏa nguyện?

Đạo Lão ở Trung Hoa ngày xưa gồm nhiều phái, trong đó có một phái gọi là Thần Tiên Đan Đỉnh, chủ trương dùng một số dược liệu để nấu thuốc trường sinh bất tử, trong đó có một thứ đá cát màu đỏ gọi là chu sa hay thần

sa. Tuy nhiên, nhiều đạo sĩ và hoàng đế các đời Tần, Hán, Đường...uống loại kim đơn này, chẳng những không được trường sinh bất tử mà còn bị ngộ độc, hóa điên hóa dại, bởi lẽ chu sa là một hợp chất chứa thủy ngân và lưu huỳnh là các chất độc, dùng lâu ngày sẽ hóa ra si ngốc.<sup>1</sup>

Các Nữ hoàng, hoàng hậu thời xa xưa cũng luôn nghiên cứu tìm kiếm hoặc được các ngự y cung cấp các loại thảo dược quý trong thiên nhiên để duy trì vẻ đẹp Trời cho và kéo dài tuổi thanh xuân. Còn ngày nay, các thẩm mỹ viện được mở ra ngày càng nhiều để phục vụ cho nhu cầu làm đẹp của con người, không chỉ dành riêng cho nữ phái mà luôn cả nam phái.

1. Theo Giáo sư Đỗ Tất Lợi, Những Cây Thuốc Và Vị Thuốc Việt Nam, Hà Nội, 1981.

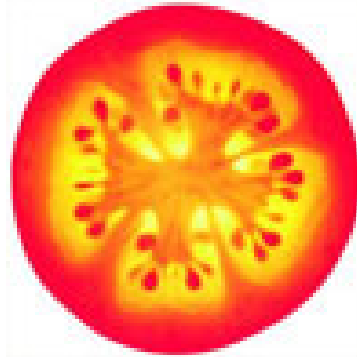
Tuy nhiên, đã có không ít trường hợp những người ra khỏi thẩm mỹ viện với khuôn mặt dị dạng hoặc bị những di chứng tai hại về sau hay thậm chí còn bị mất mạng nữa.

Với sự tiến bộ vượt bậc của y học hiện đại, người ta đã chế tạo ra đủ các loại thuốc chữa bệnh, thuốc bổ và thực phẩm chức năng để giúp con người sống thọ, ít bệnh, lâu già. Đặc biệt là các thực phẩm chức năng được chế tạo từ các loại thảo dược, rau củ quả trong thiên nhiên đã trở nên rất thịnh hành với giá bán rất đắt. Cách đây vài năm, trên mạng internet có phổ biến một tài liệu khá thú vị với nhan đề “Nhà thuốc của Thượng Đế” giới thiệu về ích lợi dinh dưỡng của các loại rau củ quả có hình dạng giống hệt như các cơ quan trong cơ thể người. Tài liệu này viết rằng:

Thiên nhiên là một nhà thuốc kỳ diệu của Thượng Đế! Thượng Đế đã tạo ra các thực phẩm cần thiết như trái cây, rau củ...trước khi tạo ra con người. Vì loài người thuở sơ khai có một trình độ hiểu biết thấp thỏi nên Thượng Đế đã để những dấu hiệu trên các loại rau quả giúp con người biết được loại rau quả nào ích lợi cho cơ quan nào trong cơ thể con người.



- Một khoanh cà rốt cắt lát trông giống với mắt người, con người và trông đen mắt. Các đường lan tỏa từ tâm trông giống với cơ quan thị giác. Khoa học đã chứng minh rằng cà rốt cải thiện rất nhiều sự lưu thông máu huyết và thị lực.



- Quả cà chua màu đỏ có 4 buồng ngăn. Trái tim con người cũng có 4 buồng ngăn và cũng màu đỏ. Tất cả các nghiên cứu khoa học đều chứng minh rằng cà chua chứa đầy Lycopine và thật sự là thực phẩm tốt cho trái tim và máu huyết.



- Các quả nho treo lủng lẳng thành từng chùm có hình dạng của trái tim. Và mỗi trái nho trông giống như một huyết cầu. Các nghiên cứu ngày nay chứng minh rằng nho là thực phẩm tốt cho máu huyết và giúp cho trái tim mạnh khỏe.



- Hạt Óc Chó trông giống hệt như não người với hai bán cầu trái và phải, vỏ não và tiểu não. Ngay cả các nếp nhăn hay nếp gấp trên hạt Óc



Chó cũng giống với phần vỏ não. Hạt Óc Chó giúp phát triển hơn ba mươi tế bào thần kinh vận động cho hoạt động của bộ não.



• Hạt đậu đỏ (Dark red kidney bean) có hình dáng của quả thận. Trên thực tế, loại đậu này bảo vệ chức năng thận và chúng trông hoàn toàn giống với quả thận.



• Cần tây chứa nhiều Can-xi và Ma-nê, rất có ích cho quá trình tạo xương và giúp các khớp khỏe mạnh.

Đạo huynh bác sĩ Trần Bửu Long, với kinh nghiệm điều trị của mình, đã cho biết:

• Trái chuối có màu da chuối rất giống da người, khi chuối để lâu, vỏ chuối cũng “trở đôi môi” y như da người. Và chuối là liệu thuốc bổ vô cùng cho da và gan. Bước vào khoa viêm gan bệnh viện nhiệt đới sẽ thấy mỗi đầu giường bệnh nhân đều treo một nải chuối sứ. Nhiều bệnh nhân điều trị mụn khắp nơi không hết, về ăn ròng rã chuối trên 6 tháng (ngày khoảng 4 trái), da mặt liền lạc như mới.

• Đu đủ, khi xẻ ra nhìn y hệt hình ảnh đường tiêu hóa theo góc nhìn máy nội soi. Những bệnh lý tiêu hóa như đen miệng, nóng rát hậu môn, trĩ... nếu dùng khoảng nửa trái đu đủ mỗi ngày sẽ hết rất nhanh.

• Rau tần dày lá có những lông tơ nhỏ trên lá y hệt như lông phế quản có những lông tơ giống vậy để đẩy đàm nhớt ra ngoài. Do đó, rau tần dày lá trị ho do kích thích phế quản rất hay.

• Và còn nhiều loại rau củ quả khác là vị thuốc cho con người.

Vậy, chúng ta thấy rằng, nếu con người có được những kiến thức về “nhà thuốc thiên nhiên của Tạo Hóa”, duy trì một chế độ dinh dưỡng khoa học, hợp vệ sinh và nhất là nếu ăn chay trường đúng cách thì đó cũng là một trong những yếu tố giúp duy trì sức khỏe và sắc đẹp của con người. Tuy nhiên, thực phẩm hay thuốc men đắt tiền không phải là yếu tố quyết định, bởi lẽ, trên thực tế, con người ngày nay càng có thêm nhiều chứng bệnh mới mà y học đành phải thúc thủ bó tay!

Có thể nói rằng, vị thuốc tiên giúp cho con người mạnh khỏe, ít bệnh, lâu già, và xinh đẹp không nằm ở bên ngoài cơ thể con người mà vị thuốc tiên ấy được bào chế và sản xuất ngay trong thân thể hay nội tâm của chúng ta. Mỗi người đều có thể tự bào chế cho mình vị thuốc tiên này.

Kinh Tương Ứng Bộ của Phật giáo, Tập 1 (Thiên có kệ), chương I (Tương Ứng chư Thiên) ghi chép rằng thuở Đức Phật ở thành Xá Vệ, vườn Cấp Cô Độc, có một vị Thiên từng cảm kích vẻ đẹp kỳ diệu của các Tỳ kheo tu hành kham nhẫn trong rừng núi, lấy làm thắc mắc và đến hỏi Đức Phật:

*Bạch Thế Tôn,  
Thường sống trong rừng núi,  
Bậc Thánh sống phạm hạnh,  
Một ngày ăn một buổi,  
Sao sắc họ thù diệu?*

Các vị tu hành khổ hạnh, một ngày chỉ ăn một buổi, nào có cao lương mỹ vị hoặc sâm nhung bổ dưỡng chi đâu, nhưng sao lại có một sắc đẹp kỳ diệu?

---

2. Thù diệu: Thù: rất, lắm, cực kỳ. Diệu: kỳ diệu. Sắc thù diệu: sắc diện rất đẹp, vẻ đẹp kỳ diệu.

Đức Phật đáp:  
*Không than việc đã qua,  
Không mong việc sắp tới,  
Sống ngay với hiện tại,  
Do vậy, sắc thù diệu.*  
*Do mong việc sắp tới,  
Do than việc đã qua,  
Nên kẻ ngu héo mòn,  
Như lau xanh rời cành.*

Lời dạy của Đức Phật cho thấy ảnh hưởng mạnh mẽ của nội tâm đối với sức khỏe và sắc diện của con người. Nếu con người hiểu rõ lẽ vô thường của cuộc đời, tâm được an nhiên thanh tịnh, không tiếc nuối chuyện đã qua, không mong vọng chuyện sắp đến, sống tỉnh giác và an lạc trong hiện tại trước mọi biến thiên của ngoại cảnh, không tham dục, không lo lắng tính toán thì sẽ có được một sắc diện thù diệu và tất nhiên, một sức khỏe khang kiện.

Mà sao ta lại phải lo lắng làm gì khi mà Chúa Giê Su đã dạy rằng:

*“Còn về áo mặc cũng thế, lo lắng làm gì? Hãy ngắm xem hoa huệ ngoài đồng mọc lên thế nào mà rút ra bài học: Chúng không làm lụng, không kéo sợi; thế mà, Thầy bảo cho anh em biết: ngay cả vua Salômôn, dù vinh hoa tột bậc, cũng không mặc đẹp bằng một bông hoa ấy. Vậy, nếu hoa cỏ ngoài đồng, nay còn, mai đã quăng vào lò, mà Thiên Chúa còn mặc đẹp cho như thế, thì huống hồ là anh em...”* (MATTHÊU 6:28-30)

Có thể nói cách sống của mỗi người sẽ quyết định tình trạng sức khỏe, tuổi thọ và vẻ đẹp của mình.

Tháng 6-2014, các báo điện tử ở Việt Nam đã đăng bài nói chuyện của bác sĩ Richard Teo Keng Siang với các sinh viên trường Đại học Nha Khoa Singapore 9 tháng trước khi ông qua đời vì bệnh ung thư phổi. Ông là một bác sĩ phẫu thuật thẩm mỹ, rất ham sống, ham làm việc và... ham làm giàu. Năm 40 tuổi, ông đã trở thành một nhà triệu phú.

Ông tâm sự rằng lúc nhỏ ông lớn lên trong một gia đình có mức sống dưới mức trung bình

và được mọi người dạy rằng thành công thì hạnh phúc. Thành công có nghĩa là giàu có. Với suy nghĩ này, ông trở nên cực kỳ ganh đua ngay từ nhỏ.

Ông muốn mình phải thành công trong mọi lĩnh vực, từ các hoạt động tập thể đến chạy đua, ông quyết tâm phải đoạt được giải. Ông vào trường y và trở thành bác sĩ. Trong ngành y, phẫu thuật mắt là một trong những chuyên khoa khó vào nhất, nhưng ông cũng vào được và được học bổng nghiên cứu của trường Đại học Quốc gia Singapore về phát triển tia laser để chữa bệnh mắt.

Trong khi nghiên cứu, ông có hai bằng phát minh, một về dụng cụ y khoa và một về tia laser. Nhưng ông cho rằng tất cả các thành tựu này không mang lại cho ông sự giàu có. Vì vậy, ông quyết định bỏ ngành phẫu thuật mắt giữa chừng và nhảy qua mở trung tâm phẫu thuật thẩm mỹ, bởi lẽ một người có thể không vui vẻ khi trả 20 đôla Mỹ để khám tổng quát, nhưng cũng chính người đó không ngần ngại trả 10 nghìn hay 15 nghìn đôla Mỹ để được giải phẫu thẩm mỹ. Do vậy, thay vì chữa bệnh, ông quyết định trở thành người sửa sắc đẹp.

Công việc làm ăn rất khấm khá. Chỉ trong vòng một năm, ông đã trở thành triệu phú. Ông bảo: “Nhưng chẳng thế nào là đủ. Bởi vì càng tích tụ, càng có nhiều, tôi lại muốn nhiều hơn. Càng ham muốn, tôi càng trở nên mê muội. Tôi trở nên mê muội đến nỗi mà chẳng còn việc gì thành vấn đề đối với tôi nữa. Bệnh nhân chỉ là một nguồn lợi tức và tôi vắt cạn từng xu của họ. Nhiều khi chúng ta quên đi mình cần phục vụ ai. Chúng ta lầm lạc đến nỗi chẳng phục vụ ai cả ngoài chính mình. Chúng ta đánh mất lương tâm vì chúng ta chỉ muốn kiếm tiền.”

Ông bắt đầu khuếch trương tới Nam Dương, thu hút các “tai-tais” (tiếng dùng để chỉ các bà mệnh phụ nhiều tiền không đi làm) những người muốn có cuộc phẫu thuật trong chớp mắt. Cuộc đời ông phát lên như diều gặp gió.

Với mớ tiền dư thừa, ông đã sắm xe đua đắt



tiền, rồi mua biệt thự, xây nhà nghỉ mát. Ông nghĩ rằng cần phải hòa nhập với những người giàu có, nổi tiếng, giao tiếp với hoa hậu thế giới hay người sáng lập mạng Internet, ăn uống ở những nhà hàng sang trọng nhất.

Ông đã có được mọi thứ trong cuộc sống, lên đến tột đỉnh của sự nghiệp và tất cả. Ông nghĩ mình đã chế ngự được mọi chuyện và đạt đến đỉnh vinh quang. Ông tâm sự: “Nhưng tôi đã lầm. Tôi không chế ngự được mọi chuyện.” Giữa lúc ông đang ở trên tột đỉnh của sự giàu sang và danh vọng thì ông đã phát hiện ra rằng ông bị bệnh ung thư phổi giai đoạn cuối với hàng chục ngàn nang ung thư trong buồng phổi. Ông được cho biết, ngay cả với hóa trị, ông cũng chỉ còn sống được tối đa 3, 4 tháng. Ông chán nản, tuyệt vọng.

Ông nói: “Điều mâu thuẫn là, mọi thứ tôi có được – sự thành công, cúp thưởng, xe cộ, nhà cửa, tất cả những thứ mà tôi nghĩ đã mang hạnh phúc đến cho tôi; khi tôi xuống tinh thần, tuyệt vọng, đều không mang đến cho tôi niềm vui. Tôi chẳng thể ôm chiếc Ferrari mà ngủ. Chuyện đó không thể xảy ra. Chúng không mang lại một sự an ủi nào trong những tháng cuối cùng của cuộc đời tôi. Vậy mà tôi đã tưởng những thứ này là hạnh phúc; không phải vậy. Điều thật sự mang lại cho tôi niềm vui trong mười tháng cuối cùng là tiếp xúc với người thân, bạn bè, những người chân thành chăm sóc tôi, cười và khóc cùng tôi. Họ có thể nhìn thấy sự đau đớn, chịu đựng mà tôi phải trải qua. Điều này mới thật sự mang lại hạnh phúc cho tôi. Những thứ tôi sở hữu, đáng lý ra mang lại hạnh phúc, nhưng không, tôi đã chẳng cảm thấy vui khi nghĩ đến.”

Đến lúc ấy, ông mới thật sự hiểu được giá trị tinh thần của sự đồng cảm, an ủi, sẻ chia với người đang đau khổ. Ông nói: “Tôi được huấn luyện thành bác sĩ để có từ tâm, đồng cảm. Nhưng tôi đã không có.” Khi còn làm bác sĩ ở khoa Ung thư của một bệnh viện, ông đã làm công việc của người bác sĩ như một cái máy, thờ ơ lãnh đạm trước nỗi đau tột cùng của bệnh

nhân ung thư giai đoạn cuối. Đến khi trở thành bệnh nhân, ông mới thực sự hiểu được cảm giác của họ. Ông nói với sinh viên: “Nếu các em hỏi tôi, nếu được làm lại cuộc đời, tôi có muốn thành một người bác sĩ khác không. Tôi sẽ trả lời các em là “Có”. Vì bây giờ tôi thật sự hiểu được họ. Tôi phải trả giá đắt cho bài học này.”

Và cũng đến lúc ấy, ông mới thực sự hiểu được hành động của cô bạn thân Jennifer trong những lần họ cùng nhau thả bộ: mỗi khi nhìn thấy một con ốc sên trên đường, cô liền cúi xuống nhặt nó lên và đặt lại trong thảm cỏ. Trước kia ông cứ mãi thắc mắc vì sao cô lại làm như thế làm gì cho bản tay, nhưng bây giờ thì ông đã hiểu được rằng cô bạn của ông có được lòng thương cảm ngay cả với những con ốc sên, sợ chúng bị những bàn chân vô tình giẫm nát.

Ông nói: “Và bây giờ, với chút năng lực còn lại, tôi tìm đến các bệnh nhân ung thư khác vì tôi thật sự hiểu được họ đau đớn, chịu đựng như thế nào. Hơi muộn màng và ít ỏi!”

Ông nhắc nhở các bạn sinh viên rằng: “Những con người đau khổ trên thế gian này có thật và có rất nhiều. Chỉ vì chúng ta làm lơ hoặc không muốn biết đến sự hiện hữu của họ. Do đó đừng quên, khi các em được thành danh, hãy với tay đến những người cần sự giúp đỡ. Bất cứ việc gì các em làm đều có thể mang đến sự khác biệt lớn cho họ. Mọi người đều biết rằng sẽ có ngày phải chết, chúng ta ai cũng biết như vậy. (...) Thật nghịch lý rằng, chỉ khi sắp chết thì mình mới biết nên sống như thế nào. (...) Hạnh phúc thật sự không có được khi chỉ sống cho riêng mình. Đừng giống như tôi. Tôi không còn cách nào khác và đã phải trả giá đắt cho bài học này.”

Câu chuyện của bác sĩ Richard Teo Keng Siang đã cho chúng ta thấy rằng cuộc sống giàu sang tột đỉnh cũng không thể mang lại cho con người sức khỏe và tuổi thọ. Chỉ khi biết sống với tấm lòng vị tha, mang đến sự tốt đẹp cho đời sống của người khác thì con người mới có hạnh phúc thật sự, và hạnh phúc đó mới là vị

thuốc tiên giúp cho con người sống vui, sống khỏe và có một sắc đẹp thù diệu thanh thoát. Mỗi khi chúng ta làm được một việc thiện mang lại hạnh phúc cho người khác, lòng ta cảm thấy hân hoan. Niềm hân hoan ấy là một liều thuốc bổ giúp cơ thể được sáng khoái nhẹ nhàng tho thới, giúp chúng ta luôn tươi trẻ và đẩy lùi nhiều bệnh tật. Trên thực tế, có nhiều vị nữ tín hữu, sau một thời gian tu tập thực hành công quả công phu thì diện mạo trở nên xinh đẹp hẳn ra.

Ngoài ra, dân gian cũng thường bảo: “Một nụ cười hơn mười thang thuốc bổ”. Do đó, những ai luôn vui vẻ nở nụ cười tươi tắn với người khác thì thường trẻ lâu, còn những người lúc nào mặt mày cũng nhăn nhó cáu gắt sẽ mau già sớm.

Đặc biệt, trong đạo Cao Đài, có rất nhiều giai thoại về thuốc Tiên. Thuở mới khai đạo,

Tại vùng nọ, có một ông bị chứng đau bụng lâu ngày. Đã đi nhiều thầy, chạy chữa nhiều nơi vẫn không hết.

Khi ấy phong trào cầu cơ Cao Đài đang phát triển. Nghe nói lắm khi Thiêng Liêng ban cho các toa thuốc rất linh nghiệm. Người phàm đã trị không hết thì xin thuốc của Thần Tiên vậy. Thế là ông liên lạc với một người bạn tín đồ Cao Đài để xin được hầu đàn cơ. Chúng lòng thành kính của ông, Ôn Trên điểm danh và cho một bài thuốc, đồng thời dạy người con ra tiệm thuốc bắc mua đem về sắc ngay, và cho uống liền tại chỗ. Trong lúc ông chờ đợi, đàn cơ vẫn tiếp tục dạy các người khác.

Có ai đó nắm lưng áo giật giật. Ông quay lại, thì ra một người quen vốn cũng biết về thuốc. Người ấy kể tai ông nói nhỏ: “Toa này thuốc độc không hà, đừng uống!”

Thoáng suy nghĩ vài giây, người bệnh trả lời: “Đã chạy hết thầy hết thuốc rồi mà không khỏi. Nay bẻ trên chữa trị thì cứ uống. Có gì theo bẻ trên luôn cũng được.”

Thuốc đã sắc xong, ông vội uống ngay. Đàn vẫn đang còn. Mười phút sau, Ôn Trên dạy: “Lấy lông gà ngoáy trong họng cho mửa.” Ra ngoài

sân làm theo lời dạy, ông mửa ra con gì như con sên. Từ đó hết bệnh luôn.<sup>3</sup>

Trong giai đoạn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được lập thành, chúng ta thấy hàng Thiên ân sứ mạng luôn được Ôn Trên ưu ái, ban thuốc chữa bệnh để được nhẹ nhàng bớt phần nào thân nghiệp hầu lo hành đạo giúp đời.

Trong một lần giảng đàn tại Thiên Lý Đàn vào năm Kỷ Dậu 1969 (20-10 Kỷ Dậu, 29-11-1969), sau khi đã dạy xong về phần đạo pháp và phần hành sự, Đúc Tôn Sư Đông Phương Chuồng Quán từ già:

*Giã chư đệ muội trần hồng,*

*Rán lo tu học non bồng ta lui.*

Ngay lúc đó, đạo trưởng Nội Chánh Vụ Trưởng quỳ lên bạch xin thuốc cho đạo trưởng Phó Tổng Thư Ký và đạo tử Nữ Chung Hòa. Đúc Tôn Sư nói:

*“Bần Đạo vẫn nhớ, nào có quên đâu hiền đệ! Bần Đạo giúp một phương tiện trong tình sư đệ mà thôi. Về nghiệp quả, muốn cho sớm dứt cũng phải một thời gian tu luyện mới có thể dứt đặng. Đây hiền đệ đến trước Thiên Bàn đem ba loại hoa đang chưng trên bàn, mỗi thứ hai cái, để vào đĩa đem đến đây, Bần Đạo ban ân cho:*

THI

*Tam sắc huê khai chuyển pháp luân,*

*Độ nhơn giải thoát nghiệp hồng trần,*

*Đái công thực tội hành chơn đạo,*

*Nhứt điểm linh quang nhứt điểm thân.*

*Hiền đệ đem về sao khô, hiệp chung lại, dùng nước trong tịnh thủy bình tại Thiên Bàn, lường ba chung đổ vào một chén, phân số hoa này ra làm ba lần, để vào nước chưng cách thủy, thành tâm khẩn nguyện, uống đúng vào giờ Tý và giờ Ngọ, trường phục như vậy trong tam nhứt.”*

Về phần đạo tử Nữ Chung Hòa, Ngài cũng ban ân cho: Hiền đệ dùng ba thứ hoa này, làm đúng lời dạy trước, song phải thêm vào mỗi

3. Ngọc Giáo hữu Bùi Văn Tâm, Bồi Dưỡng Đúc Tin, NXB Tôn Giáo, 2012.

lần là một chỉ Tục Đoan, một chỉ Linh Tiên, hiệp với hoa mà chưng cách thủy và uống đúng vào giờ Dậu, giờ Mẹo, y như vậy trong tam nhật. Đó là phương tiện giúp đỡ của Bản Đạo đối với hiền đệ Phó Tổng Thơ Ký và hiền muội Nữ Chung Hòa.

Một lần khác, Đạo trưởng Tổng Lý Minh Đạo Huệ Lương của chúng ta cũng xin Đức Tôn Sư thuốc chữa bệnh cho một đạo tử trong bộ phận Hiệp Thiên Đài. Đức Tôn Sư nói:

*“Cười... Bản Đạo chỉ đem pháp nhiệm cứu rỗi phần linh hồn, chứ có phải thầy thuốc ở đầu mà chú hiền đệ cứ xin thuốc mãi. Thôi hiền đệ! Bản Đạo cũng cảm thương lòng khẩn vái của các Thanh thiếu niên mà ban ơn cho, hiền đệ an lòng, sau sẽ rõ. Đó là một sự vay trả đấy.”*<sup>4</sup>

Qua lời dạy của các Đấng, chúng ta thấy rằng con người bị bệnh là cũng do nghiệp chướng mà mình đã gây tạo, do đó Thiêng Liêng ban thuốc tiên cũng chỉ có thể hỗ trợ một phần mà thôi, điều chính yếu là chúng ta phải tự lo tu hành, làm công quả phước thiện để tự mình giải trừ nghiệp chướng cho chính mình. Vậy, cũng có thể nói, công quả là bài thuốc tiên để chữa bệnh nghiệp cho mỗi người. Bài thuốc này do mỗi người tự bào chế lấy.

Một trường hợp đặc biệt hơn nữa, đó là trường hợp của đạo trưởng Định Pháp Minh Thiện, Tổng Lý Minh Lý Thánh Hội mà nay là Đức Bác Nhã Thiển Sư.

Vào năm 1972, đạo trưởng bệnh nhiều. Đức Vạn Hạnh Thiển Sư đã giảng đàn tại Minh Lý Thánh Hội và cho biết như sau:

*“Về bệnh trạng và sức khỏe của đạo hữu Định Pháp Minh Thiện. Tuy biết rằng vạn vật hữu sinh hữu diệt, hữu hình hữu hoại, mỗi mỗi đều bị chi phối của luật sinh trưởng tiêu tàn. Nhưng vì trách vụ đặc biệt của Minh Thiện trong giai đoạn hiện tại hiếm có người thay thế. Vì thế Thượng Đế đặc ân chấp thuận cho Định Pháp được gia tăng tuổi thọ. (...)*

4. Thiển Lý Đàn, 28-5 Kỷ Dậu, 12-7-1969.

*Sau khi xả đàn, chú đạo hữu có thời cầu kinh cho Định Pháp. Sau thời kinh ấy sẽ tái lập đàn cơ do Liên Hoa phụ trách để Lữ Tổ Thuần Dương đến xem mạch cho toa Định Pháp nghe chú đạo hữu.”*<sup>5</sup>

Có thể nói đây là một việc hy hữu xưa nay chưa từng thấy: Thần Tiên bắt mạch và cho toa trị bệnh cho người dương thế.

Ngày nay, chúng ta không còn có được những ân sủng đặc biệt như thế nữa, tuy nhiên, trong Thánh giáo Cao Đài, các Đấng Thiêng Liêng cũng đã từng dạy cho chúng ta các bài thuốc tiên, chính là các bí quyết để con người có được một sức khỏe khang kiện và một sắc đẹp thù diệu. Các bí quyết đó là:

1. Muốn có một sắc diện bên ngoài tươi đẹp thì phải giữ cho thân không bệnh, bởi lẽ thân không bệnh thì sắc diện bên ngoài mới hồng hào tươi tắn. (Xưa nay, chỉ riêng nàng Tây Thi thời Chiến Quốc bên Trung Hoa mới xinh đẹp hơn mỗi khi bà nhăn nhó vì bị bệnh.) Muốn cho thân không bệnh thì phải bảo toàn Tinh, Khí, Thần, giữ tâm an định, không để cho thất tình lục dục làm xáo động như lời dạy sau đây của Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên:

*Luyện ba báu công phu trước nhứt,  
Diệt phàm tâm đức hạnh giời trau,  
Dừng cho thần tán khí hao,  
Thất tình lục dục đón rào cho an.  
Hay giận dỗi thương can tổn mộc,  
Quá mừng vui hỏa đốt tâm suy,  
Buồn thương rất hại thổ tỳ,  
Lo nhiều lao tổn ích gì hành kim.  
Hay sợ sệt thân hình tiểu tụy,  
Ngũ tạng suy thần khí khó tu,  
Người tu nên nhớ dặn lòng,  
Như như mặc mặc luyện công mới thành.”*<sup>6</sup>

Kinh Đại Thừa Chơn Giáo có ghi lại lời dạy của Đức Chí Tôn như sau:

5. Minh Lý Thánh Hội, 06-10 Nhâm Tý, 11-11-1972.

6. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 24-02 Quý Sửu, 20-3-1973.

“Như con người lo lắng vọng tưởng điều này sự nọ thì hao Thần (linh hồn), còn ham muốn mơ mộng phú quý vinh hoa thì tán Khí; bằng say đắm mê sa tình trường dục hải thì tổn Tinh.

Hễ tam bửu hao mòn thì nào khác chi ngọn đèn tàn, dầu hao tim lụn, leo lét canh khuya, khi mờ khi tỏ, tất nhiên một hồi phải tắt ngay. Và như Tam bửu hư hoại thì tự nhiên ngũ hành ngũ tạng cũng phải xiêu bề suy nhược theo nhau.”<sup>7</sup>

Đức Thái Thượng Đạo Tổ cũng đã khuyên dạy người tu chúng ta mười điều nên tránh để giữ gìn cho thân thể được mạnh lành:

Tu trau phần xác phần hồn,  
Xác được thanh khiết thì hồn thanh cao.  
Mười điều tổn hại dạy trao,  
Nhớ ghi, hành đúng, chớ xao lãng lòng.

1. Đi nhiều tổn hại gân tron,
2. Đứng nhiều tổn hại bộ xương bội phần.
3. Ngồi nhiều tổn hại huyết lãn,
4. Ngủ nhiều tổn mạch, hại Thần cơ linh.
5. Nghe nhiều tổn hại đến Tinh,
6. Xem nhiều tổn hại trong mình Thần hao.
7. Nói nhiều tổn Khí càng cao,
8. Lo nhiều tổn hại tâm bào tâm trung.
9. Ăn nhiều tổn hại Tỳ, Can,
10. Dâm nhiều tổn hại vô cùng mạng linh.<sup>8</sup>

2. Muốn có được một sức khỏe mạnh lành, diện mạo hân hoan, nhân từ, khả ái thì phải luyện một tâm hồn thanh cao, thánh thiện, từ ái và an định bởi lẽ vẻ đẹp bên ngoài được toát ra từ bên trong.

Ôn Trên dạy:  
Khi tâm được viên thông thánh thiện,  
Thì nơi người phát hiện hào quang,  
Dáng đi tướng đứng dịu dàng,  
Thần hình, diện mạo hân hoan nhân từ.  
Một lời nói giống như giáo hóa,  
Một cái nhìn chứa cả tình thương,  
Tác phong đạo hạnh khiêm nhường,  
Từ bi bác ái thường thường hiện ra.

7. Đại Thừa Chơn Giáo, đàn ngày 11-8 Bính Tý (1936).

8. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, Quyển I, tr.176.

Nét khiêm tốn ôn hòa phúc hậu,  
Nét cảm tình thấm thấu dung nhan,  
Phát luồng từ điển bình an,  
Khiến người đối diện hân hoan cảm tình.

Đức Phổ Hiền Bồ Tát dạy:  
Thân nhờ có tâm trung mát mẻ,  
Thì gia tăng sức khoẻ dồi dào,  
Dung nhan diện mạo hồng hào,  
Ăn ngon ngủ khoẻ biết bao mạnh lành.

Tâm biến động, thân không an định,  
Đó là mầm bá bệnh phát sanh,  
Tâm, can, phế, thận bất bình,  
Táo, hàn, thử, thấp loạn hành hại thân.

Tâm mà được nghĩa nhân quang đại,  
Tâm từ bi chan rải muôn phương,  
Hiện lên diện mạo dễ thương,  
Thân sanh nhờ đó thọ trường an sinh.

Muốn diện mạo hiền từ, phúc hậu,  
Thì tánh tâm nung nấu như từ,  
Bên trong đức hạnh có dư,  
Bên ngoài đức ấy từ từ hiện ra.

Muốn trường thọ, lâu già lâu chết,  
Phép dưỡng sinh phải biết giữ gìn,  
Thì đừng tửu nhục, sát sinh,  
Nổi sùng, tật đố, thất tình, lo âu.

3. Muốn như thân ít bệnh lâu già, sống tăng tuổi thọ thì phải thực hành công phu, tham thiền tịnh định. Đó là phương pháp dưỡng sinh tuyệt diệu nhất. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy rằng:

Cái thân tứ đại ở trong đời,  
Ma bệnh triển miên đệ muội ơi!  
Muốn có thuốc thân trừ chướng ngại,  
Giữ gìn đều đặn lửa lò Trời.

Đức Trần Đoàn Lão Tổ đã dạy về ích lợi của việc tham thiền hấp khí như sau:

Biết hô hấp còn hơn dùng thuốc,  
Vận khí công là nước Ma Ha,  
Nhơn thân ít bệnh, lâu già,  
Nhục thân khương kiện, thịt da hồng hào.  
Khí bồi dưỡng tế bào non trẻ,  
Khí châu lưu sức khỏe kiện cường,  
Khí Thần vốn thiệt âm dương,



Âm dương hiệp nhứt là huần chánh trung.  
Hạo nhiên khí khởi tùng nơi đó,  
Khí hư vô chính nó chớ ai,  
Tiên thiên khí cũng là đây,  
Nhiếp thân khí ấy là bài trường sinh.

Do đó, Ôn Trên khuyên chúng ta tịnh tú thời để bồi dưỡng ngũ tạng hầu sống lâu tăng tuổi thọ:

*Siêng thiền định công phu bốn buổi,  
Bồi dưỡng thân, thêm tuổi trường sinh,  
Mẹo thời bồi Mộc, Can sinh,  
Ngộ thời bồi Hỏa, Tâm linh chơn thần.  
Dậu thời bổ Kim Thân Phế khí,  
Thận thủy nhờ thời Tý mà sung,  
Tứ thời thiền định thung dung,  
Dưỡng bồi Tỳ Thổ, chánh trung Kỷ Mổ.*

Đức Đông Phương Chương Quán đã giải thích cho chúng ta về nguyên lý quân bình âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất và ích lợi của việc thực hành đạo pháp để duy trì sự quân bình đó làm cho thân thể khỏe mạnh, không bệnh hoạn. Ngài dạy:

*“Về y lý, vật lý, sự lý, nếu bên trong bên ngoài mà mất quân bình thì sinh ra bệnh tật và biến sanh đủ thứ kinh dị, nên cần sự quân bình để làm cho an thái nội tâm, an hòa vũ trụ.*

*Theo y lý thì âm dương trong người và âm dương ngoài trời đất, hai bên tương trợ lẫn nhau. Mỗi khi trong người chánh khí suy yếu thì tà khí ngoài trời đất xâm nhập mà gây nên bệnh hoạn. Chủ khí mạnh thì khách khí không làm hại được, hoặc chủ khách giao hỗ tương thân thì tinh thần khỏe mạnh. Đạo pháp cũng thế. Đó là bước đầu của kẻ hành giả làm cho hô hấp điều hòa, tâm thần thơ sảng, thì chánh khí phát vượng, nên mới bày phép khai thông bát mạch, làm cho kinh lạc dinh vệ, tạng phủ không chỗ nào còn ngưng trệ bế ngẽn. Ngồi tịnh an hòa thông sảng, đã thông hòa thì huệ tâm hiển lộ, ngồi một giờ muốn ngồi hai ba giờ. Vào tịnh cũng như thường cảnh xuân quang.”<sup>9</sup>*

9. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Lý Thánh Hội, 10-11 Bính Thìn, 30-12-1976.

## TẠM KẾT

Muốn được trường thọ, lâu già, ít bệnh và có được một sắc đẹp thù diệu, con người không cần phải tốn tiền tìm kiếm các loại thần dược đắt tiền mà chỉ cần quay về với nội tâm thanh tịnh, không tự dày vò than trách với chuyện quá khứ, cũng không vọng tưởng trông đợi chuyện tương lai, sống một cuộc sống an nhiên tự tại, biết đủ, không bon chen giựt giành, không tham vọng lo lắng tính toán, không sân giận hay si mê luyến ái, biết tu tập, trau dồi đạo hạnh, luôn mở rộng lòng thương yêu mang lại niềm vui và niềm hạnh phúc cho vạn loại chúng sinh, thực hành công phu thiền định, thì tự khắc sẽ có được một liều thuốc tiên trong nội tâm, giúp cho con người đẩy lùi nhiều bệnh tật, an khang, trường thọ, sắc diện tươi trẻ đẹp xinh.

Người tu có được một sức khỏe khang kiện hay một sắc diện thù diệu không phải để tận hưởng những thú vui trần tục nơi cõi tạm này mà đó chính là điều kiện tốt để người tu có thể góp phần tích cực và hữu hiệu hơn vào công cuộc phổ tế cứu độ quần sanh trong cơ đại xá kỳ Ba của Đức Thượng Đế như lời Đức Giáo Tông Đại Đạo đã dạy:

*“Tu luyện để có bửu bối giúp cho trí tuệ minh mẫn, tâm thần sáng suốt để giải quyết mọi vấn đề, hành đạo cho đúng Thiên lý. Tu luyện để diện mạo được từ ái khôi ngô, tướng đi đứng nằm ngồi thể hiện ra người có hạnh, trang nghiêm từ ái khiêm tốn để gây thiện cảm lòng tin với mọi người, mà đó cũng là sức hút của nam châm do các điều kiện ấy tạo nên.*

*Xuyên qua cái lý đó, chư hiền đệ thấy rằng các Đấng không chỉ khuyên tu để thành Phật Thánh Tiên mà phải tạo điều kiện để trợ duyên cho công cuộc thế Thiên hành đạo, phổ truyền giáo lý cứu độ nhưn sanh ...”<sup>10</sup> ■*

10. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 06-3 Canh Tuất, 11-4-1970.



# THÔNG CÔNG

(TIẾP THEO CĐGL 126)

## ■ ĐẠT TƯỜNG

### CHƯƠNG 2: TỔ CHỨC LẬP ĐÀN CƠ

1. SẮC LỆNH LẬP ĐÀN
2. NHÂN SỰ VÀ NHIỆM VỤ
3. PHƯƠNG TIỆN
4. NGHI THỨC LẬP ĐÀN
5. DIỄN TIẾN MỘT BUỔI LẬP ĐÀN CƠ
6. HÌNH THỨC LẬP ĐÀN
7. HIỆP THIÊN ĐÀI HỖN HỢP
8. CÁC ĐIỀU KIỆN CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC DỰ HẦU ĐÀN
9. KIỂM DUYỆT VÀ BAN HÀNH THÁNH GIÁO

Cơ bút là phương tiện để Ông Trên mang lời đạo lý đến với nhơn sanh. Làm sao bảo đảm ở mức cao nhất tính chính xác của nội dung những lời Thiêng Liêng dạy dỗ. Vì thế, cũng có khi ngay trong lúc đang giáng cơ dạy Đạo, khi vừa dứt một đoạn dài hay trước khi chấm dứt, Ông Trên tạm ngưng, bảo Điển ký đọc lại và chỉnh sửa vài từ. Trong lúc đó hai tay Đồng tử ôm cơ quay tròn. Đến chỗ nào có chữ không chính xác, cơ sẽ hạ xuống gõ “cộp cộp” mấy tiếng để gây chú ý và sửa lại. Điển ký đọc lại đoạn văn đó, nếu vẫn chưa đúng, cơ lại gõ mạnh hơn và viết lại nữa. Thí dụ:

– “Thì giờ đã mãn. Điển văn nếu có sót đoạn nào cần đọc lại, bằng không ra đàn điều chỉnh chung nhau.”<sup>1</sup>

– Vào cuối một buổi đàn, Đức Lý dạy chỉnh:

1. Đức Lê Đại Tiên, Hườn Cung Đàn, 15–5 Nhâm Dần (15–6–1962).

“Trong Thi bài, câu lục: “Ngọc kia cát bụi bám vào.””

Điều này cho chúng ta hiểu rằng Ngài đã thấy Điển ký viết chưa chính xác ở câu đó.

– Có khi Ông Trên dạy điều chỉnh một vài từ của buổi đàn hôm trước vì Điển ký viết chưa chính xác. Thí dụ:

■ “Ta ban chiếu chỉ Phụ Hoàng chỉnh lại đàn vừa rồi: Nguyễn Trọng Luật tức là Bùi Trọng Luật, Thắng Lê tự là Thắng Trần, Lang tức là Lưu Văn. Cần chỉnh lại.

Kể từ nay ban kiểm duyệt cần quan sát kỹ lại, sợ e Điển văn nghe lộn, hơn nữa vì sự quá lệ. Bốn phạm Huỳnh Thiện luôn luôn phải quan sát những đàn Thánh giáo, chớ nên lơ hổng nhe!”<sup>3</sup>

■ “Tiện đây, Lão cũng cần chỉnh đôi chút, do sự sơ suất của Điển ký, cũng như phần chính tả ở bài thơ khoán thủ của Đức Chí Tôn hôm Xuân Bính Ngũ. Chữ “quan tâm” viết hoạn, không phải quan. Câu lục sau: “Đài Tiên ngộ Lão Trường Canh” chớ không phải đàn tiên. Hai chữ đó viết sai sẽ không nghĩa chi cả với Thiên ý.”<sup>4</sup>

Cũng có khi do chính Ông Trên muốn điều chỉnh lại vài từ cho sáng nghĩa hơn. Thí dụ:

2. Đức Lý Giáo Tông, Hườn Cung Đàn, 15–4 Quý Mão (07–5–1963).

3. Đức Khổng Thánh Tiên Sư, Hườn Cung Đàn, 01–10 Giáp Ngũ (1954).

4. Đức Lê Đại Tiên, Thiên Lý Đàn, 12–02 Bính Ngũ (04–3–1966).

“Trước hết Bản Đạo thỉnh ý Đức Thái Thượng Đạo Tổ chỉnh đốn một vài câu Thánh giáo hôm đàn cơ vừa rồi. Vậy điển ký ghi kỹ như sau:

“Điểm linh quang ban từ thượng giới,  
Vào nhục thân vun xới cội lành;  
Âm dương động tịnh trước thanh,  
Thần hình tương ý tương sanh đó là.”

Câu số 13 chỉnh một chữ “hòa hài” sửa thay vì “hòa hai”: (Là thượng đức hòa hài muôn vật)  
Chỉ bấy nhiêu thôi.”<sup>5</sup>

Đàn cơ sau khi được lập xong, bộ phận Điển ký dò lại với nhau và đọc cho mọi người hầu đàn được nghe. Nếu có chữ nào giữa hai Điển ký có khác nhau thì điều chỉnh thống nhất lại với sự góp ý của các thành viên của Hiệp Thiên Đài. Sau đó, “bốn điển” sẽ được bộ phận kiểm duyệt xem xét cẩn thận đúng với chức trách nhiệm vụ đã được Ông Trên giao phó.

“Bản Đạo sẽ chỉ định một số hiền đệ, hiền muội phụ trách kiểm duyệt Thánh Giáo và chỉ phương pháp tiếp điển trực tiếp với Thiên Liêng, vì Thiên nhưn hiệp nhưt. Các hiền thành tâm trọn ý sẽ làm được những việc của Thiên Liêng đã làm. Có vậy mới thấy ấn chứng của người tu hành chín chắn.”<sup>6</sup>

Tuy nhiên, cũng có khi vẫn còn một vài sơ suất. Vì thế trong trường hợp này, ở đàn tiếp sau Ông Trên sẽ chỉ dẫn để sửa chữa.

Thí dụ: Trong đàn ngày 15-5 Nhâm Dần (1962) đã được nêu thí dụ ở trên, mặc dầu Điển văn đã được Đức Đại Đồng Tổng Lý Lê Văn Duyệt nhắc nhở nhưng vẫn còn sai sót. Nên, qua đàn kế tiếp (mồng 01-6 Nhâm Dần), Đức Chí Tôn đã dạy điều chỉnh:

“Đàn vừa qua có đôi phần thiếu nghĩa, Thầy dạy các con nên sửa trang nhưt: Thái dương nhưt nhưt chiếu.

Trang hai: hàng nhị thập cửu, “rành” thay vì “răng”.

“Tiêu luật” không đúng: “Thiên luật”.

Vì Điển văn nghe chẳng rõ, bài thi của Tổng Lý chia làm hai chỗ chẳng phải một.”<sup>7</sup>

Ý nghĩa việc kiểm duyệt bản văn của Điển ký đã được chính Đức Đồng Phương Chương Quản nhiều lần giải thích như sau:

▪ “Bản Đạo giải thích lý do trong lệ cắt đặt một vị kiểm duyệt bốn điển Thánh Giáo như sau:

Ở thế gian, người kể chuyện không lầm nhưng người thuật lại thường thường là không chính xác. Như chụp ảnh người. Con người thật thì đúng sự thật các đường nét của nó nhưng không phải máy ảnh nào hay người nhiếp ảnh nào cũng lấy được ảnh những đường nét trung thực của con người ấy.

Âm thanh phát ra từ đài phát thanh rất trung thực nhưng không phải máy thu thanh nào cũng thu được sự trung thực đó. Và không phải thời tiết nào cũng thu được sự trung thực của âm thanh đó. Lời Phật Tiên dạy Đạo rất cao siêu vi diệu và đúng chơn lý. Nhưng không phải Bộ Phận Thông Công nào cũng tiếp thu chính xác sự cao siêu vi diệu đó.

Ngoài ra chư hiền còn nhớ lời Đức Chí Tôn đã dạy: “Một chơn linh giáng cơ xưng là Ngọc Hoàng Thượng Đế nhưng nếu nội dung và phong cách của lời văn đó không chơn lý, không thánh thiện thì các con chớ tin. Bởi vì ma vương nó cũng thường hay mạo danh Thầy.”

Chư hiền là người tu hành luôn luôn học đòi thực hiện thiên địa chi tâm, nhưng khi gặp một bản văn mang danh là Thánh Giáo của Thượng Đế mà nội dung xúi giục sự chia rẽ, hận thù, giết chóc, nổi loạn thì đó là lũ ma vương mạo danh Thượng Đế đó. Chư hiền phải thận trọng mà khước từ. Bởi vì Thầy là cha của sự thương yêu, còn ma vương là cha của sự chia rẽ, hận thù, chết chóc.

Do đó mà nhiệm vụ và quyền hạn của sự kiểm duyệt bốn điển Thánh Giáo là tối cần.”<sup>8</sup>

▪ “Bản Đạo dạy thêm về ích lợi của vị kiểm duyệt bốn điển Thánh Giáo.

5. Đức Đồng Phương Chương Quản, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 20-02 Quý Sửu (24-3-1973).

6. Đức Đồng Phương Chương Quản, Thiên Lý Đàn, 30-02 Ất Tỵ (01-4-1965).

7. Đức Chí Tôn, Hườn Cung Đàn, 30 rạng mùng 01-6 Nhâm Dần (01-7-1962).

8. Đức Đồng Phương Chương Quản, Chiếu Minh Ẩn Giáo, 23-8-1938.

## THI

Bản Đạo chọn ai để gởi vàng,  
Chọn người đức hạnh có tâm đơn;  
Chí tâm tu học đường chơn chánh,  
Kiểm duyệt điển văn thật vững vàng.

## THI BÀI

Người thế tục mua vàng phải thử,  
Coi tuổi vàng là thứ thấp cao;  
Thế gian kim cổ có nào,  
Mua trâu vẽ bóng đổi trao bằng lời.  
Muốn gởi ngọc chọn người đức hạnh,  
Coi thân hình có chánh chơn không?  
Bao đời rùa lại có lông,  
Bao đời loài thỏ là dòng sừng cao.  
Côi vô hình làm sao biết được,  
Sự giả chơn, họa phúc, chánh tà;  
Có khi tà quái quý ma,  
Xưng danh Thượng Đế là Cha muôn loài.  
Thấy nơi Bát Quái Đài thường ngự,  
Muốn giáng trần hành xử Cửu Trùng;  
Phải qua bộ phận thông công,  
Hiệp Thiên Đài chỗ Thầy hồng giáng nương.  
Bộ phận tốt Thầy thương biết mấy,  
Đem chơn truyền ban rải y khuôn;  
Thông công làm đúng vai tuồng,  
Nghe sao viết vậy muôn đường chánh chơn.  
Cũng có lúc tủi hờn không ít,  
Điểm hồng quang bị bít lối vào;  
Tử đồng vọng niệm sót xao,  
Chinh tâm, tà ý ba đào lợi danh.  
Còn do đám nhơn sanh vọng động,  
Tánh hiếu kỳ mơ mộng lỗ lãng;  
Mặc dù phù chú bùa giãng,  
Pháp Đàn trấn thủ bốn phang ngũ hành.  
Mặc dầu có bao quanh Tứ Bửu,  
Dầu Tử Đồng tịnh đủ thần quang;  
Nhưng vì ngoại cảnh bùa giãng,  
Thần giao cách cảm ngập tràn tư tâm.  
Khiến Điển văn nửa phạm nửa Thánh,  
Khiến thi thơ nửa chánh nửa tà;  
Tuy xưng Bồ Tát Ma Ha,  
Nội dung xúi giục quý ma đủ điều.  
Dạy Đạo lý theo chiều chánh trị,

Dạy tu tâm theo lý quân quyền;  
Thi thơ niêm luật đảo điên,  
Xúi mưu làm loạn, ngừa nghiêng sơn hà.  
Trật văn phạm, sai ngoa chánh tả,  
Thất lý chơn, thất cả chánh truyền;  
Biết đâu phạm, Thánh, quý, Tiên,  
Biết đâu tà chánh mà nghiêng đúng chiều.  
Bởi thế nên Thiên điều đã quyết,  
Cử đặt người kiểm duyệt điển văn;  
Tâm tài đức hạnh đàng hoàng,  
Cứ theo Thiên lý chu toàn chỉnh trang.  
Bản điển văn chưa rằng Thánh Giáo,  
Vì đúng sai lộn lạo chưa phân;  
Nhờ người kiểm duyệt được ân,  
Chư Thiên Hộ Pháp trợ thần sáng soi.  
Khi kiểm duyệt hết rồi lộn lạo,  
Thì mới là Thánh giáo ban hành;  
Đến cùng bá tánh nhơn sanh,  
Để làm tài liệu mạnh lành chánh chân.  
Thượng Đế với Thánh Thần Tiên Phật,  
Đấng trọn lành hà tất sót sai;  
Dám đâu kiểm duyệt các Ngài,  
Kiêm vì Thánh ý qua tay người phạm.<sup>9</sup>

Tuy nhiên cũng có khi có trường hợp người phạm chưa hiểu thấu nên chép sai hoặc sửa theo trí phạm nên làm câu văn lệch nghĩa. Khi đó, qua đàn kế tiếp Ôn Trên sẽ chỉ dạy sửa lại cho chính xác. Thí dụ:

“Còn về phần bản văn cơ đàn. Khi ghi nhận xong, phụ trách Hiệp Thiên Đài Huệ Đăng thâu lại, điều chỉnh xong, chuyển qua Ban Điều Chỉnh chính tả rồi ban hành. Đó là điều quan trọng, chư Thiên mạng nên quan tâm vì “sái nhứt hào, sai nhiều ý nghĩa”. Như Bản Đạo dùng chữ “khoa điển” tức là điển do nhơn tạo. Hiệp Thiên mạng Thiên Hoa chỉnh lại là “quang điển”. Như vậy sai phần ý nghĩa của Bản Đạo. Nay Bản Đạo lưu ý cho chư Thiên mạng khởi phải lẫm lẫm.”<sup>10</sup>

Sau khi “bốn điển” đã được bộ phận trách

9. Đức Đông Phương Chương Quán, Thiện Minh Đàn – huyện Ô Môn, 08-4 Nhâm Ngọ 1942.

10. Đức Lý Giáo Tông, Đạo Lý 68, trang 5, Huồn Cung Đàn, 30-5 Tân Hợi (22-6-1971).



nhiệm kiểm duyệt, việc đánh máy in ấn cũng ảnh hưởng đến tính chính xác của ngôn từ hay câu văn. Vì thế không phải ai cũng có thể được nhận công quả ở giai đoạn cuối cùng này. Có nơi Ôn Trên quy định chỉ có những người đã qua khóa học giáo lý căn bản mới được nhận nhiệm vụ.

Sau đây là một thí dụ về trường hợp Ôn Trên kiểm duyệt Thánh giáo:

Quyển Đại Thừa Chơn Giáo in lần thứ nhất 1937, nơi trang đầu tiên có đăng bài nói về việc Đức Lý Đại Tiên giáng đàn sửa lại, chỉ chỗ trật lộn:

“HUYỀN DIỆU VÔ CÙNG. QUYỂN ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO vừa in xong bữa thứ sáu 7 Mai. Bữa thứ bảy, 8 Mai 1937 đóng xong được vài trăm cuốn, chúng tôi thiết đại đàn đánh lễ Đức Chí Tôn mừng kinh làm hoàn thành, luôn dịp chúng tôi dùng vài quyển ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO trên Thiên bàn. Mới hay còn một vài chỗ sai: hoặc điển ký viết trật, hoặc ấn công sắp lộn, nên Đức Chí Tôn sai Lý Thái Bạch Đại Tiên Trường giáng đàn sửa lại, chỉ chỗ trật lộn trong nháy mắt; thật rõ ràng là huyền diệu phi thường.

Đàn mừng in xong kinh Đại Thừa Chơn Giáo đêm 28 rạng mặt 29 tháng ba Đinh Sửu (minuit 08-9 Mai 1937).

(...) Lão chào chư hiền. Giờ nay lão được

lịnh Phụ Hoàng sai lão đến đây đặng tuyển duyệt “ĐẠI THỪA” lần chót; những chỗ tiếp trật, sắp in lộn, phải đính chính lại. Để một quyển lại trên Thiên bàn lão xem xét, còn chư hiền lấy một quyển dò theo, lão chỉ chỗ sai cho sửa. (XEM BẢNG BÊN DƯỚI)

▪ Kinh Đạo Học Chỉ Nam được Đức Vạn Hạnh Thiển Sư chỉnh sửa qua hình thức song diễn của Độc Đồng vừa xuất khẩu vừa thủ cơ. Đoạn Thánh giáo sau đây cho chúng ta thấy tầm quan trọng của vấn đề:

“Chư đạo hữu! Với câu “Thiên nhân đồng nhứt”, quyển “Đạo Học Chỉ Nam” tuy Thiêng Liêng phụ trách phần viết ra, nhưng cũng chia sẻ trách nhiệm phần nào để chư đạo hữu dùng lương tri lương năng của mình để góp phần vào.

Tuy nhiên, bởi vì trường học Đạo mệnh mông mà trí lãnh hội của thế nhân có giới hạn, thế nên không thể tránh khỏi chỗ khuyết điểm. Trong chỗ khuyết điểm đó có nhiều lý do, như Ban Điển Ký nghe không rõ hoặc có khi viết không kịp, chỉ mất một vài chữ đã sai lệch ý nghĩa của câu văn, có khi còn phản nghĩa lại là một đàng khác. Có khi vì mất một đôi chữ, rồi người có trách nhiệm sắp xếp thấy câu ấy hoặc đoạn ấy hầu như vô nghĩa lý, thế nên đành cắt đứt bỏ ra. Có khi chấm phết không đúng chỗ

TRƯỜNG	HÀNG	CHỮ SẮP LỘN	XIN ĐỌC LẠI
2	15	Bớ chúng sanh linh! Thoàn chờ rước	Bớ chúng sanh! Linh toàn chờ rước
3	23	Chơn thân	chơn thân
30	1	Thuần chuyển	Thường chuyển
50	15	(tựa) Đại thừa cứu chuyển	Tam thừa cứu chuyển
100	17	Tịnh, tấn thuần dương	tịnh tận, thuần dương
105	29	Lọc thành	Lọc tinh
122	4	nghĩa an	nghỉ an
127	17	giúp ít	giúp ích
134	22	để chơn	đỡ chơn
134	23	thỏa tình	thỏa lòng
156	28	ao sâu	ao sâu
170	25	bỏ vòng	bỏ dùm
Mục lục	9	số 10 Đại Thừa	Tam thừa

cũng đã sai ý của tác giả rồi, mặc dầu sự chấm phết ấy khi đọc cũng có nghĩa, nhưng với một ý nghĩa khác, không diễn tả đúng với ý nghĩa mà tác giả đã quy định...

Thế nên, phần kiểm duyệt này, Bản Tăng nhờ hai ban điển ký giùm thận trọng về chỗ chấm, phết, mà Bản Tăng sắp nêu ra đây. Cùng một đàn cơ, nhưng có hai bốn điển ký, nơi Minh Lý Thánh Hội một bốn, và nơi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý một bốn. Hai bốn này cần hỗ trợ cho nhau. Để Bản Tăng khỏi phải lập lại nguyên văn, như vậy tạm đặt tên cho bốn nơi Minh Lý Thánh Hội đã được sắp xếp và ấn loát một tên là tập A, còn bốn nơi Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý đã được đánh máy mang tên là tập B. A là chính, B là phụ. Như vậy, khi kiểm duyệt, Bản Tăng tạm dùng hai quyển A và B để phân định số trang, số hàng để dễ làm bản đính chính.

Bản đính chính nên chia làm ba cột theo chiều dọc. Cột đầu để trang mấy, cột thứ nhì để tên hàng thứ mấy, cột thứ ba chứa rộng lớn để tên bản văn đính chính. Vậy Bản Tăng nhờ hiền hữu Khai Minh đem tập A lại bàn cơ, hiền muội Ngọc Kiều giùm đem tập B lại bàn cơ, hai bên cùng lật qua từng trang một cho thật mau, Bản Tăng duyệt khán...

Bản Tăng cảm ơn hiền hữu và hiền muội, nên đem hai tập ấy trở về bàn điển ký. Giờ đây không phải xem lại tập ấy nữa, chỉ cần lập một bản đính chính theo mẫu ba cột mà Bản Tăng vừa nêu để nghe trang nào, hàng nào cần sửa đổi thì ghi vào bản ấy là đủ rồi. Còn việc bỏ tước giữa hai tập thì sau khi xả đàn hoặc những ngày kế tiếp, xem bản đính chính mà chỉnh lại không muộn chi. Để rút ngắn thời giờ cho Bộ Phận Hiệp Thiên Đài cũng như chư đạo hữu an nghỉ, Bản Tăng tạm dùng hình thức song điển, nghĩa là bên ban điển ký nữ phái ghi phần xuất khẩu của Đồng Tử, ban điển ký bên nam phái ghi phần của độc giả. Vậy chư đạo hữu sẵn sàng, Bản Tăng khởi sự viết bản đính chính đây:

Cả hai ban điển ký, sau khi ra đàn chấp nối hai bốn điển lại, phần xuất khẩu trước, nối tiếp

phần độc giả sau. Chư đạo hữu sẽ có một bản đính chính đầy đủ cho chương IV...<sup>11</sup>

Qua đây chúng ta thấy sự huyền diệu của Cơ bút. Hãy thử tưởng tượng cảnh trí lúc ấy. Ngọn linh cơ từ tay Đồng tử huơ nhẹ mấy vòng trên quyển Kinh được để trên bàn cơ, sau đó Đồng tử vừa viết vừa xuất khẩu cho 2 ban Điển ký ghi. Những sai sót dấu rất nhỏ đã được chỉ ra chính xác. Thí dụ:

TRANG	HÀNG	BẢN VĂN ĐÍNH CHÍNH
14	11	đổi dấu chấm câu lại là phết cho đúng nghĩa
25	18	giai đoạn đầu đầu (bỏ bớt một chữ đầu)
65	8	đảm chìm sửa lại cuốn chìm
69	24	Dân tộc (thiếu chữ tộc)

– Việc chỉnh sửa và ban hành bản Thánh giáo được thực hiện theo quy định trình tự chặt chẽ như lời dạy:

▪ “(...) về các Thánh giáo ban truyền thì chư hiền xem lại nơi Ngọc Đế Chơn Truyền. Điều thứ 34 về Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài (trang 147). Mỗi khi lập đàn cơ chư phận sự chỉnh văn xong (Tứ Bửu) kể 3 vị Chưởng Quán chỉnh đốn rồi đệ xuống cho Cửu Trùng Đài thì có vẻ thứ tự. Phận sự Hiệp Thiên Đài đặng quyền sửa chữa mà không đặng quyền ban hành còn Cửu Trùng Đài có quyền ban hành mà không quyền sửa chữa. Vậy khá y hành theo Ngọc Đế.”<sup>12</sup>

▪ “Điều thứ ba mươi bốn:

Phận sự Hiệp Thiên Đài. Khi Thánh giáo Thấy, Phật, Tiên, Thánh, Thần dạy bảo mà kiểm duyệt rồi, mới trao qua cho Cửu Trùng Đài xem xét ban hành cho bốn Đạo.

Lúc Hiệp Thiên Đài hành phận sự thì Cửu Trùng Đài không đặng quyền xen lộn cãi bàn làm mất trật tự.

Hiệp Thiên Đài không quyền truyền ban

11. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 20-02 Tân Hợi (16-3-1971).

12. Đức Giáo Tông Đại Đạo, Huần Cung Đàn, 14-11 Nhâm Thìn 1952.

Thánh giáo mà không có chức sắc Cửu Trùng Đài ký tên chứng kiến. Nếu vị nào phô bày thì vị ấy làm trái bốn phận, phải chịu dưới quyền Hội Công Đồng.”

Một thời gian sau, Đức Giáo Tông nhắc lại:

“(…) Lão sắp định từ đây những đoạn điển văn khi xong rồi phải giao bốn điển về Văn Phòng Điều Động Thống Nhứt Hiệp Thiên Đài rồi đưa qua Cửu Trùng mới đăng ban hành. Đó là luật cũ mà chưa hiện làm thường hay sơ sót nên Bản Đạo nhắc lại.”<sup>13</sup>

Tương tự như thế, chúng ta thấy lời dạy của Đức Đông Phương Chương Quản cho Hội Thánh Chiêu Minh Long Châu:

“Khi nào đàn Thánh giáo ra, do sự kiểm duyệt của Hiệp Thiên Đài rồi đưa qua Cửu Trùng xem xét và ban hành.

Nếu mỗi chư hiền tự ý muốn, rồi đàn Thánh giáo không có sự kiểm duyệt của Hiệp Thiên Đài và có nhiều điểm viết sai lầm, rồi Thánh giáo chẳng có ích chi mà lại còn làm mất uy tín Đạo.”<sup>14</sup>

Vì thế “bốn điển” chỉ trở thành bản Thánh Giáo được phổ biến sau khi được xem xét cẩn thận và có đủ chữ ký của 2 vị đứng đầu Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài.

Một thí dụ khác về việc kiểm duyệt qua lời dạy của Đức Đông Phương Chương Quản cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý:

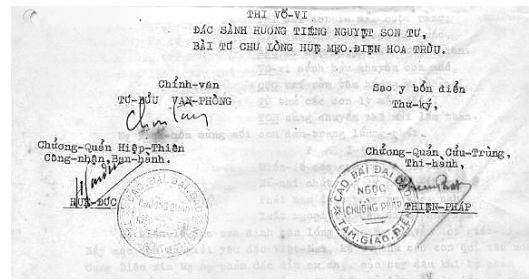
“Ban Kiểm Duyệt phải đốc hành nhiệm vụ đã được giao cho. Những Thánh giáo Thánh ngôn chưa qua Ban Kiểm Duyệt thì không được ban hành, để tránh bớt lỗi lầm trong lời Thánh giáo.

Thánh giáo được kiểm duyệt xong, chuyển lên Phụ Tá (Bảo Pháp Chơn Quân) và Văn Phòng Tổng Thơ Ký để xem xét tùy lúc mà ban hành.”<sup>15</sup>

13. Thánh Giáo Dạy Đạo 32, tr.7, Đức Lý Giáo Tông, Huồn Cung Đàn, 14-02 Giáp Ngọ 1954.

14. Thánh giáo Chiêu Minh Long Châu tập 2, Đức Đông Phương Chương Quản, Tòa Thánh Long Châu, 14-4 nhuận Quý Mão 1963.

15. Đức Đông Phương Chương Quản, Minh Đức Tu Viện, 27-01 Canh Thân (13-3-1980).



[Đây là thủ tục hành chánh theo luật định nơi một bản Thánh Giáo của Cơ Quan Cao Đài Thống Nhất với chữ ký của 2 vị chức sắc: Huệ Đức chương quản Hiệp Thiên Đài và Thiện Pháp (Nguyễn Bửu Tài) chương quản Cửu Trùng Đài.]

Đối với đàn pháp của Chiêu Minh thì:

“Sau khi rồi đàn... hễ đem Thánh giáo kiểm duyệt rồi thì chỉ để nội một bản chánh chép lại cho kỹ đó thôi. Còn bao nhiêu bản thảo đều phải đem đốt hết trước Thiên bàn.”<sup>16</sup>

Mặc dầu đã cẩn thận kiểm duyệt nhưng cũng có trường hợp con người chưa hiểu biết đầy đủ hết các thể loại Thi văn của Ông Trên cho nên vẫn còn sai sót và được Thiêng Liêng nhắc nhở. Thí dụ việc in ấn quyển Thượng Giác Quang Kinh.

“Về phận sự các môn sanh đã ấn loát Thượng Giác Quang Kinh, cần phải đính chánh cho rõ ràng văn tự theo điệu Thi văn hầu có phân phát cho môn sanh tâm tu chơn đạo.”<sup>17</sup>

Nửa tháng sau, cũng tại đây, Ông Trên chỉ dẫn cụ thể hơn:

“Về sự kinh văn ấn loát Thượng Giác Quang Kinh, chư Thiên mạng khá suy nghiệm lời Thiêng Liêng chỉ phán về lối Tân Pháp Cao Đài theo điệu thi ca cho được dễ dàng am hiểu.

Nhưng về chỗ sửa chữa, đôi bài Thi còn trật bính trắc với lối điệu thi văn. Nên bỏ túc điển chánh lại cho hoàn thành, hiểu chăng? Nghĩa là có đôi bài Thi trật bính trắc hay sai chữ.

Còn những lối thi ca chẳng phải điệu thi tứ cú hay bát cú nên am hiểu?”<sup>18</sup> (CÒN TIẾP)■

16. Đức Lý Giáo Tông, Trước Tiết Tàng Thơ 17.11 Quý Dậu (02-01-1934).

17. Đức Thái Nhứt Nguơn Quân, Huồn Cung Đàn 14-9 Quý Tỵ 1953.

18. Đức Huỳnh Thạch Đại Tiên, Huồn Cung Đàn 30.9 Quý Tỵ 1953.

# CHÍN CHỮ CÙ LAO



■ KIM TRINH

**Đ**ức Vạn Hạnh Thiền Sư từng dạy rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc có nền văn minh nhân bản sớm nhất thế giới.<sup>1</sup>

Người dân Việt vốn thuần hậu hiếu hòa, có cội có nguồn và rất tôn sùng tổ phụ. Điều này được thể hiện bằng những ngày giỗ trong gia đình. Người Việt Nam nào cũng tôn trọng những ngày giỗ này nên dù ở xa, con cháu cũng đều nhớ mà tìm về. Đây không phải là dịp để các thành viên trong gia đình hội tụ vui vẻ lễ lạc cùng nhau mà là dịp để con cháu tưởng nhớ đến công ơn khó nhọc của tiền nhân gây dựng. Truyền thống tốt đẹp này được người dân Việt luôn luôn tôn trọng và gìn giữ. Đó là một trong những lý do mà Đức Thượng Đế chọn nước Việt Nam nhỏ bé này để khai mở Đạo Trời và ban cho dân tộc Việt Nam có tinh thần nhân bản mang sứ mạng hoàng dương chánh giáo. Vốn thấm nhuần giáo lý Nho gia, tin tưởng Trời Phật và một lòng tôn kính biết ơn các bậc sanh thành nên phần lớn các gia đình Việt Nam nhất là ở thôn quê đều có lập một bàn Thiên trước sân nhà để đêm đêm cầu nguyện. Điều đặc biệt là với bản tính thuần hậu chơn chất, người ta không xin Trời Phật ban cho danh lợi giàu sang mà dâng hết tâm thành nguyện cầu sự bình an cho gia đình.

*Đêm đêm thấp ngọn đèn Trời,*

*Cầu cho cha mẹ sống đời với con.*

Đạo Hiếu đã thấm nhuần vào con người Việt Nam từ lâu đời, dù rằng nền văn minh vật chất ngày nay đã khiến cho đạo Hiếu bị nhạt nhòa đi rất nhiều. Bất kỳ tôn giáo nào cũng tôn vinh đạo Hiếu và bất kỳ dân tộc nào cũng đề cao tình mẫu tử thiêng liêng.

---

1. “Đã mang tiếng là con dân trong một nước có một nền văn hóa huy hoàng từ ngàn xưa được cấu tạo trên một nền tảng văn minh nhân bản sớm nhất nhân loại, dĩ nhiên chư hiền đệ hiền muội và tất cả đều ý thức được đường hướng, được truyền thống cao cả của hiền nhân tiên tổ lưu lại.” (Minh Lý Thánh Hội, 30-8 Tân Hợi, 18-10-1971)



Một nhà văn đã viết: “Mẹ nơi trời Âu hay Mẹ nơi đất Á, mẹ từ ngàn xưa hay mãi đến ngàn sau, mỗi người mẹ đều có chung một tấm lòng kham nhẫn hy sinh cho hạnh phúc của riêng con.”

Trong đời, không có hạnh phúc nào sánh được với hạnh phúc của những người con còn mẹ và không có cảnh khổ nào bằng cảnh mồ côi.

*Năm xưa tôi còn mẹ,  
Trăng sáng khắp gian nhà.  
Năm nay Mẹ đã mất,  
Trăng chênh chếch đầu non.*

Ta hãy nghe lời than của một đứa trẻ vừa mất mẹ:

*Năm xưa tôi còn nhỏ  
Mẹ tôi đã qua đời  
Lần đầu tiên tôi hiểu  
Thân phận trẻ mồ côi.  
[...]  
Tôi thấy tôi mất mẹ  
Là mất cả bầu trời.*

Một bầu trời thương yêu dịu ngọt mà bấy lâu nay tôi bơi lội trong đó, hạnh phúc trong đó mà không hay, để đến khi bùng tỉnh thì đã mất đi rồi.

Năm xưa, quý đạo tử Nữ Chung Hòa đi thăm các bệnh nhân tại bệnh viện Ung Bướu. Nơi đây có muôn vàn cảnh đời bất hạnh, nhất là ở khu bệnh trẻ em. Bệnh tật đã cướp đi ánh sáng của các trẻ đáng thương này. Người ta không cầm được nước mắt khi nhìn thấy cảnh những bà mẹ âu yếm ôm con, đút từng muỗng cháo. Những đứa con tội nghiệp, mạng sống chẳng còn được bao ngày, nhưng tình mẹ thương con không hề tính toán. Có nhiều đứa trẻ thường sống im lặng, thu mình nơi một góc phòng, thỉnh thoảng cầu nguyện: “Lạy Trời cho con được sáng mắt một phút thôi, chỉ một phút thôi để con nhìn thấy mặt mẹ con mà con đã quên mất từ lâu rồi.”

Rời bệnh viện, chúng tôi nghèn nghẹn đến đau lòng. Chúng tôi đã hiểu vì sao Đức Chúa Giê-su đã chịu hy sinh trên thập tự giá để chuộc lỗi cho người đời hay Đức Phật đã rời bỏ ngai vàng để tìm phương giải thoát cho nhân loại.

Đời người sống tạm chỉ mấy mươi năm,

nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi này, biết bao đau khổ mất mát, nhất là đối với các trẻ không còn cha mẹ đã cảm nhận được sự cô đơn, bất hạnh đến tận cùng.

Kính cúng cầu cho cha mẹ quy liễu dạy rằng:

*Ồn sanh thành ơn vi cao dày,  
Nghĩa dưỡng dục nghĩa tày lớn rộng,  
Kìa chín chữ cù lao lỏng lộng,  
Nọ mười phương dưỡng dục minh linh...*

Người ta hết sức hữu lý khi học câu “Chín chữ cù lao” để ghi nhớ công lao của bậc sanh thành.

Chúng ta hãy tìm hiểu ý nghĩa sâu sắc của chín chữ này, từ đó chúng ta sẽ thấy theo từng bước phát triển của trẻ là sự song hành của người mẹ khó nhọc như thế nào:

- Cù: cần cù, siêng năng, chịu cực khổ.
- Lao: cần lao, khó nhọc.

Cù lao là công lao khó nhọc của cha mẹ, nhất là của người mẹ và những suy tư lo lắng ngày đêm.

Chín chữ cù lao hay còn gọi là Cửu tự cù lao, lần lượt được kể như sau:

1. Sinh: sinh ra đời.
2. Cúc: bông bế, nuôi nấng.
3. Phủ: vỗ về.
4. Súc: nuôi nấng, cho bú sữa.
5. Trưởng: chăm sóc đến lớn.
6. Dục: dạy dỗ.
7. Cố: chăm nom, săn sóc.
8. Phục: ôm ấp, dạy trẻ tùy theo tánh tình.
9. Phúc: giữ gìn, bảo vệ.

Thực ra, người xưa kể chín điều chăm sóc này của cha mẹ là để chỉ những điều mà người mẹ phải lo nuôi con. Vì vậy, ngoài những giai đoạn chính trong đời là:

- Sinh: lúc trẻ mới sinh ra.
- Trưởng: lúc trẻ lớn lên.
- Dục: dạy dỗ.

thì những phần khác như cúc (bông bế), phủ (vỗ về), súc (nuôi cho bú sữa), cố, phục, phúc (săn sóc, ẵm bông, gìn giữ, bảo vệ...)

Tất cả những điều này người mẹ đều đồng phải làm trong quá trình nuôi con. Nuôi một đứa trẻ không thể thiếu một trong những điều kể trên, bởi

lẽ làm sao thiếu được sự bông ả, dỗ dành, vỗ về, cho con uống sữa, ăn cơm hay dạy dỗ trẻ.

Suy cho cùng, không giai đoạn nào nuôi trẻ mà cha mẹ được nhẹ lòng, bởi vì ngoài những công việc cực nhọc thường xuyên thì còn lại là những lo lắng suy tư. Ai cũng biết đời người không bao giờ được êm ái xuôi dòng mà con người phải đối diện với bao khó khăn buồn vui tiếp nối, lúc thịnh lúc suy, khi thành công cũng như khi thất bại, cả những tai họa bất ngờ ập vào đời mà không ai có thể lường trước được.

Làm cha mẹ, ai cũng muốn những điều tốt đẹp cho con, nhưng mỗi người đều có nghiệp quả riêng nên khi sinh đứa con ra đời, cha mẹ vô cùng lo lắng.

Trong chín điều khó nhọc của người mẹ nuôi con, ta nhận thấy:

1. Giai đoạn sinh ra đời là giai đoạn định đoạt sự sống còn của cả mẹ con. Có thể nói giai đoạn này là mệnh số, là phước phần của mỗi gia đình, của mỗi con người, bởi vì dù ngày nay, văn minh y học tiến bộ rất cao nhưng có những nguy cơ xảy đến khi sinh con không lường được. Chúng ta càng không dám nghĩ đến những đứa trẻ ra đời mang dị tật, bị khiếm khuyết cơ thể hay những bệnh bẩm sinh.

Dẫu biết rằng những sự khổ đau mà con người phải chịu đều là do nghiệp lực từ tiền kiếp, nhưng khi phải chứng kiến những cảnh đời nghiệt ngã này, con người đuối sức mỗi mòn.

2. Sinh con đã khó, việc nuôi nấng dạy dỗ con cái càng khó hơn. Thời kỳ vật chất này, cuộc sống khó khăn nên nhiều quốc gia có những đạo luật chỉ cho phép gia đình có một hay hai con thôi. Ở Việt Nam cũng có khuynh hướng này.

Nhiều lúc, chúng tôi suy nghĩ tại sao người xưa sinh con nhiều như vậy mà vẫn dễ dàng, bình yên. Khoa học chưa tiến bộ mà tỷ lệ những sự cố xảy ra khi sinh con vẫn không nhiều. Gặp những trường hợp sinh khó thì sao? Có nhiều gia đình đông con, cha mẹ phải đặt tên con có vần có điệu cho dễ nhớ hay đặt theo số. Điều khó hiểu nữa là sao đông con mà gia đình vẫn đầm ấm hạnh phúc, anh em vẫn

hòa thuận, càng không có chuyện anh em trong nhà phải kiện tụng nhau ra tòa để tranh giành tài sản rồi thù hận nhau.

Chỉ mới một điểm đầu tiên trong chín chữ cù lao là Sinh mà chúng ta đã thấy phức tạp rồi. Và lại, giai đoạn này quyết định sự sống còn của trẻ và của người mẹ. Người ta thường chúc nhau “Mẹ tròn con vuông” là ý nói người ta cầu nguyện Trời Đất hộ trì cho mọi việc được suông sẻ bình yên qua hình ảnh trời tròn đất vuông.

Chúng ta nhân thấy loài vật khi được sinh ra đời không bao lâu thì chúng có thể tự đi kiếm ăn một mình.

Con người thì không được, phải qua các giai đoạn ngồi, bò, đứng, đi và cũng chưa biết tự chăm sóc mình.

Chúng ta thường nghĩ, giai đoạn trẻ còn nằm nôi, người mẹ phải chịu cực khổ nhiều, nhất là khi trẻ bệnh hoạn, mẹ phải thức đủ năm canh. Suy cho cùng thì không giai đoạn nào trong đời của trẻ mà cha mẹ không phải lo toan. Trẻ nằm nôi, người mẹ còn có thể rảnh tay làm việc nhà, nhưng khi trẻ biết đi, người mẹ phải vất vả nhiều, phải theo dõi từng bước đi của trẻ. Lo đến một chút thì bao nhiêu tai nạn có thể xảy ra:

Ở giai đoạn vừa chập chững biết đi, trẻ rất tò mò, bất kỳ một vật gì ở trong tầm tay, chúng đều có thể bỏ vào miệng, nhét vào mũi, lại thích chơi với chó, mèo. Biết bao trường hợp các trẻ bị mèo cào mặt, bị chó cắn, chấn thương mặt mũi để lại nhiều vết sẹo.

Lớn lên một chút vào giai đoạn Trưởng, là lúc trẻ bắt đầu lớn, rồi đến Dục, Cố, Phục: dạy dỗ, săn sóc chăm nom.

Do đó, giai đoạn nào người mẹ cũng phải chăm sóc con mình. Nhưng khi trẻ lớn hơn một chút, trẻ mang một tâm trạng mình là người lớn nên hay lý luận, hay chống đối. Làm cha mẹ, nếu dễ dãi chịu đựng thì trẻ sẽ xem thường lần lần trở nên khó dạy, còn nếu khắt khe, trẻ sẽ chán nản và dễ dàng bị bạn bè lôi cuốn.

Giai đoạn này, cha mẹ sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc giáo dục trẻ. Lúc trẻ còn nằm nôi, hay

khi chập chững biết đi, người mẹ phải cực thân bồng ẵm vỗ về nhưng không phải lo lắng nhiều. Đến khi trẻ bắt đầu đi học, cha mẹ phải đưa đón, dạy học. Vào tuổi này trẻ đã biết nhận xét nhiều điều. Làm cha mẹ phải công bình, yêu thương các con cho đồng đều: Không đứa nào trọng, không đứa nào khinh, không vì những đứa đẹp để giỏi giang mà thương nhiều hơn đứa khác, càng không vì đứa bị khiếm khuyết lại bỏ rơi. Chúng càng phải được yêu thương nhiều hơn để bù đắp lại những mất mát thua thiệt trong đời. Chính sự khéo léo tế nhị của bậc làm cha mẹ mới tạo được sự hòa thuận giữa các con. Cha mẹ phải lấy thân giáo làm gương cho trẻ. Nếu cha mẹ thường cãi vả to tiếng thì con sẽ bắt chước hoặc bị xấu hổ hay cảm thấy đau lòng. Vô tình cha mẹ đã tạo nên những vết thương trong lòng trẻ. Ở giai đoạn này, việc chọn bạn cho con rất quan trọng vì bạn bè có ảnh hưởng rất lớn trong đời con. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*Con còn dại còn khờ trong trắng,  
Tập tánh cho chúng đặng hiển lương,  
Ban cho chúng nó tình thương,  
Chọn người bạn tốt trên đường tiến thân.<sup>2</sup>*

Bất kỳ bậc làm cha mẹ nào cũng muốn con mình trở thành người tốt. Việc giáo dục con cái không dành riêng cho một ai, không dành riêng cho một giai tầng nào trong xã hội, từ bậc đế vương cho đến hàng dân dã.

Người xưa đã để lại cho hậu thế những trang sử đẹp: Thượng Hoàng Trần Nhân Tông dạy con là vua Trần Anh Tông, hay gương hiếu thảo của vua Tự Đức đối với Thái Hậu Từ Dũ. Ở thời buổi văn minh vật chất này, các trẻ thường sống tự lập rất sớm và khi trẻ lớn lên thì cha mẹ đã già và trở thành gánh nặng cho con. Các con không làm sao biết được những điều cha mẹ phải lo toan khi con còn thơ ấu và cũng không có bậc làm cha mẹ nào lại kể công của mình.

Ai cũng nhìn nhận rằng những bậc vĩ nhân,

những nhà bác học đều có những bà mẹ siêu xuất như trường hợp Mạnh Mầu nuôi dạy con trở thành bậc Á Thánh lưu danh hậu thế. Mấy ngàn năm qua, người đời còn truyền tụng và Đức Quan Âm đã khen rằng:

*Xưa Mạnh Mầu cặm chân Mạnh Tử,  
Theo học đòi Trung thứ Lễ nghi,  
Ngày nay tiết nghĩa còn ghi,  
Nho Tông Khổng Mạnh, Đông Tây kính nhường.<sup>3</sup>*

Về phần các con, giữ được đạo Hiếu là điều khó khăn ở thời buổi này vì ngoài xã hội có muôn vàn thú vui quyến rũ nên các trẻ quên mất đạo làm con.

Sách dạy rằng: “*Trong 100 nét thì chữ Hiếu đứng đầu.*” (Nhân sinh bách hạnh hiếu vi tiên). Người con hiếu làm cảm động đến Trời.

Hiếu Kinh đã dạy rằng, người con biết tu thân hành đạo, độ đời làm rạng danh cha mẹ, đó là đỉnh cao của đạo Hiếu:

*“Chung thân hành đạo, dương danh ư hậu thế,  
dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã.”*

Những ai hạnh phúc khi còn mẹ, thì Đức Chúa đã dặn dò:

*Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc  
Đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không!*

Tam Kỳ Phổ Độ là thời kỳ giáp mỗi cuộc tuần hoàn, nhân loại được Thầy ban Đại Ân Xá, ban Tân Pháp để tu hành trở về. Thời kỳ này, Thầy Mẹ cùng chư Phật Tiên Thánh Thần giáng trần để độ dẫn chúng sanh. Người mẹ phạm trần chỉ nuôi dưỡng một đứa con từ lúc sơ sanh đến lúc trưởng thành, phải chịu khó nhọc cả một đời, còn Đức Mẹ Diêu Trì là Mẹ của vạn linh sanh chúng thì khó khăn cho Đức Mẹ biết chừng nào. Ngày đưa chúng ta vào đời, Đức Mẹ đã dặn dò:

*Vào đời độ chúng lập công,  
Rồi quày trở lại hiệp cùng Mẹ con.<sup>4</sup>*

Chúng ta nhất định phải tuân theo lời Mẹ dặn, chung thân hành đạo, quyết chí tu hành để ngày sau được trở về châu Mẹ. ■

2. Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20–9 Đinh Mùi (23–10–1967).

3. Ibid.

4. Trúc Lâm Thiền Điện, 06–01 Ất Tỵ (07–02–1965).

# tìm học một số thuật ngữ VỀ CÔNG PHU

■ GIÁO SĨ HUỆ Ý



**T**rong bài này, chúng ta tìm hiểu về các từ: tịnh, công phu, thiền, pháp, tâm pháp, chánh pháp, chơn đạo, huyền môn và một số lời Ông Trên dạy thực hành.

**1. VỀ TỊNH:** bị việc đời, việc nhà chi phối nên thân tâm chúng ta quay cuồng trong giông bão. Chúng phải tịnh để tìm lại sự bình an.

## • NHẬP TỊNH

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy: “*Thiền Liêng dạy chư hiền nhập tịnh là để ngăn ngừa sự vọng động nội tâm và để cho lòng được ổn định thanh tịnh, trước là dưỡng sinh, sau là thông công cùng Thượng giới.*”<sup>1</sup>

Một năm có bốn khóa tịnh: xuân phân, hạ chí, thu phân, đông chí. Một ngày có bốn thời tịnh “Tý, Mẹo, Ngọ, Dậu”. Mỗi tháng từ giờ Tý đêm mùng 7 rạng mùng 8 đến giờ Tý

---

1. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-4 Nhâm Tý (03-6-1972).



đêm sau là tịnh liên hoàn ngày thượng huyền, tính theo tuần trăng.

#### • TỊNH TỌA

Ngôi thiên (tọa thiên) trong đạo Cao Đài còn gọi là ngôi tịnh (tịnh tọa) để giữ yên lặng thân tâm, tái nạp năng lượng thi hành đạo sự sắp tới. Đức Mẹ dạy:

*Tứ thời giữ tham thiên tịnh tọa,  
Lắng lòng trần buông xả vạn duyên,  
Khí thần hợp nhất kết liên,  
Phục hồi sinh lực lặng yên tâm hồn.<sup>2</sup>*

#### • KHÓA TỊNH

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy “Bảo chú hiển vào nhập các khóa tịnh, tu luyện thân tâm trong thời hạn vẫn hay dài, là vì chú hiển đã giác ngộ và tự nhận sứ mạng vào Thiên đạo để thực hiện sứ mạng đại thừa, để tự giải thoát và giải thoát vạn khổ của thế nhân, thì chú hiển phải có một công phu luyện kỹ thuần thành từ nội tâm đến ngoại thể. Có như vậy sự tu chứng mới thể hiện bên ngoài và thân lực được hiển lộ bên trong.”<sup>3</sup>

Khi tịnh chúng ta nhiếp thu được thân lực, chuyển hóa được nghiệp lực, để thanh tịnh lực căn, viên dung đạo hạnh.

#### • TỊNH = YÊN LẶNG

Tịnh không những im lặng, tịnh khẩu, mà còn yên lặng tất cả: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Đức Chí Tôn dạy:

*Thành tâm niệm Phật,  
Tịnh, tịnh, tịnh, tịnh, tịnh;  
Tịnh, là vô nhứt vật,  
Thành tâm hành đạo.<sup>4</sup>*

Đức Chí Tôn đã trao chìa khóa để chúng ta giải công án “vô nhứt vật” của Đức Lục Tổ Huệ Năng.

#### • LUẬT TỊNH THẮT

Tịnh thất là nơi để học tịnh, tịnh tức là tu, luật để tu trong Cao Đài giáo là “Luật Tịnh Thất”. Đức Chí Tôn dạy:

*“Thứ hai, 06-12-1926 (02-11 Bính Dần)*

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30-11 Canh Thân.  
3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-02 Nhâm Tuất (10-3-1982).  
4. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển II, 1973, tr. 209.

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI GIÁO ĐẠO  
NAM PHƯƠNG

*Hỉ chú môn đệ, chú ái nữ, chú nhu, chú tín nữ.*

*Trung: – Bạch Thầy xin cho đình lại, qua ngày thứ bảy tới sẽ nạp luật cho Thầy phê chuẩn.*

*Phải ở luôn luôn nơi Thánh Thất dựng lập Luật sẵn.*

*Nghe Thầy dạy:*

*Khởi đầu lập Luật tu, gọi là: Tịnh Thất Luật.*

*Kế nữa lập Luật trị, gọi là Đạo Pháp Luật.*

*Ba là lập luật đời, gọi là Thế Luật.*

*Các con hiểu à!...<sup>5</sup>*

#### • TỊNH ĐƯỜNG (TRƯỜNG TỊNH, TỊNH TRƯỜNG): NƠI HỌC TỊNH

Đây là “địa” trong “pháp, tài, lữ, địa”. Trên thế giới, số sân bay vũ trụ đếm trên đầu ngón tay. Về mặt tâm linh, số tịnh trường giúp con người ra khỏi luân hồi sanh tử cũng ít như thế. Cho nên ai cận kề tịnh trường vì lý do nào không thọ pháp, hành pháp, đó là chú vị đỏi bên vựa lúa, khát bên dòng suối.

Đức Đồng Phương Lão Tổ dạy: “Lập tịnh trường không phải là để làm một tịnh trường bằng hình thức, hay danh hiệu. Tác dụng chính yếu của tịnh trường là mở con đường giải thoát cho người trần tục trở về ngôi Tiên Thánh.”<sup>6</sup>

Mỗi năm chúng ta nhập các khóa tịnh.

Đức Mẹ dạy:

*“Mẹ biết phần đông các con được lệnh nhập tịnh trường lòng vui mừng mong cầu đạo và nghe dạy là tịnh tập thể hợp thiên nhiên,<sup>7</sup> tạo khối linh điển lành rưới chan khắp chốn.<sup>8</sup> Các con cũng sẵn sàng kèm tâm giữ ý theo lời hướng dẫn, nhưng thật sự lòng con cũng chưa biết kết quả đi đến đâu và như thế nào.*

*Con ôi! Đạo pháp vi diệu ở chỗ đó, không biết mà biết, không thấy mà linh ứng, không hình*

5. Đầu Sư Hương Hiếu, Đạo Sử, quyển II, tr.71. Nguyễn Văn Hồng, Thánh ngôn Sứ Tập, quyển 1, 2002, tr.73.

6. Minh Lý Thánh Hội, 04-7 Canh Tuất (05-8-1970).

7. Tịnh tập thể là cùng nhau xây dựng tấm lưới thiêng.

8. Để hồi hướng công đức cho toàn chúng sanh.

tượng mà bủa khắp muôn phương, chỉ vẫn vôi có ba hoặc bảy ngày hoặc chín ngày.

▪ Ngoài việc thân tâm ổn định, thể xác nghỉ ngơi<sup>9</sup> để bù lại những tháng năm nhọc nhằn lao khổ vì nghiệp lực, vì sinh kế, trong đôi ba ngày cũng là quý báu đối với các con được sống lại cuộc đời hài nhi<sup>10</sup> trong vòng tay của Mẹ.

▪ Thêm vào đó phần hàm dưỡng chơn khí phục phát sinh cơ, dầu cho con chưa thâm sâu đạo pháp, nhưng giữ lòng thanh tịnh hư vô, cũng giúp cho các con phục hồi sinh khí.

Phần này các con phải gìn giữ sau khi trở về.

– Cố gắng gìn giữ được càng lâu bền càng tiến đạo.  
– Đừng quá phí tổn thân xác, tinh thần để thất tán những gì con lượm lặt chắt mót từng giờ từng phút trong tịnh trường.<sup>11</sup>

Đơn vị cơ sở trong đạo Cao Đài được gọi là Thánh thất, Thánh tịnh.

– Thánh thất, với ý nghĩa nơi các vị chức việc, tín đồ (từ Lễ sanh trở xuống), đến để học làm người, làm Thần, làm Thánh, nơi cư ngụ của các vị Thánh (từ Giáo Hữu trở lên) để hành Thánh sự. Tên Thánh thất trùng với đơn vị hành chánh địa phương: Thánh thất Bình Hòa (ở xã Bình Hòa), Thánh thất Trảng Bàng (ở quận Trảng Bàng)...

– Thánh tịnh, trên nguyên tắc là nơi của các vị đã lập nguyện thượng thừa đến luyện kỹ hành công để hiệp thông với thất thập nhị Địa. Ở Trên cho thành lập Thất thập nhị Tịnh, mỗi Thánh tịnh được ban Thánh danh riêng: Thánh tịnh Thiên Thai, Thánh tịnh Bồng Lai, Thánh tịnh Bồng Hải Đảo...

– Tịnh thổ: đất thanh tịnh, cõi thanh tịnh, quốc độ thanh tịnh.

Trong bài Kinh Cầu Siêu, chúng ta đọc:

*Đầu vọng bái Tây Phương Phật Tổ.*

9. Chúng ta nên thu xếp xin nghỉ phép để nhập tịnh thay vì bắt đắc dĩ đi làm rồi lật đật chạy về tịnh, dễ bị hôn trầm do chưa điều thân.

10. Đạo vô thượng tìm đâu chẳng có, Vốn thiết từ con đồ chiếu soi; Phải đâu ngoại vật tìm tòi, Một lăm hai lỗ thiết thời công phu.

11. Vĩnh Nguyên Tự, 11–11 Bính Thìn (31–12–1976).

A Di Đà Phật độ chúng dân...

Tây Tịnh thổ tức cõi Cực Lạc của Đức A Di Đà.

Đông Tịnh thổ của Đức Phật Dược Sư.

Nam Tịnh thổ của Đức Phật Bảo Sinh.

Bắc Tịnh thổ của Đức Phật Cổ Âm.

**2. VỀ THIÊN**, Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*Tu là phép chữa bệnh trần,*

*Thiên là đoạn diệt tham, sân, dục tình.<sup>12</sup>*

Bệnh trần là tâm bệnh, phải có đơn tâm (thuốc tâm) để điều trị. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*Có công phải biết gắng nên công,*

*Tu tánh đã xong tới luyện lòng;*

*Kinh sách đầy đầu chưa thoát tục,*

*ĐƠN TÂM khó định lấy chi mong.<sup>13</sup>*

**3. VỀ TÂM PHÁP**, thuộc “Thiên đạo giải thoát”, Đức Ngô Đại Tiên dạy: “Đức Cao Đài Thượng Đế khai Đạo Kỳ Ba dụng hình tướng hòa đồng vạn giáo, dụng tâm pháp độ rỗi nguyên căn.” Ngài dạy tiếp:

*Sứ mạng Cao Đài buổi trước tiên,*

*Vô vi tâm pháp độ người hiền;*

*Tam Kỳ, mật hạ khai chơn lý,*

*Dẫn dắt người phạm có thiện duyên.<sup>14</sup>*

Pháp đây là một trong bốn điều kiện ắt có và đủ của người tu: pháp, tài, lữ, địa.

**4. VỀ CHÁNH PHÁP**, Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*“Trên đường thế lộ, các cháu sáng suốt biết chọn con đường Đại Đạo noi theo, học tu chánh pháp, thì Lão khuyên các cháu phải quyết tâm xây đắp cho mình một tòa Cao Đài nội tại uy nghi trang trọng để ở hẳn vào đó, lấy đó làm ngôi vĩnh cửu trường tồn, sẽ vượt qua mọi giông bão nắng mưa.*

12. Cơ Quan Phổ Thông Giáo lý, 15–6 Canh Thân (26–7–1980).

13. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 2, đàn ngày 27–01–1926.

Công phu trong Phật giáo có ý nghĩa cúng kiến. Quyển “Nhị thời công phu” hướng dẫn nghi thức và kinh lễ cúng hai lần mỗi ngày.

• Tịnh (tiếng nôm) là yên lặng, trái với động.

• Thiên (tiếng Hán Việt) là yên lặng.

14. Tây Thành Thánh thất, 27–9 Giáp Dần (10–11–1974).

Nếu các cháu thật quyết tâm xây dựng cho kỳ được thì ngôi Cao Đài kia ắt hẳn sẽ không bao giờ hư hoại. Tuy sờ mó chưa đụng, nhưng có che có chở, trông nhìn không thấy mà linh hoạt cận kề thiên niên bất diệt, vị chủ nhơn ông kiến trúc là Thần, vật liệu là Khí Thể và Tinh Hoa.”<sup>15</sup>

Học Chơn đạo là xây đắp toà Cao Đài nội tại.

Về pháp, chúng ta được dạy: mỗi pháp có ba thời kỳ:

1. Giai đoạn Chánh pháp (năm trăm năm đầu tiên): pháp mới mở, trăm người thọ pháp, hầu như trăm người đắc pháp.

2. Giai đoạn tượng pháp (năm trăm năm kế tiếp): pháp tương tợ, một trăm người thọ pháp, chỉ khoảng năm mươi người đắc pháp.

3. Giai đoạn mạt pháp (thêm năm trăm năm nữa): pháp đã ra ngọn ngành, một trăm người thọ pháp, chỉ khoảng vài người đắc pháp.

Chúng ta may mắn ở trong thời chánh pháp của Tam Kỳ Phổ Độ. Học công phu là thọ pháp<sup>16</sup>.

Pháp ở đây có tầm quan trọng đặc biệt trong ý nghĩa “người bình thường có phương pháp cũng có thể thành công, còn người giỏi nhưng không phương pháp thì việc khó đi tới đâu”.

Về thọ pháp, bên ngoài người ta gọi là chuyển giao công nghệ, rất tốn kém, trong khi đó Ôn Trên dạy:

*Chèo thuyền Bát nhã đến trần gian,  
Ai quá giang thì kíp trở sang,  
Ta chẳng tính công cùng sở phí,  
Chỉ cần trí định với tâm an.*<sup>17</sup>

Về chánh pháp, Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân dạy:

“... chỗ tối yếu huyền năng chánh pháp là tịnh tâm. Tâm tịnh thì nhơn dục sẽ lặng yên. Nhơn dục lặng yên, lẽ Trời mới thông suốt. Thế nên có câu: “Nhứt thiết chư pháp giai tùng tâm sanh”.

Tuy một việc rất dễ dàng, xem như không, mà phải tìm cho được trọn vẹn trong cái không sẽ trở lại có.”<sup>18</sup>

Tịnh tâm là mẫu số chung của “bất nhị pháp môn”.

Xâu chuỗi còn gọi Định Hải Châu là một trong những pháp khí của hành giả để tịnh tâm, định tâm. Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

*Tâm có định rồi thân mới an,  
Tâm còn điên đảo ắt nguy nan,  
Công phu là để tâm an định,  
Nên đạo, nên người chốn thế gian.*<sup>19</sup>

Trong Phong Thần, Triệu Công Minh khi bị mất Định Hải Châu (tâm không còn định được nữa) đã than: “Xưa nay ta luyện được phép là nhờ Định Hải Châu. Nay báu vật bị mất thì chắc là ta không còn thứ gì được nữa”. Triệu Công Minh mất Định Hải Châu, mất tất cả, vì hành công mà tâm không định thì loạn! Xin nhắc nhau lời Đức Chí Tôn dạy “Tịnh, tịnh, tịnh...” để nhiếp tâm hầu tổn tâm, tu tâm, minh tâm.

**5. VỀ CHƠN ĐẠO,** Trong Đại Thừa Chơn giáo, Ôn Trên dạy:

*Đường Chơn đạo trông không mà có,  
Pháp chánh truyền có đó hoá không.  
Với thánh sở vật chất, có lúc Đức Mẹ buồn:  
Mẹ đâu thích ngự chốn chùa không,  
Chẳng có ích chi cho đại đồng,  
Trong lúc sanh linh còn khổ nạn,  
Tình con hoà hiệp cũng chưa xong.<sup>20</sup>  
Công phu mỗi ngày là hành pháp.<sup>21</sup>*

**6. VỀ HÀNH PHÁP,** Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:  
*Hành pháp tuy rất dễ,  
Công phu có khó chi,*

15. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 14-3 Mậu Ngọ (20-4-1978).

16. Sự khác biệt giữa sử vụ và dịch vụ. Điều kiện tối thiểu để thọ pháp là: nhập môn đạo Cao Đài, ăn chay tối thiểu 10 ngày mỗi tháng, tại nhà có thượng tượng.

17. Đức Đông Phương Chưởng Quân, Bác Nhã Tịnh Đường, 27-11 Tân Hợi (13-01-1972).

18. Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

19. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 04-6 Tân Dậu (05-7-1981).

20. Đức Mẹ, Thánh thất Tân Định, 24-8 Nhâm Tý (01-10-1972).

21. Người tín đồ Cao Đài nếu chưa thọ pháp thì phải cúng tứ thời (Tý, Ngọ, Ngọ, Dậu). Tối thiểu mỗi ngày phải một thời, đó là nuôi dưỡng phần hồn. Đó chính là công phu ở hình thức phổ thông.

Chỉ tại tâm không định,  
Chánh pháp khó duy trì.  
Đừng tưởng ba năm đủ,  
Trăm tuổi cũng chưa gì,  
Muốn thành công đắc quả,  
Một niệm chớ sai di.  
Giác ngộ tam canh đủ,  
Mê muội bá niên kỳ,  
Khuyên ai đừng vọng tưởng,  
Đắc pháp tâm bất ly.<sup>22</sup>

### 7. VỀ HUYỀN MÔN (cửa đi vào huyền diệu).

Huyền môn là cửa đi vào huyền diệu, phương tu giúp hành giả rửa sạch nghiệp lực, giải thoát khỏi thế gian vô thường này. Đức Mẹ dạy:

Trải lịch kiếp nghiệp còn triu triu,  
Kỳ xá ân nường níu trì tu,  
Huyền môn giải phá trần tù,  
Phất trần quét sạch ngút mù từ lâu.<sup>23</sup>

Vào huyền môn là để học huyền công bao gồm “luyện kỹ – tu công”. Đức Mẹ dạy:

Đạo mẫu huyền nhiệm lắm con ôi!  
Chúng quả rồi con sẽ độ đời,  
Luyện kỹ công phu đừng gián đoạn,  
Mới mong vững bước cuộc đầy vơi.<sup>24</sup>

Đức Mẹ dạy:

Thiền là tâm huyền công luyện kỹ,  
Tâm là thần nhứt lý dung thông,  
Ở trần chẳng dính bụi hồng,  
Ở trong sinh diệt, thoát vòng diệt sinh.<sup>25</sup>

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn khẳng định: “Chỉ cần chú đệ muội công phu tu tập cho thật vững mãnh sáng suốt, dấu đạo pháp ở cấp bậc nào cũng có thể tu chứng được.”<sup>26</sup>

### 8. VỀ CÔNG PHU

Đức Mẹ dạy “Sau đây, Mẹ cũng dạy cho các con biết rõ qua việc tu tập sắp đến. Mỗi đứa đều phải

– tự thu xếp việc đời để dành những thì giờ công phu tịnh luyện và

– tự thu xếp chờ đợi thọ chơn pháp hầu mở đường về Ngọc Hư Cung. Chẳng lẽ con ở mãi trần gian sao con?”<sup>27</sup>

Đức Đông Phương Chưởng Quán dạy: “Công phu sở dĩ không đạt được kết quả là do tâm không tịnh, ý còn động nên lục dục thất tình còn rấp ranh quấy nhiễu. Chư hiền đệ cố gắng. Bản Đạo luôn luôn hộ trì 28 và lo cho chư hiền đệ cũng như Bản Đạo lo cho chính Bản Đạo vậy.”<sup>29</sup>

Chúng ta có thể gạch dưới các điểm chính:

1. Chũ thiền tịnh trong nhà Phật gồm thiền của thiền tông và tịnh của tịnh độ tông. Trong khi đó đối với Cao Đài: thiền và tịnh đồng một nghĩa là yên lặng thanh tịnh, ngồi thiền (thiền tọa) cũng chính là ngồi tịnh (tịnh tọa).

2. Nơi để người môn đệ đức Cao Đài tu học, hành công là tịnh thất, tịnh trường, tịnh đường.

3. Thiền của nhà Phật là ải không cửa (vô môn quan), thiền sinh phải tự mở lối vào, thật không dễ. Tịnh của nhà Phật là “nhứt cú Di Đà thù biệt niệm, bất lao đàn chỉ đáo Tây Phương” thích nghi cho mọi căn cơ. Định Hải Châu là trợ duyên cho hành giả.

4. Thiền trong đạo Cao Đài là tánh mạng song tu, có cửa vào (có thứ lớp, giáo trình từ thấp lên cao) nhưng đi được không và đi bao xa tùy vào căn cơ, sự phấn đấu tinh tấn của hành giả và sự ân ban của các Đấng Thiêng Liêng.

5. Điều cần nhớ là khi hành giả đã thiền, đã tịnh thì định lực, khả năng tập trung tư tưởng cao hơn người thường năm lần, mười lần thì vì bất cứ lý do nào mà tâm bệnh tham, sân, si nổi lên, bệnh sẽ nặng nhiều lần hơn người thường.

MÙA TU THU PHÂN GIÁP NGỌ, 2014 ■

22. Thiên Lý Đàn, 20–10 Kỷ Dậu (29–11–1969).

23. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 01–12 Bính Thìn (19–01–1977).

24. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–4 Kỷ Mùi (10–5–1979).

25. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 13–8 Kỷ Mùi (03–10–1979).

26. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 29–8 Quý Hợi (05–10–1983).

27. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 18–01 Tân Hợi (13–02–1971).

28. “Bản Đạo thường hay xem xét từ mỗi đệ muội trong thời công phu để tùy theo căn trí mà dẫn độ.” Đức Đông Phương Chưởng Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 10–6 Tân Hợi (31–7–1971).

29. Đức Đông Phương Chưởng Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19–8 Tân Hợi (07–10–1971).



# VĂN HÓA CAO ĐÀI

## *kế thừa & phát huy*

### *văn hóa đạo đức dân tộc*

#### ■ DIỆU NGUYÊN

**Đ**ạo Cao Đài – một nền tôn giáo dân tộc – được khai sinh trên mảnh đất miền Nam nước Việt, một vùng đất hội tụ nhiều yếu tố văn hóa thuận lợi để hạt giống Cao Đài dễ dàng nảy mầm, đâm tược và phát triển thành cây lá sum sê như lời Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy:

*Chính mình Thấy đến chốn Nam bang,  
Mượn đất đem gieo mối Đạo vàng,  
Tưới nước vun phân Nho, Thích, Lão,  
Nâng cành, sửa lá, pháp hòa tăng.<sup>1</sup>*

Thật vậy, ngược dòng lịch sử, trở về với bối cảnh xã hội vùng đất phương Nam nước Việt vào những năm đầu của thế kỷ xx, thời điểm chuẩn bị cho sự ra đời của đạo Cao Đài, chúng ta thấy rằng đây là một vùng đất tập hợp nhiều dân tộc khác nhau từ các nơi về đây khai hoang lập ấp mưu sinh. Môi trường thiên nhiên khắc nghiệt thuở ban đầu đã khiến cho những con người nơi đây, cho dù khác nhau về dân tộc, ngôn ngữ, tín ngưỡng, phong tục tập quán... vẫn thắt chặt mối tình đoàn kết tương thân tương trợ lẫn nhau trong đời sống. Do đó, người dân Nam kỳ thường có tính hiếu khách, bao dung, nhân ái, hào sảng và trọng nghĩa khinh tài. Ngoài ra, nhờ ở vào vị trí trung tâm của Đông Nam Á với hệ thống kênh rạch và sông ngòi dày đặc đổ ra biển Đông và vịnh Thái Lan, thuận lợi cho việc giao lưu mua bán với các nước láng giềng trong khu vực mà Nam kỳ đã sớm trở thành nơi hội tụ các luồng văn hóa Đông Tây bao gồm cả các nền tôn giáo và tín ngưỡng.

Vì thế mà tinh thần bao dung, hòa đồng tôn giáo là một đặc điểm văn hóa nổi bật của người dân Nam kỳ,<sup>2</sup> là điều kiện thuận lợi để nền đạo Cao Đài với tinh thần đại đồng và dung hòa tổng hợp nhanh chóng phát triển.

Tôn giáo Cao Đài có các đặc điểm như:

- Đấng Giáo chủ là Đức Chí Tôn Thượng Đế, hoàn toàn phù hợp với tín ngưỡng thờ Trời đã có từ lâu đời của người dân Việt.
- Hệ thống giáo lý, kinh kệ bằng chữ quốc ngữ với những vần thơ lục bát và song thất lục bát nhuần nhuyễn Việt Nam.

1. Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ, (03-02-1966).

2. Theo Đinh Văn Hạnh, Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa Của Người Việt ở Nam Bộ, NXB. Trẻ, 1999.

– Đạo phục của nam nữ tín đồ là trang phục áo dài truyền thống của dân tộc, lễ nhạc trong nghi thức cúng kính của đạo Cao Đài cũng là âm nhạc truyền thống dân gian miền Nam, cách tổ chức cuộc sống cộng đồng theo Tân Luật Cao Đài cũng rất gần gũi với văn hóa sống quần cư theo hình thức làng xã của người dân Việt, v.v.

Do đó, có thể nói rằng, đạo Cao Đài là một nền tôn giáo dân tộc mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, và trong chừng mức nào đó, đã góp phần vào việc bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa đạo đức nước nhà.

Trước khi tìm hiểu về sự đóng góp của Cao Đài trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa đạo đức dân tộc, chúng ta cần thống nhất một số khái niệm về văn hóa, văn hóa dân tộc và văn hóa đạo đức.

Về mặt ngữ nghĩa, văn có nghĩa là vẻ đẹp, hóa là biến chuyển từ trạng thái này sang trạng thái khác. Vậy, văn hóa có nghĩa là làm cho trở nên tốt đẹp.

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Lý Thái Bạch đã từng giảng giải về ý nghĩa của hai chữ văn hóa như sau:

*“Văn hóa là sản phẩm tinh thần của xã hội dân tộc. Văn hóa có ảnh hưởng một phần rất to tát trong xã hội như loại. Nó tế nhị mà bao la, trầm mặc mà mạnh mẽ, có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. Bản chất của văn hóa là đạo đức. Hình thức của nó là ngôn từ, chương cú, giáo dục.”*<sup>3</sup>

Xin được nhấn mạnh hai ý trong lời dạy của Đức Lý Giáo Tông, đó là: 1. Văn hóa có thể đưa dân tộc từ chỗ đồi trụy trở về cuộc sống thanh cao. 2. Bản chất của văn hóa là đạo đức.

Vậy, những gì phi đạo đức hoặc không mang tính nhân bản thì không thể gọi là văn hóa. Xin đơn cử một ví dụ:

Cách đây khá nhiều năm, một tờ nhật báo ở thành phố ta đã đưa tin: “Nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng người Pháp Brigitte Bardot, được

biết đến như một nhà hoạt động xã hội (bảo vệ thú vật), đã nhận được hơn 7000 lời đe dọa giết chết từ Hàn Quốc, nơi đang diễn ra giải vô địch bóng đá thế giới, chỉ vì những người dân ở đây rất giận dữ khi nghe nói về kế hoạch chống ăn thịt chó của Bardot trong mùa World Cup. Họ nói với Bardot: Đó là văn hóa truyền thống của chúng tôi. Vừa trở về từ Áo, nơi bà nhận được giải thưởng cho hoạt động bảo vệ thú vật, Bardot tuyên bố bà sẽ không nhân nhượng. Bà nói: Ăn thịt chó không phải là văn hóa [bởi lẽ hành động này đi ngược lại lòng nhân ái]. Văn hóa là sáng tác những bản nhạc như Mozart hay xây dựng các công trình kiến trúc như ở thành Vienne kia!”

Lâu nay chúng ta vẫn thường nghe cụm từ “văn hóa đồi trụy”, đây cũng là cách nói sai, bởi lẽ những gì đồi trụy đều không phải là văn hóa.

Trong các mẫu Sơ yếu lý lịch thường có mục “Trình độ văn hóa”, đây cũng là sự nhầm lẫn giữa văn hóa và học vấn. Lẽ ra phải ghi là “Trình độ học vấn” tức là học vị của mỗi người: Tốt nghiệp Phổ thông trung học hay Cử nhân, Thạc sĩ hay Tiến sĩ, v.v.), còn trình độ văn hóa của một người chỉ có thể được đánh giá qua cách hành xử của người đó trong đời sống. Một người có trình độ học vấn cao, có bằng cấp Thạc sĩ hay Tiến sĩ nhưng chưa chắc đã là một người có văn hóa nếu người đó khi ra đường chạy xe vượt đèn đỏ, vứt rác xuống đường một cách tùy tiện hoặc sáng sớm quét sân trước nhà rồi hất rác sang nhà hàng xóm, v.v.. Ngược lại, có những người nông què chân lấm tay bùn, chất phác, ít học, nhưng lại là người có văn hóa cao vì biết cách đối xử rất tốt đẹp với mọi người xung quanh.

Về văn hóa dân tộc, Đức Lý Giáo Tông dạy:

*“Văn hóa dân tộc nói lên được tất cả những cái gì cao quý tốt đẹp của một dân tộc từ văn học, triết học, nghệ thuật, phong tục tập quán đến quốc hồn quốc túy của dân tộc ấy.”*<sup>4</sup>

Vậy, sau khi phân tích ngữ nghĩa của hai chữ văn hóa và qua lời dạy của Đức Giáo Tông Đại

3. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-7 Ất Mão.

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Hợi (10-02-1971).

Đạo, chúng ta có thể nói rằng, văn hóa chỉ bao gồm những gì tốt đẹp và đạo đức trong đời sống vật chất và tinh thần của con người.

Chẳng hạn như ở nước ta ngày nay, khi đi ra đường, chúng ta thường thấy những tấm bảng đề Khu phố văn hóa trước ngõ dẫn vào một khu dân cư, tức là trên nguyên tắc, trong các khu phố ấy, mọi người dân đều có một nếp sống đạo đức, lành mạnh, tuân thủ pháp luật, gia đình thuận thảo, hàng xóm láng giềng tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau.

Đức Giáo Tông Đại Đạo còn dạy thêm về nội dung của văn hóa đạo đức như sau:

Văn hóa đạo đức có những gì tốt đẹp sâu sắc trong lãnh vực triết học, đạo lý, thần linh học, từ nhân sinh quan đến vũ trụ quan, sự liên hệ giữa Trời và con người, sự liên hệ giữa Trời và vạn vật, sự liên hệ giữa con người và con người, sự liên hệ giữa con người và vạn vật, v.v.<sup>5</sup>

Các nhà khoa học xã hội cũng đã đưa ra cấu trúc văn hóa khá tương đồng với lời dạy của Đức Giáo Tông Đại Đạo về nội dung của văn hóa đạo đức. Cấu trúc ấy bao gồm:

1. Văn hóa nhận thức: nhận thức về vũ trụ (vũ trụ quan) và nhận thức về con người (nhân sinh quan). Đây chính là nhận thức về sự liên hệ giữa Trời và con người, sự liên hệ giữa Trời và vạn vật.
2. Văn hóa tổ chức cộng đồng: tổ chức đời sống tập thể và tổ chức đời sống cá nhân (sự liên hệ giữa con người và con người).
3. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên: sự liên hệ giữa con người và vạn vật.
4. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

Sau đây, chúng ta hãy cùng nhau khảo sát sơ lược về hệ thống văn hóa Cao Đài dựa trên cấu trúc văn hóa mà các nhà khoa học xã hội đã đưa ra.

## 1. VĂN HÓA NHẬN THỨC

Con người luôn có nhu cầu tìm hiểu về vũ trụ và về chính bản thân con người. Một nền tôn giáo được xem là có giá trị văn hóa đạo đức một khi

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Tân Hợi (10-02-1971).

giáo lý tôn giáo đó giúp cho con người có được một nhận thức đúng đắn về vũ trụ và con người, về sự liên hệ giữa Trời và con người, sự liên hệ giữa Trời và vạn vật, sự liên hệ giữa con người và con người, sự liên hệ giữa con người và vạn vật, để từ nhận thức đó, con người có thể chọn cho mình một nếp sống đạo đức thanh cao, hợp với lẽ Trời, ích hơn lợi vật, góp phần xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, hạnh phúc, mà cũng là giúp cho bản thân được tiến hóa.

Giáo lý Cao Đài với thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể giúp cho con người hiểu rằng mình là một điểm tiểu linh quang xuất phát từ khối Đại Linh Quang là Thượng Đế nên cũng có đầy đủ quyền năng như Ngài, nếu biết tu thân hành đạo, làm tròn bổn phận vi nhân thì có thể tiến hóa lên làm Trời như lời dạy của Ôn Trên:

*Con là một Thiên Liêng tại thế,  
Cùng với Thầy đồng thể linh quang,  
Khóa chìa con đã sẵn sàng,  
Khi vào cõi tục, khi sang Thiên đình.<sup>6</sup>*

Hoặc là:

*Tu là học để làm Trời,  
Phải đâu muôn kiếp làm người thế gian.<sup>7</sup>*

Đây chính là một nét đẹp của văn hóa đạo đức Cao Đài vì nhận thức này có tác dụng tích cực thúc đẩy con người luôn cố gắng tu thân, trau dồi đạo đức để được thăng hoa tiến hóa mãi.

Thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể cũng giúp cho chúng ta hiểu được rằng con người dù thuộc quốc gia, chủng tộc nào cũng đều là anh em có cùng một Đấng Cha Trời. Nhận thức này giúp mọi người đối xử với nhau bình đẳng, thương yêu, không kỳ thị chia rẽ. Đây cũng là yếu tố cần thiết giúp con người xây dựng một thế giới đại đồng, hòa bình và hạnh phúc.

## 2. VĂN HÓA TỔ CHỨC CỘNG ĐỒNG

Văn hóa tổ chức cộng đồng bao gồm những

6. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14-01 Bính Ngọ (03-02-1966).

7. Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10-5 Giáp Dần (29-6-1974).

vấn đề liên quan đến tổ chức đời sống cộng đồng. Tân luật Cao Đài có quy định rõ: *“Nơi nào có đông tín đồ được chừng 500 người sắp lên thì được lập riêng một họ, đặt riêng một Thánh thất, có một chức sắc làm đầu cai trị.”*

Mối quan hệ giữa các tín đồ trong cộng đồng cũng được Tân luật quy định như sau:

– *“Hễ thọ giáo với một Thầy thì tỷ như con một Cha. Phải thương yêu nhau, liên lạc nhau, giúp đỡ nhau, lấy lòng thành thật mà đối đãi nhau, dìu dắt nhau trong đường Đạo và đường đời. Nhập Đạo rồi thì quên những việc oán thù nhau khi trước, phải tránh việc ganh ghét tranh đua và kiện cáo, phải nhẫn nhịn và hòa thuận với nhau. Rủi có điều chi xích mích, phải vui nghe người làm đầu trong họ phân giải. Đối với hàng đạo hữu phải nuôi nấng cái tình thù tạc với nhau, cho khẩn khít cái dây liên lạc. Một người trong Đạo gặp tai nạn thành linh thì bốn đạo trong họ hãy tùy hỷ chung nhau, tư trợ cho qua lúc ngặt nghèo.”*

– *“Trong hàng tín đồ còn ở thế phải nhớ hai dịp là tang và hôn. Trong bốn đạo xây có người mãn phần quy vị thì chư tín đồ trong họ phải chung cùng đến giúp và chia buồn với tang chủ...”*

Qua đó, có thể thấy rằng, cách tổ chức tang lễ trong đạo Cao Đài mang tính tương trợ cộng đồng rất cao. Khi một gia đình đạo hữu Cao Đài có người qua đời thì đồng đạo đều đến giúp đỡ lo tang sự chu đáo. Các chức sắc cùng bốn đạo đến giúp tang chủ làm phép bí tích và tụng kinh cầu siêu hoàn toàn trong tinh thần trợ giúp công quả, tuyệt đối không nhận bất cứ một khoản tiền thù lao nào cả.

Như vậy, chúng ta thấy rằng tình yêu thương và tinh thần tương thân tương ái trong đời sống hằng ngày là một nét đẹp của văn hóa tổ chức cộng đồng Cao Đài.

Còn về chuyện hôn nhân, Tân luật Cao Đài cũng quy định rõ: *“Làm lễ sính rồi hai chàng trai và gái phải đến thánh thất mà cầu lễ chứng hôn.”* Nghi thức hôn phối được tiến hành trước Thiên bàn với sự chủ trì của một vị chức sắc cùng với sự cầu nguyện của tất cả các đạo hữu hiện diện.

Thông qua ý nghĩa thâm thúy của bài kinh Hôn phối cùng với sự ban ơn hộ trì của Thiêng Liêng, tất cả sẽ là một ấn tượng tốt đẹp giúp cho đôi tân hôn ghi nhớ để cùng nhau xây dựng một gia đình đạo đức và hạnh phúc về sau.

Riêng đối với từng cá nhân người tín đồ, luật Đạo cũng quy định: *“Phải giữ tam cương ngũ thường là nguồn cội của nhơn đạo. Nam thì hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nữ thì tam tòng, tứ đức công, dung, ngôn, hạnh. Ra giao thiệp với đời thì phải tập và giữ tánh ôn, lương, cung, khiêm, nhượng. Kể từ ngày ban hành luật này, người bốn đạo chẳng nên chuyên nghề gì làm cho sát sanh, hại vật; chẳng được làm nghề gì mà đôi phong bại tục; chẳng được soạn hay là ấn hành những truyện phong tình, huê nguyệt; không đặng buôn bán các thứ rượu mạnh và á phiện là vật độc làm cho giảm chất con người. Người nào đã lầm lỡ rồi, hãy kiểm thế mà giải nghệ...”*

Người tín hữu Cao Đài nếu thực hiện được đúng những điều quy định trong Tân luật thì cũng sẽ là một con người văn hóa chính danh, góp phần xây dựng xã hội lành mạnh, đạo đức.

Văn hóa Cao Đài về mặt tổ chức cộng đồng còn có ưu điểm là quan tâm chăm sóc trẻ em và phụ nữ.

Đối với trẻ em, Tân luật quy định: *“Con nít mới sanh phải chọn cha và mẹ đỡ đầu cho nó, phòng sau bảo hộ nó lúc rủi phải thân côi. Đứa con nít khi được một tháng sắp lên phải đem đến thánh thất sở tại mà xin làm lễ ‘tắm thánh’ và ghi vào bộ sanh của bốn đạo. Buộc cha mẹ con nít từ 6 tuổi chí 12 tuổi phải cho con vào trường học chữ hay là học Đạo.”*

Đối với phụ nữ,

– Việc Pháp Chánh Truyền quy định cho nữ giới được đứng vào hàng giáo phẩm Cửu Trùng Đài cho tới bậc Đầu Sư cũng là một điểm hết sức đặc biệt của Hội Thánh Cao Đài mà xưa nay chưa hề có trong bất cứ giáo hội nào khác.

– Việc mở cửa tâm pháp thu nhận phụ nữ, việc lập ra tổ chức Nữ Chung Hòa để giúp nữ giới nâng cao trình độ tu học giáo lý và tham gia các



hoạt động xã hội từ thiện, v.v. đều thể hiện chủ trương nam nữ bình quyền của đạo Cao Đài.

Các Đấng Thiêng Liêng trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vẫn thường khích lệ nữ phái qua các lời dạy như:

*Nữ cũng như nam có khác nào,  
Cũng người, cũng học, cũng tài cao,  
Chỉ riêng thể chất thì hơi thiệt,  
Lập đức thi công rạng má đào.<sup>8</sup>*

Ngày từ năm 1926, lúc chưa khai Đạo, Đức Chí Tôn đã dạy lập tổ chức nữ phái như sau:

*“Đường Thi! [bà Lê Văn Trung] Thầy giao phái nữ cho con lập thành, chẳng phải vì đàn bà mà sớm nổi cơm, chiều trả cháo hoài.*

*Phần các con truyền Đạo kỳ phổ độ này cũng lắm nặng nề. Bao nhiêu nam tức bấy nhiêu nữ. Nam biết thành Tiên Phật, chớ nữ lại không sao? Thầy đã nói Bạch Ngọc Kinh có cả nam và nữ, mà phần nhiều nữ lấn quyền hơn nam rất nhiều.”*

Về phương diện này, có thể nói văn hóa Cao Đài đã đi trước thời đại: Ngày nay, nhân loại đã bước vào thế kỷ 21, thế kỷ của văn minh tiến bộ, nhưng tại một số quốc gia trên thế giới, người phụ nữ vẫn còn bị coi rẻ, nữ quyền vẫn còn bị chà đạp. Vậy mà từ năm 1926, khi chế độ phong kiến vẫn còn tồn tại ở Việt Nam, Cao Đài đã đề cao giá trị người phụ nữ và tôn trọng nữ quyền. Đây là một nét đẹp độc đáo của văn hóa Cao Đài.

### **3. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN**

Ngày nay, con người đã đạt được những thành tựu văn minh khoa học và công nghệ kỳ diệu, con người có thể chinh phục vũ trụ, thám hiểm đại dương... thế nhưng đây cũng chính là lúc con người phải đứng trước một vấn nạn to lớn: đó là nạn ô nhiễm môi trường, thiên tai hạn hán xảy ra khắp nơi, môi trường tự nhiên bị hủy hoại một cách tàn khốc do nạn phá rừng lấy gỗ, nhiều nơi môi trường sinh thái bị mất

cân bằng do nạn săn bắt bừa bãi làm cho một số loài động vật gần như bị tuyệt chủng, v.v. Tất cả những điều đó cũng có nghĩa là đời sống con người đang bị đe dọa nghiêm trọng.

Để lập lại sự cân bằng giữa tự nhiên và con người, để môi trường thiên nhiên không bị vắt cạn kiệt, các nhà khoa học xã hội nhận định rằng văn hóa có thể đóng vai trò vừa là động lực, vừa là hệ điều chỉnh cho sự phát triển kinh tế xã hội. Quyển Giòng Sinh Mệnh Văn Hóa Việt Nam<sup>10</sup> có ghi: “... vấn đề sản xuất, hưởng thụ, phân phối không thể phó mặc cho dục vọng vốn không cùng của con người và đồng loại mà phải ứng dụng phương pháp điều hợp của văn hóa có nghĩa là từ nội dung và giá trị sản vật đến việc sử dụng sản vật đều phải mang văn hóa tính.”

Giáo lý Cao Đài với thuyết Thiên địa vạn vật nhất thể đã cho chúng ta nhận thức rằng Trời, người và vạn vật đều cùng một thể linh quang. Các loài thảo mộc thú cầm chính là đàn em của chúng ta đang trên đường tiến hóa lên làm người, do đó con người không nên tàn phá, sát hại chúng một cách vô tội vạ mà cần phải nuôi dưỡng và bảo tồn thiên nhiên xung quanh mình.

Về việc bảo tồn mạng sống các loài động vật, Thánh giáo Cao Đài đã dạy:

*(...) Loài vật kia cũng sống như mình,  
Lẽ nào đành đoạn sát sinh,  
Rượu ngon thịt béo tiệc tùng sớm trưa.<sup>11</sup>*

Tân luật Cao Đài cũng quy định:

*“(..) người bốn đạo chẳng nên chuyên nghề giết làm cho sát sanh, hại vật...”*

*“Trong việc cúng tế vong linh không nên dùng hy sanh, dùng toàn đồ chay thì được phước hơn.”*

Như vậy, chủ trương quý trọng mạng sống của muôn loài vạn vật theo giáo lý Cao Đài có một ý nghĩa lớn lao trong việc bảo vệ môi trường, một trong những mối quan tâm hàng đầu của nhân loại ngày nay, khi mà thiên nhiên

8. Đức Cao Triều Phát, Thánh thất Bình Hòa, 28-8 Đinh Mùi (01-10-1967).

9. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Quyển I.

10. Lý Đại Nguyên, Sài Gòn: NXB An Tiêm, 1967.

11. Đức Quan Âm Bồ Tát, Giáo hội Tiên Thiên Minh Đức, 20-9 Đinh Mùi (23-10-1967).

đang bị tàn phá dữ dội cũng như tình trạng cân bằng sinh thái tại một số nơi bị phá vỡ do tẻ sản bất động vật hoang dã bừa bãi. Đây cũng là một nét đẹp của văn hóa Cao Đài trong vấn đề bảo vệ môi sinh, môi trường.

#### 4. VĂN HÓA ỨNG XỬ VỚI MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI

Về vấn đề này có tác giả viết: “Một cộng đồng cư dân không chỉ sống trong mối quan hệ với môi trường tự nhiên mà còn luôn phải quan hệ với các dân tộc xung quanh, đó là môi trường xã hội. Cách thức ứng xử với môi trường xã hội là thành tố thứ tư của một hệ thống văn hóa.

“Trong lĩnh vực này, với vị trí ngã tư đường của các nền văn minh, người Việt Nam quan tâm đặc biệt tới việc tiếp nhận các giá trị văn hóa nhân loại: Tiếp thu văn hóa Ấn Độ, ta có nền văn hóa Chăm độc đáo và một nền Phật giáo Việt Nam. Tiếp thu văn hóa Trung Hoa, ta có Nho giáo và Đạo giáo. Văn hóa phương Tây đem lại Ki Tô giáo và những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần mới mẻ. Đặc tính xuyên suốt quá trình giao lưu văn hóa nhiều thế kỷ này của người Việt Nam, ngoài tinh thần bao dung, hiếu hòa, là tính tổng hợp – dung hợp – tích hợp.”

Cũng nhờ vào tinh thần bao dung và lòng hiếu hòa của dân tộc Việt mà mảnh đất Việt Nam đã được Đức Chí Tôn Thượng Đế chọn lựa để gieo mồi đạo Cao Đài, một nền tôn giáo với tinh thần đại đồng nhằm xóa bỏ mọi tị hiềm đố kỵ, mọi khía cạnh ngã chấp sắc màu để thực hiện cơ cứu thế kỳ hạ ngưng mạt kiếp.

Trên lý thuyết, các tôn giáo chân chính đều có cùng một sứ mạng là dìu dắt nhơn sanh trên con đường tiến hóa tâm linh, mang lại nền hòa bình và hạnh phúc cho nhân loại. Tuy nhiên, trên thực tế, lịch sử đã cho thấy một số tôn giáo chẳng những chưa làm tròn sứ mạng của mình mà còn gây ra biết bao cuộc chiến tranh tôn giáo thảm khốc. Thế giới nhân loại ngày nay đang bị đe dọa nghiêm trọng trước thảm trạng cuồng tín cực đoan của những phần tử quá khích.

Do đó, Cao Đài giáo ngày nay, với tinh thần vạn giáo đồng nhứt lý và chủ trương dung hòa tổng hợp, đang cố gắng hết sức mình thực hiện sứ mạng hòa đồng tôn giáo như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy từ năm 1963: “*Nhơn loại ngày nay đang phập phồng lo sợ thảm họa diệt vong, tự diệt bởi chiến tranh nguyên tử, bởi các mối chia rẽ trầm trọng giữa người và người, giữa học thuyết và học thuyết, đương mong cầu sự giải cứu của phép mầu thần linh. Tình trạng ấy càng chứng tỏ tôn chỉ giải phóng toàn diện con người trên tinh thần Vạn giáo nhứt lý, Vạn pháp đồng nguyên của Đại Đạo là một nhu cầu cấp thiết rất đáng sớm được xướng minh.*”<sup>12</sup>

Chúng ta vừa khảo sát sơ lược về hệ thống cấu trúc của văn hóa đạo Cao Đài, một nền tôn giáo được khai sinh trong lòng dân tộc mang đậm bản sắc văn hóa nước nhà.

Học giả Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ đã phát biểu rằng: “... làm bất cứ cái gì hay, cái gì đẹp, cái gì lợi, cái gì ích cho mình, cho người, cho nhà, cho nước đều là làm văn hóa dân tộc, làm bất cứ cái gì mà hướng về chân, thiện, mỹ, đều là làm văn hóa dân tộc cả...” Do đó, có thể nói rằng, văn hóa Cao Đài với những nét đẹp như vừa phân tích trên đây, chắc chắn đã có ít nhiều đóng góp cho việc bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa đạo đức của dân tộc, góp phần xây dựng một đất nước an bình thịnh trị trên nền tảng văn hóa đạo đức. Không những thế, với sứ mạng tái lập cõi dinh hoàn hay xây dựng một thiên đàng tại thế cho toàn nhân loại, đạo Cao Đài còn hướng tới một nền hòa bình thế giới mà khởi điểm là cái nôi Việt Nam như lời Đức Chí Tôn Thượng Đế đã dạy:

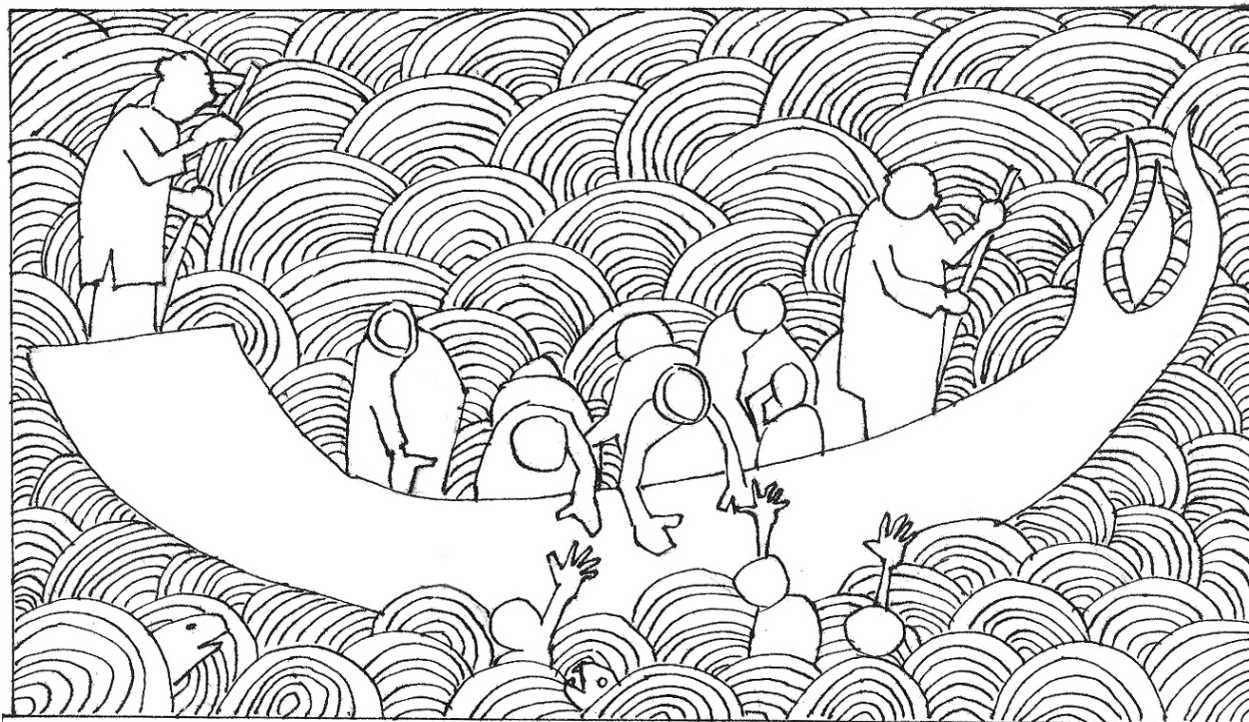
*Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,  
Dụng Nam bang làm múc phóng khai,  
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,  
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.*<sup>13</sup>■

12. Thiên Lý đàn, 10–8 Quý Mão (27–9–1963).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15–02 Quý Hợi.

# TU ĐỂ ĐƯỢC CỨU RỒI

■ LÊ CHÍ THẬT



Minh họa: Bửu Long

**Đ**ức Ngọc Lịch Nguyệt dạy: “Ăn để được no, nghỉ để được khỏe, tu để được cứu rỗi. Tự mình hãy lo cho mình. Trường hợp nghịch cảnh hoặc không đồng tư kiến, chấp nê, hờn giận giữa người, không đến chùa hành đạo, học đạo, tức là mắc bẫy ma vương và cũng tự mình ngăn đường lập ngõ trở về với Thượng Đế.”<sup>1</sup>

Ai ăn nấy no, ai ngủ nấy khỏe, ai tu nấy đắc, ông tu ông đắc, bà tu bà đắc, không ai ăn cho người đang đói được no và cũng không ai uống cho người đang khát được mát, đó là quy luật tự nhiên, lẽ công bình đương nhiên. Chính vì thế, Đức Ngọc Đầu Sư nhắc chúng ta: “Tự mình hãy lo cho mình”.

Như vậy, từ việc ẩm thực hằng ngày, cho đến việc tu học hành đạo hay nói một cách khác, về mặt nhân sinh thế đạo, hay tiến hóa tâm linh, tự mỗi người chúng ta chịu trách nhiệm với chính

mình, tự tu tự tiến và tiến tới mức nào là do quá trình phấn đấu tu sửa của mỗi người. Chúng ta còn mang xác phàm đang tu, đang lăn hồi tháo gỡ duyên nghiệp tiền kiếp và không gây thêm oan trái ở hiện kiếp.

Đã là con người thì vui buồn thương ghét, sáng nắng chiều mưa... là chuyện thường ngày hầu như ai ai cũng có trải qua, chín người mười ý, tất cả chúng ta đều hướng về mục đích chung: Vừa lo phát triển cơ đạo tại địa phương, đồng thời cũng góp phần vào sứ mạng chung của toàn Đạo. Các ý kiến đóng góp đều mang ý nghĩa tích cực, nhưng do chúng ta chưa đồng quan điểm với nhau, người thì muốn phát triển cách này, người lại muốn phát huy cách nọ... Từ những ý kiến trái chiều nhau, dẫn đến hờn giận sút mẻ tình cảm giữa cá nhân với nhau, hậu quả là không tới chùa tu học hành đạo, như thế thì chúng ta tự làm mất công quả, mà không có công quả thì gốc Đạo bị lung lay. Và điều tệ hại

1. Vĩnh Nguyên Tự, 03-9 Giáp Dần (15-10-1974).



hơn là chính tự chúng ta ngăn đường lấp ngõ trở về với Thầy Mẹ.

Trong suốt quãng đường dài tu hành của mỗi người chúng ta, chuyện khảo đảo là chuyện ở đâu cũng có, điều quan trọng là phải tìm ra nguyên nhân và tìm cách khắc phục.

Đức Chúa dạy:

*“Càng bão tố phũ phàng, càng biểu dương tinh thần của kẻ vững lòng vững lái. Sự nhút nhát trong sứ mạng, sự đoàn kết trong thực hành sẽ giúp chư hiền vượt qua muôn ngàn thử thách. Đừng dại dốt phân tranh trên phi cơ khi gió loạn. Ngoại cảnh phũ phàng, nội bộ điên nguy sẽ đưa nhau nhận chư hiền đắm chìm trong phong đô hỏa ngục.”*<sup>2</sup>

Lời giáo huấn của Đức Ngọc Lịch Nguyệt và Đức Chúa trên đây, một lần nữa nhắc lại, chúng ta đang sống trong thế giới nhị nguyên, tất cả mọi sự mọi vật đều có hai mặt đối lập, một phải một trái, một đúng một sai, được mất hơn thua, quý tiện sang hèn, cao thấp hay dở... Chính từ cơ sở đó, với sự tác động trong nhiều môi trường, nhiều lĩnh vực, từ trong gia đình, nơi làm việc, cộng đồng xã hội, đến ngay cả trong tôn giáo đều có sự xung đột do bất đồng quan điểm, ý kiến trái chiều nhau.

Cho nên, các Đấng Thiêng Liêng dạy chúng ta phải thật sự nhút nhát, phải thật sự đoàn kết, đó là phương châm hữu hiệu, phương pháp khả thi giúp chúng ta vượt qua tất cả mọi khảo thí. Ngoài ra, các Đấng đều khuyên nhủ chư môn đệ, ráng khắc kỷ tu thân, vượt lên chính mình, minh triết bảo thân, bảo toàn đạo nghiệp của chư tiền nhân còn lưu lại.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

*“Người chơn tu học đạo hãy vững vàng trước mọi biến chuyển, mọi thử thách, mọi gian lao, để cho ngọn tâm đăng soi sáng mới thấy được đường ngay lẽ chánh hầu tiến đến mục đích tối thượng thượng đỉnh, là trở về cùng khởi Đại Linh Quang.”*<sup>3</sup>

Đức Chúa dạy:

*“Sứ đồ kỳ cuối cùng sẽ gặp nhiều khó khăn hơn, vất vả hơn, nhưng cũng vinh quang hơn trong ánh sáng của Đấng Cha lành.”*<sup>4</sup>

Giải thoát là điểm nhắm trọng tâm của người tu, phải chấp nhận nghiệp quả để trả quả, sự biến chuyển trong vũ trụ, biến đổi của xã hội, biến động của thể thái nhân tình, không là vấn đề ngẫu nhiên, tất cả đều có nguyên nhân, có lửa ắt có khói.

Chúng ta đang sống trong chu trình giáp mối của nguơn hạ cuối cùng, mọi sự mọi vật đang diễn ra ở đỉnh điểm cùng cực, cho nên tất cả nghiệp quả trong nhiều đời nhiều kiếp dồn lại kiếp này, chúng ta phải giải quyết dứt điểm những oan khiên nghiệp chướng. Có như vậy, mới mong trở về hiệp nhất cùng khối Đại Linh Quang trong sự soi sáng của Đức Đại Từ Phụ.

Đức Mẹ dạy:

*“Các con phải xác nhận mục đích và tôn chỉ để đặt mình vào cương vị lãnh đạo giáo đồ, phải chánh tín để đem chánh tín cho mọi người, phải thực hành chơn lý để mọi người đều đến với chơn lý. Các con còn mang một thân hình huyết nhục, còn sống trong cõi tạm hồng trần, đang tu luyện chỗ chưa đạt đến cơ siêu mẫu của Tạo Hóa. Nếu như các con háo kỳ, tự xem mình là một bác học để thí nghiệm tôn giáo, thì các ngôi thánh đường sẽ biến thành những nơi đấu phép mầu, giành đạo hữu, sanh chúng phải đại nguy. Chừng ấy, dẫu có đến đài, am tự nguy nga đồ sộ chẳng nữa, đối với thiêng liêng đạo đức đều vô nghĩa cả.”*<sup>5</sup>

Là những bậc hướng đạo, phải gương mẫu trong việc tu học hành đạo, phải thật sự chánh tín và thực hành chơn lý đạo đức, để chư tín hữu nhìn vào tin và làm theo. Chúng ta còn mang thân xác tứ đại, đang trên đường lập công bồi đức, chưa ai chứng quả tại tiền, đừng tự cho mình là bậc siêu nhân hơn hẳn

2. Thánh Thất Bàu Sen, 23-11 Kỷ Dậu (24-12-1967).

3. Vĩnh Nguyên Tự, 15-11 Giáp Dần (01-01-1975).

4. Thánh Thất Bàu Sen, 17-11 Kỷ Dậu (25-12-1969).

5. Vạn Quốc Tự, 15-8 Ất Tỵ (10-9-1965).



mọi người về mọi mặt. Cũng đừng thí nghiệm trong cửa tôn giáo, bản chất tự cao, bản ngã tự tôn của phàm tánh là mầm tranh đấu trong môi trường đạo đức, tranh giành ảnh hưởng cá nhân cục bộ, dẫn đến sự nguy hại lớn trong toàn đạo. Chừng đó, dầu thánh sớ, thánh đường có nguy nga đồ sộ, đối với Ôn Trên, đều trở thành vô giá trị.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Càng khó khăn càng gìn đức hạnh,  
Phải nên vui mà chẳng nên hờn;  
Từ bi, bác ái, lý chơn,  
Như dòng nước mát, như đờn rao nam.*<sup>6</sup>

(...)

*Gặp cảnh khổ dung hòa trên dưới,  
Bước tu hành chỗ thối mới nên;  
Trò Tiên âm chất xây nền,  
Ngày thành Đại Đạo tuổi tên di truyền.  
Di truyền tên tuổi để nghìn thu,  
Chẳng uổng công trình một kiếp tu;  
Nếu để lung lay nhiều vật chất,  
Thêm gây tội lỗi chốn Diêm phù.*<sup>7</sup>

Thử đặt câu hỏi: Tu như thế nào để được cứu rỗi?

Chắc rằng sẽ có nhiều câu trả lời như:

Thực hành tốt ráo tam công, hay là chí thành tâm đạo, hoặc là xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo, quyết tâm cầu tu giải thoát... Đức Hà Tiên Cô giúp chúng ta trả lời câu hỏi mang tính quyết định này:

*“Người tu học phải là người hơn hết kẻ trên đời, vượt trên danh lợi, thị phi sống chết; giảm cả ái ân, vinh nhục, được thua; ăn không cầu ngon, mặc không cầu đẹp, ở không cầu sang; làm không để vết tích; hằng lo ngăn chặn mọi tập nhiễm bất chánh ở trong tiềm thức, không*

*cho vọng loạn khởi lên; cố kềm con tâm, chuyên nhứt ý chí hầu sóng lòng yên lặng cho bát nhã chơn tâm hiển hiện.”*<sup>8</sup>

Qua lời dạy của Ôn Trên, muốn đắc thành sở nguyện, muốn chứng quả vị Thần, Thánh, Tiên, Phật người tu phải chấp nhận khảo thí, thử thách, phải cang trường thiết thạch, phải vượt lên thị phi nhân ngã, giảm lên cả ái ân danh lợi, không bị câu thúc bởi các nhu cầu sống ăn mặc ở thường tình, vượt lên chính mình, làm chủ bản tâm, không bị trói buộc bởi vật chất kim tiền, làm lợi ích cho nhân quần xã hội với tinh thần vô công, vô kỷ, vô cầu, vô lợi, vô danh. Song song đó, ngăn ngừa mọi dục vọng ngay trong tiềm thức khi nó mới vừa mống niệm khởi mầm, giữ tâm chuyên nhứt đó là những điều kiện tốt cho bát nhã chơn tâm phát triển.

Đức Liễu Tâm Chơn Nhơn Hoàng Ngọc Trác, trong một lần lâm đàn tại Vĩnh Nguyên Tự dạy rằng:

*Danh không danh, danh còn muôn thuở,  
Lợi cho đời, đời nhờ thiên thu,  
Vĩ nhân kim cổ bấy chừ,  
Nặng tình đại chúng nhẹ tư riêng mình.*<sup>9</sup>

Văn ngôn quẻ Khôn viết: “Lý sương kiên băng chí”. Nghĩa là: Đạp đi trên sương thì biết có băng giá đông đặc sắp đến.

Đức Thánh Trần giải nghĩa rộng: “*Thật là dễ sợ cho cái mầm lúc đầu, như sợi tơ sợi tóc, mà lần lần càng ngày càng lớn. nên người học đạo phải cẩn thận từ việc nhỏ. Nếu cái nhân hạt giống rơi rớt xuống đất, mà không sớm lượm liễn lên, thì nó sẽ nứt mầm, mọc nhánh đâm rễ.*”

Quý huynh tỷ đệ muội, mỗi vị sẽ chọn cho mình một cách tu phù hợp với điều kiện, với hoàn cảnh của chính mình, không nhất thiết là giống nhau, miễn làm sao tu đạt được kết quả viên mãn là thành công, và chúng ta cùng nhau khắc cốt ghi tâm lời giáo huấn của Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn:

6. Trong đờn ca tài tử, có 3 nam và 6 bắc. 3 nam là: Nam ai, Nam xuân, Nam đảo (Đảo ngũ cung), trong kinh Thiên đạo và Thế đạo, chỉ có hai giọng đọc kinh chính là: Nam ai và Nam xuân. Nam ai có tính truyền cảm đi vào lòng người; Nam xuân có tính vui tươi phấn khởi, thôi thúc hãy tích cực trên đường tu.

7. Hườn Cung Đàn, 14-3 Tân Sửu (28-4-1961).

8. Bát Nhã Tịnh Đường, 20-02 Nhâm Tý (03-4-1972).

9. 06-01 Ất Mão (16-02-1975).

“Nếu đường tu hành mà chưa hiển Thiên mạng không đủ công đức thì làm sao trở về ngôi xưa vị cũ.”<sup>10</sup>

Và Đức Như Ý cũng để lời nhắn nhủ:  
Muốn cho thoát kiếp phong trần,  
Muốn về động Thánh non Thần phải tu.  
Muốn nên Thánh bảng Tam Kỳ,  
Phải rèn một tấm gan lì tháng năm.<sup>11</sup>

Như vậy, muốn vượt vũ môn cho cá hóa rồng, muốn về non Thần động Thánh hay cõi Tiên bang, khi còn ở chốn phong trần phải giữ phong độ, phong thái, phong cách của người tu. Và muốn được: “Linh Tiêu Điện, bảng danh nêu”, phải tự trui rèn, phanh luyện cho mình một ý chí kiên định, một lập trường vững chắc, tâm chí thành bất túc... Đó là tường đồng vách sắt, bảo vệ an toàn cho chúng ta trong suốt quãng đường dặm dài thiên lý, thực thi sứ mạng phổ độ nhân sanh, hội hiệp cùng Thầy nơi Bạch Ngọc Kinh.

*Thỉ chung giữ chặt đạo Trời,  
Để ai lay chuyển đổi đời lòng trinh.  
Bền như đá, vững như danh,*

10. Huân Cung Đàn, 14-3 Tân Sửu (28-4-1961).  
11. Huân Cung Đàn, 21-02 Tân Sửu (14-4-1961).

*Nhỏ xeo đâu được chí thành cố kiên.*<sup>12</sup>

## KẾT LUẬN

Muốn thể xác được nhẹ nhàng và linh hồn được cứu rỗi, qua lời giáo hóa của các Đấng Thiêng Liêng chúng ta có thể rút ra những trọng điểm như sau:

1. Chung thỉ nhất tâm, dù gặp nghịch cảnh hay thuận cảnh cũng không bán đồ nhi phế, bỏ đạo nửa chừng.
2. Nương tựa vào nhau, cùng tu cùng tiến, ăn cơm có canh tu hành có bạn.
3. Có lòng khoan dung đại lượng, tha thứ lỗi lầm của nhau, việc nào làm được tiếp tục duy trì phát huy, việc nào chưa được từng bước khắc phục để làm cho được.
4. Thành công thì chia vui, thất bại thì chia sẻ.
5. Thật sự xem nhau là con một Cha, trò một Thầy.

Đức Đông Phương Chưởng Quản dạy:

*Ai ngủ được thì ra mạnh khỏe,  
Ai ăn no mát mẻ tấm thân,  
Ai tu tịnh dưỡng tinh thần,  
Sẽ về nước trí non nhân hưởng nhàn.*<sup>13</sup> ■

12. Văn ngôn quẻ Kiên, phần trùng tụng.  
13. Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968)



## THÁNH GIÁO

Đời loạn, Đạo mới khai. Người bị điên đảo vì ngoại vật mới cần tu cần học. Tu để sửa, học để hành, sửa cái u tề xấu xa sai lạc trở về đường ngay nẻo thẳng, hành cho đúng đạo cho trở nên con người chí thiện chí mỹ, mới có được một xã hội thánh đức thuần lương.

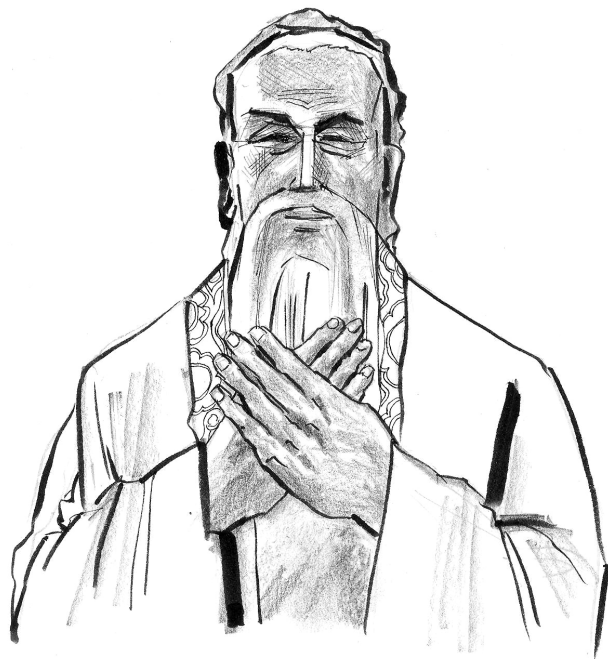
Phương pháp thành công của các bậc Giáo Tổ đạo gia khi xưa, trước tiên là phản tỉnh nội cầu, hồi quang phản chiếu. Có nhìn vào trong, xem xét bên trong mới giảm bớt được sự thâm nạp vô tiết độ, khoát vén tảo trừ lớp vô minh che lấp bệnh hoạn chấp trước, phân biệt, ích kỷ, độc tôn, phiền não, v.v., tóm lại là những thứ vật tảo hại tâm linh mà ta nhận lầm là con, là quyến thuộc. Còn biết soi sáng vào mình thì mới thấy cơ năng hoạt động, sẽ hòa theo nhịp điệu Hóa Công mà phát huy cho công năng của nhân sinh, của vũ trụ. Đó gọi là Khai Minh Đại Đạo vậy.

■ ĐỨC ĐÔNG LÂM TIÊN TRƯỞNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 ĐINH TÝ (25-11-1977).

# ĐỨC KHỔNG TỬ

## với phương pháp giáo dục

■ XUÂN MAI



### NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN NGƯỜI, MUÔN ĐỜI

Đức Khổng Tử – người biết mang trong mình trọng trách “hối nhân bất quyện” (dạy người không biết mệt) đã ý thức được sứ mạng cũng như thiên chức cao quý của một người thầy là tận tụy và say sưa truyền bá cho người đời không ngừng nghỉ đạo làm người hay phương cách sống thế nào để cá nhân, gia đình, quốc gia, xã hội loài người được trật tự, hòa bình, tốt đẹp. Làm cho một người trở thành người có kiến thức, có đạo đức sống xứng đáng với ý nghĩa cao đẹp của con người đó là công của ông thầy. Chính vì vậy, hậu thế đã tôn sùng Ngài như bậc thầy của muôn đời, bậc “vạn thế sư biểu”, bởi chủ trương, đường lối, mục tiêu, phương pháp giáo dục của Ngài chứa đựng nhiều giá trị mà người đời sau phải công nhận và học hỏi. Thiệu Khang Tiết

rất khâm phục Đức Khổng, ông thường nói rằng: “Tam Hoàng sự nghiệp chỉ có nghìn đời; Ngũ Đế sự nghiệp chỉ có trăm đời; Tam Vương sự nghiệp chỉ có mười đời; Ngũ Bá sự nghiệp chỉ có một đời. Duy Đức Khổng Tử mới là sự nghiệp đến vạn thế.”<sup>1</sup>

Những suy tư về giáo dục cũng như phương pháp học tập của Khổng Tử tuy rải rác ở nhiều chỗ trong Tứ Thư nhưng phần chính yếu được cô đọng trong quyển Đại Học. Mở đầu quyển Đại Học, Đức Khổng Tử bảo: “Đại học chi đạo tại minh minh đức, tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện.” có nghĩa là con đường của Đại học là ở chỗ làm sáng cái đức sáng nơi mình, mà lại sáng cho hết được đức ở nơi con người, ở chỗ hòa vào người, độ người, ở chỗ dừng lại ở nơi thật đẹp.

Đây là mục tiêu của sự học hỏi của bậc đại nhân. Mục tiêu đó là học hỏi để làm cho tâm trí của mình được sáng tỏ, và khi tâm trí mình được sáng tỏ mở mang thì hãy đem sự hiểu biết của mình mà giúp đỡ, khai hóa người dân làm cho dân chúng được tiến bộ mới mẻ, và tiếp tục giúp đỡ người đời và quốc gia xã hội, đưa quốc gia xã hội đến chỗ thật tốt đẹp. Mọi người ai cũng như ai, đều mang sẵn trong người một cái “đức sáng” gốc ở Trời khi sanh ra đời. Công việc của giáo dục là làm sao phát huy được đức sáng đó, cũng như luôn luôn lau chùi tấm kính, không để cho bám bụi để làm cho nó trở nên sáng sủa sẵn có từ trước. Ngược lại cái đức sáng ở nơi con người nếu được nỗ lực tu tập, trau luyện cẩn thận thì sẽ sáng sủa và phát huy ngày càng hơn lên.

1. Khổng Học Đẳng, Chương II, Trang 842.

Cái đức sáng, hay cái minh đức mà Đức Khổng Tử nói đến trong quyển Đại Học của Ngài tự nó tuy đã mang cái mầm sáng sủa, đã minh lại minh thêm, càng ngày càng phát huy rực rỡ, cực cho đến cả thiên hạ, chốn nào, tất cả đều thấy cái sáng của minh đức. Như thế là “minh minh đức”. Giáo dục và nỗ lực tu tập của bản thân sẽ là công trình giúp tâm, trí con người được phát triển mở mang đầy đủ.

Kế tiếp là hòa vào người dân. Có hòa vào dân, có thân được dân, nghĩa là có thương yêu, đùm bọc mới mình được hết minh đức. Người nào, người nào cũng minh cho được hết đức cả thấy mới thương yêu nhau mà thực hiện được hai chữ “thân dân”. Hòa vào dân, mà không bao hàm ý nghĩa gần gũi, thương yêu dân là chưa đủ. Phải thương dân, lo cho đời sống nhân sinh và tâm linh của người dân được phát triển đầy đủ, lúc nào cũng nghĩ đến dân, ý dân là lòng trời, bởi vì đạo Đại Học là đạo người, mà muốn thực hiện được đạo người chỉ có thương yêu người, duy thương yêu người mới thấy đạo lý Đại Học. Nếu “minh minh đức thân dân” mà chưa đạt cực điểm, thế là chưa hết được công việc “minh”, “thân” tức là chưa đến “chốn chỉ”. Nên đã “minh” thì phải minh cho đến “chốn chỉ”. “Thân” đã thân mà phải thân cho đến chốn chỉ. “Chốn chỉ” thời ở nơi nào? Tất phải chỉ ở nơi “chí thiện”. “Chí thiện” nghĩa là tốt lành tốt mực, cũng có nghĩa là rất mực tốt lành.

Nhưng phải học như thế nào để có thể đạt được kết quả tốt? Trong quyển Đại Học, Đức Khổng Tử bảo phải “thành ý, chánh tâm, trí tri, cách vật”. Thành ý là lòng thành thật, thành thật nhận thấy mình biết hay không biết, hiểu hay không hiểu, và thành thật muốn học hỏi. Muốn học hỏi cho đến nơi đến chốn thì trước hết phải nhận biết tình trạng của mình và có tấm lòng thành muốn học hỏi thật sự. Đó là điều kiện cần phải có cho việc học. Nhưng thành ý chỉ mới là điều kiện cần thôi chưa phải là điều kiện đủ. Chánh tâm mới là

điều kiện đủ. Tâm muốn cho chính, tất phải thường giữ mực trung hòa; trung thì tâm được cân bằng luôn; hòa thì tâm được thư thái luôn. Chánh tâm còn là lòng mình phải ngay thẳng. Làm cho lòng mình ngay thẳng ở đây có nghĩa là phải dứt bỏ mọi định kiến, mọi hiểu biết sai lầm đã có từ trước vì tất cả những cái đó có thể làm cho cái nhìn của mình thiên lệch, thiếu vô tư. Làm cho lòng mình ngay thẳng chín chắn để đừng bị chi phối bởi những định kiến, những hiểu biết sai lầm từ trước, để cho mình có được cái nhìn trung thực, chín chắn về mọi sự, mọi vật. Đó là điều kiện đủ để cho sự học hỏi có kết quả thực sự. Khi đã có những điều kiện cần và đủ rồi thì người ta có thể đi đến chỗ “trí tri” tức là hiểu biết đến nơi đến chốn bằng phương pháp “cách vật”, tức là phân tích sự vật. Vật ở đây không chỉ giới hạn ở vật thể mà nên hiểu rộng nào là vật tình, nào là vật lý..., tức là mọi sự việc và mọi vật, hay một cách tổng quát là tất cả những gì có thể trở thành đối tượng của sự nghiên cứu học hỏi, nhất nhất thu nạp vào trong óc mình, đem đặt tận đến trước mắt mình.

### **PHƯƠNG PHÁP GIẢNG HUẤN CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ**

Phương pháp giảng huấn mà Đức Khổng Tử đã áp dụng trong cuộc đời dạy học của Ngài cho đến ngày nay vẫn còn được người đời lưu ý học hỏi để áp dụng, nhất là ở những nước có tự do dân chủ và nền giáo dục mang nhiều tính chất nhân bản. Phương pháp giảng huấn của Đức Khổng Tử không được ghi chép thành văn nhưng qua các đệ tử của Ngài ghi lại, người đời sau có thể suy ra cuộc đời dạy học của Ngài:

Giúp mỗi cá nhân phát triển dựa trên hoàn cảnh và điều kiện của mỗi người.

Muốn phát triển con người, phải hiểu rõ từng cá nhân mỗi người vì mỗi người có một đời sống tâm lý khác nhau, nhất là tính tình, nhân cách, trí tuệ..., cũng như môi trường sinh sống (hoàn cảnh gia đình và xã hội) đặc biệt của mình. Tạo cơ hội đồng đều để mọi



người đều được hưởng quyền lợi giáo dục, được học tập – đó là điều cần phải có trong một nền giáo dục nhân bản. Nền giáo dục được coi là nhân bản phải bắt đầu từ chỗ mở rộng cửa ngay từ đầu để đón nhận mọi người như nhau.

Phương pháp giáo dục phải ứng dụng vào trường hợp mỗi cá nhân, chính là giúp con người tu thân sửa mình, là biến con người từ chỗ sai lầm khiếm khuyết đến chỗ đúng đắn, tốt đẹp – Tu thân là sửa thân tâm trọn lành.

Khi giảng dạy, điểm đặc sắc tâm lý trong việc giảng huấn của Đức Khổng Tử đó là Ngài tùy tư chất của từng người mà có cách dạy thích hợp, mục đích vừa tìm cách sửa sở đoản của từng người, vừa khuyến khích họ phát huy sở năng để tiến bộ hơn, thí dụ như dạy về đức nhân, về đạo hiếu.

– Mạnh Ý Tử hỏi Đức Khổng Tử: Làm con thờ cha mẹ thế nào mới phải? Ngài trả lời: *chớ làm việc trái lẽ (vô vi), tức thuận theo lẽ phải. Khi cha mẹ còn sống ta lấy lễ phải thờ người, rùi khi cha mẹ chết, những việc tống táng cũng vừa lễ phải mà thôi. Đạo làm con từ thì chí chung, chí cốt giữ lấy chữ “lễ”, “lễ” tức là lễ phải, dựa theo lễ phải tức là hiếu.*<sup>2</sup>

– Mạnh Vũ Bá vấn hiếu, Khổng Tử dạy rằng: Người con có tật bệnh chớ làm việc hại tính thương sinh để cho cha mẹ nhiều âu lo (phụ mẫu duy kỳ tật chi ưu).

– Thầy Tử Du hỏi: người làm con nuôi cha mẹ, đã gọi là hiếu được chưa?

Đức Khổng Tử trả lời: nếu con nuôi cha mẹ mà không biết cung kính, lấy gì khác được chó, ngựa nữa ru (hà dĩ biệt hồ)?

– Tử Hạ vấn hiếu: Ở trong đạo lý chữ hiếu, cái gì là khó hơn? Đức Khổng Tử trả lời: lấy nhan sắc vui hòa mà đối với cha mẹ.

Bởi vì mỗi người có một bệnh chứng, nên Thánh nhân phải theo bệnh chứng, nên phương thuốc cũng phải khác nhau, dạy bài

khác nhau: Mạnh Ý Tử là người hay chiều cha mẹ mà không biết giữ lễ, nên Ngài dạy cho rằng “vô vi”. Mạnh Vũ Bá là người thường có tật bệnh, nên Ngài dạy cho rằng “duy cửu tật chi ưu”. Thầy Tử Du còn thiếu chữ “kính” nên Ngài dạy răn cho chữ “bất kính”. Thầy Tử Hạ còn kém về sắc mặt, không được ôn hòa nên Ngài dạy cho “sắc nan”<sup>3</sup>. Cách dạy của Đức Khổng in như thợ tạo hóa đúc các thứ vật, tùy việc lớn nhỏ mà khuôn đúc phải khác nhau, lý vẫn in như nhau mà phương pháp lại có khác nhau. Đây là cách dạy người thật khéo léo vô cùng.

#### ▪ Phương pháp giảng huấn phải dựa trên thực tế và chú trọng phần thực hành.

Đức Khổng Tử không giảng huấn theo lý thuyết suông mà chú trọng nhiều đến thực hành. Lý thuyết và thực hành cần phải đi đôi với nhau thì cái học mới hữu dụng. Đức Khổng Tử dạy: “Học nhi thời tập chi, bất duyệt diệc hồ” (Học rồi thực hành, đó không phải là một việc vui thích sao?). Ngài dùng lối đối thoại, đàm đạo, trao đổi, biện bác, dùng cách hỏi và trả lời giữa trò và thầy khiến cho sự học vấn giáo dục trở nên linh động, gần gũi, đi liền với cuộc sống thật sự ở ngoài đời.

Luận Ngữ là cuốn sách của học trò ghi lại những lời dạy, những tranh luận, trao đổi giữa Đức Khổng Tử và học trò. Người đưa ra vấn đề không chỉ nhất thiết là người thầy. Người thầy không còn truyền thụ kiến thức một chiều mà luôn lắng nghe những ý kiến của học trò, không xem ý kiến mình là chân lý, buộc học trò chấp nhận. Người thầy, trong quá trình tranh luận chỉ có thể là người gợi mở, hướng dẫn; hoặc là người có khả năng đưa ra ý kiến thỏa đáng nhất.

Hiện nay, phương hướng dạy học gợi mở, dẫn dắt vấn đề đang được hết sức coi trọng trong nền giáo dục của Việt Nam. Về phía người thầy, không ngại khi học sinh phản bác,

2. Đức Khổng Tử, Khổng Học Đăng, chương XVII, trang 257.

3. Đức Khổng Tử, Khổng Học Đăng, chương XVII, trang 259.

đưa ra ý kiến trái chiều, thậm chí không ngại ngừng hoặc thẹn khi cần hỏi người dưới – học trò của mình – “Học bất xỉ hạ vấn”. Đạo lý của việc học là: không phải chỉ đọc sách chết mà phải chú trọng trong hiện thực xử thế con người. Đối với người học, phải học tất cả các tầng lớp người trong xã hội, ai cũng có điều hay điều dở, vậy ta hãy học điều hay và cả điều dở của họ.

▪ **Ngài khuyến khích người học trước nhất cần phải lập chí**

Lập chí trong việc học là bước thứ nhất của chúng ta ra đời. Nhưng trong khi lập chí phải suy nghĩ cho kỹ, chọn một phương hướng nào mà lập chí cho đích đáng. Đức Khổng Tử sợ người lập chí sai lầm sẽ làm hỏng mất một đời người của mình nên Ngài thường quan tâm chỉ vẽ cho người phương hướng lập chí. Ngài nói: “Chí ư đạo, cú ư đức, y ư nhân, du ư nghệ”<sup>4</sup>. Đạo là mục đích địa mà ta lập chí ở đó. Chữ “đức” là chỗ mà ta căn cứ vào; chữ “nhân” là cái địa vị vững vàng mà chung thân ta y ý vào. Theo học giả W. T. Chan, chính Khổng Tử là người đầu tiên đã nói về chữ nhân như là nhân đức phổ quát, là toàn đức<sup>5</sup>. Với ý nghĩa chữ nhân theo nghĩa rộng này, ta thấy “nhân” đã chi phối toàn bộ tư tưởng triết học của Khổng Tử nói riêng và của Nho giáo sau này nói chung. Quan niệm của ông về “nhân” không chỉ dừng lại ở việc tu luyện, giáo dưỡng bản thân cho thành danh thành tài, Nhưng “nhân” phải hệ ở tại “phù nhân giả, kỹ dục lập nhi lập nhân, kỹ dục đạt nhi đạt nhân”, đồng thời “sở kỹ bất dục vật thi ư nhân”<sup>6</sup>. Phàm là người nhân thì khi mình muốn tự lập tự cường thì mình cũng khao khát cho người khác được như thế; mình muốn thành đạt thì cũng cầu mong sao cho

tha nhân được thành đạt; và ngược lại, điều gì mình không muốn, không thích thì cũng là điều mà mình cần tránh gây ra cho người ta. Chính vì quan niệm “nhân” như thế, Đức Khổng Tử đã từng ví von những người bất nhân tương tự như chứng bệnh tê “ma độc bất nhân” để diễn tả những người không có khả năng cảm thông và liên đới với người khác bằng tình yêu.

Tuy nhiên, khi Đức Khổng Tử nói “nhân” đòi hỏi phải yêu người, quý người nhưng điều đó không có nghĩa là Ngài chủ trương yêu tha nhân một cách mù quáng. Đối với Ngài, việc yêu người còn phải có sự phân biệt thị phi, thiện ác. Ngài luôn chủ trương giáo hóa vô loài, nghĩa là không có sự phân biệt thị phi người xấu kẻ tốt; và như thế, chữ “nhân” của Ngài không chỉ mang ý nghĩa là yêu người mà còn là hoàn thiện người.

Nhưng ba chữ ấy chỉ là về mặt tinh thần, phải bổ sung về mặt vật chất, nên cần có chữ “nghệ” (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số). Người ta ở đời, chẳng cần phải lo không địa vị, chỉ đáng lo là mình lấy tài đức gì để đứng vào địa vị ấy. Chẳng cần lo người ta không biết đến mình, mà cần làm sao cho tài đức, học vấn mình đáng khiến người ta biết.

▪ **Ngài thường sử dụng những câu chuyện cách ngôn chứ không giảng giải trực tiếp cách cư xử cho các môn đồ.**

Ngài khuyến khích học trò phải kết hợp giữa trực giác và suy luận – là phương pháp giáo dục có nhiều ưu điểm cần thiết áp dụng trong giáo dục ngày nay. Đức Khổng Tử còn đòi hỏi khả năng phân tích, tổng hợp của người học để nắm những phần quan trọng nhất của các vấn đề đặt ra. Lời giảng: “Này, Tú, sự thông suốt mọi nhẽ của ta chẳng phải ở chỗ ta học nhiều mà ở chỗ ta để tâm tìm ra đầu mối”, không phải dành riêng cho Tử Cống mà là yêu cầu đối với tất cả những ai muốn “thông suốt mọi lẽ như Ngài”.

Ngài đòi hỏi rất nhiều về trí tuệ và nỗ lực

4. Khổng Học Đăng, Chương IV, trang 36.

5. Hall, David L.; Ames, Roger T., Thinking Through Confucius, State University of New York Press, 1987, tr.111.

6. Khổng Tử, Luận ngữ, Ung dã, 28 và Nhan Uyên, 2.

của họ: “Kẻ nào chẳng gắng sức để hiểu thông, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào không cố gắng tỏ bày ý kiến, thì ta chẳng giúp cho phát triển được. Kẻ nào biết một góc mà chẳng chịu tìm hiểu thêm ba góc kia thì ta chẳng dạy cho.”<sup>7</sup>

▪ **Tấm gương khiêm nhường, luôn nghiên cứu học hỏi cái cũ nhưng có bổ sung cho quá khứ.**

Một phần quan trọng của cuộc đời Đức Khổng Tử đã được dâng hiến cho việc sưu tầm, nghiên cứu, chọn lọc, san định kinh sách để lưu truyền di sản tinh thần tốt đẹp đó của người xưa cho thế hệ sau này. Ngài nghiên cứu học hỏi cái cũ, chọn lấy cái hay cái đẹp của quá khứ để từ đó thêm vào cái tốt đẹp của cái mới. Đức Khổng Tử đã từng khiêm nhường cho rằng Ngài chỉ “thuật nhi bất tác” (có nghĩa là chỉ thuật lại những gì người xưa đã nói chớ chính mình không có sáng tác gì mới mẻ), nhưng ngay trong việc thuật lại đó cũng đã có sáng tác lớn lao của Ngài rồi. Vì thuật lại ở đây không có nghĩa là ghi chép lại trọn vẹn y như cũ mà là nghiên cứu, sưu tập, chọn lựa, sắp xếp làm thành hệ thống. Đó là một hình thức sáng tác vậy. Đức Khổng Tử không phải chỉ đào sâu vào quá khứ thôi mà Ngài còn chú ý bổ sung cho quá khứ đó nữa. Cho nên, theo Ngài, một ông thầy giỏi phải là người biết ôn cố tri tân, từ đó mà biết thêm những điều mới là có thể dạy được người khác vậy – “Ôn cố tri tân, khả dĩ vi sư hỹ.”

▪ **Giáo dục học trò phát triển năng lực thẩm mỹ.**

Thời xưa, Đức Khổng Tử đã chú ý việc phát triển năng lực thẩm mỹ cho người học. Đây là một cái nhìn tiến bộ, đúng đắn và hợp lý. Nghĩa gốc của “văn” là đẹp (văn vẻ), vẻ đẹp của hình thức bên ngoài. “Văn” của con người là lời nói đẹp, cử chỉ hành động đẹp, tức là những điều được biểu hiện ra bên ngoài đúng như câu ca dao của người Việt Nam ý nghĩa tương tự: “Lời

nói không mất tiền mua. Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”. “Văn” của con người còn được thể hiện qua “lễ” – những quy định trong giao tiếp, ứng xử, quan hệ. Nho giáo rất chú trọng “tu thân”, luôn có ý thức trau dồi để bản thân ngày càng đẹp đẽ hơn, cho đó là cái gốc quyết định sự thành công của người quân tử. Đức Khổng Tử cho rằng, người quân tử phải rèn luyện cả vẻ đẹp bên trong (chất) và vẻ đẹp bên ngoài (văn) làm sao đạt đến độ “Văn chất bản bản” (Sự hài hòa, không còn phân biệt hình thức và nội dung). Khi dạy văn, Ngài dạy văn kết hợp với nghệ thuật cho thấy rõ tính hiện đại trong phương pháp giảng huấn. Kinh Thi là những khúc dân ca, nhạc cung đình, tế lễ kèm theo vũ đạo. Những vấn đề của luân lý Nho giáo đã được truyền đạt bằng con đường nghệ thuật, như thế luân lý đã trở thành món ăn dễ dàng hấp thụ.

▪ **Đức Khổng Tử rất quan tâm và trông mong ở thế hệ hậu sinh.**

Đức Khổng cho rằng hậu sinh mà biết hay tự lập thì có thể hơn những bậc tiền bối, nên Ngài khuyên cho rằng “khả úy” (nghĩa là đáng kính sợ). Nếu hậu sinh chẳng biết lo tự lập, mê ăn chơi bỏ bê học tập, chẳng còn gì đáng sợ (bất túc úy). Ngài đặc biệt chú ý tới trẻ con. Tuy chúng còn thơ trẻ, nhưng Ngài lúc nào cũng sẵn lòng dạy dỗ. Một ngày kia, Ngài bảo đứa bé con đi truyền mệnh lệnh. Có người muốn biết ý Ngài nên hỏi: Thấy sai cậu bé kia có ích gì không? Ngài trả lời rằng: “Ý ta muốn cho nó nhân được một dịp, hay cho nó thêm rộng chút trí thức, cho nó rộng con mắt ít nhiều”. Đối với trẻ con mà Ngài còn ân cần dịu dặt như thế, cho thấy tấm lòng dạy người, thương trẻ thành thực và chú tâm biết bao.

▪ **Tấm gương dạy người bằng thân giáo.**

Đức Thánh lại có một phương pháp dạy người bằng cách lấy thân mình làm gương mẫu. Theo Ngài, học trò thấy cử chỉ, hành động của Ngài mà học, bắt chước theo tức là dạy rồi, không cần dạy bằng lời nói. Ngài dạy: “Học trò với thầy, há phải học nơi lời nói mà thôi. Xem

7. Luận Ngữ, 7:8.

như Trời kia có nói gì đâu! Bốn mùa nó cứ thú tự mà đi đó, trăm giống vật cứ thuận lý mà sinh đó, đó chẳng phải là Trời dạy hay sao? Xưa nay Trời có nói gì đâu!”<sup>8</sup>

Thân giáo là một phương thức giáo dục quan trọng mà ngày nay chúng ta cần khuyến khích, nhân rộng vì thân giáo là việc khó làm nhất của vị thầy. Thân giáo là chuẩn mực, là quy phạm để chúng ta tự nhìn lại chính mình. Vì thật khó có thể dạy người phải làm như thế này, không nên làm như thế kia, khuyên răn người đừng phạm lỗi lầm, v.v. trong khi người thầy vẫn còn nhiều lỗi lầm. Nếu thân mà không nghiêm, việc làm không chánh trực thì chắc chắn dù nói lời hay, ý tưởng đẹp đều không có giá trị giáo dục, chuyển hóa người khác.

▪ **Tấm gương dạy người không biết mệt mỏi. Dạy người chính là siêng học cho mình.**

Đức Thánh Khổng không chỉ dụng công phu về phần tự học mà còn dụng công phu về dạy người, cũng tức là siêng học cho mình. Ngài thường nói: Ta cũng chỉ tầm thường như người. Ta chẳng có trí thức gì hơn người cả. Chỉ duy có một việc là nhiệt tâm dạy người thời ta tự tin được. Dù là người dốt nát, nhưng tỏ ra ý tứ nhận mình là không biết mà thành tâm hỏi, thời ta cũng hết sức bày vẽ y trong điều nó hỏi, bươi móc cho hết từ đầu đến đuôi mà nói kỹ với nó.<sup>9</sup> Đức Thánh rất nhiệt tâm dạy người nhưng dùng cách rất xảo diệu để dạy, để cho người học được tự do phát huy tư tưởng của mình.

## TAM KẾT

Đức Khổng Tử là một trong vài nhân vật đã ảnh hưởng sâu xa đến lịch sử nhân loại bằng bản lĩnh nhân cách, đức độ và tài năng trí tuệ.

Tư Mã Thiên đã có lời bình về Đức Khổng Tử trong “Kinh Thi” như sau: “Cái giống như núi cao khiến người ta chiêm ngưỡng, cái

giống như Đại Đạo khiến người ta tuân theo. Từ xưa tới nay trong thiên hạ, Quân Vương và người tài đức thì có cũng nhiều. Họ khi đang còn sống đều vinh hoa quý hiển, nhưng chết đi rồi thì chẳng còn lại chút gì. Khổng Tử là một người bình dân, nhưng những người đọc sách đều tôn ông làm thầy. Từ thiên tử, vương hầu đến nhân dân cả nước, những ai nói về “Lục Nghệ” thì đều xem học thuyết ấy của Khổng Tử là chuẩn tắc cao nhất. Có thể nói Khổng Tử là một Thánh nhân chí cao vô thượng.”<sup>10</sup>

Một bậc thầy đúng nghĩa phải tìm ra các phương thuốc khác nhau để trị liệu những căn bệnh trầm kha của học trò, giúp họ nên người. Chuyển hóa được lòng người, khiến người phạm lỗi hối tâm, làm tròn bổn phận và lương tâm của người thầy, mới là điều quan trọng nhất.

Về phương pháp dạy học, Đức Khổng Tử có một phong cách đặc biệt hấp dẫn, khiến cho mọi người đều phải kính nể, tôn phục. Tấm gương người Thầy thanh cao, mẫu mực, chở bao thế hệ qua sông, làm giàu có nền văn hiến của nhiều dân tộc, đáng được tôn vinh đến muôn đời. Hàng thiên niên kỷ sau có lẽ người ta vẫn không thôi nhớ đến vị Thánh văn suốt đời chở Đạo này, bởi những công lao đức độ, một đời tận tụy hy sinh vì muôn người đã khắc sâu trong tâm tưởng của mỗi con người.

Là bậc Thiên ân sứ mạng kỳ Ba, ghi nhớ công lao của người Thầy vĩ đại, không gì khác hơn là học tập và thực hiện như lời Người đã chỉ dạy.

*Để chánh hiện, thần quang nhân bản,  
Trong nhiệm hành, Thiên mạng kỳ Ba,  
Để cho cây Đạo đơm hoa,  
Cái vì, cái vì, cái ta đừng gán.*<sup>11</sup> ■

8. Khổng Học Đăng, chương XVII, trang 261.

9. Khổng Học Đăng, chương XVII, trang 266.

10. Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

11. Đức Khổng Tử, Hội Thánh Trung Ương, Tý thời, 15-6 Nhâm Dần.



# KỶ NIỆM 80 NĂM NGÀY ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG THƯỢNG TRUNG NHỰT QUY THIÊN (1934–2014) ■ ĐẠT TƯỜNG

## TIỂU SỬ

### 1. PHÂN ĐÒI (1875–1925)<sup>1</sup>

Ngài Lê Văn Trung sinh ngày 10 tháng 10 năm Bính Tý (1875) tại làng Phước Lâm, tổng Phước Điền Trung, huyện Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn, trong một gia đình tiểu nông. Thân phụ Ngài là ông Lê Văn Thanh, mất sớm (1845–1878), thân mẫu là bà Văn Thị Xuân (1849–1912). Ngài có một người em trai tên Lê Văn Diệu hàm Huyện Diệu, làm thầu khoán ngành xây dựng đường sắt.

Ngài Lê Văn Trung lập gia đình lần đầu với bà Trương Thị Hảo, có hai con là Lê Thị Báu và Lê Văn Trục. Sau cơn dịch bệnh, vợ và hai con Ngài đã mất. Thời gian lâu sau, Ngài tái thú với bà Đái Thị Huệ (1874–1936,) nhị vị không có con và cùng vào đường tu.

Thời học sinh, Ngài Lê Văn Trung học giỏi. Tốt nghiệp “Thành chung” trường Chasseloup Laubat<sup>2</sup> vào năm 1893, Ngài thi đậu vào ngạch công chức và khởi sự làm việc tại phòng 2, dinh Thống Đốc Nam Kỳ từ ngày 14-7-1894.

Đầu tháng 3 năm 1906, Ngài xin thôi làm công chức, ra tranh cử và đắc cử vào Hội Đồng Quản Hạt quận Nhì (Gia Định–Chợ Lớn–Tây Ninh–Thủ Dầu Một–Bà Rịa–Cap Saint Jacques.) Năm 1911, lúc 36 tuổi, Ngài đắc cử vào Thượng nghị viện Đông Dương. Năm 1912, Ngài được thưởng Đệ Ngũ Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh (Chevalier de l’ordre National de la Légion d’honneur) và được cử vào Hội Đồng Tư Vấn.

Tuy hoạt động cấp cao trong chính trường của chính quyền thuộc địa, Ngài Lê Văn Trung vẫn ủng hộ và yểm trợ tài chánh cho phong trào yêu nước Minh Tân Công Nghệ Xã. Ngài cũng là một trong những sáng lập viên trường nữ sinh đầu tiên ở Sài Gòn (1911): Collège des jeunes filles, tức trường Áo Tím, sau là Gia Long, nay là trường Nguyễn Thị Minh Khai.

---

1. Bài viết có sử dụng tài liệu của đạo huynh Huệ Nhân và tài liệu trên internet của đạo hữu.

2. Nay là trường Trung học cấp 3 Lê Quý Đôn quận 3 TP HCM.

Giữa năm 1925, Ngài Lê Văn Trung được người bà con tu theo Minh Lý đưa đến hầu đàn Chợ Gạo (Phú Lâm). Tại đây, Ngài hữu duyên được Đức Lý Thái Bạch ban ơn giáo hóa, hiểu được lẽ đạo đời. Trước đó đầu năm 1925, mắt của Ngài bị lòa gần như mù, lại mang thêm tệ nghiện hút á phiện.<sup>3</sup> Buồn chán nên cuối năm 1925, Ngài xin rút lui khỏi Thượng nghị viện Đông Dương. Từ khi ngộ được Đạo, Ngài quyết tâm dứt bỏ nghiện ngập, thị lực cũng dần dần phục hồi, mắt thấy rõ lại. Lúc ấy, đàn Chợ Gạo bế cơ, tháng 01-1926, Ngài Lê Văn Trung tìm đến hầu đàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư và gần bó với nhóm Cao Phạm.

## 2. PHẦN ĐẠO

### 2.1. THỜI SƠ KHAI ĐẠI ĐẠO (1925-1926)

Đầu tháng Chạp năm Ất Sửu, Đức Cao Đài Tiên Ông vận chuyển 2 nhóm Vô vi và Phổ độ hợp tác cùng nhau. Ngài Ngô Văn Chiêu hướng dẫn cho quý vị nhóm Phổ độ cách thức thờ Thầy bằng biểu tượng Thiên Nhân và một số kinh kệ cùng nghi thức cầu cơ Cao Đài.

Buổi tối ngày cuối năm Ất Sửu, trước giờ giao thừa, theo hướng dẫn của Ngài Ngô Văn Chiêu, chư vị cùng nhau lần lượt đến nhà từng vị để thăm viếng và lập đàn. Ngài Ngô giữ vai trò Pháp đàn. Đến giờ Tý, 23g ngày 12-02-1926 chư vị lập đàn tại nhà Ngài Lê Văn Trung trong Chợ Lớn. Khi ấy Đức Thượng Đế Cao Đài Giáo Chủ ra lệnh khởi phát nền Đạo cùng các môn đệ đầu tiên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, một kỷ nguyên tâm linh mới bắt đầu. Sự kiện Thầy “lập Đạo” tại nhà ông Trung là điểm báo hiệu cho tương lai ông sẽ giữ vai trò rất quan trọng với tôn giáo mới này.

---

3. Thời Pháp thuộc, lúc bấy giờ thuốc phiện được nhà cầm quyền Pháp cho sản xuất và bày bán công khai để có nguồn thu nhập đồng thời qua đó làm bệ rạc tinh thần đấu tranh giành độc lập của dân Việt!

Việc cai nghiện thuốc phiện thành công vào đầu thế kỷ 20 – khi đó hoàn toàn chưa có bất cứ loại thuốc cai nghiện ma túy nào – cho thấy ý chí quyết tâm của Ngài Lê Văn Trung rất cao độ!

### 2.1.1. Nghi thức thờ phượng nơi tư gia:

Trong Đạo Sử Xây bàn, bà Hương Hiếu có ghi lời dạy của Đức Chí Tôn trong buổi Khai Đàn tại tư gia của Ngài vào giữa tháng Chạp năm Ất Sửu:

*“Trung! con thờ Thầy trên hết là phải, con đem tượng Quan Trường qua bên tay trái Thầy, còn Quan Âm bên mặt. Còn thờ Lý Thái Bạch dưới Thầy.”*<sup>4</sup>

Từ đó về sau, nghi thức thờ gồm Thiên Nhân và Tam Trấn đã trở thành chuẩn mực cho việc thờ phượng tại tư gia mỗi tín đồ Cao Đài Phổ độ.

### 2.1.2. Về ngày giờ Đức Cao Đài Giáo Chủ “Lập Đạo” Cao Đài:

Giờ nay sắp kỷ niệm 90 năm phổ độ của Cao Đài giáo nhưng giữa các Hội Thánh chưa có sự thống nhất tinh thần: thời điểm nào thật sự là giờ phút thiêng liêng năm xưa đánh dấu sự ra đời của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ?

Ngay trong nội bộ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chúng ta cũng vẫn chưa xác định chính thức ngày nào là ngày khởi đầu của Cao Đài giáo để đổi Niên Đạo trên sơ văn.

May thay, trong nguồn tư liệu lịch sử của Ngài Thượng Trung Nhật có thể cung cấp cho chúng ta một số thông tin lịch sử.

A. Trong quyển Tiểu Sử Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật của Hội Thánh Tây Ninh có bài diễn văn vào năm 1928, tại nhà ông Võ Văn Tường tổ chức Kỷ niệm Khai Tịch Đạo, Ngài Đầu sư Thượng Trung Nhật có lưu ý:

*“6 Octobre 1928. Chư đạo hữu rất yêu dấu... 23 tháng tám năm Mậu Thìn. Tôi rất hân hạnh vì ngày nay được thay mặt trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đặng thổ lộ ít lời nhắc tích ngày kỷ niệm hôm nay. (...) Ngày tháng như thoi đưa, ngoảnh lại ngày Đấng Chí Tôn hiệp chúng ta nơi đây đặng lo lập Tờ Khai Đạo tới nay là hai năm chẵn.*

*Tôi xin nhắc lại cho chư hiền hữu lâm tường. Đấng Chí Tôn có dạy “Bàn Cổ sơ khai, Nhơn*

---

4. Đạo Sử Xây Bàn, quyển 1, Chủ nhật, 18-12 Ất Sửu (31-01-1926), tr. 46.

*sanh ư Dân”, cho nên ngày Đấng Chí Tôn mở đạo là ngày mồng một năm Bính Dần. Ngày ấy, Thầy sắp đặt 12 người lo khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mỗi người lãnh phận sự lo đi truyền bá.”<sup>5</sup>*

B. Liệt kê các văn bản hành chánh đạo của Hội Thánh Tây Ninh trong suốt thời gian Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt điều hành Tòa Thánh cho đến thời điểm Ngài Quyền Giáo Tông liễu đạo, chúng ta thấy trên 95% cách ghi Năm Đạo trong 9 năm đầu của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chỉ thay đổi từ mừng 1 Tết Nguyên Đán.<sup>6</sup>

Thí dụ: Vài sơ văn giữa hai văn bản lịch sử:

– Các “Đạo nghị định thứ nhứt đến Đạo nghị định thứ sáu” ghi Đệ Ngũ Niên ký ngày 03 tháng 10 năm Canh Ngọ – 1930.

– Văn thư đức Quyền Giáo Tông chúc Xuân toàn đạo ghi Đệ Ngũ Niên ngày 20 tháng chạp Canh Ngọ (07-02-1931).

– Sớ dâng Đức Chí Tôn của Ngài Thái Thơ Thanh và bà Hương Thanh xin xây dựng Thái Cực Toàn Đồ nơi Thánh địa ghi Đệ Lục Niên ngày mừng 2 tháng Giêng Tân Mùi (18-02-1931).

– “Tờ Tỏ Bày Việc Đạo – Hội Nhơn Sanh nhóm lần thứ nhất” ghi Đệ Lục Niên ký ngày 15 tháng 10 năm Tân Vi – 1931.

### **2.1.3. Lễ bái mạng Thiên phong lần đầu tiên và Lễ Nhập môn:**

Ngày 13-3 Bính Dần (24-4-1926) tại Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn Thiên phong cho 3 đại cao đồ: Thượng Trung Nhựt – Đầu sư phái Thượng, Ngọc Lịch Nguyệt – Đầu Sư phái Ngọc và Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Để rồi hai ngày sau đêm Rằm tháng 3 Bính Dần, Lễ bái mạng Thiên phong và Nhập môn lần đầu tiên trong lịch sử phát triển của Cao Đài giáo đã được cử hành trang trọng tại nhà ông Trung, đường Quai Testard (bến Châu Văn Liêm ngày nay).

5. TIỂU SỬ ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG Thượng Trung Nhựt., Tây Ninh, tr. 33.

6. Căn cứ vào NHẬT KÝ ĐẠO SỬ của cố Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng – Tây Ninh. Bản thân ông Hồng đã xác định quan điểm này và thể hiện ngay trong tác phẩm của mình.

Hôm ấy, Ngài Lê Văn Trung thực hiện “Lễ Nhập môn tập thể” cùng với Ngài Lê Văn Lịch. Còn các tín đồ khác làm “Lễ Nhập môn từ người” y lời Thầy dạy trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

*“Rồi biểu hai vị Đầu Sư xuống ngài, quỳ đến trước mặt Ngũ Lôi, hai tay chấp trên đầu quỳ ngay bùa (Kim Quang Tiên) mà thể như vậy:*

*“Tôi là Lê Văn Trung tự Thiên Ân là Thượng Trung Nhựt và Lê Văn Lịch tự Thiên Ân là Ngọc Lịch Nguyệt, thể Hoàng Thiên, Hậu Thổ ...*

*Tôi phiến các Môn đệ, từ người đến bàn Ngũ Lôi mà thể rằng: ...”<sup>7</sup>*

Nghi thức cùng với lời thể Nhập môn trước bàn Ngũ Lôi và bàn Vi Hộ Pháp trong Cao Đài giáo đã bắt đầu thực hiện từ thời điểm đó.

### **2.1.4. Sự kiện Khai Tịch Đạo**

A. Tuân theo lời dạy của Thầy, hai vị Đầu sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt đã chủ trì buổi nhóm họp hơn 245 vị, thảo bản văn lập Tờ Khai Đạo vào đêm 23-8 Bính Dần.

B. Một tuần sau, Ngài Thượng Trung Nhựt dẫn đầu phái đoàn 28 vị đại diện, đến dinh Thống đốc Nam kỳ Le Fol đăng ký pháp nhân hoạt động tôn giáo với chánh quyền vào ngày 01-9 Bính Dần.

### **2.2. TỪ KHAI MINH ĐẠI ĐẠO ĐẾN KHI LIỄU ĐẠO (1926-1934)**

#### **2.2.1. Soạn thảo Tân Luật:**

Trong thời gian 3 tháng đại Lễ Thánh thất – Khai Minh Đại Đạo, việc căn bản quan trọng nhứt khi ấy là soạn thảo và trình dâng Tân Luật theo đúng quyền pháp lập luật đã quy định bởi Pháp Chánh Truyền, lên Đức Lý Giáo Tông.

Mặc dầu theo Pháp Chánh Truyền, cơ cấu tổ chức phải có 3 vị trí Đầu Sư tương ứng với Tam giáo Đạo, nhưng vì vị trí Đầu Sư của phái Thái phải được bổ nhiệm lại cho nên trong việc soạn thảo Tân Luật, hai vị Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt giữ vai trò chánh. Và đương nhiên, với kinh nghiệm hành chánh trong thời gian làm việc ngoài đời, Ngài Lê Văn Trung đã giữ vai trò chủ yếu trong việc soạn thảo.

7. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, đàn 13-3 Bính Dần (1926).

### 2.2.2. Về Tòa Thánh Tây Ninh lưu trú hành đạo:

Ngày 15-4-1928, Ngài Thượng Đẩu Sư tòng lệnh Đức Cao Đài, làm Chủ Quản Tòa Thánh Tây Ninh.

Đạo Nghị Định thứ Nhì, ngày 03-10 Canh Ngọ (1930) ban quyền cho Ngài Thượng Đẩu Sư “Quyền Giáo Tông về phần xác” được ban hành.

Ngài Thượng Trung Nhựt đăng Thiên vào lúc 15 giờ ngày 13-10 Giáp Tuất (19-11-1934) tại Giáo Tông Đường Tòa Thánh Tây Ninh.

Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt được tạc tượng nơi lầu chuông mặt tiền Đền Thánh Tây Ninh.

## VÀI GIAI THOẠI VỀ ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG

### 1. VỀ TIỀN CĂN CỦA NGÀI

Vào tháng 3 năm 1926, khi độ dẫn Ngài Lê Văn Lịch làm môn đệ, trong buổi lập đàn tại chùa Vĩnh Nguyên Tự, Đức Chí Tôn cho chơn linh thân phụ ông Lịch giáng cơ. Đức Cao Đài dạy hai ông Lê Văn Trung và Nguyễn Ngọc Tương hãy đứng chú không phải quỳ. Sau đó, chúng ta được biết Ngài Lê Văn Tiêng đã đắc vị Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn. Tiếp điểm một bậc Đại Tiên mà lại được lệnh không phải quỳ để cho đúng lễ phép trật tự thiêng liêng, sự kiện này cho chúng ta thấy tiền căn của hai Ngài Trung và Tương lớn đến mức nào!

“Cao Đài!

*Xuất ngoại nhơn.*

*Lịch! Ta cho Tiêng là cha người nhập cơ.*

*Trung, Tương đứng.*

*Tiếp Điểm:*

*Lê Văn Tiêng. Lịch thánh ngã. Ngã thị nễ phụ thọ mạng Cao Đài Tiên Ông viết Ngọc Hoàng Thượng Đế Giáo Đạo Nam Phương.(...)”*

### 2. VỀ HẠNH ĐỨC

Một hôm Ngài Thượng Trung Nhựt từ Tây Ninh về Sài Gòn, ghé Thánh thất Cầu Kho. Đang nằm nghỉ chờ giờ cúng, chợt có vài vị chức sắc

đến cất vấn Ngài một số vấn đề quyết định của Tòa Thánh về hành chánh đạo... trong đó có việc thay đổi 3 bài kinh cúng dâng Tam bửu.

Có vị không giữ được bình tĩnh nên có to tiếng làm mất thanh tịnh nơi thờ tự. Ngài Quyền Giáo Tông, tuy bị công kích dữ dội nhưng vẫn yên lặng giữ thái độ hiền hòa. Chỉ nói một câu: “Anh em hơi quá lời!” rồi Ngài quay mặt vô vách ngủ khò.

## 3. CÂU CHUYỆN TÁM GÀ TRÊN MÂY

Nội dung của hai câu liễn nơi mặt tiền các Thánh thất khiến cho đạo Cao Đài lúc nào cũng bị nhà cầm quyền theo dõi.

“Cao thượng Chí Tôn, Đại Đạo hòa bình dân chủ mục,

*Đài tiền sùng bái, Tam kỳ cộng hưởng tự do quyền.”*

Giai đoạn đầu hình thành Cao Đài giáo, toàn quyền Đông Dương Pierre Pasquier (1928-1934)<sup>8</sup> áp chế Đạo mạnh mẽ nhất. Y thi hành chánh sách cứng rắn và tàn bạo đối với dân chúng thuộc địa.

Đầu năm 1933, nhân ngày vía Đức Chí Tôn, viên toàn quyền gửi tặng Tòa Thánh cặp đèn cây thật lớn, bảo phải đốt ngay trong giờ cúng đàn. Vì hấn biết lễ vía có chú tìn đồ và chú sắc khắp nơi tế tự về Tòa Thánh dâng lễ Đức Chí Tôn. Thật ra đôi đèn là hai trái bom nổ chậm.

Đức Quyền Giáo Tông biết âm mưu của P. Pasquier định giết Ngài trước mắt chúng sanh. Ngài nhớ lời Đức Chí Tôn dạy: “Sống cũng nơi Thầy, thác cũng nơi Thầy” nên vẫn quỳ chứng đàn trước cặp đèn cây, thực chất là 2 quả bom, mà không sợ sệt. Linh hiển thay, hai quả bom được đốt lên cháy xì khói lan tỏa khắp đàn, chú tìn hữu lo sợ nhưng Ngài vẫn quỳ và cứ để cho việc hành lễ tiếp tục như không có điều gì xảy ra. Kết quả, 2 quả bom bị lép!

Việc ám hại Ngài Quyền Giáo Tông không thành, P. Pasquier ra lệnh cho bọn mật thám Pháp

8. Được phong Toàn Quyền ngày 23-8-1928, chính thức nhậm chức ngày 26-12-1928; tử nạn ngày 15-01-1934 trước khi hết nhiệm kỳ. (Việt Nam – Những Sự Kiện Lịch Sử, tr.188).



tìm đủ phương cách chụp hình các buổi nhóm họp, các đàn lễ, dịch các tên như Thượng Hội ra Thượng Nghị Viện; Hội Nhơn Sanh ra Hạ Nghị Viện, v.v. để hấn đích thân mang về Pháp quốc dự tính vận động quốc hội và Tổng Thống Pháp sớm có chủ trương và kế hoạch tiêu diệt Cao Đài.

Nhưng, như Sấm Trạng Trình đã báo trước: “Lửa đầu mà cháy tám gà trên mây” chưa ai rõ nghĩa lý là gì. Đầu năm 1934, báo chí đồng loạt loan tin: phi cơ chở toàn quyền P. Pasquier<sup>9</sup> ngộ nạn, vợ con đều chết, riêng hấn rơi vào ống khói nhà máy cơ khí Messageries Métallurgiques de France.

#### 4. ĐỨC QUYỀN GIÁO TÔNG VÀ CQPTGI

Tháng 2 năm Bính Ngọ 1966, khi chuẩn bị Dự Án Quy Điều hình thành cơ cấu tổ chức cho Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, hai Đấng Đại Tiên nguyên là Đầu Sư Tiên Khai Đại Đạo đã được lệnh Tam Giáo Tòa cùng Hội Đồng tiên bối lưỡng đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giảng diễn trợ giúp hoàn chỉnh:

*“Hiển đệ nhớ rằng: Bản Dự Án sau khi chỉnh đốn, được phê chuẩn, chỉ được áp dụng trong nội bộ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.*

*Vì trước kia, khi mới khai Đạo, lập Hội Thánh tại Tòa Thánh Tây Ninh, chính tay Hiển Huynh đã soạn thảo bản Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, đã được Thiêng Liêng phê chuẩn. Đến nay, những luật lệ đó vẫn còn được tôn trọng và áp dụng ở các Hội Thánh lớn.*

*Ngày nay, nếu bản Quy Điều không phải là bộ luật thứ hai trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thì cũng là những điều lệ đặc biệt và cần thiết cho việc điều hành Cơ Quan trong giai đoạn vận chuyển quy nguyên, mãi cho đến một ngày nào có Hội Thánh và Tòa Thánh duy nhất, có Đại Hội Vạn Linh, sẽ được sửa đổi luôn đến cả Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, để hấu kịp với trình độ tiến hóa của nhơn loại và sự vận chuyển của cơ Đạo.”<sup>10</sup>*

9. Pasquier khi phiên âm sang tiếng Hán Việt là “bát kê” nghĩa là “tám gà.”

10. Thiên Lý Đàn, 07-02 Bính Ngọ (26-02-1966).

#### KẾT LUẬN

Mùa lễ Khai Minh Đại Đạo năm Giáp Ngọ 2014 này, trùng vào dịp tròn 80 năm quy Thiên của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật, nhân viên Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chúng ta kỷ niệm tinh thần Khai Minh Đại Đạo trùng dụng kỷ niệm Đức Quyền Giáo Tông.

Nhắc lại một vài sự kiện trực tiếp có liên quan đến Đức Quyền Giáo Tông để chúng ta ôn lại lịch sử, nung nấu chí khí và ý chí của người đi sau, noi gương hạnh đức của tiền nhân hầu mạnh tiến tiếp bước góp phần thực hiện sứ mạng Kỳ Ba, “Khai Minh hoàng khai Đại Đạo, Phổ độ chúng sanh” đến với nhơn sanh.

Vì thế chúng ta không quên lời nhắn gửi của Đức Ngài:

*Thương đời còn nặng mối oan khiên,  
Trúng nước hỏi ai chẳng nào phiền,  
Nhất đức tu hành sao thất sắc,  
Nặng đời nhẹ đạo biết sao yên.<sup>11</sup>■*

11. Vĩnh Nguyên Tự, 15-3 Bính Thìn (14-4-1976).  
Thương đời còn nặng mối oan khiên, (Thượng)  
Trúng nước hỏi ai chẳng nào phiền, (Trung)  
Nhất đức tu hành sao thất sắc,  
Nặng đời nhẹ đạo biết sao yên. (Nhật)



# TỪ MẮT THẦN HORUS ĐẾN CÁC BIỂU TƯỢNG THIÊN NHÃN

## ■ THIÊN CHÍ



Nghiên cứu việc các tín ngưỡng hay tôn giáo chọn CON MẮT để thờ thần, người ta không khỏi ngạc nhiên từ thời Cổ Ai Cập (Predynastic Ancient Egypte 5.000–4.000 BC) người Ai Cập xưa từng chọn con mắt làm biểu tượng thờ thần Horus. Thần Horus, theo tôn giáo Cổ Ai Cập là thần của cõi trời (sky god) có quyền năng bảo hộ (protection) và về chiến tranh (being the god of the sun, war and protection)<sup>1</sup>. Đặc biệt, người Ai Cập cho rằng 2 con mắt của thần Horus thuộc về mặt trời (mắt phải) và mặt trăng (mắt trái). Họ đồng hóa mắt phải của Horus với thần mặt

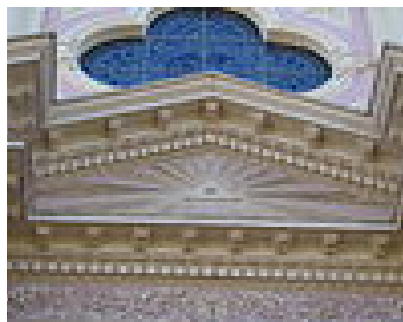
trời, thần Ra; và mắt trái với mặt trăng, thần Thoth.<sup>2</sup> Hình tượng Horus trong các đền thờ là một nhân hình có đầu là đầu chim ưng (falcon.) Do vậy, 2 con mắt của chim ưng làm tiêu biểu cho mắt thần Horus. Với xác tín này, một con mắt duy nhất đã được thiết kế làm biểu tượng chính cho thần Horus, nói lên đầy đủ quyền năng của vị thần là thần lâu đời nhất giữa các thần khác và là “Quốc thần.”<sup>3</sup>



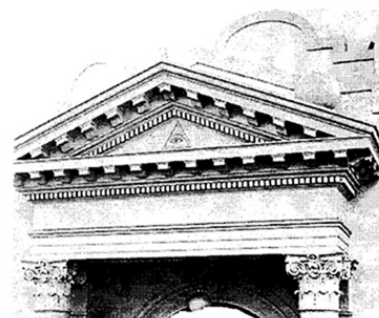
1. Pinch, Geraldine (2004). *Egyptian Mythology: A Guide to the Gods, Goddesses, and Traditions of Ancient Egypt*. Oxford University Press. pp. 131–132 ( Ref.of Wikipedia).

2. “Eye of Horus, Eye of Ra (Udjat, Wedjet)” [Symbolictionary.net](http://Symbolictionary.net). Retrieved 2012–01–17. (Ref.of Wikipedia).

3. is the first known national god.



P.1: EYE OF PROVIDENCE ON THE EXTERIOR OF A CATHEDRAL IN SALTA, ARGENTINA.



P.2: ALL-SEEING EYE IN A PEDIMENT OF AN ESOTERIC CHRISTIAN TEMPLE IN MOUNT ECCLESIA, CALIFORNIA.

2. Đối với Ki-Tô giáo, người ta từng thấy một số nhà thờ trang trí “Mắt Trời” một cách trang nghiêm trên kiến trúc mặt tiền các nhà thờ lớn. Các di tích này cho thấy “Thiên nhân” đã đi vào tôn giáo nói chung để biểu trưng cho Đấng Tối Cao trong vũ trụ. Tuy nhiên các Giáo phụ Ki-Tô giáo không xác nhận “Thiên nhân” ở các nhà thờ xưa đó là biểu tượng của thần Horus.

Chúng ta đều biết Thánh giá là biểu tượng tôn thờ chính thức và phổ biến lâu đời nhất của Cơ Đốc giáo cho đến ngày nay. Do vậy, phía trên Thiên bàn (nơi hành lễ của các linh mục) không hề có biểu tượng “Thiên nhân.”<sup>4</sup> Tuy nhiên, trong các ấn bản Ki-Tô giáo, nếu có biểu tượng “Thiên nhân” trong Tam giác đều với chú giải “Thiên Chúa Ba Ngôi” thì vô hình trung gán cho “Thiên nhân” đó ý nghĩa biểu trưng “Đức Chúa Trời” trong ngữ cảnh giáo lý thần học của tôn giáo này.

### 3. MẮT TRỜI TRÊN QUỐC ẤN (GREAT SEAL) CỦA NƯỚC HOA KỲ.

Năm 1782 là năm đáng ghi nhớ của người Hoa Kỳ vì đó là năm Quốc ấn (Great Seal of US) được chính thức công nhận; và năm 1935, người ta đã

4. Người viết để “Thiên nhân” trong ngoặc kép với chủ ý chưa đồng hóa hoàn toàn ý nghĩa “con mắt” ở đây với “Thiên nhân” trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (Cao Đài).

thấy trên một mặt của tờ giấy bạc một dollar có biểu tượng của Quốc ấn với điểm đặc biệt là hình một con mắt trên kim tự tháp. Các nhà thiết kế của biểu tượng này có lẽ đã dùng hai cụm từ đặt trên và dưới biểu tượng:

– Annuit coeptis: “Ngài đã công nhận công trình của chúng tôi.”

– Norvus ordo seclorum: “Trật tự mới của các thời đại” (Latin for “New order of the ages”)<sup>5</sup>.

để giải thích ý nghĩa của Quốc ấn Hoa Kỳ.

Vậy, có thể nói, qua Quốc ấn, các nhà lãnh đạo nước Hoa Kỳ tin tưởng rằng, Đấng Tối Cao đã chuẩn y cuộc xây dựng Hiệp Chúng Quốc và nước Mỹ nhằm đến thực hiện (hay tham gia? NV) vào một “Trật tự mới của các thời đại.) Vấn đề là các nhà chính trị và khoa học gia thời đó (1782) đã nhất trí chọn CON MẮT làm biểu tượng cho Đấng Tối Cao nói trên. Người ta đã đặt vấn đề biểu tượng con mắt trên Quốc ấn Hoa Kỳ chịu ảnh hưởng biểu tượng “con mắt” của Hội Masonry,

5. The phrase Novus ordo seclorum (Latin for “New order of the ages”) appears on the reverse of the Great Seal of the United States, first designed in 1782 and printed on the back of the United States one dollar bill since 1935. The phrase is sometimes mistranslated as “New World Order” by people who believe in a conspiracy behind the design. ([http://en.wikipedia.org/wiki/Novus\\_ordo\\_seclorum](http://en.wikipedia.org/wiki/Novus_ordo_seclorum)–Ref.of Wikipedia).

nhưng người Mỹ đã bác bỏ (vì Masonry thành lập năm 1797 sau thiết kế biểu tượng Quốc ấn 15 năm).

Rõ ràng biểu tượng con mắt trên Quốc ấn Hoa Kỳ không thuộc về tôn giáo, nhưng thể hiện niềm tin vào lý tưởng Hiệp chúng và ý chí tiến tới những thời đại của “trật tự mới” có giá trị cao cả (thuộc về thế tục).

### 4. EYE ALL-SEEING OF MASONRY.

Mặc dù Freemasonry quan niệm Thượng Đế là “Kiến trúc sư vĩ đại” với biểu tượng thước vuông và “compass” nhưng vẫn chọn CON MẮT làm biểu tượng ám chỉ “Đấng toàn thị” (all-seeing). Mắt Masonic là biểu tượng con mắt của Thượng Đế (Ở đây người viết không dùng từ “Thiên Chúa” để tránh sự đồng hóa Freemasonry với người theo Thiên Chúa giáo (Christians). Nó là biểu tượng của Sự quan sát mẫu nhiệm và sự vận hành vũ trụ không ngừng nghỉ của Ngài.<sup>6</sup>



6. The Masonic Eye is symbolic of the Eye of God. It is the symbol of His Divine watchfulness and His ever present care of the universe.



## 5. THIÊN NHÂN TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

### 1. TỔNG QUÁT

Mỗi tôn giáo ra đời đều gắn liền với vị Giáo chủ khai sáng. Và để tôn vinh vị giáo chủ cũng như giáo lý của tôn giáo mình, các chức sắc và tín đồ đã tôn thờ vị giáo chủ theo nghi thức đặc biệt nhất, trang trọng nhất.

Riêng đối với đạo Cao Đài, Giáo chủ là Đấng Thượng Đế vô hình vô vi, đã giáng trần khai minh Đại Đạo qua huyền cơ diệu bút. Thế nên, Đức Cao Đài đã hai lần thị hiện “Thiên Nhân” cho đệ tử đầu tiên của Ngài là ông Ngô Văn Chiêu, và dạy dùng biểu tượng Thiên Nhân để thờ Ngài.

Thiên Nhân là một mắt trái đang mở, soi sáng giữa càn khôn vũ trụ. Thiên Nhân chứa đựng lý cao sâu huyền nhiệm của vũ trụ và nhân sinh, nên dấu Đức Cao Đài và chư Phật, Tiên đã hé mở Thiên cơ qua Thánh giáo kể từ ngày khai Đạo cho đến nay, nhưng quả thật Thiên Nhân vẫn là một công án mà hàng chức sắc, tín đồ Cao Đài luôn suy gẫm để tìm bí pháp tu hành.

#### 1.1. Thánh giáo dạy về Thiên Nhân

##### 1.1.1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

“Chưa phải hỏi các con biết đặt tại sao vẽ Thánh tượng

Con Mắt mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

Nhân thị chủ Tâm 眼是主心。  
Lưỡng quang chủ tế 兩光主宰。

Quang thị Thần 光是神。  
Thần thị Thiên 神是天。  
Thiên giả Ngã dã 天者我也。

Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này duy Thầy cho Thần hiệp Tinh Khí, đặng hiệp đủ Tam Bửu, là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập thánh.

(...) Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn Thần cho các con đắc Đạo. Con hiểu: Thần cư tại Nhân. Bố trí cho chư đạo hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên Phật do yếu nhiệm là tại đó”<sup>7</sup>

##### 1.1.2. Đại Thừa Chơn Giáo

“Tại sao Thầy lại biểu các con tạo ra Thánh Nhân mà thờ, không dạy thờ hình tượng như các tôn giáo khác?

Các con phải biết rằng Trời là Lý, thì Lý ấy rất thông linh, bao quát cả Càn Khôn thể giải. Thầy đâu phải có xác phàm như các con mà tạo hình thể như các con, nên chỉ thờ Thiên Nhân là thờ Thầy.

Tại sao Thiên Nhân là Thầy? Thầy có dạy trước:

Nhân thị chủ Tâm.

Lưỡng quang chủ tế.

Quang thị Thần.

Thần thị Thiên.

Thiên giả Ngã dã.

Nhân là trái tim của con người. Trái tim ấy là Tạo Hóa, tức là Thần; mà Thần là cái Lý Hư Vô. Lý Hư Vô ấy là Trời vậy.

Người tu hành chùng nào luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hườn hư, luyện hư hườn vô, thì Huyền Quan Nhất Khiếu (玄關一竅) ấy mới mở hoát ra.

Huyền Quan Nhất Khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay Nê Hườn Cung, gom trọn chơn dương chánh đạo. (Xem Phụ Lục).

Hai con mắt của các con là nhục nhãn, tức là âm với dương; thì cũng như Thái Cực là Thiên Nhân, còn lưỡng quang là nhứt nguyệt hằng soi sáng khắp càn khôn, cứ tuần hườn mãi, hết ngày đến đêm, hết đêm kể ngày, không bao giờ dứt sự hành tàng của Tạo Hóa.”<sup>8</sup>

##### 1.1.3. Thánh Giáo Sưu Tập (Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo).

Đức Đông Phương Lão Tổ đã dạy:

“Thiên Nhân tức là Thiên Tâm của con người. Hai ánh sáng tức là âm dương làm chủ tế. Đó là lưỡng nguyên

7. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, 25 Février 1926, tr.12.  
Phần chữ Hán do người viết chú thích thêm.

8. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đại Thừa Chơn Giáo (bản in 1950,) thiên 46 “Cách thờ phượng,” 20-9 Bính Tý (1936,) tr.432.



trong lý nhứt nguyên. Âm Dương phối hợp là Thần, tức thị lưỡng nguyên trở lại nhất nguyên.

Nhất nguyên là chủ thể. Thần là Trời, là Chí Tôn Thượng Đế ở trong con người của ta.”<sup>9</sup>

Đức Thích Ca Như Lai dạy:

“Đại Đạo không có lãnh vực, biên giới, phạm vi. Tôn giáo là một danh từ dùng để nêu cao triết thuyết của một lý siêu mẫu trong đạo lý. Nếu còn lãnh vực, còn biên giới, còn ta người, còn sai biệt, là không phải Đạo, cũng không phải Như Lai Bản Thể. Cao Đài, hay Thiên Nhân trên kia,<sup>10</sup> không có biểu thị cho một hình tướng tôn giáo, mà cốt mặc khải với nhân loại rằng: Hãy trở về chỗ Cao Đài của nhân loại sẵn có, trở về cái Trí Bát Nhã- để đắc Ba La Mật, để đáo bỉ ngạn- tức là Thiên Nhân, Thiên Tâm, hay Phật Tánh. Nếu con người giác ngộ đến đó, tức là con người Thánh Nhân của Phật Pháp đã hiện bóng Cao Đài vô lượng vô biên.”<sup>11</sup>

Đức Bát Nhã Thiên Sư dạy:

“Muốn đạt chỗ sâu kín nhiệm mầu kia không thể lấy cái trí hạn hẹp cạn cợt của con

9. Thánh Giáo Nguyên Bản, Vĩnh Nguyên Tự, 28 rạng 29-01 Giáp Dần (19-02-1974).

10. Trong ngữ cảnh của đoạn Thánh giáo, “Trên kia” có nghĩa là trên Thiên bàn (bàn thờ Thượng Đế).

11. Thánh Giáo Nguyên Bản, Trúc Lâm Thiền Điện, 18-7 Quý Sửu (16-8-1973).

người mà thấy được, mà cần có Con Mắt Bát Nhã mới suốt tận pháp giới Hư Không.”<sup>12</sup>

### 1.2. Tóm tắt Thánh ý về Thiên Nhân

Qua những đoạn Thánh giáo trên có thể tóm tắt Thánh ý dạy về Thiên Nhân như sau:

- Thờ Thiên Nhân là thờ Đấng Tạo Hóa;
- Thiên Nhân là Đức Cao Đài, tức là Thầy;
- Thiên Nhân là Lý Hư Vô;
- Thiên Nhân là Lý Thái Cực;
- Thiên Nhân là Thần;
- Thiên Nhân là Huyền Quan Nhứt Khiếu;
- Thiên Nhân là Thiên Tâm, là Phật Tánh, là Trí Bát Nhã;
- Thiên Nhân là con mắt Bát Nhã.

### 1.3. Dịch nghĩa bài thơ dạy về Thiên Nhân của Đức Chí Tôn

*Nhân thị chủ Tâm.*

*Lưỡng Quang chủ thể.*

*Thần thị Thiên.*

*Thiên giả Ngã dã.*

Kết hợp những Thánh Ý dạy về Thiên Nhân, bài thơ trên có thể được dịch nghĩa như sau:

a) Theo nghĩa Thiên Nhân là Thiên Tâm (Trái tim Tạo Hóa):

“Nhân” là do Thiên Tâm chủ sử.

(Thiên Tâm) là cội nguồn

12. Thánh Giáo Nguyên Bản, Bát Nhã Thiên Đường, 29-5 Bính Thìn (26-6-1976).

của hai thể Âm Dương (lưỡng quang.)<sup>13</sup>

Quang là Thần

Thần là Trời

Trời là Ta vậy.

b) Nếu xem Thiên Nhân như Thái Cực:

“Nhân” là do Thái Cực chủ sử

Là Vua của hai nguồn sáng

Âm Dương

Nguồn sáng là Thần

Thần là Trời

Trời là Ta vậy.

TRÍCH QUYỂN YẾU ĐIỂM GIÁO LÝ, CQPTGL XUẤT BẢN.

(NGUỒN: [HTTP://WWW.](http://www.nhipcaugiaoly.com/post?id=235)

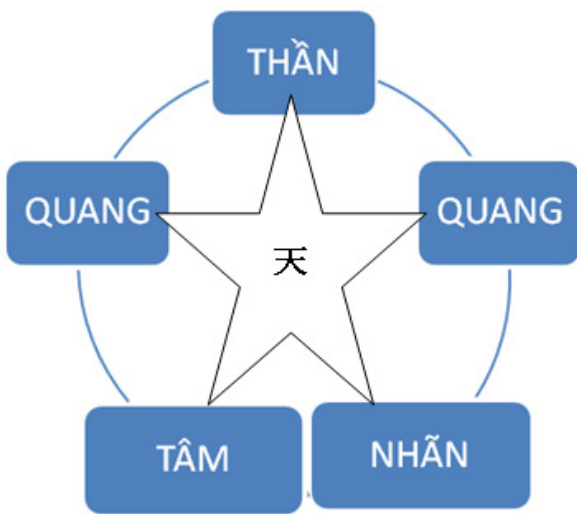
[NHIPCAUGIAOLY.COM / POST?ID=235](http://www.nhipcaugiaoly.com/post?id=235))

### TẠM KẾT

Qua 4 cách sử dụng biểu tượng CON MẮT, từ Cổ Ai Cập, Ki-Tô giáo đến Quốc ấn Hoa Kỳ, và Hội kín Freemasonry, chúng ta thấy điểm tương đồng là con mắt tiêu biểu cho Đấng có quyền năng tối thượng trong vũ trụ và thế giới nhân loại. Điều đó cũng đúng đối với Thiên Nhân Cao Đài. Nhưng nếu xét kỹ, bốn khái niệm (hay niềm tin) ấy đều liên hệ

13. Còn gọi là “Tịch Chiếu.” Tịch: vắng lặng; Chiếu: sáng soi. Đức Bát Nhã Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 29-10 Bính Thìn (19-12-1976) dạy: “Tự do là thể Đạo, là Ngôi Vô Cực, căn cốt của Đất Trời. Học Đạo, tu Đạo, căn cứ vào đó mà hành trì. Theo Dịch Lý mà suy ra: Vô Cực là Tịch, Thái Cực là Chiếu. Tịch Chiếu Nhất Như. Tịch không ngoài Chiếu, Chiếu không ngoài Tịch. Tịch Chiếu là thể của Tâm.” (Thánh Giáo Nguyên Bản).

mắt với Thượng Đế ngoại tại có quyền thưởng phạt con người, mà không nói đến mối liên hệ giữa mắt với TÂM. Trái lại, theo bài kệ trong Thánh giáo của Đức Thượng Đế Cao Đài thì mối liên hệ này là mối liên hệ hữu cơ TÂM-VẬT (psycho-somatic; psycho-physical:) “Nhân thị chủ tâm.” Nhờ có Tâm làm chủ mà 2 con mắt trở nên 2 nguồn ánh sáng (lưỡng quang,) “Lưỡng quang chủ tế.” Vậy Tâm là “chủ tế” của 2 ánh sáng, và đến câu này, mắt chỉ mới là trung gian giữa Tâm và ngoại vật (tức Tâm quan sát chứ không phải mắt quan sát.) Và một khi Tâm tập trung quan sát thì sự “thấy” của Tâm là cái “thần” của 2 ánh sáng (“Quang thị thần.”) Cái “thần” này chính là sức mạnh thuộc về “Trời” (“Thần thị thiên.”) “Thiên” là thực tại thiêng liêng siêu hình, và Thượng Đế là thực tại siêu hình ấy. Tóm lại, khảo cứu “bài kệ Thiên nhân,” ta có thể tóm tắt bằng sơ đồ:



Bạn đọc có thể xem Minh họa tại:

<http://youtu.be/r2uM8OhRTdc?list=UUfhZbkRXPCL3kGU6KOXREXQ>.

Vậy, theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, phải xem MẮT là biểu tượng của TÂM, biểu tượng của THẦN mới có đủ ý nghĩa biểu tượng của Thượng Đế. Và chính Tâm là trung gian liên hệ 2 chiều giữa Thượng Đế và con người, hay nói cách khác Tâm là nơi Thiên Nhân hiệp nhất.

*Như vậy Thiên Nhân theo nghĩa tôn giáo là THIÊN TÂM, là THƯỢNG ĐẾ; theo nghĩa thần học là THẦN cũng là Bản thể của vũ trụ và con người. ■*

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. God's eye From Wikipedia, the free encyclopedia.
2. Freemasonry From Wikipedia, the free encyclopedia.
3. Great Seal of the United States. From Wikipedia, the free encyclopedia.
4. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q.1, Tòa Thánh Tây Ninh.
5. Đại Thừa Chơn Giáo, Trước Tiết Tàng Thơ, Chiêu Minh, bản in 1950.
6. Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, xuất bản 2006.

## PHỤ LỤC

### NÊ HOÀN CUNG

(NGUỒN: [HTTP://NHANTU.NET/BIENKHAOTONGQUAT/VAODAOHOCTRIETHOC.HTM#\\_FTN2](http://nhantu.net/bienkhaotongquat/vaodaohocetriethoc.htm#_FTN2))

Sự đóng góp quan trọng thứ hai về y học, nhưng cũng lại có liên quan rất nhiều đến triết học và đạo giáo là tác giả (BS. Nguyễn Văn Thọ, [www.nhantu.net](http://www.nhantu.net)), vào khoảng năm 1959 đã nhân đồ hình Dịch Kinh, nhất là đồ hình Thái cực nằm giữa, mà suy ra được rằng trong con người Não Thất Ba (3ème ventricule) nằm nơi tâm điểm não bộ chính là Chân Tâm của con người.

Não Thất Ba này chính là:

- Nê hoàn Cung của Lão giáo.[2]
- Liên Hoa Tâm chứa ngọc châu viên giác của Phật giáo.[3]
- Niết Bàn của Phật giáo.[4]
- Vườn địa đàng đã được đề cập đến trong Thánh kinh Công Giáo.[5]

Nê Hoàn

(Nguồn:<http://nhantu.net/TonGiao/NehoanNhamDoc.htm>)

Nê Hoàn hay Nê Hoàn Cung là Thượng Đơn Điền. Huyệt của nó là Bá Hội, ở giữa đỉnh đầu. Vận Chu thiên hỏa hầu từ Đốc Mạch lên đến Nê Hoàn. Sau lại từ Nê Hoàn đưa xuống qua mạch Nhâm, để thu kết quả Hoàn Tinh Bổ Não. [...]

# TINH THẦN KỶ LUẬT, ÓC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG CHÂM LÃNH ĐẠO

■ CAO BẠCH LIÊN

**T**rong lời dạy Thanh Thiếu Niên của Tiên Bối Cao Triều Phát, chúng ta đã tìm hiểu phương pháp thu phục nhân tâm. Hôm nay, chúng ta tìm hiểu tiếp về sự cần thiết của tinh thần kỷ luật, óc tổ chức và phương châm lãnh đạo trong hành trang của người sứ mạng.

Con người sứ mạng muốn tham gia vào công cuộc hoằng hóa độ đời của Thượng Đế, trước tiên phải xác định mục đích sống của bản thân mình. Phải hướng cuộc đời mình về các đích điểm mà hành sự.

Nếu con người sanh ra trên thế gian này chỉ để hưởng thụ về vật chất, tất bật cho kiếp sống thường tình, rồi giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, đều phải mai một dưới ba tác đất. Như thế thì có gì đáng nói.

Kiếp sống con người đâu chỉ giới hạn từ lúc mở mắt chào đời cho đến khi nhắm mắt xuôi tay là hết đâu. Đó chỉ là một giai đoạn của kiếp sống hoàn toàn. Kiếp sống hoàn toàn là muôn đời, muôn kiếp, trải qua nhiều giai đoạn mà tôn giáo gọi là tái sinh, hay luân hồi chuyển kiếp.

Thác sanh ra từ nơi cõi trời, chúng ta là Tiểu linh quang từ Đại Linh Quang của Thượng Đế. Thượng Đế đã ban cho chúng ta nhiều tiềm năng quý hóa, nhiều hoài bão vô biên. Bản thân một con người phải lo phát triển những tiềm năng và thực hiện những hoài bão đó.

Từng kiếp tái sinh, tức từng giai đoạn của kiếp sống vô biên, ta học hỏi, nghiên cứu, trải

những thử thách cho nó tỏ ngộ thêm lên. Ta tự tạo những đức tánh cao siêu, từ đó tiến dần đến chí thiện chí mỹ.

Thượng Đế ban cho ta đủ phương tiện phụng sự Ngài trong cuộc Đại hóa. Ta được hân hạnh dự phần sử dụng luật tiến hóa không ngừng. Vạch cho nhân loại một vòng chân trời tươi sáng. Ta an ủi những tâm hồn đau khổ – tội lỗi để dẫn đưa những tâm hồn ấy lên chỗ thanh cao, là nơi chói lọi ánh huy hoàng của sự chân thiện mỹ, là một công trình vĩ đại cải tạo tinh thần chúng sanh.

Ta phục vụ chúng sanh tức là phụng sự Thượng Đế, ta sẽ tự thấy hạnh phúc là không sống ích kỷ, khô khan vô vị. Như vậy ta đã gieo vào tâm hồn nhân sanh những hạt giống từ thiện – công bình – bác ái – từ bi. Để rồi gặt hái được những hoa thơm trái ngọt, một đời sống tinh thần thiện mỹ.

Ta biết rằng từ những cái gì đẹp đẽ quyến rũ, cho đến những tinh cầu vĩ đại trong càn khôn vũ trụ, đến một chu kỳ nào đó cũng sẽ tiêu tan, nhường chỗ cho những cái mới hơn thay thế.

Duy chỉ có linh hồn ta là vĩnh hằng, tiến mãi trong không gian và thời gian, như một khách lữ hành trên con đường vạn dặm. Rồi đến đích cuối cùng như mong đợi là giải thoát. Đó là mục đích của loài người.

Đã là một Thiên ân sứ mạng thế Thiên hành hóa, đem Đạo vào đời, phải hết lòng vì nhơn

sanh, không nên nặng lời, sát phạt, mà nên nhẹ nhàng khuyên bảo đối với kẻ bị lỗi lầm, để cho họ biết hồi tâm hướng thiện. Người bề trên phải chủ động gần gũi đàn em, mở vòng u ám cho chúng sanh, hướng họ vào con đường đạo đức. Nếu thấy đồng đạo kém hơn mình mà coi thường khinh bạc là mình thất đạo vậy. Người sứ mạng chỉ nên bố đức hơn ra oai. Đối với đồng đạo nên khoan dung dặt dũi độ dẫn. Người sứ mạng phải nhọc công gắng sức, khuyên lơn, hạ mình hầu làm nên cho người khác. Được như vậy thì Công mới thành – Ngôn mới thánh – Đức mới rạng, để giúp cho kẻ lầm lạc đang say đắm trong vòng nghiệp chướng được giải thoát nạn tai, hồi tâm hướng thiện.

Người sứ mạng lấy lễ đãi người, lấy đức phục nhơn là thượng sách.

Người sứ mạng phải luôn giữ mình cho xứng đáng phận người cầm đuốc soi đường cho chúng sanh hướng về tâm linh. Mới mong phổ độ quần sanh – xây dựng xã hội đại đồng nhân loại.

– Đối với cá thể, người hướng đạo giải rõ chân lý cho con người đổi tâm hướng thiện.

– Đối với xã hội, tạo nên cảnh nhơn hòa, con người trong cộng đồng đoàn kết thương yêu nhau.

Sống trong cảnh hỗn tạp phong ba, người hướng đạo phải rộng rãi, khoan dung, dẫu cho bị đau khổ, tâm hồn cũng như đi trên con đường bằng phẳng. Không đau khổ làm sao biết thông cảm và thương yêu, nên nhớ rằng chi chi cũng sẵn có niềm hòa khí, nét yêu thương mới

có lòng tha thứ. Thiếu tình thương yêu thì làm sao dĩ đức phục nhơn. Sự đoàn kết trong cửa đạo rất hữu ích về vật chất, có đoàn kết mới giúp nhau khi hữu sự. Về tinh thần, có đoàn kết mới tận tâm dui dắt nhau trên đường hành đạo, mới đủ nghị lực cứu độ nhơn sanh.

Kỷ luật là những phép tắc của tổ chức, xã hội đặt ra để giữ gìn trật tự xã hội và điều hành trách vụ của các phần tử trong tổ chức xã hội.

Quan niệm tự do là tự ý hành động lợi cho mình mà hại cho người khác, sự hành động ấy là phạm tự do của người khác. Vì vậy mới có kỷ luật để bản thân tự do trong giới hạn – ngăn ngừa tự do thái quá mà sanh loạn trong xã hội.

– Kỷ luật khách quan: do tổ chức xã hội buộc mỗi cá nhân phải tuân theo – đó là luật pháp để giữ gìn an ninh trật tự cho xã hội.

– Kỷ luật trong các tổ chức – đơn vị để các thành viên tuân theo đó mà làm việc, nếu thiếu kỷ luật thì người điều hành có giỏi mấy cũng khó duy trì được hoạt động của tổ chức đó một cách tốt đẹp.

– Kỷ luật chủ quan: Là tự cá nhân mình đặt ra để thực hiện. Biết ứng xử theo khuôn phép đạo lý, sẽ tránh được đụng chạm gây cản với người xung quanh.

Người hướng đạo phải tự lập, trau dồi đức hạnh theo Ngũ giới cấm, Tứ đại điều quy, buộc mình trong khuôn phép cho xứng đáng là người hướng đạo, xứng đáng là người hướng dẫn nhơn sanh. ■



(...)

Không lo Đạo bị bế tắc mà chỉ lo không đủ sức vững vàng phát triển.

Không lo đời chưa hiểu Đạo mà chỉ lo Đạo không sáng tỏ thôi.

Không lo không làm nổi việc lớn mà chỉ lo không có tư tưởng lớn.

Diễn biến lịch sử của nhân loại chẳng qua là sự diễn biến của những tư tưởng lớn. Chư hiền hãy nhận thức trách nhiệm to tát mà cố gắng, sẽ được sự hộ trì của Thiên Liêng.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 19-02 BÌNH DẪN.



# HỌC TẬP QUẺ THIÊN PHONG CẦU HAY NHỮNG SUY NGHĨ VỀ QUẺ THIÊN PHONG CẦU qua hào từ và tiểu tượng truyện

■ THANH LONG

## THỜI CỦA CẦU

Cầu (姤) có nghĩa là gặp gỡ. Thời của cầu là giai đoạn diễn ra sự gặp gỡ. Nhưng là sự gặp gỡ giữa những ai? Soán truyện giải thích: “nhu ngộ cương dã,” tức cái nhu gặp gỡ cái cương. Hiểu cái nhu, cái cương đó như thế nào thì hợp với nghĩa của Cầu? Cũng chính Soán truyện đề cập: “Vật dụng thú nữ, bất khả dự trường dã” (1) và “Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương” (2). Qua đó ta thấy sự gặp gỡ này có hai phương diện:

- Một là sự gặp gỡ giữa con người với con người trong thế gian hữu tình (con người hậu thiên).

- Hai là sự gặp gỡ giữa khí dương và khí âm tạo lập thế gian trật tự, đa dạng (tự nhiên hậu thiên).

Từ đây, ta cũng lại được thấy tính chất của sự gặp gỡ này:

- Một là bất định, khó lâu bền như ý “*bất khả trường dã*”: không tốt!

- Hai là trật tự, đẹp đẽ và nhiều màu sắc như ý “*phẩm vật hàm chương*” tốt.

Như vậy, đây là cuộc gặp gỡ của các tạo vật “ở dưới trời” (thiên hạ – 天下) diễn ra bất cứ nơi nào có thể (nhờ vào gió [phong, 風] tức sự lan truyền, di chuyển rộng khắp và không giới hạn). Đó là ý nghĩa được lý giải từ lời Đại Tượng Truyện của quẻ Cầu: “*Thiên hạ hữu phong, cầu; Hậu dĩ thi mệnh cáo tứ phương*” (天下有風, 姤; 后以施命誥四方).

## HAI CHIỀU KÍCH CỦA QUẺ CẦU

Sự gặp gỡ này diễn ra giữa các tạo vật của âm dương, của đạo lý (thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã – 天地相遇, 品物咸章也). Tuy nhiên, nó có thể chứa đựng mầm mống của điều không tốt, không lâu bền cho dù tự thân mỗi chính thể trong cuộc gặp gỡ đó đều có phẩm chất tốt đẹp. Do vậy, Đức Chí Tôn đã từng dạy: “... *dầu cho bậc Đại Giác Kim Tiên đến thế gian mà lia Đạo, vong bản, cũng*

phải sa vào dục hải, hóa kiếp chuyển luân trong dục giới.”<sup>1</sup> Ở đây, lời dạy của Đức Chí Tôn cho phép ta nhận ra rằng “cấu” không chỉ là sự gặp gỡ thuận tụy, là sự đối mặt bằng quơ, mà còn trực tiếp cho ta quan niệm về sự nhiễm (染) do việc gặp gỡ với những điều kiện nào đó. Cấu nhiễm là hiện thực của quẻ Thiên Phong Cấu, xét một cách tổng thể, muốn đề cập đến. Nó lý giải điều lạ lùng, khó hiểu của mối quan hệ có khả năng dẫn đến điều không tốt dù thông qua những thành phần có chứa đựng mầm tốt, cho thấy thời của Thiên Phong Cấu là giai đoạn mà các tạo vật sống ở trong một cõi giới hậu thiên có cơ hội chính đáng để hội ngộ, gặp gỡ và giao tiếp. Nó cũng lý giải vì sao một bậc Đại Giác Kim Tiên vẫn có thể bị “sa vào dục hải, hoá kiếp chuyển luân trong dục giới.”

Cấu, tuy vậy, còn có thể được hiểu như cơ hội cho sự hội ngộ ở giữa trần sinh có ý hướng thiêng liêng vốn được Thánh ngôn Cao Đài xác nhận: “... thế gian là trường thi công quả, là nơi đủ điều kiện cho người thiết lập vị ngôi Tiên Phật.”<sup>2</sup> Lời Đại Tượng Truyện cũng viết: “Hậu dĩ thi mệnh cáo tứ phương” (后以施命誥四方), tức bậc quân vương thi hành mệnh Trời được giao phó mà thông cáo rộng khắp trong nhân sinh. Ý hướng thiêng liêng của quẻ Cấu được hiểu nhờ vào ý nghĩa của từ “mệnh” (命), được hiểu như là mệnh lệnh từ bên trên ban bố, và ở đây là ban bố cho bậc quân vương, người đứng ở vị trí cao nhất của một đất nước. Do đó, mệnh lệnh đó chỉ có thể hiểu như mệnh lệnh từ Trời, từ Thượng Đế, hay từ Đạo mà ra. Cho nên, một bậc Đại Giác Kim Tiên khi vào trần gian thì không được “lìa Đạo, vong bản” để có thể cấu mà bất nhiễm, gặp gỡ mà không vấy bẩn. Đó cũng là kết quả của việc tu học và hành đạo của bất cứ một tín hữu nào trong bất cứ tôn giáo nào, với hình thức chánh tín nào đi nữa.

Cho đến đây, ta có thể hiểu được phần ý nghĩa của quẻ Thiên Phong Cấu bàn về hoàn cảnh thực tế của thân phận các tạo vật trong thế gian, trong đó phần quan trọng là thuộc về con người. Chính con người là một tạo vật có khả năng tạo cơ hội cho mình tiến hoá, thay vì thoái hoá vì cấu nhiễm.

### VỊ CỦA CẤU

Hiểu thời của Cấu như trên đã bàn, cho phép ta có lập trường để hiểu từng thời khắc của mỗi hào trong quẻ mà người viết tạm gọi là vị của hào trong quẻ Thiên Phong Cấu, gọi tắt là vị của Cấu. Mỗi một vị trong sáu vị của Cấu là một hành động theo ý hướng thiêng liêng. Đó sẽ là cách mà người viết muốn đi vào phân tích để học tập theo tinh thần mà đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt đã dạy: “*Đọc lời Thánh giáo phải liên tưởng đến việc làm, kết quả việc làm mới là kết quả thực sự.*”<sup>3</sup>

### HÀO SƠ LỤC

Hào từ: Hệ vu kim nị, trinh cát; hữu du vãng, kiến hung; luy thi phu trịch trực.

Buộc cái thẳng bằng kim loại thì được tốt lành lâu dài; Để cho tùy nghi đi lại, sẽ thấy chuyện chẳng lành; Con heo ốm yếu sẽ có ngày nhảy nhót.

初六：繫于金柅，貞吉，有攸往，見凶，羸豕孚蹢躅

Tiểu Tượng Truyện: Hệ vu kim nị, nhu đạo khiến dã.

Buộc cái thẳng bằng kim loại, cái phần âm đó vẫn sẽ dẫn nhau mà tiến thêm lên.

繫于金柅，柔道牽也

Ngay ở hào đầu tiên của quẻ, hào từ và lời tiểu tượng đã bàn tới việc làm cụ thể buộc cái thẳng kim loại. Vì sao lại như thế? Vì đây là hào đầu tiên của quẻ và lại là một hào âm lại vào vị trí dương. Âm mà có thể mạnh thì không phải là điều tốt đẹp. Theo đạo Kiến mà xét thì

1. Minh Lý Thánh Hội, 09-1 Mậu Thân (07-02-1968).

2. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh, Minh Lý Thánh Hội, 24-3 Kỷ Dậu (10-5-1969).

3. Vĩnh Nguyên Tự, 01-6 Giáp Dần (19-7-1974).

long đúc của hào sơ vốn còn non yếu; theo đạo Khôn mà xét thì mầm họa của hào sơ đã có,<sup>4</sup> thế nên trong thời gặp gỡ với vạn hữu cái âm được thời của Cấu sẽ được phát triển, vùng vẫy và có sức ảnh hưởng mạnh mẽ. Do vậy, hào từ mới khuyên phải kềm hãm cái âm đó chớ để nó lan toả, đi đây đó mà mang họa vào thân. Trong khi đó lời Tiểu tượng lại xác nhận cái đạo nhu mềm đó sẽ thắng thế mà phát triển, nên phải giữ nó chậm lại bằng cách gắn vào nó cái thẳng kim loại.

Như đã nói, vào thời của Cấu, việc gặp gỡ nhau là chuyện thường và đúng lẽ, nhưng do tâm đúc và trí năng hãy chưa trọn vẹn và dễ bị tạp nhiễm, nên cần biết câu thúc khí huyết đang hồi sung mãn, ước muốn đang rất mãnh liệt. Với người tu, Ni sư Diệu Lộc có lần giảng giải: “*Vì vậy trong đạo giáo, các Đấng Thiêng Liêng hoặc những hàng chơn tu thường khuyên hàng tín hữu khi bước chân vào cửa đạo, điều trước nhất là phải trì trai, giới sát để lập hạnh. Đã tạo điều kiện trước tiên như vậy mà trong giới tu hành cũng thường khi bị vấp ngã, hoặc bị khảo đảo nội tâm ngoại thể, hoặc bị ngã quy trước cửa đạo vì hai chữ tham si.*”<sup>5</sup> Ở đây, ta có thể liên hệ cái thẳng kim loại với giới luật và điều quy. Chính nhờ cái thẳng giới quy mà người tu học mới có thể giảm bớt những tính âm trực của mình. Thế nhưng dù là có đắp móng, tạo nền đó, rồi cũng có người khó giữ được bền lâu. Quê Cấu đã khởi đầu bằng một cảnh báo bất khả dĩ: “*Hệ vu kim nị, nhu đạo khiên dã.*”

### HÀO CỬU NHỊ

Hào từ: Bao hữu ngư, vô cữu, bất lợi tân.

Bao được con cá, không lỗi, không có lợi cho khách.

包有魚, 无咎, 義不利賓

4. Sơ cửu (Kiển): tiềm long vật dụng (潛龍.勿用).

Sơ lục (Khôn): lý sương kiên băng chí (履霜, 堅冰至).

5. Ni sư Diệu Lộc, Vạn Quốc Tự., 01-5 Kỷ Dậu (15-6-1969).

Tiểu tượng truyện: Bao hữu ngư, nghĩa bất cập tân dã.

Bao được cá, giữ nghĩa mà không để (cá) gần người khác.

包有魚, 義不及賓也

Vào thời sơ, phải dùng cái thẳng tốt chỉ để kềm sự phát triển của tính âm. Tiến thêm vào thời nhị (đắc trung), tức đã có một phần tâm đúc và trí năng, vì muốn giữ đạo và hành đạo nên có thể có cách để chặn được âm trực của tánh ý không làm ảnh hưởng đến người khác. Giữ được cá trong bao giống như việc giữ tánh ý mã viên, dục vọng, tư ý trong lòng để rèn luyện nó, không để nó nhiễm thêm cái xấu từ ngoài mà cũng không cho nó bộc lộ ảnh hưởng đến người khác.

Bởi lẽ, theo nghĩa của Cấu thì khuynh hướng lan toả của cái xấu, cũng như điều tốt ở trong thế gian là điều thường tình, cho nên nếu muốn làm người tu học chân chánh thì phải biết hạn định tánh ý phạm tục của mình bằng cách nhận thúc nó một cách rõ ràng và hoá giải nó một cách thận trọng như việc giữ cá trong bao vậy, không thể để cho nó chết mà cũng không cho nó tự do bơi lại đó đây. Đó cũng là cách rèn đúc hạnh, luyện các căn của người tu. Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh có dạy: “*Mình có tự trọng mình, tha nhân mới trọng. Hễ có tự trọng tất nhiên không cầu thả trong việc xử sự, phát ngôn và hành động.*”<sup>6</sup> Hào cửu nhị (đắc trung) như người đã tu học, thời biết thân, phận, duyên nghiệp nên mỗi mỗi đều xét nét tánh ý của bản thân mình để tránh sơ suất bộc lộ qua thân, khẩu và ý. Đó là biết cách “bao ngư.”

### HÀO CỬU TAM

Hào từ: Đôn vô phu, kỳ hành thứ thư, lệ, vô đại cữu.

Bàn toạ không thịt/da, đi lại khó khăn, nguy hại, nhưng không có lỗi lớn.

臀无膚, 其行次且, 厲, 无大咎

6. Ngọc Minh Đài, 23-12 Kỷ Dậu (30-01-1970).

Tiểu tượng truyện: Kỳ hành thú thư, hành vị khiên dã.

Đi đúng khó khăn, đi mà không ai dẫn dắt.  
其行次且, 行未牽也.

Hào Cửu tam diễn tả một tư thế không vững vàng, tâm trạng bất an: ngồi cũng khó, đi đứng cũng không thuận lợi. Nhưng do Cửu tam đắc chánh, nên dù nguy hiểm cũng không có lỗi lớn. Lời tiểu tượng nói thêm rằng đi đã không dễ, cũng chẳng có người chỉ dẫn đi đâu.

Hào Cửu tam, như vậy, cho thấy ý muốn mạnh mẽ vượt lên trên một cách nhanh chóng, do vậy dễ gặp điều nguy hại, sẽ có lỗi lầm dù không lớn và không có chỉ dẫn nào. Trong ý nghĩa này, hào Cửu tam gợi một hình ảnh về người tu học cũng đã lâu, lại vội vàng chuyện thành Tiên tác Phật, độ thấp so cao pháp môn, giáo lý... rồi đứng ngồi chẳng định yên tìm kiếm và thử nghiệm phương pháp tu hành lạ và mới. Tuy lòng cũng là do ham tu, ham học, nhưng vì do tạm bị ảnh hưởng của suy nghĩ cao thấp, lâu mau mà sinh ra bất an cho dù có thể tự điều chỉnh tướng mạo cho đĩnh đạc, có vẻ nghiêm trang cũng khó giữ được sự bất an vội vã qua ngôn từ, hậu ý. Đức Quan Âm Như Lai có lần đã khuyên: “*Bản Đạo cũng khuyên chú hiền đệ, hiền muội đạo tâm đến tìm tu học hoàn cảnh trách nhiệm hiện hữu. Đó là chánh đạo. Đừng nhọc lòng tìm kiếm chỗ này nơi nọ rồi lằm lức phải lạc lằm vì tâm không an định làm sao ngộ đạo tu chứng thoát khỏi mê đồ?*”<sup>7</sup>

### HÀO CỬU TỨ

Hào tứ: Bao vô ngư, khởi hung.

Bao không được cá nữa, việc xấu sẽ diễn ra.

包无魚, 起凶

Tiểu tượng truyện: Vô ngư chi hung, viễn dân dã.

Không giữ được cá là việc nguy hại, sẽ xa cách với nhân sinh vậy.

无魚之凶, 遠民也

Hoàn cảnh của Hào Cửu tam và Cửu tứ chưa hẳn là trên cao tốt, dưới thì cũng chẳng phải dưới tận cùng. Tình cảnh bất phân thượng hạ như thế khiến ở vào vị thế Cửu tam thì sinh ôn nóng, ở vào vị thế Cửu tứ lại sinh lơ đễnh, quên phận, quên việc chính mà khiến điều nguy hại xảy ra. Vì chẳng giữ được cá, không rèn luyện tánh ý được chu toàn nữa nên vong bản chuyện trước mắt, mà lìa Đạo là việc nghiêm trọng. Cái nguy hại vào thời Cấu thứ tư này là mất uy tín với tha nhân nên bị tha nhân xa lánh. Như vậy, hào Cửu tứ là hệ quả của việc cấu nhiễm trần ai mà không thi hành được trách phận “dĩ thi mệnh cáo tứ phương” của chủ sử.

Đức Giáo Tông Vô Vi từng dạy con người học đạo, tu thân: “*Nếu không phân tách được những ý muốn nào là của mình, và những ý muốn nào của đoàn tùy tùng hạ thuộc, ắt có ngày cũng bị ô danh xú tiết. Nếu không làm chủ bản tâm, giữ gìn bản tính, phân biệt lẽ chánh điều tà, nếu là người lãnh đạo ắt phải thất quốc vong gia; nếu là giới hướng đạo, diu dẫn nhơn sanh, ắt bôi lọ cho chánh thể đạo lý của một tôn giáo đó; nếu là tu sĩ, ắt sẽ bị sa đoạ và bị đời khinh miệt mỉa mai.*”<sup>8</sup>

### HÀO CỬU NGŨ

Hào ngũ: Dĩ kỷ bao qua, hàm chương, hữu vãn tự thiên.

Dụng cây cao to bao bọc, che chở cây leo, có đức tốt trong lòng, mọi việc như được Trời ban xuống.

以杞包瓜, 含章, 有隕自天.

Tiểu tượng truyện: Cửu ngũ hàm chương, trung chính dã. Hữu vãn tự thiên, chí bất xả mệnh dã.

Hào Cửu ngũ chứa đựng vãn vẻ mà lại có đức trung và chính. Mọi việc như được Trời ban cho, nên giữ tâm chí không trái với mệnh Trời vậy.

九五含章, 中正也有隕自天, 志不舍命也.

Hào Cửu ngũ của Cấu đắc trung và đắc

7. Minh Lý Thánh Hội, 03-5 Giáp Dần (29-6-1974).

8. Ngọc Minh Đài, 15-01 Đinh Mùi (23-02-1967).



chính nên ý nghĩa thật đẹp. Ý nghĩa đẹp được hiểu từ hành động nhân từ của một người bề trên bao bọc che chở cho kẻ bên dưới, đang hồi cô thế phải tựa nương theo. Hành động nhân từ đó có thể xuất phát từ phẩm chất của người thấu hiểu nỗi khổ nhọc của nhân sinh tự thân đạt được đức độ, có hạnh chừng mực của một bậc chân tu, cho nên hào tử viết “hàm chương” và tiểu tượng bổ sung rằng “trung chính,” “chí bất xả mệnh dã.”

Như đã đề cập từ đầu, cuộc hội ngộ giữa trần gian thử thách lòng người và xem đó như là cơ hội cho sự tiến hoá. Điểm trung hòa hóa giải cho thử thách thành ra cơ hội chính là “mệnh.” Ở vào vị thế của Cửu ngũ là ở vào thời khắc hoà hợp lòng riêng với lòng Trời. Thời khắc này có thể ứng được với trọng trách “đĩ thi mệnh cáo tứ phương” trong thời của Cấu.

Chữ “mệnh” dành cho người tu học chính là sứ mạng phổ thông giáo lý, góp tay thực hành chánh đạo, xiển dương chánh pháp hầu tận độ quần sinh. Người tu hành theo đường lối phổ độ là tham gia vào một cuộc đại hội ngộ nhằm tránh nạn cấu nhiễm cho con người đang còn trong thế gian. Muốn thể tánh ý của mỗi con người cần phải ứng vào thời cửu ngũ mà đạt được sự bao dung, trung chính với đạo lý. Thế nên, Đức Chí Tôn đã dạy người nhận thiên mệnh phổ độ nhân sinh như sau: “*Công việc khó khăn nhất trong giai đoạn phổ thông giáo lý, các con là người, là nhưn sanh. Thấy mượn bộ óc thiên lương của các con để ráp thành gương máy trong giai đoạn này. Sự hy sinh sẽ nói lên cái giá trị của một người thiên chức trong bốn phận vi nhân. Đó là con đã biết Thấy, thương Thấy và kính trọng Thấy rồi đó.*”<sup>9</sup>

### HÀO THƯỢNG CỬU

Hào tử: Cấu kỳ giác, lặn, vô cự.

Cao ngạo trong thời Cấu, sẽ hối tiếc, không thể trách ai.

姤其角, 吝, 无咎.

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15-01 Nhâm Tý (29-02-1972).

Tiểu tượng truyện: Cấu kỳ giác, thượng cùng lặn dã.

Cao ngạo trong thời Cấu, cuối cùng chỉ có hối tiếc vậy.

姤其角, 上窮吝也.

Hào Thượng cửu bàn về sự thái quá của việc gặp gỡ. Nhiệt tình đến mức tuyệt đối hoá việc giao tế gặp gỡ mà không biết chỗ dừng đúng lúc thì chỉ dẫn đến những kết quả đáng hối tiếc và không thể trách cứ ai. Sự thái quá này còn có thể thể hiện trong việc bỏ quên cả đạo nghĩa, không giữ được “mệnh,” chỉ lặn xả vào trần gian và miệt mài với cấu nhiễm. Kết cục của sự thái quá này đương nhiên là lỗi lầm dẫn đến hối tiếc về sự lãng phí thời gian, sức lực và giá trị của đời người.

Với người tu học và hành đạo không phải là tránh được nạn “cấu kỳ giác” này. Chấp nhất vào hình tướng, ngôn từ, danh lợi thì dù có nhân danh là thực hiện sứ mệnh đi nữa cũng dẫn đến đấu tranh, thị phi, gây ảnh hưởng một cách thái quá. Đó cũng là việc sẽ gây nên những hệ quả đáng nuối tiếc cho người thực hiện trọng trách thiêng liêng, nhưng không đúng phương cách. Trong ý này, Đức Hiệp Thiên Đại Đế có dạy: “... *điều quan trọng của người sứ mạng, của người ý thức được sự mất còn của tinh thần nhân loại là việc làm sáng lại cái tâm linh, cái đức sáng hằng hữu hư linh bất muội nơi mình ngộ hầu thấy được chân lý đích thực trong lẽ Đạo Trời, không hẹp hòi nê chấp từ hình thức, từ chữ nghĩa, từ danh xưng, để mà hòa vào nhịp điệu hằng sống của người với người, không tự cho mình là phải một cách tuyệt đối để phủ nhận giá trị của người khác.*”<sup>10</sup>

### TẠM KẾT

Qua việc học hỏi quê Thiên Phong Cấu để hiểu thêm và có ý hướng thực hành trong đời sống tu học, hành đạo và thực hiện sứ mạng được ban trao một cách hợp lẽ. Bản thân người viết tự thấy những bài học như sau:

10. Chí Thiện Đàn, 26-8 Nhâm Tý (03-10-1972).

– Thời của Cấu, người tu học phải cẩn trọng với tánh ý của bản thân.

– Khi còn tu học là còn phải nương theo giới quy, luật lệ để rèn luyện tánh ý.

– Khi thực hành đạo lý, phải theo Thiên ý (qua kinh sách, Thánh ngôn) để không sai đường, không lạc lối.

– Thời của Cấu khiến người tu học phải hướng ngoại, nhưng phải thực hành điều nghĩa ngay cả trong hoàn cảnh khó khăn.

– Với người thực hiện sứ mạng phổ độ (công quả) là tham gia vào cuộc đại hội ngộ, dễ bị thâm nhiễm vật dục, tà ý mà không hay, nên phải lấy việc tu học, rèn tâm, sửa tánh (công trình) làm căn bản.

– Với người thực hành đạo pháp, vọng niệm là cái đầu tiên phải có cách ngăn ngừa; tham dục là điều đầu tiên phải kềm chế.

Trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, mỗi người tu học đều là con cái của Đức Chí Tôn, đều đáng được gọi là “Thiên tử.” Thế nên, mỗi người tu học phải làm sao để xứng với vai trò “Hậu,” năng lực chủ sử của mình.

Người tu học theo và hành mệnh Trời để đạt được đức trung chánh; thể hiện đức Háo sanh của Đạo Trời hầu dưỡng nuôi, giáo dục và uốn nắn phần âm của tánh ý để có thể chính bền đi theo đường chánh Đạo.

Để kết thúc bài học của bản thân, xin mượn lời dạy của Đức Mẹ để nhắc lòng luôn tỉnh thức thực hành đúng đắn theo đạo lý theo ý nghĩa của quê Thiên Phong Cấu.

*“Trần ai, các con sao khỏi những đan dứ trần*

*ai. Chỉ các con tự quay về nhìn nhận tận mặt nước cõi lòng, nhìn tận đáy sâu của tâm trung, thì các con mới thấy những cạn bã, những bọt nhơ u mờ trong con mà vươn mình lên tìm đại dương để thay đổi tâm hồn.”<sup>11</sup>*

CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 05-9-2014

NHÓM KINH DỊCH CĂN BẢN

CHƯƠNG TRÌNH KINH DỊCH TIẾN ĐỨC TU NGHIỆP.

THANH LONG ĐẠI DIỆN BÁO CÁO.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Thánh Giáo Sưu Tập 1968 – 1969, Nxb Tôn Giáo, 2009.
- Thánh Giáo Sưu Tập 1966 – 1967, Nxb Tôn Giáo, 2010.
- Thánh Giáo Sưu Tập 1970 – 1971, Nxb Tôn Giáo, 2011.
- Thánh Giáo Sưu Tập 1972 – 1973, Nxb Tôn Giáo, 2013.
- Thánh Giáo Sưu Tập 1974, Nxb Tôn Giáo, 2009.
- Chu Dịch, Sào Nam Phan Bội Châu, Nxb Văn Hoá Thông Tin, 1996.
- Cao Đài Giáo Lý 125, Quê Thiên Phong Cấu, Diệu Huyền, tr. 36; Những Điều Tâm Đặc Sau Khi Học Quê Thiên Phong Cấu, Diệu Thuận, tr. 57.
- Trang thông tin điện tử: <http://nhantu.net>
- Trang thông tin điện tử: <http://ctext.org/book-of-changes>.
- Trang thông tin điện tử: <http://hanviet.org/>■

11. Đức Vô Cực Từ Tôn Diệu Trì Kim Mẫu, 25-5 Tân Hợi (17-7-1971).





■ TỬ LA LAN

# THI TIÊN LÝ BẠCH

**D**ọc theo chiều mệnh mông dài nhiều thế kỷ của nền thi ca Trung Hoa, giữa rừng tên tuổi các thi nhân lấp lánh như sao trời, chỉ có một người được tôn Tiên trên thi đàn: Lý Bạch (701–762). Lý Dương Bãng trong Thảo Đường Tập Tự có câu nói bất hủ về thiên tài Lý Bạch “Thiên tài độc bộ, duy công nhất nhân” (Ngàn năm riêng bước, chỉ có một người). Người đời gọi ông là Thi Tiên (ông tiên trong làng thơ,) Trích Tiên (tiên giáng trần,) Tửu Trung Tiên (ông tiên trong làng rượu).

Khi Đức Chí Tôn khai đạo Cao Đài tại Việt Nam, nhân gian mới biết Lý Thái Bạch năm xưa nay đã đắc tiên vị, đảm nhiệm trọng trách Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Tín đồ Cao Đài tự hào kính gọi Người là Đức Lý Giáo Tông. Vào đêm 17–8 Quý Tỵ (1953,) nhân ngày vía Đức Lý tại

Đền Thánh, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã kính cẩn gọi “Đó là người Anh Cả thiêng liêng quyền năng vô đối, linh hiển lạ lùng..” Tác giả Huệ Khải trong tác phẩm *Lòng Con Tin Đấng Cao Đài* có một bài viết rất hay về Đức-Lý-ngày-nay mang tiêu tựa *Vọng Một Ánh Sao...*

Nói theo hành trình Phật, dò theo bước chân Tiên, nhấp chén mỹ tửu ngày Xuân Đạo, chúng tôi mời bạn cùng bước lên chiếc thuyền thơ, chúng ta cùng chèo ngược thời gian, ngược nhìn những tuyệt tác bất hủ của Lý Trích Tiên năm xưa. Trước là thưởng ngoạn vườn tiên thơ, sau để trau dồi lòng thiện, bình an trong xuân lạc.

### 1. TÓNG HỮU NHÂN

(Viết năm 743, khi Lý Bạch bốn mươi hai tuổi)

*Thanh sơn hoành bất quách  
Bạch thủy nhiều đông thành  
Thử địa nhất vi biệt  
Cô bông vạn lý chinh  
Phù vân du tử ý  
Lạc nhật cố nhân tình  
Huy thủ tự tư khứ  
Tiêu tiêu ban mã minh.<sup>1</sup>*

“Bạn ta đâu khác gì biển lớn – Khi rượu tràn qua cõi kinh thơ.” Tình bạn, vốn là cả một kho tàng. Cổ Long có viết: “Rượu ngon khó kiếm, bạn tốt khó tìm.” Ngày xưa, khi “Khóc Vân Khuê,” Nguyễn Khuyến đã xếp lại trang thơ: “*Câu thơ nghĩ đắn đo không viết/ Viết đưa ai, ai biết mà đưa.*”

Trên đường vân du, Lý Bạch kết bạn với nhiều thi nhân như Đỗ Phủ (712–770, nhỏ hơn mười một tuổi), Mạnh Hạo Nhiên (689–740, lớn hơn ông mười hai tuổi)... Bằng hữu với nhiều danh kiếm như Đông Nghiêm Tử, Phi Dục. Cứ trèo núi, lại xuôi nam. Bao lần ông tiễn và từ biệt bạn. Tuyệt tác này là một trong nhiều cuộc chia tay ấy.

1. Quách: thành lũy; Nhiều: quấy rối, cợt đùa; Bông: một loại cỏ; Du: Đạo, bơi, nhân nhâ; Tử: Thấy, đàn ông, kẻ sĩ trong thiên hạ; Ý: tư tưởng; Lạc: rưng, lạc nhật: chiếu, hoàng hôn; Huy: Dao động; Huy thủ: vẫy tay; Tiêu: tịch mịch, buồn; Ban: trở về (ban sứ); Minh: (ngựa) hí.

2. Lâm Anh– Uống rượu với Mịch La Phong.

Bản dịch của Tản Đà:

**TIỀN BẠN**  
*Chạy dài cõi bắc non xanh  
Thành Đông nước chảy quanh thành trắng phau  
Nước non này chỗ đưa nhau  
Một xa, muôn dặm. Biết đâu cánh bồng  
Chia phiêu khác cả nỗi lòng  
Người như mây nổi, kẻ trông bóng tà  
Vái nhau thôi đã rời xa  
Nhớ nhau tiếng ngựa nghe mà buồn teo.*

Chúng tôi xin tạm dịch:

**TIỀN BẠN**  
*Ngang trời ải bắc non xanh  
Một dòng sông trắng đông thành nhẵn nha  
Đất này gõ nhịp chia xa  
Cỏ bông vạn dặm chỉ là gót chân  
Khách đi phiêu bạt phù vân  
Chiều rơi nhạt bến cố nhân đâu tìm  
Vẫy tay sóng nổi lòng chìm  
Buồn giăng ngựa hí nỗi niềm xa xăm.*

### 2. LÔ SƠN ĐÔNG– LÂM– TỰ DẠ HOÀI

*Ngã tâm thanh liên vũ  
Độc vãng tạ thành khuyết  
Sương thanh Đông Lâm chung  
Thủy bạch Hồ Khê nguyệt  
Thiên hương sanh hư không  
Thiên nhạc minh bất diệt  
Minh tọa tịch bất động  
Đại thiên nhập hào phát  
Trạm nhiên minh chơn tâm  
Khoáng kiếp đoạ xuất một.<sup>3</sup>*

Tương truyền, năm hai mươi lăm tuổi (năm 726,) Lý Bạch đã chống kiếm viễn du. Lên Nga My ngắm trăng, xuôi Trường Giang ghé Động Đình Hồ, qua Sơn Tây, Sơn Đông, lại lên núi Thái Sơn ẩm tửu hàm ca với Trúc-Khê-Lục-Dật. Đường Minh Hoàng nghe danh, mời về Trường An. Ba năm, chán cảnh “văn nhân ngự

3. Khuyết (quyết): cửa thành, lấm lổ; Hiết: dừng, nghỉ; Trạm: trong trẻo, trạm nhiên: yên lặng; Khoáng: rộng khắp, khoáng kiếp: vô lượng kiếp; Một: mất hết.



dụng,” Lý Bạch lại phủi áo công danh ngao du sơn thủy. Lô Sơn, tỉnh Tứ Xuyên, là nơi ẩn cư của ông những năm cuối đời.

Sau này, ngày 04-10-1972, một lần giảng cơ ở Minh Đức Nho Giáo (Vĩnh Bình,) Đức Lý Giáo Tông có nhắc lại hai chữ Đông Lâm với nhiều nghĩa xưa tình cũ:

“*Thu phong lạc điệp, điệp quy căn/ Thế thượng nhưn gian hữu Đạo hằng/ Sư biểu Đông Lâm hoài vạn cổ/ Thị Thiên chi Đạo xuất quang năng.*”

Bài thơ Lô Sơn Đông Lâm Tự Dạ Hoài, chúng tôi tạm dịch:

NHỚ ĐÊM Ở CHÙA ĐÔNG LÂM, LÔ SƠN  
*Giã từ đô hội đèn hoa  
Ta đi tìm lối về tòa sen xanh  
Chuông Đông Lâm vén sương thanh  
Hồ Khê trắng nước long lanh nguyệt đỏ  
Hương trời đạo khắp hư vô  
Nhạc trời bất tận soi hồ nhân duyên  
Ngồi yên xa lánh ưu phiền  
Cộng thờ chớ cả trăm miển trời cao  
Tịnh lòng sáng chiếu tâm bào  
Luân hồi muôn kiếp thôi vào ra thêm.*

Từ những năm ngoài tuổi bốn mươi, Lý Bạch đã tâm Tiên học đạo. Xưa, bài thơ đã đầy thiền ý. Nay, cũng ngày 09-8-1926 (01-7 Bính Dần), ta lại được ân ban những vần Tiên Thi thực sự, không còn men rượu mà say ngây ngất nhân gian:

*Muốn đi cho tận trường sinh địa  
Phải đổi giày sen lấy thảo hài.*

### 3. VỌNG LƯ SƠN BỘC BỐ

(Viết năm 725)

*Nhật chiếu Hương Lô sinh tử yên  
Dao khan bộc bố quải tiền xuyên  
Phi lưu trực há tam thiên xích  
Nghị thị Ngân Hà lạc cửu thiên.<sup>4</sup>*

4. Hương: mùi; Lô: lò lửa, Hương Lô ở đây là một địa danh; Tử: tía, đỏ thẫm; Dao: xa; Khan (khán): xem; Bộc: thác nước, bộc bố: thác nước như tấm vải; Quải: treo; Xuyên: sông; Há (hạ): dưới.

Đây là một bài thơ nữa ngợi ca Lô Sơn (Lư Sơn). Lô Sơn còn được gọi là Khuông Sơn hay Khuông Lô, là nơi có nhiều thắng cảnh tuyệt bích, danh vang thiên hạ. Lô Sơn có ba ngôi chùa lớn tên Tây Lâm, Đông Lâm và Đại Lâm. Tám trăm năm sau, một thiền sư nổi tiếng của Trung Hoa là Hám Sơn đại sư (1546-1623) bước chân lên Lô Sơn hoang vu còn phải e cợt sợ beo mà dừng bước.

Hòa tan, an lạc giữa thiên nhiên, lắng tâm nghe sương gió ngân nga, giun để phân trần... Lý Bạch khi còn tại thế đã thả lòng mình phiêu hốt giữa địa đàng sơn thủy. Tại Ngọc Minh Đài, 30-01-1970 (23-12 Kỷ Dậu), Ngài nhắc:

*Hòa mình vạn vật cõi thiên nhiên  
Cho hết ưu tư mọi não phiền...  
Hay:  
Người là cấu tử của thiên nhiên  
Vạn khoảnh thiên sơn hoặc tiểu điền  
Dị thảo kỳ hoa cùng cỏ dại  
Muôn đời ngàn kiếp sống vui yên.*

Những giây phút dừng lại giữa hối hả dòng đời việc đạo, ta hãy thử ngả tâm hồn mình xuống đôi cỏ, ngược mây trắng phả vào âu lo đời thường vài phiến trời xanh, mặc cho giữa quán đời tiền tài mê man, lợi danh chen đầy...

Bài thơ Vọng Lư Sơn Bộc Bố, chúng tôi tạm dịch:

TỪ XA NGẮM THÁC LƯ SƠN  
*Nắng ngày đỏ khói Hương Lô  
Thác xa như lụa treo bờ bên sông  
Ba ngàn mét nước buông dòng  
Ngân Hà một dải ngơ Bồng Lai rơi.*

### 4. HOÀNG HẠC LÂU TỔNG MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG

(Viết năm 726)

*Cố nhân tây từ Hoàng Hạc Lâu<sup>5</sup>*

5. Hoàng Hạc Lâu: một danh thắng thuộc huyện Võ Xương, tỉnh Hà Bắc.

*Yên hoa tam nguyệt há Dương Châu*<sup>6</sup>

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận*

*Duy kiến Trường Giang thiên tế lưu.*<sup>7</sup>

Thuyền và sông, trăng và mây. Với Lý Bạch, một đời lênh đênh, thì thuyền-sông, trăng-mây vốn là chỗ tri âm. Khi giáng trần sau này, ngày 09-8-1926 (01-7 Bính Dần,) lời Thánh giáo này của Đức Lý vẫn còn đó con thuyền tự xa xưa, để giờ đây đưa nhân sanh vượt muôn trùng sông mê bể khổ:

*Thổi thẳng cánh bướm thì Lão thủ*

*Nâng an lòng bản cậ Thần Tiên*

*Phong ba mấy độ đà qua khỏi*

*Ném thử Giáng Ma đóng cửa tuyến.*

Bài thơ Hoàng Hạc lâu, chúng tôi xin tạm dịch:

LẦU HOÀNG HẠC TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI

QUẢNG LĂNG

*Tây Hoàng Hạc, bạn đi xa*

*Dương Châu hoa khói tháng ba giăng huyền*

*Biếc thăm thẳm, cánh bướm riêng*

*Chỉ còn sông chảy giữa miền trời xanh.*

## 5. ĐĂNG KIM LĂNG PHỤNG HOÀNG ĐÀI

(Viết năm 761- một năm trước khi mất)

Những năm cuối đời, Lý Bạch gác kiếm tầm Tiên học đạo như lời tâm nguyện “*Nguyện du danh sơn khứ/ Học đạo phi đan sa.*” Ngoái nhìn lại kiếp người, với nhiều danh lợi phù vân ở kinh thành, ông viết bài thơ này với chút ngậm ngùi thân phận.

*Phụng Hoàng Đài thượng phụng hoàng du*

*Phụng khứ đài không gian tự lưu*

*Ngô cung hoa thảo mai u kính*

*Tấn đại y quan thành cổ khâu*

*Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại*

*Nhị thủy trung phân bạch lộ châu*

*Tổng vị phù vân năng tế nhật*

6. Quảng Lăng, tức Dương Châu, thuộc tỉnh Giang Tô ngày nay.

7. Há (Hạ): xuống thấp; Phàm: cánh bướm; Bích: xanh biếc; Không: không gian; Tận: hoàn toàn, hết, tận cùng; Tế: bên cạnh, thiên tế: bên trời.

*Trường An bất kiến sử nhân sâu.*<sup>8</sup>

Tiếng chim bịp đổ tím hoàng hôn, mưa ngâu dầm lá thu vàng. Ban mai bóng xế, xuân tạ đông tàn. Bài thơ man mác mà lạnh lùng dẫu vô thường, nhẹ nhàng mà nhọc nhằn vết phù vân. Xin tạm dịch:

LÊN ĐÀI PHỤNG HOÀNG Ở KIM LĂNG

*Phụng hoàng dạo Phụng Hoàng Đài*

*Phụng đi đài vắng sông dài dậm sương*

*Cung Ngô hoa cỏ chen đường*

*Tấn triều áo mào đã nhường mộ hoang*

*Trời xanh còn thoáng non ngàn*

*Sao dòng nước trắng chia đàng đôi nơi*

*Phù vân đành đã che trời*

*Trường An bóng khuất buồn đời lòng ai.*

## 6. NGHĨ CỔ

*Sinh giả vi quá khách*

*Tử giả vi quy nhân*

*Thiên địa nhất nghịch lý*

*Đồng bi vạn cổ trần*

*Nguyệt thổ không đảo được*

*Phù tang dĩ thành tân*

*Bạch cốt tịch vô ngôn*

*Thanh tùng khởi tri xuân*

*Tiền hậu cánh thán ức*

*Phù vinh hà túc trần.*<sup>9</sup>

Đây cũng là một trong những bài thơ sau cùng còn lưu lại trong hơn hai ngàn thi tác. Thơ Lý Bạch lúc này bàng bạc lòng thiển, cho thấy ông đã dày bước chân trên đường tu để trở về Tiên vị.

Câu “Thiên địa nhất nghịch lý” gợi nhắc câu

8. Đăng: trèo; Ngô: tên một nước ngày xưa ở Trung Hoa, nay là địa phận tỉnh Giang Tô; Mai: che, vùi lấp; U: vắng vẻ, sâu kín, u tối; Kính: con đường nhỏ; Y: áo; Quan: mũ; Cổ: xưa; Khâu: cái gò đất, nấm mộ; Lạc: rơi, mất; Châu: đất liền, cồn giữa hồ; Tổng: tất cả; Năng: làm được (khả năng); Tế: che ( khác với chữ Tế có nghĩa “bên cạnh” trong bài Hoàng Hạc Lâu...); Sử: khiến.

9. Nghĩ: làm theo; Cổ: đời xưa; Nghịch: ngược, lữ: quán trọ, nhà trọ; Đồng: giống như; Bi: buồn đau; Không: trống không, không gian; Đảo: già, quết; Phù: phụ giúp, tang: cây dâu, phù tang: dâu xanh; Dĩ: thôi, đã rồi; Tân: củi; Khởi: mọc kệ; Cảnh: lại thêm, nữa; Ưc: mười vạn là một ức. một vạn vạn cũng là một ức; Túc: đủ; Trần: quỳ.

nói của Đức Đạt Lai Lạt Ma: “Chúng ta chỉ là những người khách ghé thăm hành tinh này. Trong thời gian ấy, ta hãy gắng làm những điều hữu ích. Hãy tập sống trong an lạc, và chia sẻ niềm an lạc ấy cho những người chung quanh...” Hay Thánh ngôn Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, ngày 10-01-1927 “*Từ xưa, kiếp con người ở thế gian chỉ là khách đi đường. Phận sự muốn cho hoàn toàn cần bền chí và khổ tâm. Có bền chí mới đạt phẩm vị thanh cao. Có khổ tâm mới rõ tuồng đời ảm lạnh...*”<sup>10</sup>

Quay-về, đó là lộ trình đã định trước cho những Nguyên Nhân, như lời Thầy “*Mạc hối tiền trình căn dĩ định/ Tự nhiên dĩ hậu phân như tiền...*” Vi quy nhân, là ta trở về Ta, để vô tùng thể mà đắc tùng Thiên...

Bài thơ Nghĩ Cổ, chúng tôi tạm dịch:

VỀ XƯA

*Sống như khách lạ qua đường  
Xuôi tay mới thật ta, phương quay về  
Một gian trời đất nào nề  
Vạn đời cát bụi bộn bề khổ đau  
Trắng đây là sắp khuyết hao  
Đâu xanh là sẽ thay màu củi thô  
Năm xương ý lạnh lời khô  
Tùng xanh đâu biết xuân chờ không lâu  
Sau xưa đã môi lòng sâu  
Hư vinh gió thoảng bên cầu trân châu.*

## 7. ĐÁP HỒ CHÂU CA DIỆP TƯ MÃ

### VẤN BẠCH THỊ HÀ NHÂN

*Thanh Liên cư sĩ Trích Tiên nhân  
Tửu tứ tàng danh tam thập niên  
Hồ Châu Tư Mã hà tu vấn  
Kim Túc Như Lai thị hậu thân.*<sup>11</sup>

Khi tóc trắng da môi, rửa tay gác kiếm, để trả lời Tư Mã Hồ Châu, Thanh Liên cư sĩ đã hạ bút mấy vần tứ tuyệt, như một tiên đoán cho hậu kiếp ngày sau:

10. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, 1964, tr. 74.

11. Trích: đây; Tứ: phóng túng (Không phải là trà tam rượu tứ như ta thường nghe); Tàng: ẩn giấu; Kim: tôn quý (kim ngôn); Túc: hạt lúa, căn nguyên.

Tạm dịch:

**TRẢ LỜI TƯ MÃ DIỆP Ở HỒ CHÂU, BẠCH LÀ AI**  
*Thanh Liên vốn kiếp tiên đày  
Danh buông tửu chạm niên dài ba mươi  
Hồ Châu chi hỏi nguồn khơi  
Ngày sau hậu kiếp chẳng rời Như Lai.*

## 8. ĐỘ KINH MÔN TỐNG BIỆT

*Độ viễn Kinh môn ngoại  
Lai tông Sở quốc du  
Sơn tùy bình dã tận  
Giang nhập đại hoang lưu  
Nguyệt hạ phi thiên kính  
Vân sinh kết hải lâu  
Nhưng liên cố hương thủy  
Vạn lý tống hành chu.*<sup>12</sup>

Bản dịch của Trần Trọng San:

TIỀN BIỆT NGOÀI KINH MÔN

*Kinh Môn vượt núi ra ngoài  
Đến miền nước Sở đường dài biết bao  
Đồng bằng chấm dứt núi cao  
Dòng sông thăm thẳm chảy vào xa khơi  
Trăng tà bay tẩm gương trời  
Biển xanh mây dựng lâu đài xa xa  
Thương thay dòng nước quê nhà  
Tiễn đưa muôn dặm thuyền ra xứ người.*

Đọc bài thơ, ta như đang hân hoan du ngoạn giữa bao dung sơn thủy, và an lạc trong vòng tay Tạo Hóa. Ngược lên, thì “Sơn tùy bình dã tận,” như tình Thầy luôn mệnh mông mà cận kề như mái-Trời-che. Nhìn xuống, “Giang nhập đại hoang lưu,” như lòng Mẹ vẫn ngàn năm dang đặc bao la như tình-Đất-chờ. Khi dẫn bước trên đường tu, có trăng và mây dẫn lối như luôn có ân phúc Thiêng Liêng đang gia hộ, và dòng nước tự Cổ Hương chung bước, như điển lành

12. Độ: Từ bờ này qua bờ kia, qua sông; Kinh: cây gai, ở đây “Kinh môn” là danh từ riêng; Môn: cổng; Lai: đến; Tông: theo; Tùy: theo; Bình: bằng phẳng, an ổn; Dã: thôn dã; Phi: bay; Kính: gương soi; Kết: kết nối; Hải: biển; Lâu: nhà lâu (hẹp dài và cong gọi là “lâu,” cao mà vuông gọi là “đài;”) Nhưng: vẫn vậy; Liên (còn đọc là “lân;”) thương, tiếc; Tống: tiễn; Chu: thuyền.

Thần Tiên đang phù trì. Để rồi vạn lý tống hành cho từng bước chân hành giả...

Chúng tôi tạm dịch:

**QUA KINH MÔN TIÊN BIỆT**

*Dậm dài rời chốn Kinh Môn  
Nẻo đường Sở Quốc bước chân sơn hà  
Non đìu dặt cánh đồng xa  
Sông tan vào cõi ta bà viễn khơi  
Trăng bay lóng lánh gương trời  
Mây xây đài các biển mờ lầu thua  
Nhìn dòng nước Cổ Hương xưa  
Xót tình vạn lý vẫn đưa thuyền về.*

**9. ĐỒNG TỘC ĐIỆT BÌNH SỰ ẨM DU XƯƠNG THIÊN SƯ SƠN TRÌ**

*Viễn Công ái Khang Lạc  
Vị ngã khai thiên quan  
Tiêu nhiên từng thạch hạ  
Hà dị Thanh Lương san  
Hoa tương sắc bất nhiễm  
Thủy dữ tâm câu nhàn  
Nhất tọa độ tiểu kiếp  
Quán không thiên địa gian<sup>13</sup>*

Học đạo giải thoát, một kiếp người lừng lẫy của Tiên thi Lý Bạch đã đi qua, nhưng vết chân Tiên đã lưu hậu thế. Khi trở lại, ngày 23-12 Kỷ Dậu, Đức Lý muốn làm một Huệ Viễn, nhưng không riêng “ái Khang Lạc,” mà Người muốn giương cánh buồm Đại Đạo, đưa nhơn sanh về nguồn, đưa vạn giáo về nguyên:

*Giáng trần nào phải để ngao du  
Muốn độ người đời biết chữ tu...*

13. Viễn Công: Pháp sư Huệ Viễn, trụ trì chùa Đông Lâm, là lãnh tụ Phật giáo đương thời; Khang Lạc: Tạ Linh Vận, thi nhân đời Đông Tấn- Câu Viễn Công ái Khang Lạc, ngụ ý muốn mượn chuyện xưa, so sánh thiền sư Xương với Huệ Viễn, Lý Bạch với Tạ Linh Vận; Thiên quan: cửa thiên pháp; Tiêu: tịch tịch; Nhiên: như thế, cho phép; Từng: cây thông; Hà: sao (tạ sao); Dị: khác; Thanh Lương san: núi Ngũ Đài thuộc tỉnh Sơn Tây, một trong tứ đại danh sơn Phật giáo ở Trung Hoa, là đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù; Tương: đem ra; Dữ: giao hảo; Câu: đều; Quán không: Kinh Niết Bàn dạy: quán tất cả pháp, bản tánh đều không (chữ quán rất khó dịch, không nhìn mà thấy, thấu suốt); Gian: khoảng giữa (gian tấu,) căn nhà.

Bài thơ Đồng Tộc Điệt,... chúng tôi tạm dịch:

**CÙNG VỚI CHÁU LÀ BÌNH SỰ ẨM**

**ĐẾN THĂM THIÊN SƯ XƯƠNG Ở SƠN TRÌ**

*Vì ta sư mở cửa thiên  
Như xưa Huệ Viễn pháp truyền Tạ Linh  
Dựa thông tọa đá an bình  
Đời Thanh Lương, dọn sơn hình về đây  
Hoa bay chẳng vướng sắc bày  
Lòng xuôi nước chảy không lay tâm nhàn  
Ngôi yên một kiếp thoát phàm  
Quán không ngộ đạo giữa am đất trời.  
(HẾT PHẦN MỘT)■*



# THÁNH GIÁO

Không tận lực lễ Trời sao thấu,  
Có thủy chung mai hậu huy hoàng,  
Dầu cho trái mấy thương tang,  
Vẫn còn một mảnh tâm đan chói lò.

Chói lò ánh đạo bủa trần gian,  
Mát mẻ lòng người thế mới an,  
Thế mới an rồi thành Đại Đạo,  
Thiên ân dành sẵn cõi Thiên đàng.

Đàn anh tiến, đàn em cũng tiến,  
Đủ pháp quyền vượt biển đặng sơn,  
Chỉ cần một mảnh tâm đơn,  
Vào đời tạo thế nghĩa nhơn hiệp hòa.

Hòa hiệp hướng về chỗ tối cao,  
Đất, Trời, Ta, vốn có xa nào,  
Cùng sanh cùng trưởng, cùng thâu liễm,  
Hòa hiệp hướng về chỗ tối cao.

Chỗ tối cao Cao Đài ngự trị,  
Chưởng pháp quyền trong lý vận hành,  
Biết nhìn nhận chốn khởi sanh,  
Mới nên được đạo tài thành Hóa Công.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ

THÔNG GIÁO LÝ, 14-10 BÌNH THÌN (04-12-1976).



# TRÊN VẠN NÉO ĐƯỜNG THIÊN: BẤT NHỊ PHÁP MÔN

■ BỬU LONG



## THIÊN, DỨT NIỆM HÀNG TÂM

Một trong những khám phá vĩ đại nhất của con người, chính là thiên định. Nhờ đó, con người nhỏ bé mong manh vượt thoát khỏi kiếp nhân sinh để thành Phật thoát Tiên, bước ra sáu cõi luân hồi, đặt chân lên bờ an nhiên miên viễn. Thiên định do chữ Phạn “dhyana” mà dịch ra, còn gọi là tịnh lự, là cách giữ tâm yên tĩnh.

Khi nói về tọa thiền, Đức Lục Tổ Huệ Năng dạy: *“Tọa thiền, là một pháp môn đi đến chỗ không còn bất cứ chương ngại nào. Bên ngoài, dù giữa mọi việc lành dữ, tâm chẳng dấy lên một niệm nghĩ nào, gọi là tọa. Bên trong, thấy tự tánh bất động, gọi là thiên. Là khỏi tướng là thiên, tâm chẳng động, là tịnh. Ngoài thiên, trong định, đó là thiên định.”*<sup>1</sup>

1. “Hà danh tọa thiền? Thủ pháp môn trung, vô chương vô ngại. Ngoại ưu nhất thiết thiên, ác cảnh giới, tâm niệm bất khởi, danh vi tọa. Nội kiến tự tánh bất động, danh vi thiên. Hà danh thiên định? Ngoại ly tướng vi thiên, Nội bất loạn vi định”, Pháp Bảo Đàn Kinh, Huyền Mặc Đạo Nhơn.

Chuyện xưa. Huệ Khả yết kiến Đức Đạt Ma, bạch rằng:

– Cái tâm con sao chưa được yên. Kính nhờ thầy chỉ giáo.

Đạt Ma vuốt chòm râu lởm chồm như bộ rễ tre:

– Đem tâm lại đây ta sẽ chỉ cho.

Ngẩn người suy nghĩ, biết rằng tâm không phải là trái tim đang lặng lẽ đập trong thân mình, biết rằng tâm có thể lớn như đại thiên, mà cũng có thể nhẹ tựa mây lông, nhưng tìm nơi đâu?... Huệ Khả vòng tay bạch:

– Con không thể kiếm ra cái tâm ở đâu để đem lại thầy coi!

Cúi đầu, Huệ Khả vẫn nhìn thấy dường như trong ánh mắt và lời dạy của Đức Đạt Ma có ẩn chứa một nụ cười:

– Vậy là tâm người yên được rồi đó...

Sau này khi ngộ đạo, tịnh được tâm, Huệ Khả viết:

*Tam tế cầu tâm, tâm bất hữu*

*Thốn tâm mịch vọng, vọng nguyên vô*

Vọng nguyên vô xứ tức Bồ Đề  
Thị tắc danh vi chơn đắc đạo<sup>2</sup>

TẠM DỊCH:

Tìm ba cõi chẳng thấy tâm  
Tắc tâm vọng kiếm, vọng tâm xưa không  
Tìm xưa xa, cả tây đông  
Tâm không chốn trụ, là thông Bồ Đề  
Đó là thoát khỏi sông mê  
Thật đường đắc Đạo bến về chơn như.

Đức Quan Âm Bồ Tát, giảng cơ tại Hườn Cung Đàn, ngày 14-6-1965, Ngài dạy: “Chữ tâm, hễ buông ra, bao quát cả gia đình, quốc gia, xã hội, thế giới, hoàn cầu, vũ trụ, thiên địa. Một khi tâm thu lại chỉ còn bằng sợi tóc chẻ ra ngàn mảnh...”

Hơn hai ngàn năm trước, tại rừng Kỳ Đà, trong vườn Cấp Cô Độc, Tu Bồ Đề bạch:

– Bạch Thế Tôn, làm sao để hàng phục được tâm?

Phật dạy:

– Người có tâm tu Đại thừa nên phát tâm như thế này để hàng phục vọng tâm. Các loài chúng sanh, dù sanh từ trứng, từ thai; Dù sinh sôi hay sinh sản; Dù có hình sắc hay không; Dù biết suy nghĩ hay không, ta đều đưa vào vô dư niết bàn mà được diệt độ. Diệt như thế là diệt độ cho rất nhiều chúng sanh, mà lại chẳng có chúng sanh nào. Tại sao? Vì nếu còn phân biệt bốn tướng: Tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả (mạng sống tiếp nối), thì chưa phải Bồ Tát.<sup>3</sup>

Niết bàn, là từ phiên âm từ tiếng Phạn, nghĩa là “viên mãn tịch diệt”, là vô sanh. Những vị chứng quả A-la-hán, được vô sanh nhưng còn hình tướng gọi là hữu dư niết bàn. Vô sanh mà không còn thân tướng là vô dư niết bàn (niết bàn chẳng còn chút gì tàn dư). Mỗi dấy niệm trong tâm ta là một chúng

sanh thai. Thí dụ dấy niệm con bướm là hóa sanh, dấy niệm về con người có tư tưởng, là chúng sanh có tướng... Mỗi niệm dấy lên là một chúng sanh, ta đưa vào lặng lẽ trong lúc thiền định, là độ chúng-sanh-niệm đó vào vô dư niết bàn. Do đó, Phật mới dạy “... mà lại chẳng có chúng sanh nào”.

Một trong tứ đại nguyện thệ của nhà Phật có câu “Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”, không có nghĩa Phật gia nguyện một điều không tướng là độ bằng hết vô lượng chúng sanh (trong Cao Đài, Thầy chỉ khuyên mỗi tín đồ, độ dẫn ít nhất mười hai Nhơn sanh). Trong thiền tập, đại nguyện này nhắc thiền giả đưa vô lượng chúng-sanh-thai dấy lên trong từng niệm lớn nhỏ ngay trong tâm chính mình, về cõi niết bàn vô sanh vô tướng. Không phân biệt ngã, nhân, nên cái ta cũng đồng hàng với chúng sanh thai niệm. Do đó Phật dạy “...mà lại chẳng có chúng sanh nào...”

Kinh Thủ Lăng Nghiêm, Phật dạy: “Này A Nan, tu hành có ba yếu điểm: 1. Nhiếp tâm trì giới, 2. Nhơn giới sanh định, 3. Nhơn định phát huệ... Không trì giới thì tu thiền định không bao giờ chứng đắc, ví như nấu sỏi đá muốn thành cơm...”

Giới, định, huệ, chính là ba khắc tinh của tam độc “tham, sân, si”. Muốn diệt tánh tham (tiền tài, dục lạc...), dùng giới. Muốn diệt sân, dùng định. Muốn diệt si, dùng huệ.

Ngày 12-5-1970, tại Thánh thất Bình Hòa, Đức Quan Âm Bồ Tát cho bài kệ:

Chơn, vọng, diệt đồng nguyên

Niệm, vô niệm, vị thiên<sup>4</sup>

Nhược tâm từng tạp niệm

Phàm tánh thời đảo điên.

Chúng ta ngồi thiền, nếu còn nhọc nhằn với chữ tọa, sẽ còn khoảng cách xa nếu muốn đặt chân đến bất động tự tánh, đạt tới chữ thiền. Nhưng khi xóa được virus tạp niệm, “Chẳng lụy trần ai một mảy nào”, ta sẽ có một

2. Tế: bến đò, cõi bờ; Thốn: tắc; Mịch: tìm kiếm; Vọng: Xa ngắm, xa trông; Nguyên: nguồn, cõi; Bồ đề: phiên âm chữ Phạn (Bodhi), nghĩa là chánh giác; Thị: Như thế, ấy là; Tắc: thì.

3. Kinh Kim Cang, đoạn ba, Đại Thừa chánh tông.

4. Diệt: theo; vị: cùng, thay cho.

phần thưởng to tát: “Cùng chu Tiên Phật cỡi  
tiêu dao”<sup>5</sup>.

Khi một niệm còn dấy, là còn chấp ngã, là  
còn phong ba điên đảo. “Phong ba đây không có  
nghĩa là sóng gió ngoài biển khơi, mà là những  
luồng tư tưởng từ ngoại cảnh đưa tới.”<sup>6</sup>

Bạch Tấn Lão Nhơn nói: “Dùng tâm ý dứt  
niệm, chưa chắc dứt được. Dù cho dứt được niệm  
tưởng đó, thì cái ý–dứt đó còn giữ. Cái ý–dứt đó  
cũng là niệm. Người học Đạo phải tọa vong( ngồi–  
quên, cũng là tọa thiền). Quên thì không còn cái  
ngã. Ta kia không còn, ai dấy niệm nữa!”<sup>7</sup>

Hay: “Nước trong soi rõ mặt mày, tâm trong  
thấu biết sanh tử. Trong đến mức vô ngã, vô nhưn,  
thì sanh tử không chạm ta được nữa, là cơ quý  
thần không xét được, nên gọi là Cực Lạc Thế Giới.”<sup>8</sup>

Tục ngữ Pháp có câu “Chassez le naturel, il  
revient au galop” (khi xua đuổi những điều tự  
nhiên, nó sẽ phi nước đại quay về). Vậy ta hãy  
thử xóa tạp niệm bằng cách không cần xóa: ngồi  
và quên.

## NHỮNG NỎ ĐƯỜNG THIÊN

Thầy dạy:

*Tham thiền tâm lý huệ tâm khai*

*Luyện đạo vận hành tạo thánh thai*

*Nhập định gom thần minh trực giác*

*Thông công Thiên Địa, phục Như Lai.*<sup>9</sup>

Từ xưa tới nay, từ đông sang tây, biết bao thế  
hệ thiền gia đã dẫn bước trên con đường thiền  
thành thang mà trắc trở, rộng mở mà khảo thí.  
Chúng tôi ghi lại đây đôi điều trải nghiệm trên  
đường học pháp của các thiền giả trên khắp nẻo  
đường thiền định.

+ Đúc Lục Tổ Huệ Năng:

Chánh giáo xưa nay vốn không có đốn, tiệm.

Người mê tu theo pháp tiệm, người tỉnh hợp  
với phép đốn. Tự biết được bản tâm, thấy được  
bổn tánh, thì đốn và tiệm là một. Pháp môn này  
lấy vô niệm làm tông, vô tướng làm thể, vô trụ  
làm gốc.

+ Dvayatanupassana Sutta:

Đức Phật đã khám phá: Tâm hạnh phúc nhất  
là tâm không còn dính mắc. Đây là thứ hạnh  
phúc rất sâu sắc, khác hẳn hạnh phúc của đời  
thường.

Vậy hỉ lạc ở đâu khi niết bàn không còn sắc  
tướng âm thanh gì nữa?

Không có cảm xúc – Ngài Xá Lợi Phất<sup>10</sup> trả  
lời– chính nó là hạnh phúc tột cùng.

+ John Daido Looi (Viện trưởng thiền viện  
Zen mountain Monastery, vùng núi Catskill,  
Newyork):

Giữa nền học vấn hiện đại phương tây, ta có  
thói quen phải học biết ngay lập tức. Nhưng thiền  
tập phải là một quá trình, và sẽ khó khăn thành  
tựu nếu ôm giữ những phân tích của tri thức...

+ Allen Wallace (nhà Phật học nổi tiếng của  
Hoa Kỳ):

Hạnh phúc thật là tiếp xúc với gốc rễ hạnh  
phúc chứ không phải là sự nắm bắt được những  
yếu tố có thể tạo ra hạnh phúc. Nhiều người  
xem thiền tập như một tách cà phê, một cuộc  
thể dục tinh thần, hay một sự xoa bóp khoan  
khoái. Thiền làm một việc mà xoa bóp...không  
làm được. Đó là chữa lành những vết thương  
trong tâm ta, dọn đường cho linh hồn ta...

+ Tulku Thondup Rinpoche:

– Chất lượng (quality) của thiền tập quan  
trọng hơn thời lượng (quantity).

– Mỗi ngày khi ta có một, hai giờ hành thiền,  
là ta đã có hai mươi hai, hai mươi ba giờ còn lại

5. Đúc Chơn Thường Đạo Sĩ, Minh Lý Thánh Hội, 11–  
09–1971.

6. Đúc Vạn Hạnh Thiền Sư, Minh Lý Thánh Hội, 06–  
11–1971.

7. Dưỡng Chơn Tập, chương mười ba.

8. Dưỡng Chơn Tập, chương bốn mươi bảy.

9. Đại Thừa Chơn Giáo, 22–9–Bính Tý (1936).

10. Mười đại đệ tử của Phật Đà, bao gồm: 1. Ưu Ba Ly – đệ  
nhất trì giới, 2. Phú La Nâu – đệ nhất thuyết pháp, 3. Tu  
Bồ Đề – đệ nhất giải không, 4. Ca Chiên Diên – đệ nhất  
luận nghĩa, 5. Ma Ha Ca Diếp – đệ nhất thượng hành, 6.  
Xá Lợi Phất – đệ nhất thượng hành, 7. La Hâu La – đệ  
nhất mật hành, 8. A Nan Đà – đệ nhất đa văn, 9. A Na  
Luật – đệ nhất thiên nhãn, 10. Mục Kiền Liên – đệ nhất  
thần thông.

để lo toan, bận bịu. Vậy hãy dành trọn an lạc và yên tĩnh trong từng phút giây trên tọa cụ, để từng giây từng phút ấy, là chỉ để xoay bánh xe pháp luân...

+ Dr. Bob Moorehead:

Cuộc sống không đo bằng số hơi thở của ta, mà bằng những giây phút kỳ diệu trong những thời thiền định đã mang những hơi thở đầy yêu thương bay lên cao...

+ Kevi Griffin:

- Cuộc đời tôi đã trải qua bao thăng trầm, buồn vui, hân hoan, mệt mỏi... Và tất cả những trạng thái ấy đều theo về trong những giờ thiền hàng ngày. Đôi khi tôi muốn tìm trong cõi thiền một cách biệt hẳn, một trạng thái mẫu nhiệm mà ở đó tôi được xa lánh tất cả. Sau này, tôi nhận ra thiền tập không phải là một sự trốn tránh thực tại. Ngược lại, ta nhìn ra thực tại một cách sâu sắc hơn, để thấy bên dưới thực tại bất an là một trạng thái tĩnh lặng, tuệ giác và hạnh phúc.

- Gần đây, tôi đọc được bài kinh mở đầu trong Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta- Nikaya), có câu chuyện này:

- Bạch Thế Tôn, làm sao người vượt được dòng nước lũ?

- Nay hiền giả- Phật trả lời- không đứng lại, không vội vã, ta vượt dòng nước lũ.

- Thưa Ngài, tại sao không đứng lại, mà cũng chẳng được vội vã?

- Khi đứng lại, ta sẽ bị chìm. Vội vã, sẽ bị cuốn trôi.

- Thời gian qua, tôi hành thiền theo chương trình Twelve - step programs. Họ có một câu châm ngôn "chỉ từng ngày một". Đối mặt với con đường dài phân thanh lóng trược, ta không thể đạt giác ngộ tức thời, hãy chỉ biết rằng giờ này, hôm nay, tôi có mặt trên đạo cụ, và gìn giữ một thời gian hạn định.

+ Zouge Rimpoche (một vị phật sống của dòng Jonangpa, một dòng tu mật của Phật Giáo tây Tạng). Dưới đây là đoạn đối thoại của Laurence J. Brahm với thiền sư Zouge, trên hành trình tìm về xứ tịnh độ Shambhala:

- Nếu thời gian không tồn tại, thì chúng ta thực sự còn lại bao nhiêu thời gian?

- Chúng ta không còn.

- Điều này thật tệ phải không!

- Không- giọng Rouge Rimpoche vẫn trầm ấm - không hẳn đâu.

- Tại sao ông lạc quan vậy?

- Bởi vì thời gian và không gian chỉ là những khái niệm không có khởi đầu và cũng không có kết thúc. Chúng ta chỉ tô vẽ lên chúng thôi.

- Vậy nếu tâm trí ai đó nhận ra điều này thì...

- Thì người đó phá vỡ không gian và thời gian.

- Rồi điều gì nữa?

- Người đó không còn sống trong cái hộp đó nữa. Khi ngồi thiền, hãy thử xóa bỏ không gian và thời gian.

+ Gyalwang Drukpa( lãnh tụ Truyền Thừa Drukpa - Ấn độ):

Con đường tâm linh chúng ta đang trải nghiệm cùng nhau là một hành trình siêu việt, nhưng cũng có thể đã là con đường độc hành của bạn trong nhiều kiếp. Không phải ai trong chúng ta cũng có được duyên lành để khám phá hành trình đầy thách thức này và tìm đến được bến bờ của chân hạnh phúc và tự do tuyệt đối...

+ Thanissaro bhikkhu (tu viện trưởng Metta Forest Monastery):

Khi bạn xả thiền, ta nên cẩn trọng chú ý tới cách mình mở mắt ra như thế nào. Hãy giữ cho trọng tâm vẫn đặt ở bên trong ta thay vì vội tuôn ra ngoài. Khi đứng lên cũng vậy. Khi ngồi xuống tọa cụ, phải mất một thời gian tâm ta mới tìm được lắng đọng và an tĩnh. Nhưng khi xả thiền, ta vội xôn xao, liệng bỏ. Dù là để bước tới việc đời hay việc đạo, vẫn nên gìn sự lắng đọng ấy. Nếu không, ta như kẻ lần bước lên ba bốn tầng lầu, rồi lại phóng qua cửa sổ để nhảy xuống...

## **VÀ ĐỌC THEO NỎ ĐƯỜNG THIÊN**

Thiền định, là con đường tự độ. Đọc theo bên con đường này, là dòng sông giác tha, nơi người tu chèo chiếc thuyền từ đưa khách trần sang bờ giác. Người biết ăn chay niệm Phật, vẫn là kẻ



phàm phu. Người liễu ngộ được sanh tử, học pháp để thoát bể khổ, mới chỉ là Tiểu Thừa. Bồ Tát quên mình vì người khác, nguyện chung thuyền, đưa nhơn sanh hữu duyên đến bên kia bờ giải thoát, mới đạt bậc Đại Thừa:

*Mượn dòng Nam Hải xuôi thuyền*

*Độ người khách tục qua miền Bồng Lai.<sup>11</sup>*

Đức Quan Âm dạy:

*“Những người tín đồ Đại Đạo, không luận chức sắc, thiên phong, đều có bốn phận tự giác, giác tha. Làm thế nào để xứng danh nghĩa Tam Kỳ Phổ Độ.”<sup>12</sup>*

Dưới cội bồ đề, Đức Phật đã chứng ngộ được những chân lý sâu sắc và phi thường. Nhưng sự giác ngộ đó sẽ không có kết quả viên mãn nếu Ngài không chia sẻ với người khác. Thế giới chúng ta từng được chuyển hóa nhờ vào sự có mặt của Phật, Thiên Chúa, và biết bao đấng cứu thế quên mình. Riêng với Đức Phật, sự hữu ích cho đời không phải bắt đầu từ bốn mươi chín ngày tọa thiền của Phật, mà chính từ bốn mươi lăm năm sau, khi Đức Phật gặp gỡ, tiếp xúc với đủ hạng người, từ vua chúa, ăn xin, tăng sĩ, thường dân... để chia sẻ giác ngộ, hạnh phúc và Sự Thật.

Lục Tổ Huệ Năng, mười sáu năm mai danh sau khi thọ nhận y bát. Sau khi giảng pháp ở thành Ngũ Dương, Ngài về Tào Khê thuyết pháp trong ba mươi bảy năm liền. Từ Đàn-Kinh nơi này, những kẻ thắm mũi cam lộ, ngộ Phật tâm tông, nhập thánh xuất phàm nhiều vô kể, để rồi dẫn phổ truyền Phật-pháp khắp bốn bể năm châu.

Đức Đông Phương Lão Tổ dạy:

*“Mỗi đơn vị nhơn sanh đều có Thượng Đế và phép mẫu nội tại. Ráng công phu tu dưỡng để sớm thị hiện sự nhiệm mầu đó. Trước tự cứu, sau cứu tha nhơn...”<sup>13</sup>*

Hành trình nào rồi cũng đến hồi kết thúc. Ta

11. Đức Quan Âm Như Lai, Minh Lý Thánh Hội, 03-5 Giáp Dần.

12. Huồn Cung Đàn, 14-5 Ất Tỵ (14-6-1965).

13. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10-5 Bính Thìn (07-6-1976).

mong gì ở cuối con đường thiền định? Xin mượn lời thiền sư Dzongsar Khyentse Rinpoche:

– Trên đường thiền, khi ta mong cầu kết quả, là đang bị vướng mắc, chướng ngại. Giác ngộ không phải là kết quả của sự tu tập. Giác ngộ chính là sự cởi bỏ hết mọi nút buộc trong ta. Giác ngộ không là kết quả, vì nó chính là sự sáng tỏ tự nhiên cho tự tánh chân thật vốn có của chính mỗi hành giả. Trên con đường tu học, sự mong cầu sẽ lên men và tạo nên những mê mờ vi tế, như thứ rượu nho cất lâu năm. Ta sẽ không nhận ra hạnh phúc an lạc đang có mặt trên con đường mình đang đi.

Lời dạy Đức Đông Phương Tôn Sư:

*Công phu để hội tụ điển lành, từ nội tâm phát ra lời nói êm ấm dịu dàng, dễ thương dễ cảm, để chinh phục tha nhơn vào đường chánh giáo. Đó là điểm chánh yếu thực tiễn của đạo pháp ngay khi còn tại thế gian. Còn việc thành Tiên tác Phật là thứ yếu mà thôi. Hễ công viên quả mãn, đương nhiên kết thành quả vị. Nhưng đó là giai đoạn ở cõi siêu linh...*

Ấn chứng, sẽ tự hiển hiện, như câu “Mạc hiển hồ ẩn, mạc hiển hồ vi” (từ chỗ ẩn áo riêng tư mới dễ hiện ra thực chất nhơn gian, từ chỗ nhỏ nhặt vi tế lại dễ cho thấy rõ tâm tánh con người).

*Tánh mạng song tu có khó chi*

*Tâm phàm tịnh định lỗ huyền vi*

*Nhãn quan nhĩ thính khai trung phủ*

*Sẽ thấy trường sanh chẳng hạn kỳ.<sup>14</sup>*

Lược về giải thoát, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: “Giải thoát sự u trệ tâm hôn vị kỷ là tích cực phụng sự nhơn sanh, độ dẫn người đời. Giải thoát sự u ám tâm linh là quyết chí trau luyện cõi lòng theo chơn pháp thanh bạch. Khi mọi việc chu đáo với đời với đạo rồi, không còn phải lo ngại gì về sự khiếm khuyết ân hận nữa. Đó là giải thoát trong những lối giải thoát.” Khi đó:

*Thân tuy ở cõi ta bà*

*Mà tâm linh đã thoát ra cửa phiến...<sup>15</sup>*

14. Đức Thanh Hư Đạo Đức Chơn Quân, Ngọc Minh Đài, 15-6 Mậu Thân (10-7-1968).

15. Đức Quan Âm Bồ Tát, thánh thất Bình Hòa, 08-4 Canh Tuất(12-5-1970).

## CÔNG PHU TRONG CAO ĐÀI

Lời Mẹ dạy:

*Công phu, phương pháp bảo trì  
Cho con nên đạo thoát đi nghiệp trần...*<sup>16</sup>

Cũng như thiền tông đông tây xưa nay, thiền định – hay công phu – trong Cao Đài, là pháp môn nội giáo tâm truyền. Nhiều điều không thể tỏ bày trong bài viết này như giáo lý phổ độ. Chỉ biết “thời gian có sau trước, pháp môn có tân cựu”, nhưng tín đồ Cao Đài may duyên và được ơn, gần như được thọ pháp trực tiếp với Sư-hư-vô là Đức Đông Phương Lão Tổ...

Khác với yoga. Thiền trong các tôn giáo, cũng như trong Cao Đài, luôn dựa nhờ vào “niệm” để tịnh ý nghiệp, “chú” để tịnh thân nghiệp, “chân ngôn” để tịnh khẩu nghiệp... những điều mà ta sẽ chỉ được thọ nhận khi chính thức được trở thành một đệ tử nhỏ của Đức Tôn Sư...

Nguyên nhân đang trên đường phân bốn, vạn giáo cũng sẽ chung bước về nguyên. Vạn nẻo đường thiền, cũng chỉ chung một lối đi. Xin mượn lời dạy của Đức Chí Tôn, khái quát cho con đường thiền định của Tam Giáo:

– Phật Giáo, chú trọng về “hư vô tịch diệt”, để nuôi lấy tâm, thân. Nên dùng phép thiền mà gìn lòng, không cho xao lãng.

– Tiên Giáo thì thích sự “thanh tịnh vô vi”, để

16. Vinh Nguyên Tự, 11-11 Bính Thìn (31-12-1976).

tự nhiên tùy tùng thiên lý. Cứ gom thần định trí cho đến chỗ yếu yếu minh minh, không để cho cái tâm lưu luyến hồng trần trợ lực cho lục dục thất tình dấy lên làm quấy.

– Còn Nho Giáo thì “tôn tâm dưỡng tánh”, chỉ tịnh tọa mà bảo dưỡng cho cái tâm lạc thiện, hào đức, cái tánh tiết độ cao siêu...”

*Tánh cùng Thiên lý thông cơ Đạo*

*Mạng lệnh Thầy truyền diệu pháp môn...*<sup>17</sup>■

## TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO, Phái Chiếu Minh, 2006
2. THÁNH GIÁO SƯU TẬP, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 1965-1974.
3. KIM CƯƠNG KINH, hiệu đính của Đại Đức Thích Minh Nghiêm.
4. KINH KIM CANG GIẢNG GIẢI, T.T. Thích Thanh Từ.
5. KINH THỦ LĂNG NGHIÊM, Nawami Thuần Tâm.
6. ĐỨC PHẬT BÊN TRONG, Nguyễn Duy Nhiên tuyển dịch.
7. PHÁP BẢO ĐÀN KINH, Đoàn Trung Còn – Huyền Mặc Đạo Nhơn.
8. DƯƠNG CHƠN TẬP, Nguyễn Minh Thiện phiên dịch.
9. HÀNH TRÌNH TÂM LINH SIÊU VIỆT, Gyalwang Drukpa.
10. SHAMBHALA, Laurence J. Brahm.

17. Đức Cao Đài Tiên Ông, Đại Thừa Chơn Giáo, 18-9 Bính Tý (1936).



# *theo bước chân Cha tôi*

■ LÊ MINH NGUYỆT

**C**ha tôi, không phải là một trong các vị tiên khai vĩ đại của đạo Cao Đài. Nhưng từ rất sâu tận đáy lòng, người là tấm gương sáng chói, là ngọn đuốc soi đường, để anh em chúng tôi noi theo trên đường dài tu học. Khi về với Thầy Mẹ, ba tôi để lại cho anh em tôi căn nhà mặt tiền bốn tầng lầu ở trung tâm quận năm. Nhưng với chúng tôi, gia tài lớn nhất không phải là nhà cửa, tiền tài hay vật chất phù du, mà chính là bài học từ chính cuộc sống của người với tấm lòng bao dung, yêu thương và chia sẻ. Trân châu lớn nhất trong gia tài ba để lại, còn nhiều hơn thế, là niềm tin Cao Đài. Tất cả anh chị em tôi đều được nhập môn và biết thương Thầy mến Đạo. Gia tài vô giá này, tình thương yêu, lòng chia sẻ và đường tu Cao Đài, chúng tôi có thể mang theo trọn đời người, và cả ở “phía bên đời kia” nữa.

Quê bà nội tôi ở Cần Giuộc, không xa Vĩnh Nguyên Tự, một trong những chiếc nôi của ban mai Cao Đài. Duyên may, cả nội ngoại đều chung một nhà Đại Đạo. Sau này, các thế hệ con cháu có chút phân chia tôn giáo. Có người quy y bên Phật giáo, có người vì còn mãi mê với cuộc sống mà chưa trọn đường tu (điều này cho thấy, sau một hai thế hệ, đàng sau bước cha anh, chúng tôi tự hỏi, chúng ta có gắng sức hết lòng chưa trên con đường rao truyền nền tôn giáo và gieo hạt giống tình thương của Thầy Mẹ trên quê Việt, hay xa hơn nữa trong khắp nhân gian).

Ba tôi chỉ là một chức sắc nhỏ. Ông là Bảo Đàn Lê Văn Út của Thánh thất Đô Thành Quận 6, thuộc Hội Thánh Ban Chính Đạo (ở Quận 5 cũng có Thánh thất Đô Thành, đường Trần Hưng Đạo, gần bệnh viện Chấn Thương Chính Hình, thuộc Hội Thánh Tây Ninh). Nhà tôi bấy giờ buôn bán vật liệu xây dựng. Mấy chục năm tích lũy, ông mua được ba bốn căn nhà mặt tiền ở Quận 5.

Tôi còn nhớ những ngày khó khăn sau giải phóng. Khi đó tôi khoảng ngoài mười bốn tuổi. Em trai tôi bữa nọ đi học về, trong bữa ăn thỏ thẻ:

– Ba ơi, nhà bạn con nghèo lắm ba. Không có má mà chỉ có ba và sáu anh em. Mỗi bữa mỗi đứa chỉ được đúng lưng một chén gạo lúc. Mà chỉ có nước tương hoặc chao thôi ba.

– Vậy hả. Ba tôi ngược lên triu mển – Mai con dẫn bạn về nhà đi, ba lo được...

Vậy là từ bữa đó, tôi có thêm ba đứa em trai, tên Trung, Quốc và Trực. Ba của các em dẫn qua nhà, nói chuyện với ba tôi mà cứ ngại ngại khoanh tay, ba tôi nói mãi mới buông ra. Tôi còn nhớ, những bữa cơm đầu tiên, các em vừa rụt rè vừa hăng hái như thế nào khi bới thêm chén thứ hai... Sự thương yêu và ân cần của ba, cả mẹ tôi, và sự chăm sóc không phân biệt của tôi, đã dần xóa đi ranh giới ngăn chia của nỗi ngại ngại, và chúng tôi như có thêm anh em ruột thịt.

Sau này, có nhiều họ hàng ở Cần Giuộc gửi con em lên Sài Gòn ăn học, ba tôi nhận hết. Căn nhà bốn tầng đầy ắp học trò, vui nhộn nhịp như một trường nội trú.

Nồi cơm mỗi ngày mỗi cần to hơn, tiền đi chợ mỗi ngày mỗi cần nhiều hơn. Những năm đầu giải phóng, gần như không còn ai xây dựng. Thợ xây giải nghệ đi kinh tế mới, tiệm vật liệu xây dựng vắng buồn như chùa Bà Đanh. Mẹ tôi lo riết, rồi than:

– Ông liệu sao, chú nhà mình lúc này buôn bán ế ẩm quá, tui thấy nuôi hơn hai chục miệng ăn quá sức rồi!

– Không đủ tiền thì bán nhà lo cho tụi nó. Ba tôi lúc đó lời nói như quân lệnh – Ông bà mình nói, “Thị phi thành bại thủ đầu không”, bà hiểu là gì không?

Mẹ tôi chăm chú nhìn, vì biết ba sẽ trả lời ngay.

– Là được mất, đúng sai ở đời, khi ta bước qua rồi nhìn lại, chỉ thấy trống rỗng như hư không, bà ạ.

– Nhà con đông, bán nhà rồi ông lấy gì chia cho con. Mẹ tôi hỏi nhẹ nhàng.

– Không cần để lại gì đâu bà. Gia tài lớn chỉ xui khiến sự tranh giành. Tiền bạc nhiều sẽ xô ta xa Đạo. Tôi chỉ muốn để lại cho các con lòng thương yêu kẻ khó và tình hòa hợp với nhau. Tụi nó biết Đạo, biết tu là còn hơn tiền bạc bà ạ.

Mẹ tôi chưa bao giờ dám nửa lời cãi ba. Sau đó, bà bán từ từ cả hai căn nhà, tiếp tục chu toàn niềm vui được chia sẻ của ba.

Thương con, nhưng ba khá nghiêm khắc. Một đứa phạm lỗi, là roi cho đủ mặt anh em. Ba tôi sắm một củ chổi dài, đánh một roi là chia đều chín đứa. Đứa nào nhỏ, khờ, được nằm gần cho đỡ đau...

Những ngày cuối tuần, ba thường đưa anh chị em về Cần Giuộc. Ra cánh đồng bát ngát lúa trở đồng đồng, ông luôn nhắc nhở cơ cực của người nông dân. Thường giúp đỡ mọi người, nên nông dân gặp ông đều thương, và cúi chào kính cẩn mỗi khi gặp ba. Tôi còn nhớ. Đó là một ngày chưa giải phóng. Chúng tôi chứng kiến. Có một toán lính dữ dằn hò hét và chia súng vào một đám nông dân. Ba vội bước tới. Không biết ba nói và thu xếp thế nào mà toán lính hạ súng và bỏ đi. Đám nông dân mấy chục người sụp xuống lạy ba tôi tạ ơn cứu mạng. Ba đỡ họ dậy, rồi ôn tồn, chỉ tay lên trời:

– Không phải tôi, là Thấy Mẹ cứu quý vị.

Tôi mãi không quên hình ảnh ấy, như là một cách mà ba đã góp tay phổ truyền Cao Đài.

Cao Đài Bến Tre những ngày trước giải phóng có nhiều tu sĩ, vừa tu vừa trốn quân địch. Cảnh đói ăn là chuyện thường ngày. Nhà có xe



tải để chở vật liệu. Có khi, ba chở hàng tấn gạo xuôi về Bến Tre cứu đói, rồi lại chở hàng tấn gạo ngược lên Tây Ninh, nói là họ đạo Bến Tre chuyển tặng. Việc làm này không chỉ giúp họ đạo Tây Ninh, mà còn góp phần xóa bỏ tỵ hiềm phân chia giữa hai bên.

Trong những chuyến đi xa như thế, có lần, trên đường đến Thánh thất Tân Túc, Bình Chánh (đó cũng là con đường đến Bát Bửu Phật Đài-Phật Cô Đơn), trên xe chỉ có tài xế và ba má tôi. Trời mờ sáng. Đường vắng. Xe băng băng trên gập ghềnh đường đất nhỏ. Đồng ruộng mùt mắt. Ban mai khẽ hát. Gió mát lộng mặt. Bên trái đường là một hố bom rộng và sâu. Chợt một chiếc Honda 67, từ một đường nhỏ bên phải, khua giữa lùm cây dọt ra đường...

Reeeee..ét!!

Tiếng phanh thắng gấp xé toang cả miền quê. Tài xế vừa nhấn thắng vừa xoay hết sức vô-lăng sang trái. Hồn vĩa lên mây, ba tôi thấy chắc rằng cả nhà sẽ bay xuống hố sâu bên trái. Khoảnh khắc, nhỏ như cọng tơ. Có khi chứa cả sinh mạng. Ta có khi nào quay ngược được thời gian để thoát khỏi tơ hào mong manh ấy!... Khi kéo ghì được vĩa và hồn quanh trở về thân xác, thì lạ lùng quá! Chưa có một va chạm nào, chỉ thấy chiếc Honda 67 ngã sóng xoài, còn chiếc xe tải quay đúng một trăm tám mươi độ, nằm rung rung, đầu xe đang lắc lư hướng ngược về Sài Gòn. Y như phim hành động Mỹ!

Đường đất quá nhỏ. Tài xế đang run, còn run nhiều hơn chiếc xe. Hồi lâu sau mới thều thào: “Nhỏ lớn, tui lái xe hơn mười năm, mà chưa bao giờ quay đầu cái vèo trên con đường nhỏ được như vậy!”. Về nhà, ba tôi kể chuyện trước mấy ánh mắt ngơ ngác, rồi kết luận: “Hổng có Thầy đỡ là cả xe chết hết”...

Từ đó cho tới ngày về Thầy, ba tôi càng gắng sức hơn nữa cho việc đời việc Đạo, càng khuyến khích con cháu đến Thánh thất Đô Thành tu học và hành đạo...

Giữa mùa khai Đạo. Một năm nữa Đại Đạo đã tròn chín mươi tuổi. Bước chân xưa của chú Tiên Khai Đại Đạo còn lưu dấu. Khí phách “há nệ tháng năm, quản chi trời đất”, dấu bề thời gian còn khắc tạc:

*Cuộc cờ xe pháo vẫn còn gay  
Giấc mộng Hy Di khéo tỉnh say  
Giày cỏ quản chi trời đất rộng  
Gậy tre há nệ tháng năm dài...<sup>1</sup>*

Ba tôi, cũng đã qua rồi bước chân lữ khách nơi cõi tạm trần gian. Nhưng tinh thần thương Thầy mến Đạo vẫn như tia nắng trời, như giọt sương đêm. Từng ngày, từng ngày có mặt, nhắc nhở, dìu dắt, tưới tắm tâm hồn chúng tôi. Để dù có nhỏ bé mỏng manh như cỏ dại ven đường, dù đóng góp cho cơ Đạo còn thật ít ỏi, chúng tôi vẫn nguyện xin hóa thân thành chút hương hoa tình thương, dâng tặng hết cho đời, cho Đạo.■

1. Đức Ngọc Lịch Nguyệt, Minh Lý Thánh Hội, 28-8 Mậu Thân (19-10-1968).



# Viết ngắn 8

■ TỬ LA LAN

## TAM THIÊN PHÙ

Bà nội tôi từng là một chánh trị sự ở tòa thánh Tây Ninh. Ba tôi theo học chữ và học đạo ở trường Lê Văn Trung (Hòa Thành, Tây Ninh). Bà nội dời nhà lên Sài Gòn, bà cùng ba tôi dọn trang thờ Thầy trang nghiêm trên lầu một. Rồi bà nội mất, ba dọn ra ở riêng với má hai, nhà chỉ còn hai anh em tôi ở. Năm đó tôi mười bốn tuổi, em tôi lên mười. Không có ba ở chung, bàn thờ Thầy trên lầu hoang vắng và lạnh lẽo. Sau này khi lớn lên và cùng nối nghiệp ba trong ngành y, chúng tôi vẫn mãi không quên một chuyện lạ lùng đã xảy ra ở nhà tôi trong thời điểm này.

Bà nội khi mất, có để lại nhiều đồ gỗ xưa, trong đó có một cái tủ đứng bằng gỗ cẩm lai, để đựng quần áo. Không nhớ từ khi nào, mà cứ đêm về, trạc từ mười một giờ đêm, từ trong cái tủ phát ra những tiếng gõ “cộc, cộc...” khá lớn. Tiếng gõ y như ai đó đứng bên trong tủ, gõ như gọi mở cửa! Hai anh em tôi e có chuột phá (dù trong lòng không tin chuột có thể gõ theo kiểu như thế), nên dọn hết quần áo, bít hết mọi chỗ có thể cho chuột ra vô...

Tầm mười một giờ, hàng đêm. Vẫn những tiếng gõ kinh dị như thế, kéo dài suốt đêm, dù mở tủ ra ngay lúc đó cũng tìm không thấy gì bên trong. Tiếng gõ vào cửa từ bên trong tủ rõ ràng, chứ không phải tiếng cào cạp, lớn lỏng lẻo đêm khuya, lạnh lùng nhấn vào nỗi sợ hãi của hai đứa con trai không có cha mẹ ở chung. Hai anh em ngủ (xin thưa, ngủ gì nổi) ở cái đi-văng sát bên, bị nỗi sợ dí sát vô tường. Thay phiên nhau, thay phiên nhau cho đỡ mỗi... Vì phải luôn nằm chống lên nhau, sát tường. Đứa trên, đứa dưới...

Tiếng-gõ-đêm ấy đeo theo hai anh em cả tháng trời. Sáng ra chúng tôi đi học mà bước như bơi, mặt mày xanh xao trắng dã.

Tối học xong là cùng nhìn đồng hồ, sợ tới giờ đi “ngủ”, mong đừng có mười một giờ, trách thợ mộc đóng chỉ cái tủ...

Một buổi chiều nọ.

Câu chuyện cái tủ cấm lai gõ cửa tới tai dưỡng năm tôi ở Gò Công. Ông là một cư sĩ tu theo Cao Đài đã nhiều năm, ông sắp xếp việc đồng việc đạo dưới quê, lên Sài Gòn. Gặp tôi, ông bảo “Tối nay để dưỡng họa Phù Tam thiên, cái tủ sẽ hết kêu”. Một tin, mà sáu bảy ngờ. “Phù Tam Thiên” là gì, tôi không để ý. Nhưng mừng, vì tối nay có ông dưỡng bự con, quắc thước, nhìn oai nghiêm như Quan Công ngủ lại nhà. Cái tủ cứ việc kêu, cứ việc gõ.

Đêm đó, dưỡng năm mặc áo dài khăn đóng nghiêm chỉnh, ông đốt năm cây nhang. Sau một hồi khấn vái và lẩm bẩm, ông quơ quơ năm cây nhang... Rồi mười một giờ đêm, ông ngồi đó tọa thiền. Chúng tôi lóng bốn cái lỗ tai, trôn sáu con mắt (tính luôn một cặp kiếng cận), dòm cái tủ, rồi liếc ông dưỡng... Không còn một tiếng gõ nào nữa. Mãi mãi.

Đó là thập niên tám mươi, cuộc sống vấp phải nhiều khó khăn. Học y khoa tốn kém,



tôi đã kêu bán cái tủ để mua sách học. Cái tủ cấm lai không còn, nhưng ba chữ “Tam Thiên Phù” đã in sâu vào kí ức (dù chúng tôi vẫn chưa biết đó là cái gì), như một phép thần xưa ma trừ quỷ. Gần đây, khi học sơ thiên cứu cứu, được đại sư huynh Huệ Ý dạy họa “bùa Tam Thiên” bằng thần, tôi háo hức vô cùng. Vì sự hiển linh của “Tam Thiên Phù”, không ai có nhiều hơn chúng tôi niềm tin và sự chứng nghiệm.

Giữa thời thiền giờ tỵ tịch tịch, khi có một niệm sợ hãi nào dấy lên trong lòng, tôi lại vững vàng khi nghĩ mình đã họa Tam Thiên Phù vào đầu mỗi thời thiền.

Lá-bùa-trời ấy sẽ xua tan từng niệm âu lo nhỏ mới nhen, như đã từng xua đi nỗi sợ hãi tội cùng ngày xưa, xóa sạch những tiếng gõ. Những tiếng gõ thấy ghê, cho đến giờ này như vẫn còn đồng vọng đâu đây...

## VÔ THỨC THẦN ĐAO

Hoàng hôn còn lãng vãng, nhưng sương đã giăng đầy. Mây treo giữa phiêu bông, vẫn thấp thoáng dáng núi sừng sững cô tịch của Hoa Sơn. Chỉ nghe như một trận gió chiều thốc tới, đã thấy yên tọa đoan nhiên một lão già râu đen tua tủa như rễ trúc, vận khinh bào màu nâu sờn bạc, lưng đeo đơn đao. Sương lạnh, phong hàn, không phủ được hơi ấm đang toát ra chung quanh đỉnh đầu lão nhân. Trong thần thức của y, đang thi triển tuyệt chiêu “vô thức thần đao” danh trấn võ lâm. Đó những đường đao cực kỳ thâm viễn, chí tĩnh chí động, cực chậm cực nhanh. Phay pháy lướt qua, mà trong chốc lát lá cây bay như hàng triệu con bướm vàng, xanh, rồi lá tả rơi như thiếu nghiêng mai rụng.

– Lão trượng, ta nhìn thấy các hạ ẩn chứa uy nghi, đao tâm viên hạnh, sao còn cao ngạo chiêu thức. Chẳng hay cao nhân từ đâu tới?

Thâu chiêu, mở mắt. Lão nhân nhìn thấy một lão trượng râu tóc trắng phơ, tiên phong đạo dạn, bề ngoài đơn sơ như một tiểu phu già,

vẫn không che được cốt dáng của một thượng thừa kiếm khí. Lão nhân cất giọng như tiếng chuông rền:

– Thất lễ, thất lễ. Tại hạ từ Ôn Châu. Nghe đại danh Phong Thanh Dương Độc Cô Cửu Kiếm đã lâu.

Vẻ cao ngạo của lão nhân lay động cả núi rừng, nhưng giọng nói của Hoa Sơn Phong Thanh Dương tĩnh lặng lạ lùng.

– Ta có nghe. Thì ra Ôn Châu Vô Thúc Thần Dao–Đái Huyền Giác, vô địch thiên hạ. Các hạ lên Hoa Sơn có chuyện gì không?

– Ta chán cảnh giang hồ trăm kha. Lòng người dấy dấy ảo ảnh. Một chút võ công, vài năm mài kiếm đã tưởng bái được Như Lai. Tìm được người tiếp được ba đao Vô Thúc của ta quả thật nhọc nhằn. Ta đến đây, không phải để dưới bóng thiếu quang nhấp chút hương thừa, hay tìm trăng khuya giỡn tuổi. Chỉ mong lĩnh giáo Hoa Sơn Cửu Kiếm.

– Sao các hạ không dùng thân thức, mà lại sử dụng thần thức? Phong lão vừa hỏi vừa tĩnh tọa.

– Thân là khói sương quán tạm. Thần là trường lưu đại giang. Tại hạ muốn dùng thân chiêu để tỏ lòng chiêm bái chín đường tuyệt kiếm của Hoa Sơn đã thành huyền thoại. Ta tha phương phiêu bạt, nhưng đường xa đến chốn non bồng lại muốn gác đao rũ bờm, trải lòng hồ thu, lại nghe muốn khà chén men ngàn.

– Nơi đây am tranh cổ tùng, khe vắng đôi trơ. Trăm năm còn nhẹ, ta có chờ gì cuộc hơn thua nữa. Nếu bằng hữu chán cảnh hải hồ cứ việc ghé đây nhấp vị bồ đào, khoác chút lưu ly...

Chiều đã cạn. Trăng đã lên. Câu chuyện trăm mạch dài theo đêm lạnh, ấm bên chút men cay. Dưới khe, bóng trăng chênh choáng. Trên núi lạnh, chỉ nghe tiếng trở mình của những làn gió thoảng. Giữa nhiều nốt lặng của thiên nhạc, Phong Lão cất giọng trầm trầm.

– Vô Thúc Thần Dao phát xuất từ đâu?

– Vô Thúc đao đi từ cõi sinh tử, không nhìn thấy được, nhưng thần tốc tợ vô thường.

– Tốt cùng của chiêu thức là vô chiêu, vô tướng, vô sanh. Không còn nhanh hay chậm nữa, thì thần tốc lưu lại làm gì.

– Đơn đao Vô Thúc có tuyệt chiêu “lư nha xuyên tất”, “quá quan phục thực”, “nhứt khiểu phá cung”. Thiên hạ hiếm ai thấy được chiêu thứ hai. Ba chiêu thức này đã đạt tới cõi vô sanh, thần tốc mà cũng là tuyệt tịnh.

– Hay lắm! Giữa nền trầm tích, vết thơm còn đọng mi gian – Phong Thanh Dương ly mời.

– Như chân Kinh Kha xưa đã bước qua bờ sông Dịch, nhưng thanh chủy thủ vẫn còn khắc in hồn tráng sĩ – Đái Huyền Giác chén cạn, rồi tiếp:

– Thân đi ngàn dặm, ta muốn so đao hợp kiếm. Nhưng đại mộng cũng không ngờ gặp được chút tình tri kỷ – Đái Huyền Giác phải khinh bào, đứng lên vòng tay thi lễ:

– Xin cáo từ tiền bối.

– Về nhanh vậy sao.

– Bản tánh vốn bất động, thì có gì để gọi là nhanh.

– Vô lâm, có ai biết bản tánh bất động đó chẳng?

Bật một nụ cười hào sảng, Thần Dao đáp:

– Nếu lòng ta không còn ngã– nhân, thì cần gì có ai biết nữa. Lão tiền bối quên ý vô sanh rồi sao!

Ngước nhìn ánh trăng đang rợp đỉnh Hoa Sơn, mây dường che khuất thiên thu, Phong Lão mỉm cười:

– Vô sanh thì cũng chẳng còn ý nữa.

Bật cười ha hả, Đái Huyền Giác cung kính:

– Tại hạ xưa nghe Du Bá Nha đập bỏ dao cầm khi biết Chung Tử Kỳ thọ tử, cho là chuyện hoang đường. Nay có đôi phần đã hiểu. Lời tâm giao chưa dám, nhưng chút nghĩa tri âm xin gửi lại Hoa Sơn...

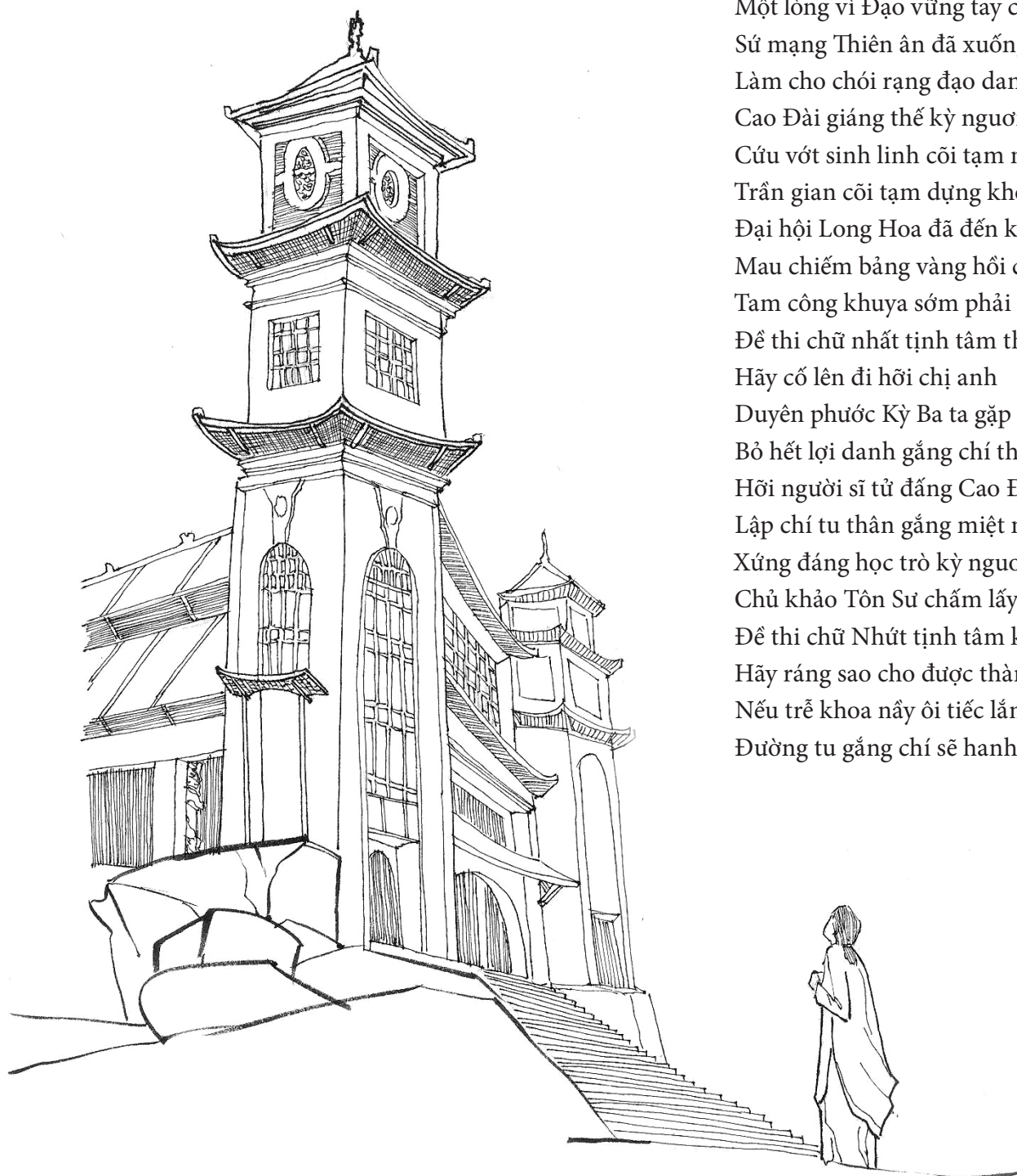
Giữa đại ngàn trăng gió, lay lay cọng cỏ mong manh...■



TRANG THƠ

# KHAI MINH ĐẠI ĐẠO

■ LÊ MINH NGUYỆT



Khai minh Đại Đạo, đạo Cao Đài  
Hơn tám mươi năm đạo hoá khai  
Sứ mạng Thiên ân rồi bốn phận  
Đàn em hậu thế vẫn hằng say  
Chung sức hiệp tâm vẫn lái lèo  
Đưa thuyền Đại Đạo vượt gieo neo  
Bao nhiêu thử thách gian nan khó  
Một lòng vì Đạo vững tay chèo  
Sứ mạng Thiên ân đã xuống đây  
Làm cho chói rạng đạo danh Thầy  
Cao Đài giáng thế kỳ ngươn hạ  
Cứu vớt sinh linh cõi tạm này  
Trần gian cõi tạm dựng khoa thi  
Đại hội Long Hoa đã đến kỳ  
Mau chiếm bảng vàng hồi cựu vị  
Tam công khuya sớm phải kiên trì  
Để thi chữ nhất tịnh tâm thanh  
Hãy cố lên đi hồi chị anh  
Duyên phúc Kỳ Ba ta gặp Đạo  
Bỏ hết lợi danh gắng chí thành  
Hồi người sĩ tử đấng Cao Đài  
Lập chí tu thân gắng miệt mài  
Xứng đáng học trò kỳ ngươn hạ  
Chủ khảo Tôn Sư chấm lấy bài  
Để thi chữ Nhứt tịnh tâm không  
Hãy ráng sao cho được thành công  
Nếu trễ khoa này ôi tiếc lắm!  
Đường tu gắng chí sẽ hanh thông.■

# KIỆP NGƯỜI

## ■ LÊ MINH NGUYỆT

Trái muôn ngàn kiếp chốn dương gian  
Cái kiếp nhân sinh mãi buộc ràng  
Chơn tâm đã vướng mùi tục lụy  
Khó thoát thân phàm chốn thế gian  
Vì mãi đắm mê cõi thế trần  
Tình đời lý đạo chẳng cân phân  
Bao nhiêu nghịch cảnh đời oan trái  
Biết đạo nên lo độ lấy thân  
Duyên phước Kỳ Ba gặp đạo Cao  
Đường tu phải sớm bước cho mau  
Kiếp trần tạm mượn thôi xin gửi  
Trả lại trần gian nỗi khổ đau  
Công quả công phu để trở về  
Luân hồi nhiều kiếp đã mỗi mê  
Cố gắng công trình lo tu luyện  
Dứt lẩn nghiệp quả tỉnh cơn mê  
Tỉnh mộng trần gian độ lấy thân  
Đường tu mau thoát khỏi phàm trần  
Tu đi để trở về quê cũ  
Vật chất phàm tâm dứt bỏ lẩn  
Dứt được phàm tâm trở lại ngôi  
Đường tu chân bước bạn hiền ơi  
Đời ta một kiếp người ngắn ngủi  
Cay đắng ngọt bùi chỉ thế thôi  
Sứ mạng Kỳ Ba phải kíp mau  
Đất lành gieo giống hạt Đài Cao  
Nguyên nhân xuống thế kỳ khai đạo  
Tỉnh thức, nghiệp trần hết sóng xao  
Chư vị Tiên Khai lãnh lĩnh Thầy  
Thiên cơ lập Đạo chốn trần ai  
Cao Đài cứu thế kỳ ngươn hạ  
Độ dẫn nhân sanh trở lại Thầy  
Tiên cảnh người xưa dứt nợ trần  
Đàn em tiếp nối độ tha nhân  
Vững tay chèo chống con thuyền Đạo  
Chở hết nhân sanh thoát biển trần.■

## ■ THIÊN CHÍ SƯ TÂM

**K**hi ngày càng có nhiều người sống thọ cả thế kỷ, không ít câu hỏi đã được đặt ra về việc liệu chúng ta có thể sống đến bao lâu, và cần phải làm những gì để đạt được đến độ tuổi đó.

Báo cáo ‘Nghệ thuật kéo dài tuổi thọ’ đã được Bác sỹ Huseland công bố hồi năm 1797 sau suốt 8 năm nghiên cứu.

Ông đã xác định nhiều yếu tố giúp kéo dài tuổi thọ: Bữa ăn kèm nhiều rau, giảm khẩu phần thịt và đồ ngọt, lối sống năng động, chăm sóc răng tốt, tắm bằng nước ấm hàng tuần, xem trọng giấc ngủ, môi trường sống trong lành, sinh ra trong gia đình có cả bố lẫn mẹ đều sống thọ.

Trong phần kết luận nghiên cứu của mình, ông nói “tuổi thọ con người có thể được kéo dài gấp đôi so với giới hạn hiện nay mà không khiến các hoạt động hay sự hữu ích của chúng ta bị ảnh hưởng”.

Nếu các điều kiện cần thiết được hội tụ đủ, Huseland cho rằng tuổi thọ con người có thể kéo dài đến 200 năm.

Thế nhưng ngoài trí tưởng tượng của một vị bác sỹ ở thế kỷ 18 ra, chúng ta còn những bằng chứng khả tín nào khác?

James Vaupel, giám đốc một viện nghiên cứu về tuổi thọ con người tại Rostock, Đức, cho biết cứ mỗi một thập niên, tuổi thọ con người lại tăng thêm hai năm rưỡi.

Nói một cách khác, chúng ta đang ngày càng sống thọ hơn.

Số người sống thọ 100 tuổi trên toàn cầu được dự đoán sẽ tăng gấp 10 lần từ năm 2010–2050.

# làm thế nào để được **TRƯỜNG SINH BẤT TỬ**

Theo Huseland, yếu tố quyết định điều này nằm trong gen của bố mẹ bạn.

Tuy nhiên, sự gia tăng về số lượng của những người sống thọ cả thế kỷ không chỉ là do vấn đề gen.

Những cải thiện về môi trường sống của chúng ta đang giúp cho ta sống thọ và sống khoẻ hơn.

Các yếu tố này bao gồm cải thiện trong chăm sóc y tế, các dịch vụ công cộng như nước sạch, không khí sạch, tiến bộ về giáo dục.

“Yếu tố quyết định dường như là tiền bạc và chăm sóc y tế,” Vaupel nói.

Tuy nhiên, những gì mà y tế và điều kiện sống mang lại vẫn khiến nhiều người chưa thoả mãn, trong khi các bài tập thể dục để kéo dài tuổi thọ lại không được tiếp đón nồng nhiệt.

Vô giới hạn.

## VÌ SAO CHÚNG TA BỊ LÃO HOÁ?

“Mỗi ngày trôi qua, cơ thể chúng ta bị những tổn thương không thể tự phục hồi,” ông Vaupel nói.

“Và chính điều này dẫn đến các bệnh về tuổi già”.

Thế nhưng điều này không tác động đến tất cả các loài.

Ví dụ như giống Hydra, một loài có cấu tạo gần giống như sứa, có thể tự phục hồi các vết thương và có khả năng tự huỷ các tế bào nếu chúng bị tổn thương nặng đến nỗi không thể tái tạo.

Ở cơ thể con người, các tế bào bị tổn thương này có thể biến thành các khối u ung thư.

“Loài Hydra dồn hết năng lượng trong cơ thể cho việc tái tạo, thay vì tái sản xuất,” ông nói.

“Trong khi đó cơ thể con người lại chủ yếu

sử dụng chất cho việc tái sản xuất, đây là sự khác nhau trong chiến lược sinh tồn giữa hai loài.”

Loài người có thể có tuổi thọ rất thấp, nhưng khả năng sinh sôi nảy nở giúp nhân loại khắc phục điểm yếu này.

“Giờ đây, cái quan trọng là làm sao đẩy mạnh hoạt động tái tạo trong cơ thể thay vì sử dụng tất cả các năng lượng đó để trở nên béo phì”, ông Vaupel nói.

“Trên lý thuyết điều này là hoàn toàn có thể, dù chưa ai biết cách phải thực hiện nó như thế nào”.

“Nếu một lúc nào đó mà quá trình gây tổn thương cho các tế bào của chúng ta bị chặn đứng, chúng ta sẽ không còn giới hạn về tuổi thọ.”

Trong trường hợp đó, con người sẽ không còn đối mặt với cái chết.

“Sẽ rất tuyệt vời nếu chúng ta có thể sống trong một thế giới nơi mà cái chết chỉ là sự lựa chọn.”, ông Gennady Stolyarov, một triết gia và là tác giả cuốn ‘Cái Chết Là Sai Trái’, nhận định.

“Ngay lúc này, tất cả chúng ta đều sẽ kết thúc đời mình (một ngày nào đó)\*, dù bản thân không làm gì sai để phải hứng chịu điều đó”.■

---

\* BBT thay cụm từ “sẽ nhận bản án tử hình” bằng đoạn in nghiêng này.

Frank Swain là Biên tập viên chuyên mục Cộng đồng của báo New Scientist, tác giả cuốn How To Make A Zombie, và là cây bút tự do viết về khoa học cho Mosaic, Wired, Slate, BBC Radio 4, và các ấn phẩm khác.

Bản gốc tiếng Anh bài này đã được đăng trên BBC Future.

# “Tâm vô sở sanh...”

## ■ THIÊN LÝ

Một buổi chiều như những buổi chiều thường ngày, có lẽ hơi khác một chút vì đó là ngày 20-11. Tôi ngồi khám bệnh tại một cơ sở từ thiện. Chẳng có gì đáng nhớ cho đến khi một người đàn ông đã quá thất tuần bước vào khám bệnh. Ông tóc đã bạc, nếp nhăn nhuộm màu nắng cháy hằn trên gương mặt kham khổ, an phận. Ông nói nhỏ nhẹ bằng chất giọng Nam bộ:

- Dạ thưa bác sĩ, tui thường hay đau ngực, khó thở...
- Bác làm nghề gì?
- Dạ, tui đi lượm ve chai, kiếm cái ăn qua ngày...

Dù cái khổ của cuộc đời như đóng chặt lên người đàn ông già nua ấy, nhưng vẫn không giấu được đôi mắt sáng thông minh và chính khí của một con người trí thức, tự trọng. Tôi bỗng đứng muốn hỏi thêm về bác trong khi tay đang ngoáy nhanh kê toa thuốc:

- Trước đây bác làm nghề gì?
- Dạ, tui làm thầy giáo... Bây giờ tui gần 80 tuổi rồi, không ai thuê mướn...

Trên ánh mắt của ông chợt thoáng lóe lên một luồng nhiệt khí, rồi lại trôi lặng đi để phảng phất nỗi buồn chất chứa sự ngậm ngùi...

- ... Không biết phải làm gì để kiếm được cái ăn qua ngày...đau tim, nhiều khi cơn đau thắt ở ngực làm tui ngất lịm đi khi trên đường lượm ve chai bác sĩ à!

Tôi thấy lòng mình bỗng lạng lạng như cánh đồng lặng gió vào buổi chiều tà, cố len vào không gian bất động ấy một dòng cảm xúc tình người để được chia sẻ cho sự cay nghiệt của một kiếp người. Cuộc đời của một ông giáo già về hưu...

Ông không còn vợ trên cõi đời này nữa. Sự ra đi của bà có lẽ đã hất đổ nguồn sinh lực sống của ông. Đứa con trai bị kết tội



oan ăn cắp một chiếc xe máy cũ sau nhiều lần bị công an bức cung. “Nó vừa mới ra tù sau năm năm bị giam cầm..” Còn ông bị đuổi ra khỏi nhà hơn mười năm nay, vì đó là căn hộ tạm mà nhà trường cấp cho hai vợ chồng khi còn đi dạy. Đứa con gái đầu của ông đã lấy chồng, sống trong cảnh nghèo túng thiếu từng bữa ăn do tiền lương công nhân không đủ để lo miếng ăn cho đứa cháu nội còn thơ... Cuộc đời như trêu đùa ông thấy giáo già khi đã quá tuổi hưu sống bằng cái nghề lượm bao nylon, ve chai. Ông nói: “Hồi đầu còn mắc cỡ, xấu hổ khi gặp học trò, riết rồi cũng quen...”

Kê đơn thuốc xong tôi đưa cho người thầy giáo già ấy. Ông cầm toa thuốc bằng hai tay, cúi đầu cảm ơn khiến lòng tôi đau xót và cảm thấy có lỗi vì tội bất kính với người già...

Cũng vào buổi chiều ấy, bước vào phòng khám là một phụ nữ trung niên dáng vẻ còn rất khỏe mạnh. Đẩy cái ghế ngồi phạch xuống, bà ta chỉ vào cuốn sổ khám bệnh và ra lệnh đậm giọng Bắc bộ xứ Thanh:

– Bác cho tôi thuốc như thế này 6 tháng nhé! Tôi về quê xa tận Thanh Hóa, không có thời gian đến đây...

Tôi lẳng lặng nhìn vào sổ khám bệnh và nhìn người phụ nữ ấy như muốn tìm ra sự đau đớn, ốm yếu nào đó trên cơ thể chắc nịch bẻ gãy sừng trâu kia..

– Không được đâu!

Tôi trả lời một cách thanh thản, tự nhiên...

– Vậy thì ba tháng thuốc bác nhé! Tôi phải đi xa...

– Chị làm nghề bán vé số phải không?

– Vâng! Sao bác sĩ biết?

Gương mặt bà ta thoáng ngơ ngác...

– Một ngày chị đi bán từ mấy giờ đến mấy giờ?

– Tôi bán từ 6g sáng đến trưa thì nghỉ một chút, rồi bán tiếp đến 4g chiều...

Nhìn ánh mắt của tôi, dường như bà ta nhận ra được câu hỏi này là tôi đang cài bẫy xác định rằng bà ta khỏe như thế, mà sao lại vào đây xin thuốc từ thiện! Bà ta vội vàng bào chữa:

– Nhưng phải ngồi nghỉ bác à!

– Ngồi nghỉ lâu không? Nếu ngồi lâu thì làm sao bán vé số?

Bà ta tái mặt đi, ầm ớ ngọng nghịu sượng trân. Tuy vậy, bà cũng cố van nài:

– Vậy cho một tháng thuốc nha bác! Lần trước bác sĩ kia cho tôi một tháng thuốc. Đi lại hoài, mất công...

Trong lòng tôi cố nén đi cơn giận vì tánh tham lam, lợi dụng lòng từ thiện của người khác ở người phụ nữ này! Tôi chợt so sánh với hình ảnh người thầy giáo già Nam bộ đau khổ và người phụ nữ xa xứ cầu thực từ miền Bắc xa xôi này. Hai tính cách khác biệt nhau hoàn toàn, mặc dù họ có cùng một hoàn cảnh nghèo khổ như nhau. Đó là lòng tự trọng! Tôi chỉ muốn quẹt vài tên thuốc và tống khứ người phụ nữ ấy ra ngoài cho khỏi chướng mắt. Nhưng bỗng dưng lòng chợt nhớ câu Thánh giáo: “*Từ bi theo hạnh Di Đà/ Công bình, bác ái hải hà bao dung.*”<sup>1</sup>

Lòng tôi dịu lại vì xét đến cái hoàn cảnh cũng nghèo khó của người phụ nữ ấy, tôi nói chậm rãi nhẹ nhàng:

– Chị à! Nơi đây có được từng viên thuốc cho người lỡ đường hay nghèo khổ cũng là do lòng hảo tâm dành dùm của rất nhiều người chỉ sống tạm đủ nhưng giàu lòng tương thân, tương ái. Đây không phải là ngân hàng hay nhà của phú hào. Đây chỉ là ngôi chùa nghèo và những tấm lòng... Chị phải hiểu điều ấy. Tui cho chị một tuần lễ thuốc bổ...

Người phụ nữ ấy bước ra ngoài, miệng lẩm bẩm điều gì đó với vẻ mặt ầm ức, bực bội... Tôi cũng lẳng lẽ trở về sự trống vắng trong tâm hồn. “Làm việc thiện cũng khó lắm chứ không dễ như mọi người suy tưởng”. Lời từ chối đề nghị của người phụ nữ ấy có gì sai trái không? Có phải tâm tôi còn vương cái chấp hay không? Còn vương nên mới trần trở. Ước gì... “Tâm vô sở sanh, Pháp vô sở trụ...”■

1. Đức Bổn Sư Thích Ca, Huôn Cung đàn, 08-4 Tân Sửu.

# MỘT THỜI CÔNG PHU

## ■ CÔNG HUY

**H**àng năm cứ vào cuối thu, tiết trời trở nên mát mẻ. Hội Thánh Truyền Giáo lại đến mùa hội tu 36 ngày. Đây là thời gian để các chức sắc, chức việc tại Hội Thánh tịnh tâm, lấy lại sự thăng bằng và kiểm điểm lại công việc hành Đạo trong năm.

Đã ba mùa thu qua, biết bao kỷ niệm tốt đẹp đang lưu mãi trong tôi không bao giờ quên được. Kỷ niệm nào cũng đáng quý như những bàn tay dẫn dắt tâm hồn tôi trên đường đi tới và đỡ nâng mỗi khi vấp ngã. Mùa tu năm nay, với vài lý do ngoài dự kiến tôi không thể tham gia, phải ở lại với mái ấm gia đình, một hậu phương đầy ấp tình yêu thương đã luôn đồng hành cùng tôi ngược xuôi qua nhiều miền đất nước và còn xa hơn nữa.

Tuy ở nhà nhưng tôi cũng nhập tu như thường lệ, cũng áp dụng những nội quy giờ giấc hằng ngày như những năm trước. Nhưng chao ôi, vào thời công phu đầu tiên tại gia ấy, khi cầm chuỗi châu lên, bỗng đứng hình ảnh Hội Thánh, hình ảnh Tịnh Đường lại hiện về trong tôi. Những khuôn mặt, lời nói, tướng đi của từng tịnh viên năm xưa

vẫn hiện rõ như tôi đang còn ở đó. Nó âm thầm xâm chiếm suốt thời công phu mà tôi không hề hay biết. Nó dẫn dắt tôi đi hết chỗ này đến chỗ khác, nhớ hết người này đến người kia. Tôi cứ hình dung giờ này tôi cũng đang ngồi chung với các huynh tỷ tại cái gối mà tôi vẫn thường ngồi hằng ngày. Trước mặt tôi đây cũng có một Thánh Nhân nhưng lại thấy hình bóng Thánh Nhân ở Tịnh Đường. Tôi cứ mãi tưởng tượng giờ này tôi đang pha trà, thay tầu, giờ này tôi đang đánh chuông báo hiệu, giờ này các anh lớn chuẩn bị nhập đàn, giờ này tôi đang gõ mõ, giờ này quý huynh đang chần tế ngoài hiên, giờ này... cứ thế mà da diết nhớ nhung. Tôi không bao giờ quên một kỷ niệm “lạnh người” trong mùa tu năm trước.

Khi về Tịnh đường, tôi được nghe quý vị tu hành lâu năm nơi đây kể lại nhiều chuyện có thật xảy ra ngày xưa mặc dù nghe có vẻ như hoang đường: Tối ngủ trong nhà, sáng ra tầm ba bốn giờ, thấy có vài áo trắng ngồi ở phòng khách hoặc lảng vảng trong khuôn viên, hoặc ở ngoài bụi chuối. Đôi khi vào phòng tu đã thấy

bóng người ngồi sẵn rồi tự động biến mất... Họ khuyên tôi thấy sao hay vậy, chuyện ai nấy làm, đừng hỏi, và nhắc tôi khi ngồi tu nhớ mở cửa vì nếu khép lại sẽ nghe tiếng đập cửa, làm tôi cũng hay dè chừng và sờ sờ mỗi khi đêm về, nhất là khi đi ngang những góc tối cuối hành lang.

Khuya hôm đó, vào giờ Tý như thường lệ, tôi vô tư hồn nhiên mặc áo dài khăn đóng đi từ phòng phía sau xuống lầu bằng qua khoảng sân gần 50m ra chánh điện để công phu. Ánh trăng thượng huyền bao trùm không gian, một thứ ánh sáng lạnh lùng mờ ảo. Nhìn phòng ăn rộng rãi, vắng ngắt, vài chiếc ghế chưa ai xếp lại, tôi liền tưởng đến lời dặn dò “có người ngồi thì đừng hỏi, việc ai nấy làm”. Tôi không dám nhìn vào phòng khách và đi nhanh qua hàng cây đứng im ắng lạ thường.

Khi bước vào thềm chánh điện tôi giật mình vì cửa chưa mở, có nghĩa là không có ai, vì mọi lần tôi đến là đã có người ngồi tu rồi. Ở bậc Tượng Châu, thời gian công phu ngắn hơn quý vị chừng 15 phút, do đó tôi thường đến trễ để cùng xả tịnh chung. Thật bối rối, nhìn xung quanh

không có người lại càng thấy sợ hơn, tim đập nhanh hơn, tôi cố lấy lại bình tĩnh mở cửa bước vào, tôi thật sự như đứng tim, cháng điện ngày nào sao bây giờ quá rộng, Thiên Nhân bỗng uy nghi hơn dưới ánh đèn vàng yếu ớt, tôi hình dung bao nhiêu chư Thiên đang ở đó nhìn tôi. Tôi trần người một lúc, tiến thối lưỡng nan, không biết nhìn vào đâu để lấy lại bình tĩnh và thắc mắc tại sao hôm nay không có người nào, mọi khi ít nhất cũng còn 3 người mà. Tôi không dám đến bàn thờ Thầy để thắp nhang trước khi công phu như thường lệ.

Không biết ngồi ở đâu cho bớt sợ, lại gần bàn thờ Thầy đã sợ, còn ngồi xa dưới nây gần cửa ra vào lại càng sợ hơn, vì e rằng còn khoảng trống phía sau, biết đâu trong lúc công phu sẽ có người sờ vào vai mình giữa đêm khuya thanh vắng như thế này thì chết. Tôi đem gối vào trước bàn Hộ Pháp coi như an tâm, có người bảo vệ phía sau. Tôi bắt đầu tập trung lấy hơi định thần và đọc Chú Kim Quang, lúc này chưa hết run run trong người. Vừa mới đưa chuỗi châu xuống hạ đơn điền, đôi mắt lim dim, không phải để tịnh tâm mà để lắng nghe và quan sát, canh chừng mọi động tĩnh xung quanh. Khi đọc vừa dứt câu: “Cao Đài niệm niệm Kim quang hiện, đoạn nghiệt trừ phiền đệ nhứt Châu”, tôi giật

bắn người vì có hai vệt sáng xẹt ngang qua bàn thờ Thầy từ trái qua phải, người tôi như có luồng điện ập vào chạy từ dưới lên trên, tóc dựng đứng, tôi có cảm giác chỉ còn cái đầu còn nóng và gom dần lại tại nê hoàn cung là nơi xuất thần khi tắt thở, phần còn lại lạnh ngắt, mình mẩy nổi da gà. Tôi quên hết tất cả mọi động tác tiếp theo chỉ kịp kèm được tiếng la theo phản xạ, cố giữ thân người nghe như muốn ngã quy. Vừa thoáng nghĩ đến việc bỏ chạy, nhưng không sao đứng dậy được.

Sau đó tôi tự trấn an, không hiểu tại sao tôi lại nghĩ: Nếu quả thật có các chơn linh về thăm thì cho con được đi theo. Vì ở đây, tại cái bàn thường đốt trầm hàng ngày cũng là nơi để các tịnh viên xin Thầy (xin keo) nâng bậc công phu. Vừa niệm danh Thầy vừa lần hạt và tôi tưởng tượng có lẽ Thầy rước mình đi nên mới có cảnh này, tôi liền tưởng đến Đức Ngô trường trai ba năm để Thầy truyền Đạo, lúc đầu Ngài cũng hoảng sợ khi Thiên Nhân hiện ra ở Phú Quốc, còn mình mới trường trai chưa được hai năm, chắc có điểm gì đây hay được Thầy ban phép. Tôi nhớ lại mùa xuân năm nào tôi có hái lộc đầu năm tại Thánh thất Trung Minh, được một câu Thánh giáo của Đức Đông Phương Lão Tổ mà tôi

tâm đắc nhất, đến nỗi mấy độ xuân về sau đó tôi không muốn hái lộc nữa:

*Khuyên ta quay về miền thanh tịnh*

*Dạy ta nhiều phép kín độ đời*

*Công phu nhờ đó tỏ ngời*

*Tâm ta nương đó đất trời huyền thông.*

Tôi tin có lẽ Thầy dạy “phép kín” cho mình đây rồi vì hiện giờ chỉ có một mình mà không có ai. Hay là đã đến lúc “quy thiên” như Đức Ngô giữa sông Tiền còn mình giữa Tịnh đường thì quá mầu nhiệm và tuyệt vời, đây có lẽ là dịp tốt nhất trong đời rồi không còn dịp nào nữa. Nếu ra đi, lúc đó thân tôi sẽ dựa vào tử thờ Hộ Pháp mặt hướng về Thầy như đang ngủ. Tôi thanh thản ra đi, âu cũng là điều định trước trong giờ phút này. Tôi tiếp tục lần hạt và niệm danh hiệu Thầy, chờ đợi thời khắc về chốn Bồng lai, coi như tôi tự tiếp quy cho chính mình. Cứ thế tôi tiếp tục niệm và niệm nhưng vẫn chưa thấy gì, vì khi lâm chung, hồn vừa thoát xác, giữa lúc bơ vơ mà biết nhớ về Thầy, về ngôi xưa vị cũ và niệm danh hiệu Thầy thì tinh thần không hoảng loạn, hồn mình sẽ được các chơn thần rước đi mà không lạc lối theo tà mị kéo lôi vì còn tiếc nuối trần gian. Tôi tin và mong rằng sẽ được thanh thản nhẹ nhàng ra đi cùng chư Thiên như Thánh giáo (XEM TIẾP TRANG 117)

# CON NGƯỜI chỉ vĩ đại khi cầu nguyện



## ■ BAN BIÊN TẬP SƯU TÂM

**F**ederic Ozanam, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của Giáo Hội Pháp vào cuối thế kỷ 19 đã trải qua một cơn khủng hoảng Đức Tin trầm trọng lúc còn là một sinh

viên đại học. Một hôm, để tìm một chút thanh thản cho tâm hồn, anh bước vào một ngôi thánh đường cổ ở Paris. Đứng cuối nhà thờ, anh nhìn thấy một bóng đen đang quỳ cầu nguyện một cách sốt sắng ở dãy ghế



đầu. Đến gần, chàng sinh viên mới nhận ra người đang cầu nguyện ấy không ai khác hơn là nhà bác học Ampère.

Anh đứng lặng lẽ một lúc để theo dõi cử chỉ của nhà bác học. Và khi vừa đứng lên ra khỏi giáo đường, người sinh viên đã theo gót ông về cho đến phòng làm việc của ông. Thấy chàng thanh niên đang đứng trước cửa phòng với dáng vẻ rụt rè, nhà bác học liền lên tiếng hỏi: “Anh bạn trẻ, anh cần gì đó? Tôi có thể giúp anh giải một bài toán vật lý nào không?”

Chàng thanh niên đáp một cách nhỏ nhẹ: “Thưa Thầy, con là một sinh viên khoa văn chương. Con dốt khoa học lắm, xin phép Thầy cho con hỏi một vấn đề liên quan đến Đức Tin!”

Nhà bác học mỉm cười cách khiêm tốn: “Anh lầm rồi, Đức Tin là môn yếu nhất của tôi. Nhưng nếu được giúp anh điều gì, tôi cũng cảm thấy hân hạnh lắm?”

Chàng sinh viên liền hỏi: “Thưa Thầy, có thể vừa là một bác học vĩ đại, vừa là một tín

hữu cầu nguyện bình thường không?” Nhà bác học ngỡ ngàng trước câu hỏi của người sinh viên, và với đôi môi run rẩy đầy cảm xúc, ông trả lời:

“Con ơi, chúng ta chỉ vĩ đại khi chúng ta cầu nguyện mà thôi!”

### **LOUIS PASTEUR – NHÀ BÁC HỌC THIÊN TÀI – MỘT TÂM HỒN KHIÊM TỐN VÀ CẦU NGUYỆN**

Trên tuyến xe lửa đi về Paris, có một thanh niên trẻ ngồi cạnh một cụ già. Chỉ ít phút sau khi đoàn tàu chuyển bánh, cụ rút trong túi áo ra một cốc tràng hạt và chìm đắm trong cầu nguyện. Người sinh viên quan sát cử chỉ của cụ già với vẻ bực bội.

Sau một hồi lâu, xem chừng không thể chịu nổi, anh ta mạnh dạn lên tiếng: “Thưa Ông, Ông vẫn còn tin vào những chuyện nhảm nhí thế à?”

Cụ già thản nhiên trả lời: “Đúng vậy, tôi vẫn tin. Còn cậu, cậu không tin sao?” Người

thanh niên xác xược trả lời: “Lúc nhỏ tôi có tin, nhưng bây giờ làm sao tôi có thể tin vào những chuyện nhảm nhí ấy được, bởi vì khoa học đã mở mắt cho tôi. Ông cứ tin tôi đi và hãy học hỏi những khám phá mới của khoa học, rồi Ông sẽ thấy rằng những gì Ông tin từ trước đến nay đều là những chuyện nhảm nhí hết.”

Cụ già nhỏ nhẹ hỏi người sinh viên: “Cậu vừa nói về những khám phá mới của khoa học, liệu cậu có thể giúp tôi hiểu được chúng không?” Người sinh viên nhanh nhẩu trả lời: “Ông cứ cho tôi địa chỉ, tôi sẽ gửi sách vở đến cho ông, rồi ông sẽ say mê đi vào thế giới phong phú của khoa học cho mà xem.” Cụ già từ từ rút ra trong túi ra một tấm danh thiếp và trao cho người sinh viên. Đọc qua tấm danh thiếp, người sinh viên bỗng xấu hổ đến tái mặt và lặng lẽ rời sang toa khác. Bởi vì trên tấm danh thiếp ấy có ghi: Louis Pasteur, viện nghiên cứu khoa học Paris. ■

# HIỆN TƯỢNG BÍ ẨN TRONG LỊCH SỬ CHƯA GIẢI THÍCH

## ■ V.T. SUU TÂM

10 hiện tượng bí ẩn trong lịch sử mà đến nay các nhà khoa học vẫn không giải thích nổi. Nếu tính cả chuyến bay M370 của Malaysia thì đây được coi là hiện tượng thứ 11.

### 1. THANH KIẾM 2.000 NĂM TUỔI BẰNG ĐỒNG TRONG LĂNG MỘ CỦA TÂN THỦY HOÀNG VẪN CÒN RẤT SẮC BÉN

Vào năm 1994, một thanh kiếm bằng đồng đã được tìm thấy trong lăng mộ binh mã của Hoàng Đế Tân Thủy Hoàng. Thanh kiếm này có ruột rất dày, nó ngủ sâu trong hoàng thổ tới hơn 2.000 năm, khi mới được khai quật nó vẫn trông như mới và sắc bén vô cùng. Sau khi kiểm tra, người ta nhận thấy lớp bề mặt thanh kiếm có chứa hợp chất muối crom dày 10 micron, sự phát hiện này ngay lập tức thu hút được sự chú ý của thế giới. Bởi vì phương pháp xử lý quá trình oxy hóa muối crom mới chỉ xuất hiện ở cận đại, vào năm 1937 tại Đức, và Hoa Kỳ vào năm 1950 mới phát minh ra.



### 2. MỘT NGƯỜI ĐÀN ÔNG ẤN ĐỘ KHÔNG ĂN UỐNG TRONG 68 NĂM

Một người đàn ông Ấn Độ có tên là Prader Jani,

đã ròng rã 68 năm mà ông không cần ăn bất cứ thức ăn hay thức uống nào, cũng không phải đi vệ sinh. Jani đã từng ở trong một bệnh viện ở Tây Ấn Độ để quan sát kiểm tra, nhưng sự thần kỳ của ông đã khiến 400 bác sĩ bệnh viện phải cảm thấy bối rối. Theo ông cho biết, lần cuối cùng ông ăn và uống là khi ông 10 tuổi. Kể từ đó, ông thông qua thực hành yoga để duy trì sinh mệnh mình. Các bác sĩ cho biết, mặc dù ông không ăn uống nhưng trong cơ thể ông vẫn có sự hình thành nước tiểu, nhưng vừa hình thành thì bàng quang đã hấp thụ. Hiện nay các nhà khoa học vẫn không thể giải thích nổi hiện tượng này.



### 3. QUÁ MẦU NHIỆM – NHỤC THÂN CỦA THIỀN SƯ LỤC TỔ HUỆ NĂNG 1000 NĂM KHÔNG BỊ PHÂN HỦY TẠI TRUNG QUỐC

Đại sư Huệ Năng triều Đường, được coi là bức tượng đầu tiên của vị Bồ Tát có mang thân xác thịt xuất hiện trong lịch sử của Trung Quốc (cao tăng đắc đạo khiến thân xác thịt không bị hoại), hiện tại bức tượng vẫn còn được đặt thờ ở Chùa Nam Hoa thuộc Thiếu Quan Quảng Đông. Bức tượng này không cần phải tiêm chất bảo quản hay niêm phong chân không; Quảng Đông vốn là vùng có khí hậu nóng, môi trường lại ẩm ướt; nếu tính theo lịch đến nay đã được 1.200 năm, vậy mà bức tượng này không hề bị thối hay thay đổi nào cả, không khô héo, vẫn giữ được thần thái thanh thản.

Trong cuộc Cách mạng Văn hóa, Hồng vệ binh vì để xác thực xem bức tượng Huệ Năng Đại sư có phải là do con người tạo ra hay không, đã dùng búa đập vào ngực của Đại sư, tạo thành một lỗ nhỏ, kết quả rất ngạc nhiên cho thấy các cơ quan nội tạng của vị đại sư vẫn còn nguyên vẹn, lúc đó mọi người tại hiện trường đều trầm phần sợ hãi, vội quỳ gối lạy.



### 4. LÀNG SHIVPURI Ở ẤN ĐỘ “HÒN ĐÁ THÁNH TỰ LƠ LỬNG TRÊN KHÔNG”

Trước một đền thờ tại làng Shivpuri, Ấn Độ có 2 hòn đá Thánh, mỗi hòn nặng tầm 450 kg, và chỉ cần có người dùng ngón tay trở bên tay phải

đặt ở phía dưới của hòn đá thiêng liêng này, và không ngừng đồng thanh hô lớn: “Kumar–Alli–Daer Wei–kỳ–kỳ–kỳ”, thì hòn đá liền như người sống di chuyển bay lên đến độ cao tận 2 mét so với mặt đất. Chỉ cho đến khi họ hô liên tục hết hơi này cho đến hơi khác không dừng mới hạ trở lại mặt đất. Về nguyên nhân có thể khiến nó như vậy, cho đến nay vẫn không một lời giải thích nào đáng tin cậy.



### 5. MỘT CHIẾC MÁY BAY MẤT TÍCH TẠI PHILIPPINES SAU 48 NĂM XUẤT HIỆN TRỞ LẠI NGUYÊN VẸN NHƯ XƯA

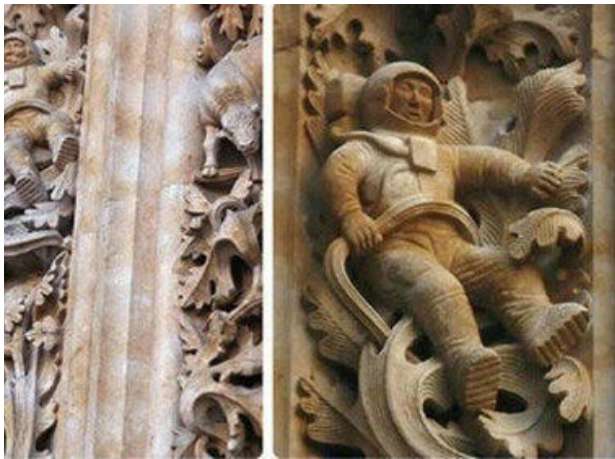
Năm 1985, một chiếc máy bay hành khách 48 năm trước (nửa thế kỷ) đã bị mất tích khi đang bay từ Philippines hướng về đảo Mindanao, đã được tìm thấy trong vùng đầm lầy ở New Guinea. Điều khiến người ta không thể hiểu nổi, đó là chiếc máy bay trông vẫn mới y hệt như hồi nó bị biến mất. Đồng thời những tờ báo được tìm thấy trong cabin vẫn ghi nguyên vẹn là ngày chủ nhật đầu tiên của tháng 1 năm 1937, cũng như cà phê bên trong phích vẫn còn nóng, hương vị không thay đổi, pin vẫn được sạc đầy... Các nhà điều tra đều cảm thấy đáng sợ mà không giải thích nổi.





## 6. BỨC HÌNH PHI HÀNH GIA VŨ TRỤ ĐƯỢC KHẮC NỔI TRONG MỘT NHÀ THỜ CỔ Ở SALAMANCA, TÂY BAN NHA

Tại thành phố Salamanca của Tây Ban Nha trong một nhà thờ cổ có khắc nổi hình tượng một phi hành gia bí ẩn. Nhà thờ lớn Leronimus Cathedral được tu sửa năm 1102. Điều đáng ngạc nhiên ở đây, đó là trên đó có khắc một số mô hình đặc biệt hấp dẫn, trong đó có mô hình một phi hành gia. Mô hình này được chạm khắc rất tinh tế, trên thân mặc bộ quần áo phi hành gia: Lẽ nào cách đây một ngàn năm trước phi hành gia lại có khả năng có bộ quần áo vượt qua đường hầm thời gian và không gian?



## 7. BỐN NGÀN BINH SĨ TÂY BAN NHA BÍ ẨN BIẾN MẤT

Bốn ngàn binh sĩ Tây Ban Nha đã bị mất tích một cách bí ẩn không một dấu vết, nhưng nó lại là sự thật. Nó đã được ghi lại bằng giấy trắng mực đen trong lịch sử quân sự tại các tài liệu chính thức của Tây Ban Nha và các tổ chức có thẩm quyền. Năm 1711, bốn ngàn binh sĩ Tây Ban Nha đóng quân tại trại cùng người dân trên núi. Ngày hôm sau, khi quân tiếp viện tới nơi này thì họ đã thấy toàn bộ đơn vị đóng quân tại đây đã biến mất hoàn toàn. Cảnh sát đã điều tra rất nhiều trong vài tháng, nhưng vẫn không thể tìm thấy bất kỳ manh mối nào. Đây là một vụ mất tích tập thể lớn nhất trên thế giới.



## 8. THÁI LAN: “THÂN THỂ CỦA ĐỨA TRẺ ĐÃ CHẾT BẤT HOẠI”

Tại Thái Lan, một gia đình nhỏ có một cậu con trai khi lên 6 tuổi thì bị chết. Hai vợ chồng liền an táng cho cậu trong tu viện, một điều kỳ lạ đã xảy ra! Kể từ đó cặp vợ chồng này thường xuyên nằm mơ rằng con trai họ nói với họ là không quen với cuộc sống trong tu viện, do đó họ đã đem xác cậu về nhà, và sau đó họ không gặp giấc mơ tương tự như vậy nữa. Trong những năm qua, mặc dù thân xác đã bị mất nước và khô lại, nhưng tóc và móng tay cậu vẫn không ngừng phát triển!



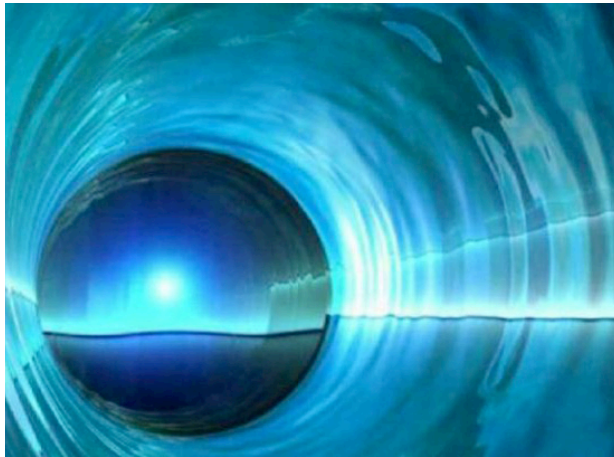
## 9. MÁY BAY MỸ RƠI VÀO “ĐƯỜNG HẦM THỜI GIAN” BÍ ẨN

Năm 1955, một chuyến bay mang số hiệu 914 cất cánh từ New York hướng về Florida thì đột nhiên bị mất tích, lúc đó nó được nhìn nhận rằng có thể do chiếc máy bay rơi xuống biển. Tuy nhiên sau 35 năm, chuyến bay số hiệu 914 này lại đột nhiên xuất hiện ở Venezuela. Khi những người này trở về nhà ở Hoa Kỳ, họ đã rất ngạc nhiên,



con của họ và những người thân yêu cũ đều đã già hết rồi, nhưng họ thì vẫn còn trẻ như năm đó. Điều này đã thực sự đặt ra câu hỏi, liệu có tồn tại đường hầm thời gian không?

(Điều này có khiến cho bạn nghĩ về chuyến bay M370 của hãng hàng không Malaysia không?)



## 10. TÀU ĐIỆN NGẦM MOSCOW CỦA NGÀ BIẾN MẤT MỘT CÁCH BÍ ẨN

Một ngày vào năm 1975, tại một ga tàu điện ngầm ở Moscow đã xảy ra một sự biến mất lạ thường. Buổi tối hôm đó vào lúc 21h16', một tàu điện ngầm từ ga Belarus hướng về ga Bulaisnuo. Chỉ còn 14 phút là tàu ngầm có thể đến ga tiếp theo, nhưng không ngờ trong vòng 14 phút này, chiếc tàu chứa đầy khách này đột nhiên biến mất. Quân đội và toàn bộ các nhân viên quản lý tàu điện ngầm Moscow bắt đầu một cuộc tìm kiếm quy mô lớn. Tuy nhiên, từ đó đến giờ vẫn không tìm thấy bất kỳ hành khách nào cả. ■



# Một Thời Công Phu

(TIẾP THEO TRANG 111)

của Đức Đông Phương Lão Tổ tôi đã từng đọc:

*Hồn mình bay bổng cao siêu*

*Kể tai nghe được Thiên điều dạy khuyên.*

Tôi niệm đến hết hiệp thứ 4 (mỗi hiệp 9 vòng), mắt lim dim đưa chuỗi châu lên trán niệm Chú Kim Quang, đến câu “Kim Quang tốc hiện, phó hộ chơn hình” tôi lại thấy vệt sáng xuất hiện ngược lại từ phải qua trái nhưng chậm hơn, như đánh thức tôi giữa cơn mê. Tôi không giật mình như trước mà chột tỉnh.

Thì ra ánh sáng đó là từ cánh cửa sổ lật của Tịnh Đường, phản chiếu lại từ một bóng đèn hàng xóm tạo nên, do gió thổi vào khi nhanh khi chậm. Tôi như tỉnh hẳn, trở lại cảnh thực trần gian. Đúng lúc đó đạo huynh D... cũng vừa vào, bật điện thay tẩu chuẩn bị cúng Tý. Và tôi được biết quý vị cùng tu hằng ngày, bây giờ đã xin keo được lên Tam Bảo nên không tu ở dưới nầy nữa. Chỉ còn mình tôi vẫn ở lại nơi nầy đến mùa tu sau với bài thơ:

TRÀ THIÊN

*Ai ra phố xá thì đi*

*Riêng ta ở lại nhâm nhi trà thiên*

*Ngắm nhìn Tâm pháp Huyền Quan*

*Trung Tông tỏa sáng Công Truyền*

*Trung Hưng...*

*Lặng yên mà thấy tưng bừng*

*Hồng ân chan rưới cho từng tịnh viên.*

*Thế gian hỗn độn triển miên*

*Thực hư lẫn lộn biết đâu mà lẫn*

*Tháng ngày tu luyện chuyên cần*

*Cao Đài nhất bốn dẫn đường ta đi. ■*

# HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH HÒA BÌNH

## *khai mạc tại Nam Hàn*

■ THIÊN AN/NGƯỜI VIỆT (TUỜNG TRÌNH TỪ SEOUL) • QUÁNH HIỆP LONG SUU TÂM

LTS: Hội Nghị Thượng Đỉnh Hòa Bình của Liên Minh Tôn Giáo Thế Giới (The World Alliance of Religions' Peace Summit, gọi tắt là WARP Summit), vừa long trọng khai mạc tại Seoul, Nam Hàn. Hội nghị có mục đích tạo ra một nền tảng cho đối thoại giữa các nhà lãnh đạo tâm cỡ quốc gia, về mọi phương diện văn hóa, tinh thần, và dân tộc nhằm tạo ra một hệ thống giá trị phổ quát có thể áp dụng khắp nơi, bất kể các ranh giới xã hội, thông qua luật pháp quốc tế được thiết lập để hoàn toàn loại bỏ chiến tranh trong thế giới con người. Vai trò của phụ nữ và giới trẻ được nhấn mạnh và đề cao tại hội nghị.

SEOUL, Nam Hàn (NV) – Hội Nghị Thượng Đỉnh Hòa Bình của Liên Minh Tôn Giáo Thế Giới (The World Alliance of Religions' Peace Summit, gọi tắt là WARP Summit), vừa long trọng khai mạc tại Seoul, Nam Hàn, với gần 70.000 người tham dự, trong đó có một số người Việt, đến từ Hoa Kỳ lẫn Việt Nam. Hội nghị được tổ chức năm nay là lần đầu tiên, do hội Heavenly Culture, World Peace, Restoration of Light (HWPL), và hai hội phụ thuộc là International Womens' Peace Group (IWPG) và International Youth Peace Group (IYPG), đồng tổ chức.



GIỚI TRẺ NAM HÀN THAM DỰ VÀ TÌNH NGUYỆN GIÚP BAN TỔ CHỨC. (HÌNH: THIÊN AN / NGƯỜI VIỆT).

Cả ba hội này cùng có trụ sở chính tại Nam Hàn với khoảng 500 chi hội ở hơn 82 quốc gia. Hội nghị trước tiên là dịp gặp gỡ giữa những lãnh đạo khắp nơi trên thế giới, bao gồm những nhân vật nổi bật cả trong hai lãnh vực trần thế và tâm linh của xã hội. Họ họp mặt để thảo luận và chia sẻ những suy nghĩ của mình về cách để đạt được hòa bình thế giới.

Theo lời ban tổ chức, hội nghị có mục đích tạo ra một nền tảng cho đối thoại giữa các nhà lãnh đạo tâm cỡ quốc gia, về mọi phương diện văn hóa, tinh thần, và dân tộc, kỳ vọng của ban tổ chức là cuộc đối thoại như thế sẽ dẫn dà mở đường cho việc tạo ra một hệ thống giá trị phổ quát có thể áp dụng khắp nơi, bất kể các ranh giới xã hội, thông qua luật pháp quốc tế được thiết lập để hoàn toàn loại bỏ chiến tranh trong thế giới con người.

### TƯNG BỪNG KHAI MẠC

Tại lễ khai mạc, với quốc kỳ các nước bay phất phới quanh khán đài, sắc áo rực rỡ của hàng ngàn thiện nguyện viên, và pháo hoa ngập trời, sân vận động lớn nhất Nam Hàn này như đi

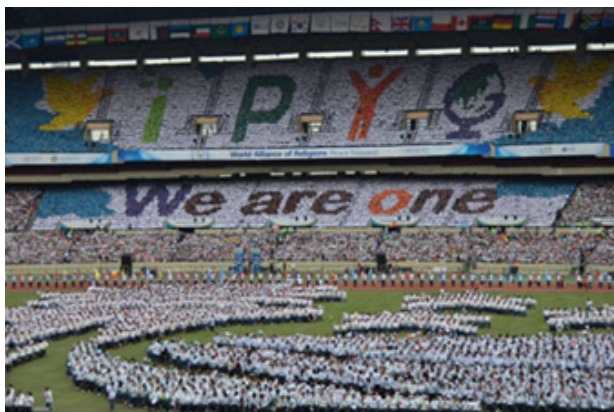
ngược thời gian, trở lại khoảnh khắc của ba thập niên trước, khi quốc gia này đang cai Thế Vận Hội 1988.

Sau khi các vị khách đại diện các tôn giáo và quốc gia yên vị, nghi thức khai mạc bắt đầu. Toàn thể người tham dự cùng dành một phút mặc niệm để cầu nguyện cho nạn nhân chiến tranh, bất kể là nạn nhân của cuộc chiến nào trong lịch sử.

Khoảng 2.000 người với áo đủ màu ngồi trước sân khấu, xếp thành biểu tượng của hội nghị. Phía trên, khoảng 2.000 người khác biểu diễn với những bảng màu lớn, lần lượt tạo nên những bức tranh sống động.

Bức tranh sống này biểu diễn tiết mục lên án chiến tranh và cổ vũ hòa bình, trước khi ban tổ chức và mười vị khách mời là đại diện các quốc gia và tôn giáo lần lượt đọc những đoạn diễn văn ngắn, kêu gọi ủng hộ phong trào đấu tranh cho hòa bình chung. Trong phần phát biểu của ban tổ chức, ông Man Hee Lee, chủ tịch HWPL và trưởng ban tổ chức, mở lời:

“Chúng ta có hàng trăm tôn giáo, nhưng Thượng Đế chỉ có một. Chúng ta không thể để cho những tranh chấp tôn giáo dẫn đến việc giết hại con người, trái với ý muốn của Thượng Đế. Giới trẻ, những nạn nhân trực tiếp của chiến tranh, phải tự bảo vệ mình, đừng tham gia những cuộc chiến do người lớn gây ra mà hãy đẩy lên phong trào cổ vũ hòa bình. Phụ nữ,



HÀNG NGÀN TẤM BẢNG MÀU ĐƯỢC XẾP THÀNH NHIỀU BIỂU TƯỢNG KHÁC NHAU SUỐT CHƯƠNG TRÌNH. (HÌNH: THIÊN AN/NGƯỜI VIỆT).

những người mẹ, phải kêu gọi nhau đừng cho con cái tham gia chiến tranh.”

Chủ tịch hội International Womens' Peace Group (IWPG), bà Nam Hee Kim tiếp lời:

“Đây là một lễ hội chưa từng có trong lịch sử, để gửi đi thông điệp hòa bình. Các thế hệ con em chúng ta cần phải được thừa hưởng một thế giới hòa bình, hạnh phúc. Phụ nữ và thanh niên có khả năng gây ảnh hưởng quyết định đến xã hội. Do đó, phụ nữ khắp nơi cần ngồi lại, tìm cách đưa thế giới lại hòa hợp làm một.”

Và ông Steve Kim, chủ tịch hội International Youth Peace Group (IYPG) phát biểu:

“Tổ chức IYPG được thành lập nhằm tạo ra một văn hóa yêu chuộng hòa bình cho giới trẻ. Giới trẻ sẽ sớm trở thành các nhà làm luật, lãnh đạo, những người đưa quốc gia đi theo con đường chuộng hòa bình. Chỉ trong một năm kêu gọi, IYPG đã có thành viên từ 343 trung tâm tại 82 quốc gia. Giới trẻ chúng ta phải mở ra một con đường hòa bình cho thế giới.”

Sau phát biểu của ban tổ chức là bài thuyết trình của các diễn giả. Đa số đều đưa ra những thông điệp chung là không phân biệt tôn giáo, màu da, hay quan điểm chính trị, và cùng bảo vệ hòa bình. Về lợi ích của việc làm việc chung, ông Emil Constantinescu, cựu tổng thống Romania, khẳng định:

“Khi cùng làm việc, chúng ta sẽ tạo một sự hợp nhất giữa các quốc gia, tôn giáo, phe phái.”



ĐẠI DIỆN CÁC QUỐC GIA TIẾN VÀO KHÁN ĐÀI. (HÌNH: THIÊN AN/NGƯỜI VIỆT).



Trong khi đó, để cao vai trò của giới trẻ, ông Bertie Ahern, cựu thủ tướng Ireland nhấn nhủ:

“Cám ơn các bạn trẻ, đặc biệt là các bạn trẻ Nam Hàn, đã tổ chức nhiều sự kiện thành công trong sự cố gắng cố vũ cho hòa bình thế giới.”

Còn ông Stjepan Mesic, cựu tổng thống Croatia, nhẹ nhàng nhắc mọi người về vấn nạn khủng bố hiện tại:

“Hành động khủng bố của những thành phần tôn giáo cực đoan là không thể chấp nhận được. Các tôn giáo, phe phái chính trị, cần phải hóa giải những tranh chấp và chấm dứt giết hại người vô tội.”

Tiếp đến, tiết mục múa truyền thống của Nam Hàn và loạt pháo bông lớn kết thúc chương trình khai mạc.

Hội Nghị Thượng Đỉnh Hòa Bình của Liên Minh Tôn Giáo Thế Giới sẽ tiếp tục trong hai ngày tới, với các giới chức lãnh đạo sẽ cùng ngồi lại phác thảo Hiến Pháp Hòa Hiệp Tôn Giáo vào Thứ Năm, và cuộc đi bộ vì hòa bình vào Thứ Sáu, dự trù sẽ có hàng chục ngàn người tham dự.

Nhà tôn giáo Man Hee Lee

Để biết được vì sao lại có Lễ Hội Hòa Bình Thế Giới Và Liên Minh Tôn Giáo và sự có mặt của hàng chục ngàn người hôm đó, không thể không nhắc qua đôi điều về sức ảnh hưởng của ông Man Hee Lee, chủ tịch và sáng lập viên của HWPL, cũng là trưởng ban tổ chức.

Ông Lee, nay 84 tuổi, là một cựu quân nhân trong chiến tranh Nam-Bắc Hàn, nói mình từng

là nông dân, và nhận mình có dòng dõi hoàng tộc. Ông sáng lập một nhà thờ Tin Lành có tên Shincheonji, the Church of Jesus, vào năm 1984. Trong 30 năm qua, ông kêu gọi được nhiều tín hữu. Với tên được người cha đặt có nghĩa là ánh sáng, ông Lee thường dùng biểu tượng ánh sáng trong các lời thuyết giảng.

Ngoài việc tự cho mình vai trò của một ngôn sứ và viết sách phân tích Kinh Thánh, ông Lee cũng vận động cho hòa bình thế giới. Vì những gì chứng kiến được trong thời chiến, ông nói. Ông cũng tuyên bố rằng Thượng Đế của mọi tôn giáo chỉ là một, và Thượng Đế muốn con người phải tranh đấu cho hòa bình. Ông nói mình có chìa khóa cho hòa bình thế giới, đó là việc thống nhất tôn giáo trong tình yêu và ý muốn của Thượng Đế. Ông vận động thanh niên và phụ nữ không tham gia chiến tranh và kêu gọi người thân không tham gia.

Năm 2012, ông thành lập tổ chức HWPL, được sự hỗ trợ đặc lực từ tổ chức phụ nữ yêu hòa bình IWPG và thanh niên yêu hòa bình IPYG. Năm 2013, ông Lee viết Tuyên Ngôn Hòa Bình Thế Giới, làm 13 chuyến công du đến các quốc gia để quảng bá tuyên ngôn này. Hè 2013, tổ chức HWPL giúp tổ chức IPYG mở hội đi bộ cho hòa bình, thu hút được khoảng 30.000 người tham dự.

Các hoạt động của HWPL, IWPG và IPYG tuy cho đến nay chỉ có ý nghĩa biểu tượng nhưng có không ít người ủng hộ. Đơn cử là hàng chục ngàn thiện nguyện viên trong lễ hội lần này.

Cũng về Lễ Hội Hòa Bình Thế Giới Và Liên Minh Tôn Giáo, gần 100 đại diện quốc gia và tôn giáo đồng ý đến dự hội nghị bàn thảo về hiệp ước hòa bình quốc tế theo lời mời của ông Lee và tổ chức HWPL.

Ban tổ chức cho biết toàn bộ chi phí cho lễ hội quy mô kéo dài ba ngày, với hàng chục ngàn người tham dự miễn phí và hàng trăm khách mời đến từ các quốc gia khác, là đều do sự đóng góp của các mạnh thường quân và thiện nguyện viên. ■



TRẺ EM NAM HÀN GIÚP BAN TỔ CHỨC CHÀO ĐÓN QUAN KHÁCH. (HÌNH: THIÊN AN/NGƯỜI VIỆT).



# GEN CÓ PHẢI LÀ YẾU TỐ KHIẾN CHO CON NGƯỜI PHẠM TỘI?

■ NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG

**X**ã hội của chúng ta ngày nay rất là phức tạp. Nhiều người chỉ chạy theo những giá trị vật chất mà không quan tâm đến việc vun đắp cho đời sống tâm linh của bản thân. Thật vậy, ta có thể thấy hiện nay tệ nạn xã hội và đặc biệt là số lượng người phạm tội ngày càng gia tăng. Có nhiều người tin rằng nguyên nhân khiến cho những người đó phạm tội chính là gen. Trong bài viết này, tôi sẽ trình bày ý kiến thảo luận của câu lạc bộ Anh Văn về vấn đề đã nêu ở trên.

Trước hết, chúng ta phải hiểu gen là gì? Gen là một từ bắt nguồn từ chữ Hy Lạp. Đó là “genesis”, nó có nghĩa là “sự hình thành” hoặc là chữ “genos”, có nghĩa là “nguồn gốc”. Ta có thể hiểu gen là một đơn vị bên trong tế bào, kiểm soát một số đặc tính cụ thể của một sinh vật sống và được truyền từ chính cha mẹ của chúng. Cụ thể, gen có thể điều khiển sự phát triển của cơ thể, hành vi và một số đặc tính khác của một sinh vật. Ví dụ, thông thường một em bé sinh ra sẽ có màu da dung hòa của màu da bố và mẹ. Nếu da của cha mẹ đều sẫm màu thì sẽ không bao giờ có trường hợp em bé có da vừa trắng lại vừa mịn. Đó là do sự di truyền từ gen của bố và mẹ ảnh hưởng đến con cái. Tương tự, ta cũng có thể thấy màu mắt của một người nào đó đen, nâu, hay xanh là cũng do yếu tố gen. Thêm một ví dụ nữa về sự di truyền của gen. Tục ngữ có câu “hổ phụ sinh hổ tử”. Câu nói đó cho ta thấy tính cách của con cái đôi khi cũng có sự tương đồng với cha mẹ của chúng ở một vài điểm. Tuy nhiên, tính cách của trẻ cũng sẽ có sự tác động

của nhiều yếu tố khác nữa như giáo dục hay môi trường xung quanh.

Trở lại vấn đề mà ta cần làm rõ, vậy gen có ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của con người hay không và nó có phải là nguyên nhân duy nhất? Dĩ nhiên, bên cạnh rất nhiều yếu tố thì gen cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến hành vi phạm tội của con người. Ví dụ, căn bệnh di truyền phenylketonuria có thể dẫn đến sự chậm phát triển về trí tuệ. Bệnh nhân khi mắc phải căn bệnh này sẽ có những hành vi quá khích. Vì vậy, nếu họ không thể kiểm chế được hành vi của mình, họ sẽ dễ dàng phạm tội. Tuy nhiên, căn bệnh này có thể chữa được bằng cách thay đổi chế độ ăn uống của người bệnh. Cụ thể là người bệnh phải theo chế độ ăn uống nghiêm ngặt không có amino acid phenylalanine ngay từ giai đoạn sơ sinh khi phát hiện ra đứa trẻ mắc phải căn bệnh này.

Tuy nhiên, gen không phải là yếu tố duy nhất có thể khiến cho con người phạm tội. Ngoài yếu tố gen đã nêu trên, bài viết cũng sẽ đề cập đến ba yếu tố nữa, đó chính là: gia đình, giáo dục và môi trường xung quanh. Đầu tiên, gia đình là một yếu tố quan trọng có thể làm cho một người nào đó phạm tội. Một đứa bé khi được sinh ra thì hoàn toàn vô tội và như một tờ giấy trắng. Do đó, những lời dạy dỗ của cha mẹ là vô cùng quan trọng bởi vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi của những đứa trẻ về sau. Ví dụ như một đứa trẻ thường xuyên phải chứng kiến cảnh cha mẹ đánh nhau hay cãi nhau liên

tục có thể bắt chước và trở thành một đứa trẻ bạo lực hoặc ăn hiếp người khác sau này. Ngoài ra, những đứa trẻ không được yêu thương, quan tâm bởi cha mẹ của chúng thì sẽ dễ dàng phạm tội hơn những đứa trẻ được sống trong tình yêu thương và ủng hộ của cha mẹ. Bên cạnh đó, giáo dục cũng có thể là một nguyên nhân dẫn đến hành vi sai trái của một người nào đó. Thông qua giáo dục, con người sẽ ý thức được cái tốt và cái xấu. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là nếu bạn có trình độ học vấn cao, bạn sẽ không thể trở thành một tội phạm. Ví dụ như hacker – cơ (hacker), họ là những người rất giỏi về tin học nhưng họ không sử dụng trí tuệ của mình để giúp ích cho mọi người. Trái lại, họ lén vào máy tính của người khác để xem hoặc thay đổi những thông tin trên hệ thống máy vi tính của người đó. Đó là hành vi trái pháp luật. Một ví dụ khác giúp cho bạn có thể hiểu rõ hơn về vấn đề này là bác sĩ Nguyễn Mạnh Tường. Anh ta làm việc tại thẩm mỹ viện Cát Tường và vừa phạm phải một tội rất là nghiêm trọng. Bác sĩ Tường đã tốt nghiệp tại một trường đại học y danh tiếng. Vì vậy, dĩ nhiên là anh ta có trình độ học vấn rất cao, nhưng anh ta đã giết chết bệnh nhân của mình và ném xác người đó xuống sông. Vấn đề cần nói trong hai trường hợp trên không phải là trình độ học vấn cao hay thấp nữa, mà nó liên quan đến đạo đức, sự cảm thông của chính mình đối với người khác và sự ích kỷ của bản thân. Cuối cùng nhưng cũng không kém phần quan trọng đó là môi trường xung quanh. Con người ta dễ bị ảnh hưởng bởi những người xung quanh mình. Nếu họ không thể giữ vững được lập trường của chính mình thì sẽ dễ bị người khác dụ dỗ, lôi kéo làm điều xấu.

Nói tóm lại, theo quan điểm của chúng tôi, chúng tôi đồng ý với ý kiến cho rằng gen có thể làm cho một số người làm những việc trái pháp luật nhưng nó không phải là yếu tố duy nhất. Hành vi của con người có thể bị ảnh hưởng bởi rất nhiều các yếu tố. Tương tự, hành vi phạm tội của con người cũng có rất nhiều nguyên nhân.

Như chúng tôi đã nêu ra ở trên, gen không là yếu tố duy nhất khiến cho con người phạm tội mà các yếu tố khác như gia đình, giáo dục và môi trường xung quanh cũng có sự tác động. Việc tìm ra giải pháp cho vấn đề trên thì không hề đơn giản. Tuy nhiên, mỗi người cần phải rèn luyện chính bản thân mình để có ý thức hơn về những việc mình làm. Quan trọng là chúng ta phải quan tâm nhiều hơn đến đời sống tâm linh để nâng cao đạo đức của bản thân, đừng nên chạy theo vật chất xa hoa mà đánh mất chính bản thân mình để dù ta có bị hay phải gần mực cũng không làm đen chính mình.■

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. [HTTP://EN.WIKIPEDIA.ORG/WIKI/GENE](http://en.wikipedia.org/wiki/gene)
2. SÁCH GIÁO KHOA SINH HỌC 12, NXB GIÁO DỤC.

#### **IS GENE A FACTOR THAT CONTRIBUTES TO PEOPLE'S COMMITTING CRIMES?**

Nowadays, our society is extremely complicated. Many people just think too much of material comforts and do not care about improving their spiritual values. It is noticeable that social evils and the number of people committing crimes are increasing day after day. In addition, many people believe that crimes committed are genetic. In this article, I am going to present the opinions of English Club about the above-mentioned matter.

First of all, we have to define what gene is. Gene is a word derived from the Greek word “genesis, which means “birth” or the word “genos”, meaning “origin”. We can understand that gene is a unit inside a cell that controls a particular quality in a living thing and has been passed on from its parents. Specifically, gene can control the physical development, behaviors and some other qualities of living creatures. For example, normally, the color of a baby skin is the combination of that of their parents’. If their parents are dark-skinned, the baby will never have white and smooth skin. This is the

genetic transmission from parents to their children. Similarly, the color of one's eyes can be affected by gene. They can be black, brown, or green. Another example is the saying "like father, like son". We can then understand that parents and their children have similarities in some characters. However, the character of the child can be also affected by many other factors like education or the environment.

Let's go back to the point that we need to make clear. Is it true that gene is the unique cause that influences people to commit an offense? Of course, besides many factors, gene can make one to carry out a wrongdoing. For example, phenylketonuria, a hereditary disease, can lead to mental retardation. The patient who suffers from this disease often shows aggressive behaviors. Therefore, if they can not control themselves, they will commit a crime easily. However, this illness can be cured gradually by changing the patient's regimen. Specifically, the patient has to be put on a strict diet of free amino acid phenylalanine from infancy when we find out the baby suffers from this disease.

Nevertheless, gene is not the unique factor that predisposes some people to criminal behavior. Besides the genetic element mentioned above, this article also presents three other factors. Those are family, education and environment. Firstly, family is also a significant factor that can make someone commit a crime. A baby is innocent like a white paper when he or she is born. Thus, parental guidance is very important, affecting directly their children's demeanour in the future. For instance, children who always see their parents fighting or quarrelling with each other may imitate and become a bully afterwards. In addition, children who do not receive enough love and care from their parents are more likely to carry out a crime than those living in a happy family with loving and supportive parents. Next, education can be a factor that

contributes to a person's wrongdoing. Through education, people can have an awareness of bad things and good things. However, it does not mean that if you have a high education, you will not become a criminal. For example, hackers are very excellent at informatics, but they do not use their knowledge to help others. In contrast, they secretly find a way of looking at or changing information on someone's computer system without any permission. This is illegal. Another example is doctor Nguyen Manh Tuong. He works at Cat Tuong beauty salon and has committed a serious crime. Dr. Tuong has graduated from a famous medical university. Of course, he has a very high education, but he has killed his patient and thrown her corpse into river. The problem of two above cases is not about good or bad education anymore, but it is related to the morality, sympathy with other people and selfishness. Last but not least, environment is another factor that can make someone commit an offense. People are easily influenced by others around them. If they cannot maintain firmly their viewpoint, they will be induced to do bad things.

In short, from our point of view, we agree that gene is a factor which can make some people become evil, but it is not the unique factor. People's behaviors can be affected by many elements. Similarly, illegal behaviors of someone also have many reasons. As we have stated our opinion, gene is not the only factor that makes some people commit a crime, but family, education, and environment also have influences on criminal offense. It is not easy to find out solutions to this problem. Nevertheless, we each should train to become aware of what we are doing. Importantly, we had better care much about our spiritual values to improve our morality, do not seek material comforts and luxury avidly in order not to lose ourselves. Despite associating with the bad, we do not ruin our morals. ■

# *bái tiên*

## ĐẠO HUYNH ĐẠT TRUYỀN VỀ PHỤC LỆNH THẦY

■ TRẦN BỬU LONG



*Đạt Truyền phủi áo bụi trần,  
Một bước thiên cung chín tầng thơ thới.  
Bầu Sen se chiếu mây hoa,  
Tam giáo nhơn gian một nhà đưa tiễn.*  
TRẦN BỬU LONG CẢN BÚT.

### PHỦI ÁO BỤI TRẦN

6 giờ sáng thứ Ba, mười hai tháng chín nhuận Giáp Ngọ (4-11-2014). Sau một đêm ở lại Cơ Quan để tịnh thời Tý và thời Mẹo, đạo huynh Đạt Truyền dắt xe ra về. Đạp máy xe hoài không nổ, huynh được các em đang phụ quán chay Định Ý nhanh nhẹn đến giúp. Vài phút sau, xe lạch bạch nổ. Vẫn nụ cười hiền từ khiêm tốn, cảm ơn các em rồi huynh Đạt Truyền chậm rãi rời Cơ Quan. Về đến nhà, huynh mở mail gửi thư cho hiền đệ Thanh Long, báo nghỉ một buổi lớp Kinh Dịch ngày thứ bảy, để chuẩn bị đi Bình Thuận, Nha Trang tiếp tục chụp hình các thánh

sở tại đây. Khoảng tám giờ sáng, huynh lại gửi mail báo tin đã tạm hoãn chuyến đi Bình Thuận.

Rồi huynh lại rời nhà chạy đi lo chuyện đạo ở đâu đó. Huynh đang tích cực chạy lo giấy tờ xin lại mấy chục hecta đất mà đạo trưởng Thiện Bảo đã hiến cho Cơ Quan ngày trước.

Khoảng gần 11 giờ trưa, khi chạy xe ngang qua dinh Thống Nhất, huynh đột ngột té ngã. Người đi đường xúm lại thì huynh đã bất tỉnh. Một người vội tìm điện thoại trong túi huynh và liên lạc được ngay với hiền muội Anh Thư (con của Huynh Huệ Khải). Anh Huệ Khải hay hung tin, liền gọi cho hiền tỷ Maria Lý Ngọc Anh – nhân viên Ban Mục vụ Đối Thoại Liên Tôn Thiên Chúa Giáo Tổng Giáo phận TP.HCM, nhờ hiền tỷ báo tin cho con của đạo huynh là linh mục bác sĩ Phêrô Giuse Maria Hà Thiên Trúc. Sau đó gọi vào Cơ Quan thì gặp được tu sinh Công Thị Út, nhờ Út sắp xếp cho tu sinh Việt và em Tuấn nhân viên quán chay Định Ý chạy gấp ra hiện trường nơi đạo huynh thọ nạn. Khi hai em ra đến nơi thì huynh đã được bà con cô bác trên đường đưa vào bệnh viện Columbia gần đó. Anh Hà Minh Phụng – anh của linh mục Hà Thiên Trúc cũng đã đến nơi. Ngay sau đó, anh Hà Minh Phụng đã cùng với tu sinh Việt chuyển đạo huynh sang bệnh viện Chợ Rẫy. Người bệnh đã rơi vào hôn mê. Bác sĩ báo chẩn đoán xuất huyết não tối cấp, và bệnh nhân có ít hy vọng qua khỏi...

Gần mười lăm năm, trên những nẻo đường dài “*cô bông vạn lý chinh*”, ngược Đà năng,

1. Trích bài thơ Tống Hữu Nhân, Lý Bạch.



Quảng Ninh; leo Pleiku, Hải Phòng; Xuôi về tận Bạc Liêu, Minh Hải... trên chiếc hon-da năm mươi phân khối, để thỏa lòng công quả, tận niềm hoài bão. Ngàn cây số chỉ tày gót chân. Bước gian truân chất ngất dững khí... Vậy mà giờ này, một đoạn đường ngăn lại níu chân trắng sí...

Huynh Đạt Truyền có người con gái thứ hai là bác sĩ Hà Thị Thanh Tuyền và con rể là bác sĩ Phạm Hữu Thiện Chí – phó khoa Ngoại tổng quát, cùng đang công tác tại bệnh viện Chợ Rẫy. Tuy nhiên, mọi cố gắng cứu chữa đều vô hiệu.

Hai mươi giờ mười lăm. Bác sĩ báo bệnh nhân Hà Văn Phủ (thế danh của hiền huynh Đạt Truyền) đã ngưng tim ngưng thở, và thân nhân làm thủ tục đưa huynh về.

Nhận được tin từ bệnh viện, tổng thư ký Cơ Quan Huệ Ý, nội chánh vụ trưởng Thiện Hạnh, nội chánh vụ phó Diệu Nguyên và một số huynh tỷ, tu sinh đã có mặt tại tư gia huynh Đạt Truyền ở đường Đinh Công Tráng, đón và đọc kinh đưa tiễn...

#### ĐƯỜNG ĐỜI ĐƯỜNG ĐẠO

Đạo huynh Đạt Truyền (thế danh Hà Văn Phủ), sanh giờ Thìn, 27-6 Mậu Dần (24-7-1938). Là con thứ mười trong một gia đình Cao Đài. Thân phụ là tiền bối Hà Văn Kỳ (1899-?), cùng với người anh ruột Hà Văn Nguyên, em ruột Hà Văn Vàng, cháu ruột Phan Văn Ngựa, bốn người trong một gia đình cùng góp tên trong tờ Khai Đạo Cao Đài, với danh sách gồm 247 vị, tại nhà của Tiên Khai Nguyễn Văn Tường ở Chợ Lớn vào ngày lịch sử của Đại Đạo, 23-8 Bính Dần (1926). Năm 1934, tiền bối Hà Văn Kỳ theo ngài Nguyễn Ngọc Tương về Bến Tre, hành đạo với chức vị giáo hữu của Ban Chính Đạo.

Hà Văn Phủ tốt nghiệp khóa ba trường Quốc Gia Thương Mại năm 1961. Năm 1962, huynh về công tác tại Tổng Nha Thuế Vụ. Tại đây, ông gặp và kết hôn với cô Đỗ Tỷ (vừa đỗ tú tài hai) năm 1964.

Năm 1965, nhập ngũ khóa 20 Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức.

Năm 1966, tốt nghiệp thủ khoa trường Bộ Binh Thủ Đức.

Những năm sau đó, dù mang cấp bậc sĩ quan trong quân đội, huynh may mắn không một ngày cầm súng, mà chỉ công tác trong Nha Thuế Vụ, lên tới hàng giám đốc.

Tháng 8-1975, chính quyền thay đổi, huynh đi “học tập” sáu tháng ở làng Cô Nhi Long Thành.

Từ năm 1977-1993, huynh Hà Văn Phủ giữ chức vụ quản đốc phân xưởng cho nhiều xí nghiệp nhựa tư doanh và quốc doanh, rồi xưởng chế biến xuất khẩu gỗ Sadaco.

1993-1999, hiền huynh giữ chức giám đốc công ty kỹ nghệ gỗ Việt Phong. Năm 1999, huynh đã sáu mươi một tuổi, lãnh lương giám đốc mỗi tháng tương đương một lượng vàng. Huynh quyết tâm xin nghỉ việc, để trọn đường tu, dốc hết tâm sức cho hoài bão.

Gốc đạo rất dày, căn phước sâu thâm, nên khi bén duyên với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý từ cuối năm 1997, từ ngày mùng 1 tháng Giêng Mậu Dần (1998), huynh Hà Văn Phủ bắt đầu giữ trường chay, quây hành trang trên hành trình nổi bước chân phụ mẫu, lập công quả, gìn công phu để quay về với Thầy với Mẹ.

Suốt con đường đạo này. Huynh Hà Văn Phủ ôm ấp một khát vọng cống hiến. Cuối năm 1998, gặp hiền huynh Huệ Khải- Lê Anh Dũng, rồi cuối năm 1999, khế hợp với hiền huynh Nguyễn Văn Tài – Đạt Linh ở Bàu Sen.

Ba anh em Đạt Linh – Nguyễn Văn Tài, Đạt Truyền – Hà Văn Phủ, Huệ Khải – Lê Anh Dũng kể từ đó, tuy chưa từng có chung chén rượu Đào Viên, chưa từng có lời thể sinh tử, nhưng đã khoác áo tri âm, nắm chung chí hướng, thắm tình bạn đạo và thủ túc chi tình. Ba anh em chung tay khởi xưởng chương trình Chung Tay Ấn Tổng kinh sách Cao Đài, mà “căn cứ địa” còn đặt ở thánh thất Bàu Sen cho tới hôm nay.

Như tráng sĩ mài gươm, thành danh với một tuyệt kỹ võ công; Hay một họa sĩ tên tuổi, dành cả đời cho chỉ một trường phái. Huynh Hà Văn Phủ sinh thời ôm ấp chỉ một hoài bão. Ông viết: “... Tôi sớm đọc được “Lược sử thánh tịnh Ngọc Điện Huỳnh Hà”, rồi “Đôi nét về một số thánh

sở tại Thành Phố và phụ cận”. Tôi ao ước muốn tìm biết Đạo Thầy có bao nhiêu thánh thất, thánh tịnh, hiện ở đâu?...”<sup>2</sup>

Thế là từ năm 1999, dài tới ngày quy thiên, huynh Hà Văn Phủ – Đạt Truyền cùng với tri âm Nguyễn Văn Tài – Đạt Linh (huynh Đạt Linh mất ngày 12-12 Mậu Tý, 07-01-2009) giông ruổi đông tây, ngược xuôi nam bắc; Vượt thác gian nan, băng ghềnh trắc trở; Núi lại xa xôi không gian, đua với vô thường thời gian, một lòng lập công bồi đức...

– Năm 2008, phát hành “Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Long An”, lúc này huynh đang là Trưởng ban Thông tin Báo chí trực thuộc Nội Chánh Vụ Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

– Năm 2009, xuất bản “Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Bến Tre”.

– Năm 2012, không còn huynh Đạt Linh, huynh Đạt Truyền một mình ra mắt “Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Tây Ninh”.

– Đầu năm 2013, trình bản thảo “Các Thánh Sở Cao Đài Tỉnh Tiền Giang”.

– Cuối năm 2013, trình bản thảo “Các Thánh Sở Cao Đài Mười Hai Hệ Phái”.

– Năm 2014, huynh lại bước độc hành cho công trình còn dang dở “Các Thánh Sở Ở Bình Thuận- Nha Trang”.

Quá trình học pháp: Trên đường thiền định, huynh có câu nói nửa vui nửa thiệt: “chưa tịnh thì không ăn”

– Tháng 12-1999, học Sơ Thiền Cửu Cửu.

– Tháng 12-2000, học Sơ Thiền Thập Nhị Cẩm Đoạn.

– Tháng 12-2001, học Nội Công Hấp Khí bậc một. Trong năm này, trên đường từ Trà Vinh về Mỹ Tho cùng với cố hiền huynh Đạt Linh, huynh bị té xe Hon-da, bị nứt xương vai, phải ở lại một năm mới lên Hấp Khí bậc hai.

– Tháng 12-2003, học Nội Công Hấp Khí bậc hai.

– Năm 2012, được Ôn Trên cho học Nhị Cơ.

2. Năm năm đi tìm thánh sở Cao Đài với Đạt Linh, trích trong “Nhớ Đạt Linh”, nhà xuất bản Tôn Giáo, 2009.

– Ngày 25-3 Giáp Ngọ (24-4-2014), học Thế Yên Pháp- Ngọc Dịch Hoàn Đơn Điền.

### CÁC LỚP GIÁO LÝ ĐÃ HỌC:

– 2006, lớp Bồi Dưỡng Giáo Lý cấp một (tương đương tu sĩ).

– 2008- 2012, học và tốt nghiệp lớp Bồi Dưỡng Giáo Lý cấp hai.

### CÔNG QUẢ:

Từ ngày dẫn bước đường tu, huynh cũng bắt đầu cuộc đua với thời gian, để hằng say cố gắng, miệt mài công quả. Ngoài việc tìm các thánh sở Cao Đài khắp mọi miền đất nước, huynh không từ nan bất cứ việc lớn nhỏ nào. Những ngày cuối cùng của đạo trưởng Chí Tín ở Cơ Quan, huynh là người cận kề sát cánh, hết lòng chăm sóc. Lên đênh trên con đường dài diễn dã để tìm cho bằng đủ mọi thánh sở của một tỉnh. Nhưng những ngày ở Sài- Gòn, nhà nhân viên nào có bệnh là có huynh Đạt Truyền thăm viếng, cúng cầu ở đâu huynh cũng gắng dành thời gian tới tụng kinh. Không tính toán phân biệt, công quả lớn nhỏ huynh đều hết lòng tận tụy.

### ÂN BAN

Ngày 17-2 Đinh Hợi (15-4-2007), vào giờ Tý, tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo.

Đức Lý Giáo Tông giảng cơ, ân ban thánh danh cho năm vị, trong đó có hai hiền huynh Nguyễn Văn Tài và Hà Văn Phủ:

*Nguyễn Văn Tài đường tu tiến đức*

*Xuống cõi trần xuôi ngược khổ đau*

*Công phu công quả dôi trau*

*Đạt Linh tên thánh phải mau đừng chờ.*

(...)

*Hà Văn Phủ lòng thiền mới tới*

*Chốn thiên cung thơ thới nhẹ nhàng*

*Bớt đi mọi thứ vương mang*

*Đạt Truyền tên thánh Lão ban cho hiền...*

### MỘT CÔI ĐI VỀ

Một người đi, mà sao vắng cả vạ nộ cười

Tam Giáo tiến, mới hay về chỉ một đường chung.

Ngày bạn tri âm, người cùng che chung hoà hảo, hiền huynh Đạt Linh về trời. Huynh Đạt Truyền đã rơi lệ:

“Ngày nay, người bạn đồng hành của hiền huynh vẫn sẽ tiếp tục con đường của hiền huynh. Nhưng thiếu vắng bạn hiền trên bước đường dã ngoại ở các nơi. Vô cùng thương tiếc. Khóc.”

Có hẹn ước hay không, mà hiền huynh cũng chọn đúng ngày mười hai (Con số của Thầy – Cũng là ngày huynh Đạt Linh quy thiên), để phủ áo trần gian.

Ngày huynh Đạt Linh “đi”, huynh Huệ Khải đã lưu bút một bài viết cảm động “Vắng một nụ cười”. Ngày huynh Đạt Truyền “về”, sẽ vắng thêm nhiều lắm những nụ cười. Vì những nụ cười luôn thường trực trên môi huynh Đạt Truyền. Mỗi ngày sóc vọng, những hôm đạo đàm, huynh luôn nán lại đằng sau bàn kinh sách để trao gửi những nụ cười hiền hậu khiêm tốn theo những trang kinh. Sau những giờ thuyết đạo, hiền huynh luôn đứng nép chờ ở đầu cầu thang, giữ nụ cười để mến ấy, chào tặng cho tới người cuối cùng bước xuống.

Vẫn những nụ cười rất mực khiêm cung này, ít khi vắng mặt ở những buổi gặp gỡ liên tôn. Những nụ cười hòa ái như hương thơm kín đáo, như làn gió mát ẩn tàng, làm ấm áp thêm tình thân ái giao nối giữa các tôn giáo...

Chính vì thế, đám tang của hiền huynh Đạt Truyền, trở thành những ngày tam giáo hiệp về Bàu Sen, chung đây một gian Nhà Thầy. Hiền muội Minh Nguyệt, người túc trực trong bốn ngày huynh lưu lại đây, cho biết đó là đám tang lớn nhất trước nay tại thánh thất Bàu Sen với số người viếng lớp lớp tầng tầng. Chúng tôi tới thăm, nghe văng vẳng giọng ngâm thanh trong như tiếng chuông, mát ngọt như suối reo của sư huynh Huệ Ý “*Khói hương nghi ngút trước linh sàng...*”. Có cuộc tiễn đưa nào, mà vang tiếng kinh Cao Đài, quỳ cầu kinh cầu siêu Phật Giáo, giao hòa với kinh tiễn đưa của Thiên Chúa Giáo, và những bài thánh ca thiên sứ...

Ngày 01-4 Ất Tỵ (01-5-1965), Mẹ dạy: “*Các con hãy tập làm những việc tâm thường để trở nên phi thường...*”

Vâng theo lời Mẹ, huynh Đạt Truyền đã tâm huyết với một việc tưởng chừng “tâm thường”, tìm

chụp hình các thánh sở Cao Đài khắp Việt Nam. Lúc này chưa có máy kỹ thuật số, huynh đã bốn lần thay xác máy. Không chỉ chụp hình các thánh sở, hành trang hiền huynh Đạt Truyền lúc nào cũng đầy ắp kinh sách. Sách Thánh giáo Cơ Quan, sách ấn tống... mang theo hoài bão ấp ủ của lời nguyện “Đại Đạo hồng khai”, được huynh ân cần trao gửi đến khắp các thánh sở xa xôi... Những việc “nhỏ” này, không chỉ góp phần làm sáng danh Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, lớn mạnh thêm chương trình Chung Tay Ấn Tống, mà còn khêu đuốc Cao Đài, thấp sáng danh Thầy, danh Đạo.

Tri chí suốt gần mười lăm năm, việc này đã kết thành một chuỗi công quả phi thường, mà nếu không có dũng khí của một người lính giỏi, thành tâm của một bậc chí tu, lão hiền huynh Đạt Truyền khó hoàn thành một công việc mà tuổi tráng niên còn ngần ngại.

Mỗi ngày đến Cơ Quan, trước giờ nhập lễ, chúng tôi sẽ ngược nhìn phía sau hàng kinh sách để tìm và để lại bắt gặp những nụ cười made in Đạt Truyền. Đến giờ tan lễ, chúng tôi rồi lại sẽ nhìn bên phải cầu thang, để hình dung vẫn còn đó dáng đứng khiêm tốn made in Đạt Truyền.

Bước chân vô thường, ai cũng một lần phải qua. Nhưng đức khiêm cung của hiền huynh vẫn sẽ còn mãi bên những nụ cười đôn hậu rất mực bao dung mỗi khi chúng tôi giở lại từng trang, từng hình huynh để lại. Đó là những trang sách và hình rất dày công lao, chất đầy tinh huyết Đạt Truyền, gửi hết lại mai sau...

Ngâm:

*Gió đông thổi rung rinh cành quế*

*Bóng tà dương chợt xế ven tường...*

(...)

*Không sờn một mảnh đờn tâm<sup>3</sup>*

*Vì Thầy vì Đạo vững cầm niềm tin...<sup>4</sup>■*

3. Chúng tôi chọn câu Thánh giáo với chữ “đơn tâm”, vì trong gia đình huynh Đạt Truyền hiện giờ, chưa có ai theo đạo Cao Đài. Ước mong sau này sẽ có người tiếp nối tâm huyết còn dang dở của hiền huynh.

4. Đức Lý Giáo Tông, giảng cơ tại Chơn Lý Đàn (Vạn Quốc Tự), 20-11 Ất Tỵ (12-12-1965).

# Để gió cuốn đi

■ TRÚC THẢO

**M**ột buổi tối cuối thu, khi không gian chìm lắng vào trong đêm tối, tôi vẫn còn thao thức đếm tiếng thời gian. Đâu đây như văng vẳng tiếng hát một bài nhạc Trịnh: “Sống trong đời sống cần có một tấm lòng, Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi, để gió cuốn đi. Gió cuốn đi cho mây qua dòng sông. Ngày vừa lên hay đêm xuống mênh mông. Ôi trái tim đang bay theo thời gian. Làm chiếc bóng đi rao lời mến thân.”<sup>1</sup>

Vâng, gió đã cuốn đi rồi một con người, với nụ cười hiền hòa, nhưng tâm trí đêm ngày không mệt mỏi. Tôi vẫn biết rồi ngày ấy sẽ đến khi nhìn vào ánh mắt ngày mỗi đục mờ vì thần sắc như đã thu vào bên trong thăm thẳm. Nhưng tôi vẫn chưa kịp, vẫn chưa xong những lời hứa và những sự chuẩn bị... Tôi thấy tiếc nuối vì đã mất đi một người đồng hành, một người luôn có mặt và nhiệt tình khi có ai cần giúp đỡ, và hơn thế nữa, tôi đã không còn được nghe những lời động viên nhắc nhở khi tôi khó khăn, lùi bước...

Ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, không ai là không biết đạo huynh Đạt Truyền. Ông là người truyền bá giáo lý qua kinh sách ấn tống, ông còn là người truyền lửa, truyền ngọn lửa nhiệt tâm và tích cực cho mọi người. Đối với ông, sách là bảo vật. Ông trân trọng sách Đạo bởi trong ấy chứa đựng những lời vàng tiếng ngọc của Ông Trên, mà ông tin rằng mọi người theo đó có thể giác ngộ, tìm về ngôi vị. Sách còn là tâm huyết của bao bậc tiền bối đã đúc kết bằng kinh nghiệm bản thân, dẫn đường soi lối cho kẻ hậu sinh. Ông đã ĐẠT được thành công khi TRUYỀN niềm đam mê sách và TRUYỀN niềm tin truyền bá giáo lý giác ngộ người đời qua kinh sách, bằng chứng là ông đã kêu gọi rất nhiều người quyên góp cho quỹ ấn tống kinh sách tại Cơ Quan và quỹ Chung tay ấn tống kinh sách tại Bàu Sen. Trao một quyển sách với một nụ cười thân ái động viên và cả tấm lòng quý mến, đó là hình ảnh đặc trưng của đạo huynh Đạt Truyền.

Ở tuổi 77, ông làm việc gấp mấy lần thanh niên. “Đâu cần đạo huynh có, đâu khó, có đạo huynh”. Tôi vẫn hay biếng lười đi cúng cầu siêu, đi tịnh nhóm. Đạo huynh là người luôn mẫu mực. Ông đi làm công quả vì tấm tình đồng đạo, vì sự quan tâm chứ không vì sự lập công bồi đức. Chẳng những thăm viếng đồng đạo khi gia đình có tang sự hay có người bệnh, ông còn quan tâm đến những người già yếu hay những đạo hữu vì lý do nào đó ít đến Cơ Quan. Bằng vài

---

1. Lời đúng của tác giả: “Làm chiếc bóng đi rao lời đối gian.”



quyển sách, một tập san mới ra, và cả qua thư điện tử, ông đã mang đến cho người nhận cả một tấm lòng. Nhìn cung cách ông đến với mọi người, tôi thấy vô cùng trân trọng. Ông đi tịnh, đó là tính kỷ luật bản thân, “không tịnh không ăn cơm”<sup>2</sup>, đó còn là niềm vui an lạc của riêng ông trong giờ phút hội hiệp cùng các Đấng Thiêng Liêng. Khi bắt đầu vào Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, vì tuổi đã lục tuần, ông quyết định không đi mà phải chạy. Sức chạy của ông, không thanh niên nào bì kịp. Đi hết 1350 Thánh sở khắp 63 tỉnh thành, ở tuổi lục tuần, khó có ai có thể làm được.

Ông rất cầu tiến nên luôn động viên và giúp đỡ các bạn trẻ đang đi học khi gặp khó khăn về

2. Phương châm của Đạo huynh Đạt Truyền khi sinh thời.

tài chánh, phương tiện, chỗ ở... Ông rất năng động nên sẵn lòng chia sẻ với mọi người khi được hỏi kinh nghiệm làm việc... Với ông, giúp đỡ mọi người một cách thiết thực là niềm vui, là thức ăn thức uống tinh thần trong đời sống đạo của ông.

Đạo huynh Đạt Truyền là một mẫu mực, là tấm gương cho mọi người về sự thực hành những điều đã học, “nói được làm được”<sup>3</sup>, “làm những việc tầm thường để trở nên phi thường”<sup>4</sup>. Tôi vẫn còn nhớ như in hình ảnh đạo huynh Đạt Truyền đẩy chiếc xe lăn khi chăm sóc Đạo Trưởng Chí Tín những ngày cuối đời. “Có ai muốn chụp hình với Đạo Trưởng không?” Ông đã làm

3. Phương châm của Đạo huynh Đạt Truyền khi sinh thời.

4. Ngày 01-4 Ất Tỵ (1-5-1965), Mẹ dạy: “Các con hãy làm những việc tầm thường để trở nên phi thường...”.

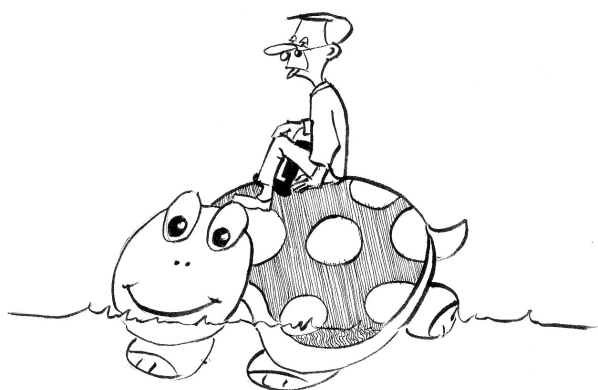
cho Đạo Trưởng khỏe thêm được vài tuần khi cười vui chụp ảnh cùng bọn trẻ. Không có Đạo huynh Đạt Truyền, chắc chắn chúng tôi không có những tấm ảnh để đời với cả hai người mà chúng tôi vô cùng kính mến.

Ngày vừa lên và đêm đã xuống mệnh mông. Trái tim ông đã ngừng đập, trái tim ông đã bay theo thời gian, “làm chiếc bóng đi rao lời mến thân”. Ông đã làm cho nhiều trái tim phải thổn thức vì thương tiếc. Tạm biệt đạo huynh. Kính chúc đạo huynh vững bước trên con đường Bồ Tát đạo, đi khắp cõi nhân gian để trao gửi thêm nhiều nụ cười, những lời động viên ân cần và những sự chân tình giúp đỡ. Chúng đệ muội sẽ luôn ghi nhớ thực hiện những lời đã hứa và sẽ tiếp nối những công việc còn dang dở của đạo huynh tại cõi trần này... ■



■ PHONG HIẾU SƯU TẦM

## CHÚ RỪA BIỂN ĐƯỢC PHÓNG SINH, 16 NĂM SAU CỨU MẠNG TRẢ ƠN!



Tại Keelung, Đài Loan, có một cửa hàng với cái tên là “Ngộ Duyên Hào”. Ông chủ Lâm vốn là một người rất tử tế, xung quanh khu vực ông sống có rất nhiều những cư dân đánh cá hay kiếm sống quanh đó.

Một ngày, ngư dân dùng lưới bắt được một con rùa lớn. Đúng lúc khi họ chuẩn bị giết làm thịt bán thì ông Lâm đi ngang qua, và thấy một đám đông vây quanh con rùa, chuẩn bị giết nó. Nhìn thấy cảnh tượng con rùa không ngừng vươn cổ cúi đầu lạy người xung quanh, hai mắt của chú rùa đầy nước mắt, dường như cầu cứu mọi người, ông Lâm đã xuất tâm từ bi, không tiếc bỏ ra một số tiền lớn để mua con rùa, đồng thời nhờ mọi người giúp đưa nó trở lại biển để phóng sinh.

Do lo lắng rằng ai đó sẽ lại bắt lấy nó và giết, vì vậy ông đã viết lên mai của rùa 5 chữ là “Gặp duyên số phóng sinh”, thông qua đó hy vọng rằng người sau sẽ từ bi, khai ân cho nó được sống tự do, đừng tùy ý giết hại nó. Sau khi viết xong họ liền đưa chú rùa ra biển phóng sinh, rất

nhiều người dân tại bãi biển lúc đó đều nhìn thấy con rùa khổng lồ nổi lên, không ngừng liên tục khấu đầu tạ ơn ông Lâm.

Mọi người chứng kiến cảnh tượng đó đều cảm thấy rất cảm động. Vì vậy, họ cũng tự hứa với nhau, nếu sau này gặp phải một con rùa lớn như vậy, thì họ sẽ không bắt, không giết và cũng không ăn. Với khẩu hiệu và phương châm “3 không” này, cho đến hôm nay nó vẫn còn được lưu giữ ở khu vực này.

Sự việc đã trôi qua 16 năm, cậu con trai thứ hai của ông Lâm đã được nhận vào trường thương nghiệp tại Đài Bắc. Trong dịp nghỉ lễ, cậu tranh thủ về thăm nhà. Lần đó, khi đang trong chuyến hành trình trở về, do thuyền đi ngược dòng biển, thật không may con tàu bị mắc cạn và chìm. Hơn 100 hành khách trên tàu, thì có tới 90 người bị dòng nước nhấn chìm.

Tại thời điểm này, con thuyền tràn đầy tiếng la hét cứu mạng, thực sự đình tai nhức óc. Con trai ông Lâm mặc dù biết bơi, nhưng do sóng biển quá lớn, anh gần như bị nhấn chìm, cố gắng nỗ lực cuối cùng để sống sót trên biển. Đột nhiên anh cảm thấy cơ thể mình như được đẩy lên bởi một vật giống như chiếc bàn tròn lớn, nhìn kỹ, thì hóa ra anh đang nằm trên lưng một con rùa, sau đó nhìn kỹ hơn, anh thấy miệng của con rùa to giống như một chậu rửa mặt. Anh chợt hoảng sợ, nghĩ rằng chẳng lẽ mình sẽ phải chôn thân trong bụng con rùa này. Vì vậy, anh định quay người nhảy xuống dòng nước, nhưng do lúc đó đã quá đuối sức, không còn sức lực nào để mà tranh đấu tiếp nữa.

Sau đó, không biết đã qua một khoảng thời gian bao lâu, khi quay lưng lại, đột nhiên anh nhìn thấy trên lưng con rùa viết đúng 5 chữ “gặp duyên số phóng sinh”. Anh mới biết rằng, con rùa biển này chính là con rùa mà cha anh đã từng cứu mạng. Đột nhiên, tâm trạng của anh bỗng chuyển từ đau thương, sợ hãi thành niềm vui vô hạn cùng sự an ủi. Hóa ra chú rùa chính

là đến cứu mình. Vì vậy, anh đã ôm con rùa biển, để cho con rùa mang mình đi, trong miệng liên tụng niệm Phật hiệu và cầu nguyện.

Con rùa rất thoải mái khuấy động bốn chân, giống như đang chèo thuyền, cố gắng chống chọi lại với sóng to gió lớn để đưa anh lên bờ. Khi vẫn còn chưa lên đến bờ, anh liền nhảy xuống vùng nước nông. Con trai ông Lâm liền hợp thập cảm tạ ơn cứu mạng của con rùa. Con rùa cũng vươn cổ lên, gật gật đầu, giống như trả lễ lại, hơn nữa còn mở miệng cố nói gì đó, phát ra âm thanh, có vẻ như rất vui vẻ hạnh phúc chúc mừng, sau đó mới quay đầu và bơi đi. Người dân trên bờ đều lo lắng vội tới chúc mừng.

Trong vụ đắm tàu lần này, chỉ có vài chục hành khách còn sống sót, sau cuộc điều tra mọi người phát hiện ra hóa ra họ thực sự đều là những người con hiếu thảo, những người phụ nữ đức hạnh, và thường ngày hay làm những việc thiện. Chúng ta có thể nhìn thấy ông Trời đều đang ban phúc lành bảo hộ cho những người lương thiện, nhân từ và tốt bụng.

Những người dân địa phương khi biết về sự việc đều rất xúc động, đồng thời từ đó họ luôn vui vẻ hành thiện, ban đầu đã có một nhà chiêm tinh xem mệnh cho ông Lâm và nói rằng ông chỉ có thể sống tới năm 70 tuổi, nhưng ông Lâm đã sống tới 88 tuổi, hơn nữa không hề có bệnh nào hết và có được một kết thúc có hậu.

Quan hệ nhân quả một chút cũng không sai chệch, trong biển trời rộng lớn này, làm sao chú rùa biển lại có thể biết được sắp có hải nạn? Và cũng làm thế nào mà nó biết được người con trai thứ 2 của ân nhân mình ngày hôm nay sẽ bị gặp nạn trên biển? Họ đều chưa bao giờ gặp nhau, vậy thì làm thế nào con rùa lại có thể tìm thấy anh ấy trên biển cả, và lại còn có thể chở anh ta trên người? Nếu như chúng ta dùng nguồn nhân lực để tìm, cũng không nhất định là sẽ có thể thành công tìm thấy anh ấy đúng không? Điều này nếu dùng thuyết Duy vật biện chứng thì không cách nào lý giải được. Linh tính của chúng sinh cùng với Phật tính thực sự đáng kinh ngạc! Rùa cũng

biết tri ân, cũng biết đền ơn đáp nghĩa, không ngại sóng to gió lớn mạo hiểm tính mạng mà đưa con trai của ân nhân an toàn trở về nhà, quả thực tinh thần này, nhân loại cũng không nhất định là có. Giá trị như vậy thật đáng để vinh danh!

Hiện nay có nhiều người cũng muốn phóng sinh, làm việc tốt với suy nghĩ đó là hành thiện sẽ có phúc báo. Cũng có người đi xem bói, thầy bói cho rằng trong năm có hạn cần phải hành thiện như phóng sinh thì mới tai qua nạn khỏi được. Thực ra, làm việc thiện hay không là ở người đó có thiện tâm hay không, nhiều người phóng sinh với suy nghĩ sẽ được phúc báo hay làm theo lời thầy bói để tai qua nạn khỏi, đó là hoàn toàn xuất phát từ tư tâm, vì bản thân mình, đó không phải thiện tâm. Người có thiện tâm thực sự là vì muốn điều tốt cho các con vật mà phóng sinh cho chúng. Khi một người có thiện tâm thì không chỉ phóng sinh, mà mỗi hành vi lời nói hay suy nghĩ đều là có thiện ở đó rồi.■



## CHỖ VỘI XÉT ĐOÁN

**N**gười ta vẫn thường nói nửa đùa nửa thật với nhau rằng: “trông vậy mà không phải vậy”. Một lời nói đơn sơ nhưng đầy triết lý cuộc sống. Có những người “đẹp người nhưng xấu nết”. Có những người miệng nói “nam mô nhưng lại một bồ dao găm”. Có những người bên ngoài làm biết bao điều thiện nhưng chỉ là tìm hư danh. Có biết bao điều diễn ra trước mắt nhưng thực



hư lại càng khó phân biệt phải trái, đúng sai. Nhà văn Pháp Pécaut đã kể một câu chuyện thật cảm động mà chính ông vẫn ân hận mỗi khi nhớ lại chuyện xưa. Ông kể rằng:

Một hôm, thằng bé trai bán diêm quẹt củ van nài ông mua giúp em một hộp diêm quẹt. Động lòng thương ông rút ví ra định mua, nhưng khổ nỗi trong túi chỉ có toàn tiền chẵn. Ông đang ngần ngại thì thằng bé nói ngay: “Không sao ông ạ, xin ông cứ vui lòng đưa tiền cho cháu, cháu sẽ chạy đi tìm chỗ đổi tiền rồi trả lại cho ông”. Thằng bé cầm tiền và chạy biến ngay về hướng cuối phố. 5 phút trôi qua, rồi 10 phút, chẳng thấy bóng dáng thằng bé quay trở lại trả tiền. Ông thất vọng và nghĩ rằng sẽ chẳng bao giờ còn tin vào những bọn lêu lổng đầu đường xó chợ như thế nữa.

Cho tới chiều tối, ông lại thấy một đứa bé hơn nữa, chỉ độ 8, 9 tuổi, khuôn mặt giống thằng ăn cắp như tặc. Nét mặt nó bộc lộ sự lo âu tuyệt vọng. Nó thỏn thức nói với ông: “Thưa ông, có phải ông đã đưa cho anh cháu một đồng tiền vàng không ạ? Đây là chỗ tiền lẻ. Chính anh cháu nhờ gửi lại cho ông. Chúng cháu đều là trẻ mồ côi nhưng không phải là bọn ăn cắp. Anh cháu không thể trao tận tay ông ngay lúc sáng là vì anh cháu đã bị xe đụng khi vội chạy đi tìm chỗ đổi tiền”. Nghe tin đó, ông đã vội vàng cùng thằng em đến gặp thằng anh đang nằm thoi thóp ở xó nhà. Vừa thấy ông thằng bé đã nói: “Em cháu đã đưa tiền lẻ cho ông rồi phải không ạ? Ông thấy không, chúng cháu đâu có phải là những đứa lừa gạt và ăn cắp”. Ông hối hận vì đã nghi oan cho một đứa trẻ thơ ngây. Có thể sự gian dối của thế gian đã làm ông không thể có cái nhìn tích cực về những gì đang diễn ra xung quanh. Ông không thể hình dung rằng: ở giữa cảnh đời nghèo khó và đau khổ đến cùng cực này mà em bé vẫn giữ được tấm lòng ngay thẳng thật thà. Em đã chết trong danh dự, còn ông đã chết trong sự xét đoán mù quáng của mình.

Đôi khi trong cuộc sống, chúng ta thường

dễ dàng kết án người khác khi chưa tìm hiểu nguyên nhân. Đã bao lần chúng ta nhìn người ăn xin ở chợ, một em bé bán vé số bên đường, một người áo quần rách nát bằng ánh mắt nghi ngờ, tẩy chay. Dù biết rằng “chiếc áo không làm nên thầy tu”, thế mà, chúng ta vẫn nhìn những người lịch sự, giàu có, chức cao quyền trọng bằng ánh mắt kiêu ngạo, kính phục và một ánh mắt nghi ngờ, khinh bỉ, dè bủ dành cho những ai bên ngoài rách rưới, bẩn thỉu. Xã hội hôm nay, người ta đang có chủ trương “thà nghi lầm còn hơn tin lầm” hay tệ hơn nữa là “giết lầm hơn bỏ sót”. Một xã hội đang mất dần vẻ thân thiện yêu thương bởi sự đa nghi dẫn đến xa lạ và dửng dưng. ■

## BẠN HAY THÙ

■ ĐIỀU THUẬN SUU TÂM



**N**gày xưa, có một người nông dân và một người thợ săn là hàng xóm của nhau. Người thợ săn nuôi một đàn chó săn rất dữ tợn và khó bảo, chúng thường nhảy qua hàng rào và rượt đuổi đàn cừu của người nông dân. Người nông dân bảo người hàng xóm của mình hãy trông nom đàn chó cẩn thận, nhưng xem ra những lời đó đều bị bỏ ngoài tai.

Một ngày nọ, đàn chó lại nhảy qua hàng rào, chúng đuổi cắn đàn cừu và làm nhiều con trong đàn bị thương nặng. Lúc này, người



nông dân không thể chịu đựng thêm nữa. Anh ta bèn lên phủ để báo quan. Vị quan phủ chăm chú lắng nghe đầu đuôi câu chuyện rồi nói: “Ta có thể phạt người thợ săn và bắt anh ta xích hoặc nhốt đàn chó lại. Nhưng anh sẽ mất đi một người bạn và có thêm một kẻ thù. Anh muốn điều gì hơn: một người bạn hay một kẻ thù làm hàng xóm của mình?” Người nông dân trả lời rằng anh muốn có một người bạn hơn. Vị quan phủ nghe vậy bèn phán: “Được, vậy ta sẽ bày cho anh một cách để vừa bảo vệ an toàn cho đàn cừu, vừa giữ được một người bạn.” Người nông dân bèn nghe theo lời chỉ dẫn của vị quan phủ.

Vừa về đến nhà, người nông dân liền thử làm theo những gì vị quan phủ đã bày cho anh ta. Anh ta bắt ba con cừu tốt nhất của mình và đem tặng chúng cho ba cậu con trai nhỏ của người hàng xóm. Đám trẻ rất vui thích quần quýt chơi đùa bên mấy con cừu. Để bảo vệ cho đồ chơi mới của lũ trẻ, người thợ săn đã làm một cái cũi chắc chắn để nhốt đàn chó. Từ đó trở đi, đàn chó không bao giờ quấy rầy đàn cừu của người nông dân nữa. Cảm kích trước sự hào phóng của người nông dân với những đứa con của mình, người thợ săn thường mang chiến lợi phẩm mà anh ta săn được sang cho người nông dân. Người nông dân đáp lại bằng thịt cừu và phô mai mà anh ta làm ra. Chỉ trong một thời gian ngắn, hai người hàng xóm đã trở thành bạn tốt của nhau.

Chúng ta biết rằng chiến tranh bao giờ cũng có thiệt hại, đổ nát, chia cách và mất mát. Cổ nhân có dạy: “Một sự nhịn chín sự lành”. Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật có dạy: “Lấy oán báo oán, oán nghiệp chập chùng. Lấy ơn báo oán, oán nghiệp tiêu tan.” Trong cuộc sống, chúng ta va chạm nhau rất nhiều qua lời nói vô tình, cử chỉ vô ý, một câu chuyện bịa đặt thêm thắt cũng có thể là nguyên nhân của lòng thù ghét oán hờn. Chúng ta cố gắng xây dựng hòa bình bằng sự chân thật và tình yêu thương. ■

# THÀNH GIÁO

(...)

Chư đệ muội gánh gồng cơ nghiệp,  
Hãy dốc lòng tạo dịp duy trì,  
Nếp xưa giáo lý phát huy,  
Tài năng sáng kiến tinh vi dồi dào.

Lòng tín đạo cốt sao hiểu đạo,  
Có hiểu rành mới bạo hy sinh,  
So sánh, phân tích, biện minh,  
Thấu cơ đạt lý, thấu tình phụng Thiên.

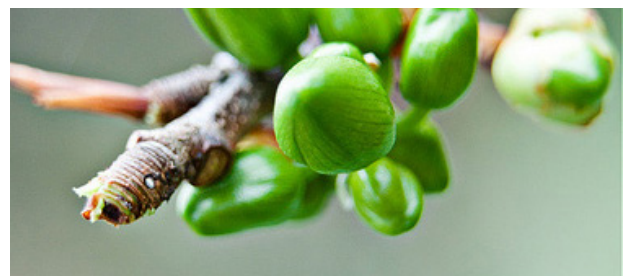
Đạo hằng tại không riêng một chỗ,  
Đạo hằng thường không bỏ mặt nào,  
Cao Đài bao quát rộng sâu,  
Đạo xưa ý mới, cốt sao vững vàng.

Đây mới thiệt Cơ Quan sứ mạng,  
Đây mới là gánh nặng tiến trình,  
Thiên ân, Giáo sĩ, Tu sinh,  
Chung hòa Nữ phái tận tình chung tâm.

Việc nghe lớn mà làm tự nhỏ,  
Chớ rộn ràng ý tỏ lao xao,  
Phân chia mọi việc trước sau,  
Chia đều mới quý, dựa vào khả năng.

Người Thiên sứ lãnh phần việc dễ,  
Kẻ bắt tài lại bẽ việc to,  
Ấy là đo sức cam go,  
Gian lao thử thách mới trò Phật Tiên.

■ ĐỨC GIÁO TÔNG VÔ VI ĐẠI ĐẠO, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 BÌNH DẪN (16-11-1986).



# TẨY ĐỘC CHO CƠ THỂ BẰNG THỰC PHẨM

## ■ THU LAN SƯU TÂM

**R**ất may là có những thực phẩm làm sạch nếu được chúng ta sử dụng đủ sẽ thực hiện việc “tổng vệ sinh” cho cơ thể. Các nhà khoa học đã kê ra một danh sách những thực phẩm có thể tẩy độc, nên dùng thường xuyên để tẩy rửa các độc tố và những tồn dư từ thức ăn.

## TỎI



Tỏi được gọi là loại củ vua, nó kích thích sự tiết selen và lưu huỳnh- là hai thành phần quan trọng nhất đối với quá trình cai nghiện. Ngoài ra, tỏi còn có 39 thành phần kháng khuẩn, chống ký sinh trùng và kháng nấm, nó không chỉ đào thải các chất độc thực phẩm mà còn khắc phục hậu quả xấu sau khi ăn phải chúng.

## RAU THƠM

Không phải ngẫu nhiên mà hàng thế kỷ nay rau thơm thường được bổ sung vào thực đơn không chỉ để tăng thêm hương vị và làm đẹp cho món ăn. Rau cần tây, mùi, rau thì là... có tác động tích cực để làm sạch hệ thống tiêu hóa.

Trong thành phần của rau thơm có chứa diệp lục tố chlorophyl- ngăn chặn sự sinh sản của các vi khuẩn độc hại. Chất này cũng giúp tập kết các độc tố và đào thải chúng ra khỏi cơ thể bằng cách tự nhiên.

## QUẢ CÓ MÚI

Nên bắt đầu một ngày mới bằng một ly nước cam tươi vắt sẽ rất tốt cho cơ thể. Một quả chanh vắt vào rau salad trộn không chỉ làm tăng hương vị cho món ăn, mà vitamin C có nhiều trong các loại quả có múi như cam, chanh, quýt, bưởi còn có tác động giải độc.

Việc tăng cường vitamin C từ thuốc uống sẽ không tốt bằng cung cấp từ nguồn trái cây tự nhiên một cách thường xuyên vừa ngon vừa bổ.

## RAU XANH

Súp lơ xanh, hành, bắp cải, măng tây, atiso, cà rốt và củ cải... nên có mặt thường xuyên trong khẩu phần ăn. Những loại rau củ này sẽ hoạt động tích cực tại tuyến tiêu hóa để loại thải những chất không cần thiết trong cơ thể.

## RONG BIỂN

Trong rong biển có những loại vi chất rất hiếm như Spirulina và Chlorella. Trên thực tế hầu như không thể tìm được chúng trong các thực phẩm thông thường.

Các nhà khoa học cho biết rong biển và các loại tảo biển khác là một trong những phương tiện làm sạch cơ thể tốt nhất. Trong thành phần của chúng có chứa chất tẩy độc có lợi cho sự miễn dịch và tình trạng sức khỏe nói chung, trong khi đa số chúng ta hiện nay ăn quá nhiều thực phẩm có tính axit hóa cơ thể.

Ngoài ra, các nhà y học còn khuyên nên ăn các loại hạt như hạt bí ngô và hạt hướng dương, dầu ô-liu, quả bơ, uống trà xanh cũng có tác dụng tẩy độc khá tốt. ■

# TÌM HIỂU BỆNH EBOLA (Ebola Virus Disease)

■ BS ĐỖ VĂN HỘI • BBT GT

**B**ệnh Ebola, trước đây còn được gọi là bệnh “sốt xuất huyết Ebola”, là một bệnh hiếm, nhưng rất nguy hiểm, có nguồn gốc từ Phi Châu do một loại siêu vi khuẩn (virus) có tên là Ebola gây ra. Virus này gây xuất huyết cơ thể (chảy máu trong người), các chức năng bộ phận cơ thể bị suy kiệt trầm trọng đưa đến cái chết rất nhanh. Bệnh có thể lây từ người này sang người khác. Hiện nay vẫn chưa có thuốc trị bệnh hữu hiệu, hoặc thuốc ngừa, tỷ lệ tử vong rất cao có thể lên đến 90%.

## NGUYÊN NHÂN VÀ CÁCH LÂY BỆNH

Nguyên nhân gây bệnh là do siêu vi khuẩn có tên Ebola (tên một con sông của nước Congo, nơi người ta tìm thấy bệnh lần đầu tiên vào năm 1976), có trên xác thú vật như loài khỉ, dơi nhân, dơi trái cây... ở Phi Châu. Một siêu vi khác có tên Marbug cũng gây ra bệnh tương tự.

Bệnh có thể lây từ súc vật qua người khi người tiếp cận với chất dịch từ con bệnh, thường từ xác thú vật có bệnh như qua đường máu, chất thải như phân, nước tiểu của thú vật hoặc dơi mắc bệnh. Bệnh có thể lây từ người qua người cùng một cách thức như nhau.

## VÒNG LÂY BỆNH

Từ thú vật hoang dã ở Phi Châu như khỉ, dơi, thú hoang lây sang người, từ người sang người hoặc thú vật, rồi lại sang cho người...

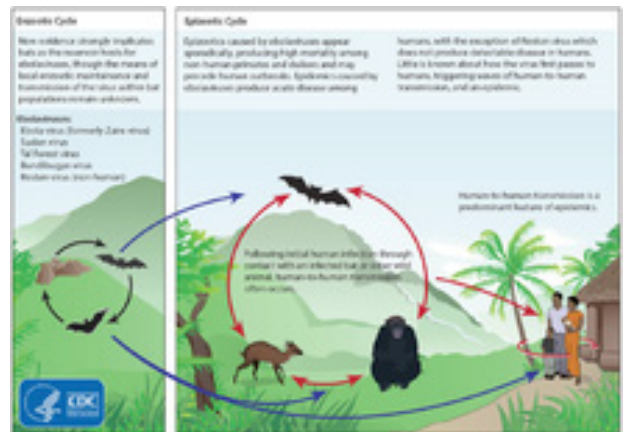
Những người chôn xác bệnh nhân nếu không mặc quần áo đặc biệt có thể lây bệnh. Chuyên viên y tế nếu không mang vải che miệng (mask), găng tay, hoặc bị kim tiêm đã dùng cho người

bệnh đâm trúng phải có thể lây bệnh. Bệnh không lây qua côn trùng như muỗi..

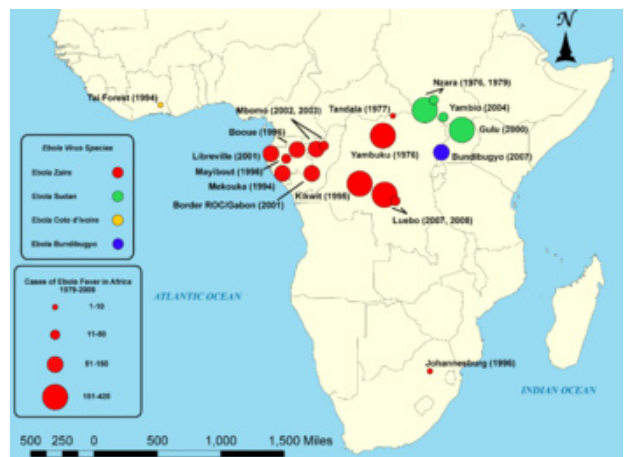
## YẾU TỐ LÀM TĂNG NGUY CƠ MẮC BỆNH

Những trường hợp sau đây làm người ta dễ có cơ hội nhiễm bệnh:

- Du lịch đến vùng có dịch bệnh (hiện nay một số nước Phi Châu đang có dịch như Liberia, Guinea, Sierra Leone, Nigeria...)
- Những chuyên viên nghiên cứu các loại thú vật đã kể trên.



VÒNG LÂY BỆNH.



ĐỊA ĐIỂM ĐANG CÓ DỊCH BỆNH TẠI PHI CHÂU

- Các chuyên viên ngành y tế trực tiếp sờ sóc bệnh nhân.
- Những người chôn xác thú vật hoặc xác người mắc bệnh.
- Thân nhân trong gia đình có người mắc bệnh.
- Người có sự đề kháng kém.
- Nếu định bệnh chậm và điều trị bắt đầu chậm, người bệnh có nguy cơ chết rất cao.

### **TRIỆU CHỨNG:**

Triệu chứng ban đầu của bệnh rất giống như các bệnh thông thường như cảm, cúm, sốt rét... nên rất khó nhận dạng.

– Triệu chứng khởi của bệnh Ebola bao gồm: Nóng sốt, ớn lạnh, nhức đầu, đau nhức bắp thịt, đau khớp xương, cơ thể suy yếu...

– Khi bệnh trở nặng hơn, người bệnh có triệu chứng: nôn, ói, tiêu chảy, mắt đỏ, nổi sẩn ngoài da, tức ngực, ho, đau bụng, sụt cân mau lẹ, xuất huyết ở mắt, mũi, tai, tím bầm ngoài da, nội xuất huyết...

### **BIẾN CHỨNG**

Bệnh có thể gây ra biến chứng rất nặng, là nguyên nhân đưa đến tử vong như: nhiễm trùng các bộ phận cơ thể, bệnh nhân suy kiệt; xuất huyết trầm trọng bên ngoài cũng như trong nội tạng (nội xuất huyết); vàng da (do xuất huyết); mê man; co giật; bị sốc (trụy tim mạch).. và dĩ nhiên là “chết”, rất khó cứu chữa.

Một biến chứng nguy hiểm khác là suy giảm hệ miễn nhiễm khiến cho cơ thể không đủ khả năng để kháng chống với siêu vi Ebola cũng như với các loại vi trùng khác.

Một số người may mắn được bình phục có thể vì hệ miễn nhiễm của họ không bị mất, sức đề kháng cao nên sống sót, nhưng số này rất ít, đa số đều chết vì suy hệ miễn nhiễm và hỏi sự điều trị quá trễ.

Người thoát chết sẽ phục hồi rất chậm, có thể nhiều tháng, trong lúc đó siêu vi khuẩn vẫn còn tồn tại trong cơ thể. Những dư chứng của những người này là suy nhược, rụng tóc, viêm gan, mệt nhọc, nhức đầu, sung dịch hoàn, sưng mắt.

### **CHẨN ĐOÁN BỆNH (DIAGNOSIS)**

Việc chẩn đoán bệnh rất khó khăn vào lúc ban đầu, như đã nói ở trên, vì triệu chứng rất giống các bệnh thông thường như cảm, cúm, sốt rét. Chỉ thử máu mới tìm ra được siêu vi Ebola.

Vì thế, một người ở trong hoàn cảnh dễ lây bệnh như vừa du lịch nơi có dịch, có cơ hội tiếp xúc với người mắc bệnh, khi có triệu chứng như sốt, nhức đầu, bác sĩ sẽ cho thử máu ngay để xác định có mắc virus Ebola hay không.

### **ĐIỀU TRỊ**

Hiện chưa có thuốc điều trị hoặc tiêu diệt vi khuẩn. Thường thường kết quả điều trị khả quan khi các nguyên tắc như sau được áp dụng:

– Điều trị thật sớm. Vì vậy nên tìm ra bệnh càng sớm càng tốt

– Người bệnh có hệ miễn nhiễm cao.

– Điều trị “chống đỡ” và điều trị những biến chứng

Người ta chỉ có thể giúp người bệnh ở tình trạng đủ sức chống cự với siêu vi và biến chứng như: truyền nước biển, huyết tương, máu tươi (nếu mất máu), giữ huyết áp bình thường, cho thở dưỡng khí đầy đủ, điều trị những biến chứng nhiễm trùng khác... Phương pháp này được gọi là “điều trị chống đỡ” (supportive treatment).

Cơ thể người mắc bệnh có thể tự tạo ra chất kháng thể (antibody) sau 10 ngày và kéo dài trong 10 năm.

### **PHÒNG BỆNH (PREVENTION)**

Để phòng là phương pháp tốt nhất và quan trọng để tránh bệnh nhiễm vi khuẩn Ebola và Marburg bằng những cách sau đây:

– Tránh không đến những vùng đang có dịch bệnh. Nếu có phải đến thì nên có những biện pháp để phòng thích nghi.

– Tránh tiếp xúc với người bệnh hoặc nếu phải tiếp xúc thì nên mặc quần áo đặc biệt chống nhiễm trùng.

– Rửa tay bằng xà phòng thường xuyên. Làm



sạch tay bằng dung dịch diệt trùng được gọi là “hand sanitizer” (vệ sinh tay); hoặc rửa bằng cồn mạnh.

– Tránh ăn thịt thú rừng, thú đi rong (nhất là thịt khỉ), vì các loại thú này dễ mang virus bệnh.

– Không tiếp xúc với xác người chết hoặc xác thú vật mắc bệnh mà không có biện pháp an toàn. Việc chôn cất xác người bệnh phải được chuyên viên vệ sinh phụ trách.

– Không để người mắc bệnh sống chung trong nhà. Người có bệnh phải được cách ly đặc biệt.

– Khi nghi là có bệnh nên đi khám bác sĩ ngay, đặc biệt nên khai rõ mình đã đến nơi nào, đã tiếp xúc với người hoặc thú vật có bệnh hay không. Nếu tìm ra bệnh sớm và được điều trị sớm, cơ may khỏi bệnh khá cao nếu bệnh nhân có miễn nhiễm tốt.

– Chuyên viên y tế cần áp dụng những phương pháp khử trùng hiệu quả (đeo khẩu trang, mặt nạ, bao tay, hoặc các dụng cụ cách trùng..)

– Những người vừa từ các vùng nghi ngờ có bệnh như ở Phi châu, hoặc có dịp tiếp xúc với người hoặc thú mắc bệnh, nếu có sốt cần phải được thử máu siêu vi ngay, hoặc cách ly.

Bệnh này không dễ lây như bệnh cúm, sởi, tiêu chảy.., do đó nếu biết cách để phòng, người ta có thể tránh được việc lây bệnh và kiểm soát được bệnh dịch.



Tóm lại, bệnh Ebola do một siêu vi trùng đặc biệt có tên Ebola (hoặc Marburg), triệu chứng ban đầu gồm sốt, nhức đầu, nôn, mửa, tiêu chảy, sau đó có các biến chứng nặng như xuất huyết, suy nhược toàn thân, tỷ lệ chết rất cao. Thử máu mới có thể xác định được bệnh. Chưa có cách điều trị và thuốc ngừa hữu hiệu, việc phòng bệnh rất quan trọng. Không nên tiếp xúc với xác thú vật hoặc người mắc bệnh. Khi có triệu chứng nghi ngờ nên gặp nhân viên y tế ngay để được thử máu và điều trị càng sớm càng tốt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Ebola disease: Mayo Clinic, WHO, CDC, Wikipedia...

## DANH TỪ Y HỌC CẦN BIẾT:

– Siêu vi khuẩn (virus): là loại vi trùng cực nhỏ, cần phải có kính hiển vi tối tân mới nhìn thấy được.

– Miễn nhiễm (immunity): là sự đề kháng của cơ thể chống lại một loại bệnh. Miễn nhiễm có được do đã tiếp xúc với bệnh, hoặc chính ngừa tạo ra kháng thể (antibody) có khả năng chống lại vi trùng khi nó xâm nhập vào cơ thể như bệnh sởi (measles), quai bị (mump), thủy đậu (rubella); tê liệt trẻ em (polio), phong đòn gánh hay sài uốn ván (tetanus), bệnh lao, bệnh cúm (flu), đậu mùa, viêm gan A, B (không có thuốc ngừa viêm gan C)...

– Xuất huyết (hemorrhagia): chảy máu do thiếu tố chất giúp đông máu vì suy gan.

– Viêm gan (hepatitis): các siêu vi trùng có thể làm cho tế bào gan tổn thương, nếu nặng gan không tạo được những chất cần thiết giúp ích cho cơ thể. Viêm gan như viêm gan A, B, C... hoặc do rượu làm chai gan, hoặc chất hóa học gây ung thư gan.

– Thử máu: có nhiều kỹ thuật thử máu để xác định một số bệnh khi tìm thấy có siêu vi, như Enzyme-linked immunosorbent assay (ELISA); Reverse transcriptase polymerase chain reaction (PCR). Chỉ một số phòng thí nghiệm lớn mới có các loại thử nghiệm này.

– Chẩn đoán (diagnosis): phương pháp xác định chính xác là có bệnh, không “đoán mò”, thường thường do kết quả của phòng thí nghiệm như phim X ray, MRI, CT Scan, thử máu, nước tiểu.

– Phòng bệnh; phòng ngừa (prevention): là phương pháp phòng ngừa không mắc bệnh, hoặc nếu đã mắc bệnh để phòng những biến chứng có thể làm giảm thiểu sự bất khiển dụng của cơ thể. Ta gọi là y khoa phòng ngừa hay phòng bệnh (Preventive Medicine).■



## NGUYÊN LIỆU:

- ½ kg bột gạo + 50g bột năng
- ½ kg dừa nạo (vắt lấy nước cốt và nước dĩa)
- 1 củ sắn lớn
- 10 tai nấm Đông Cô
- Ít nấm Mèo
- 4 củ hành tím (hương)
- 2 miếng đậu hũ trắng
- 2 miếng hũ ky non
- Một ít tiêu xay
- Bột nêm

## CÁCH LÀM:

Có hai giai đoạn: 1. Hấp bột, 2. Làm nhân

### 1. HẤP BỘT:

Bột gạo và bột năng trộn chung, cứ 1 chén bột là 2 chén nước dừa, cho 1 muỗng súp bột nêm vào khuấy cho tan đều. Bắc xửng hấp lên, đợi nước sôi, cho phân nửa bột vào khuôn, đặt vào xửng, hấp khoảng 15 phút lấy đũa xâm lên mặt bột, kể cho bột còn lại vào hết khuôn, hấp tiếp khoảng 30 phút, lấy chiếc đũa xâm thử vào bột; thấy đũa không còn dính bột và hơi trong là bột đã chín rồi.

### 2. LÀM NHÂN:

Củ sắn lột vỏ rửa sạch, cắt hạt lựu. Nấm đông cô ngâm nước cho mềm, rửa sạch, cắt hạt lựu, nấm mèo ngâm nước cắt sợi, củ hành tím cắt hạt lựu, đậu hũ trắng xẻ làm 3 chiên vàng cắt hạt lựu, hũ ky cũng chiên vàng cắt hạt lựu. Bắc chảo lên bếp cho 3 muỗng súp dầu, cho củ hành vào xào hơi vàng, cho nấm đông cô vô xào cho săn, cho củ sắn đã cắt xào cho ráo nước, cho đậu hũ, hũ ky, nấm mèo, xào cho đều, cho 1 muỗng súp bột nêm vào trộn đều, nêm lại cho vừa ăn, tắt lửa, cho ½ muỗng cà phê tiêu. Cho nhân lên mặt bột đã hấp chín là dùng được.

Bánh muốn ngon thì bột phải dẻo, cần hấp trước. Muốn sáng ăn, thì tối phải hấp, bột sẽ ráo, ăn rất ngon và béo. Ăn bánh đúc mặn cần có nước mắm tỏi ớt và đồ chua.

### CÁCH LÀM NƯỚC MẮM:

- 1 chén nước sôi (hoặc nước dừa nấu sôi)
- 3 muỗng súp đường vàng
- ½ muỗng cà phê muối
- Non ½ chén nước mắm
- 1 trái chanh
- Tỏi ớt băm
- Ít đồ chua ngâm dấm đường

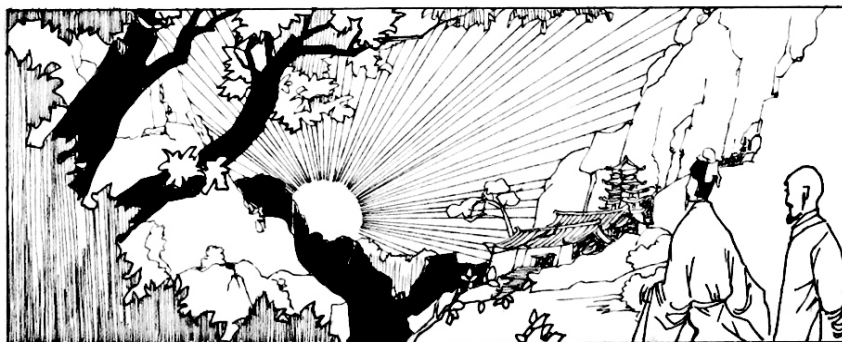
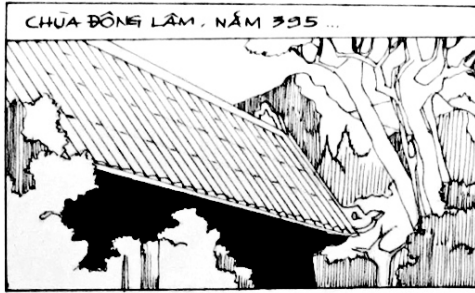
Chúc quý vị làm thành công món bánh đúc. ■



# TRUYỆN TRANH PHÓNG TÁC

## Cầu giáo & Diệt ngã

■ CỘ TRẮNG



\* CHÚ THÍCH : TAM DỊCH : TRÁI MUỐN NGĂN ĐẢN TỬ SANH / THÂN LÀ CÁI GIÁ MƯỠN DANH Ở TRẦN / KÉ MẸ LÂM TƯỚNG CHỦ NHÂN / ĐỒN LAI ĐIỂN MỤC TUY GÂN THÀNH XA.

# THEO DÒNG ĐẠO SỰ

## ■ THANH HIỂN

**30-6 GN (26-7-14)** Phái đoàn Ngoại Giao Vụ Cơ Quan dự lễ kỷ niệm 40 năm tái thiết Thánh tịnh Bửu Quang Đền – Cần Giuộc.

**02-7 GN (28-7-14)** Đạo huynh Thiện Nguyên dự lễ Khánh thành Thánh thất Thanh An (Đập Đá – Bình Định).

**03-7 GN (29-7-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn dự Đại hội Đại biểu Nhơn sanh nhiệm kỳ V của Ban Đại Diện Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài – Gò Vấp.

Cùng ngày, lúc 15g, phái đoàn Cơ Quan đi điều tang đạo tử Huyền Như Thủy (Minh Lý Thánh Hội).

**25-7 GN (20-8-14)** Phái đoàn Cơ Quan dự lễ điều tang hiển thể Đạo huynh Huỳnh Văn Minh – nhân viên Nội Chánh Vụ, tại tư gia Q10.

**01-8 GN (25-8-14)** Phái đoàn Cơ Quan dự lễ điều tang thân phụ Đạo tử Xuân Mai tại tư gia quận Phú Nhuận.

**02-8 GN (26-8-14)** Cơ Quan tiếp phái đoàn GS TS Nguyễn Quang Hưng, trường Đại học KHXH&NV (Hà Nội)

**05-8 GN (29-8-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn dự buổi họp mặt các chức sắc, nhà tu hành do UB MTTQ.Q.I tổ chức.

**12-8 GN (5-9-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn đi điều tang thân phụ Đạo tử Ngọc Thu, nhân viên Ngoại Giao Vụ, tại tư gia.

**13-8 GN (6-9-14)** Đạo tử Diệu Thuận, đại diện Cơ Quan dự lễ khai giảng năm học mới tại trường Vừa Học Vừa Làm 15-5.

**21-8 GN (14-9-14)** Đạo huynh Chí Thật, Vụ phó 1 Ngoại giao vụ Cơ Quan, tham dự Đại hội Nhơn sanh nhiệm kỳ 2 (2014-2019) tại Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, Q8.

**22-8 GN (15-9-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn đi điều tang Đạo tử Diệu Hòa – Chủ tịch Nữ Chung Hòa Vĩnh Nguyên Tự – thân mẫu Đạo tử Nghi Dung (nhân viên vụ Nữ Chung Hòa) tại tư gia (Cần Giuộc – Long An).

**23-8 GN (16-9-14)** Phái đoàn Cơ Quan dự lễ Khai Tịch Đạo 23-8 tại Nam Thành Thánh thất, Q1. Đạo tử Diệu Nguyên thuyết trình đề tài “Văn hóa Cao Đài kế thừa và phát huy văn hóa đạo đức dân tộc”.

**27-8 GN (20-9-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thơ Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn dự lễ Khánh đản Đức Khổng Thánh Tiên Sư tại Thánh tịnh Minh Kiến Đài, Gò Vấp.

**08-9 GN (02-10-14)** Ngoại giao Vụ Cơ Quan đề cử Đạo huynh Thanh Vân, Đạo tử Ngọc Thu dự lễ Trùng Cửu tại Thánh tịnh An Thiên – Vĩnh Long.

**14-9 GN (07-10-14)** Đạo huynh Chí Thật, Đức Nhẫn cùng một số nhân viên Cơ Quan dự lễ kỷ niệm lần thứ 79 và ra mắt Ban cai quản nhiệm kỳ 2 (2014-2019) tại Thánh Tòa Vô Vi Huỳnh Quang Sắc, Q8.

**19-9 GN (12-10-14)** Đạo huynh Thanh Hiển, Thanh Vân, Đạo tử Ngọc Thu đại diện Ngoại Giao vụ CQ dự lễ kỷ niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, trùng dịp lễ kỷ niệm thành lập Thánh thất Minh Tân Cao Tiên Đền, Q8. Đạo tử Diệu Nguyên được mời thuyết trình đề tài “Đại ơn cứu độ của Đức Bồ Tát Quán Thế Âm”.

**26-9 GN (19-10-14)** Lúc 15g, Giáo Sĩ Huệ Ý, Đạo huynh Minh Tiến, Chí Thật, Minh Đức tiếp Giáo sư Michael (người Mỹ, giảng dạy tại Đại học Singapore) đến tìm hiểu về đạo Cao Đài.

**27-9 GN (20-10-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Đức Nhẫn, Ngoại giao Vụ phó, dẫn đầu cùng với các Đạo tử Thanh Vân, Đạo tử Bạch



Cúc, Ngọc Thu tham dự lễ kỷ niệm 40 năm tái thiết Chiếu Minh Ấn Giáo (Cần Thơ) và tri ân Tiên Bối.

**03-9N GN (26-10-14)** Phái đoàn Cơ Quan do Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý làm trưởng đoàn dự lễ diếu tang Đạo tỷ Ngọc Tuệ Hương – hiền nội Đạo huynh Thuận Quang Tinh, tịnh viên Cơ Quan – tại tư gia (Tiền Giang).

**04-9N GN (27-10-14)** Đạo huynh Tổng Thư Ký Cơ Quan Huệ Ý cùng với Trưởng Tập đoàn Giáo sĩ, Giáo sĩ Hồng Mai cùng các em Tu sĩ dự buổi Hội ngộ Liên tôn với chủ đề “Trao nhau niềm vui hưởng thụ” tại Trung tâm Mục Vụ Liên Tôn Tổng Giáo phận TP.HCM, 6 Bis Tôn Đức Thắng Q.1.

**14-9N GN (06-11-14)** Phái đoàn Cơ Quan đến viếng lễ tang Đạo huynh Đạt Truyền (Trưởng ban Thông tin Báo chí Nội Chánh Vụ) tại Thánh thất Bàu Sen, Q.5.

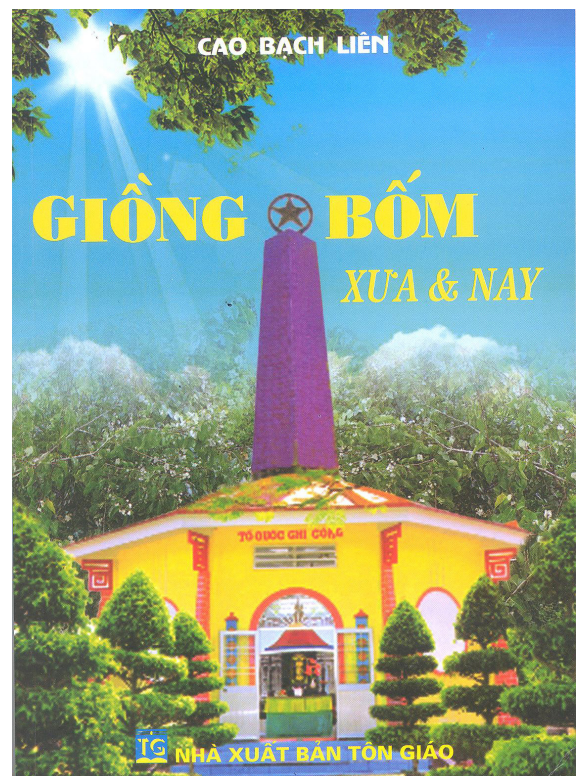
**17-9N GN (09-11-14)** Đạo tỷ Diệu Thuận được Cơ Quan đề cử tham dự lễ kỷ niệm 84 năm ngày thành lập Mặt Trận Dân tộc VH thống nhất và ngày Hội đoàn kết toàn dân tộc khu phố văn hóa 5, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1.

**18-9N GN (10-11-14)** Đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý và Đạo huynh Ngoại giao Vụ phó Chí Thật tháp tùng cùng tổ chức Liên giao các Hội Thánh Cao Đài dự lễ diếu tang Chị Lớn Hương Tranh (Hội Thánh Ban Chính Đạo Bến Tre).■

## GIỚI THIỆU SÁCH

Để chào mừng lễ kỷ niệm 90 năm đạo Cao Đài và 70 năm Mặt Trận Giồng Bóm, tác giả Cao Bạch Liên vừa ấn hành quyển sách mới nhan đề “Giồng Bóm Xưa và Nay” và đã gửi tặng một số quyển cho Thư viện Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo. Kính mời quý huynh tỷ đệ muội nhân viên Cơ Quan có quan tâm đến vấn đề này đến thư viện Cơ Quan tìm đọc.

Xin cảm ơn.■



## THÁNH GIÁO

Điều mà Bản Đạo vui mừng nhưt là thế hệ tiếp nối tiến hóa hiện tại trong Đại Đạo. Sự hiến dâng của những tâm hồn ngây thơ trong trắng đã làm đẹp lòng Chí Tôn Từ Phụ trong lúc này. Bản Đạo ước mong những tay thợ vườn của khu vườn Đại Đạo khéo tay vun quén để còn các bước chân sau tiếp nối trong công cuộc cứu độ. Bản Đạo cũng thay lời chư Tiên Khai Đại Đạo để lời khuyến nhủ các trò phải cố gắng trên công trình, trên chánh đạo, vì sứ mạng trong tương lai sẽ ban trao cho những ai biết nhận lãnh sứ mạng.

■ ĐỨC ĐÔNG LÂM TIÊN TRƯỞNG, CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ, 15-10 ĐÌNH TÝ (25-11-1977).